

Nikon

MÁY ẢNH SỐ

D5

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

- Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn này trước khi sử dụng máy ảnh.
- Để đảm bảo sử dụng đúng máy ảnh, phải đọc phần "Vì Sự An Toàn Của Bạn" (trang xii).
- Sau khi đọc tài liệu hướng dẫn này, hãy để nó ở nơi dễ lấy để tham khảo trong tương lai.

Vì

Để tận dụng máy ảnh hiệu quả nhất, hãy đọc kỹ đầy đủ các hướng dẫn và để ở nơi tất cả những ai sử dụng máy sẽ đọc.

Biểu Tượng và Quy Ước

Để tìm thông tin bạn cần dễ dàng hơn, những biểu tượng và các quy ước sau đây được sử dụng:



Biểu tượng này thể hiện cảnh báo; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng để tránh làm hỏng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện các ghi chú; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện tham chiếu tới các trang trong tài liệu hướng dẫn này.

Các mục menu, tùy chọn và thông báo hiển thị trên màn hình máy ảnh được hiện ở dạng in **đậm**.

Máy ảnh này có các mô-đen tương thích XQD- và CompactFlash. Hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn này giả định việc sử dụng thẻ nhớ XQD, nhưng việc sử dụng của cả hai mô-đen đều giống nhau.

Cài Đặt Máy Ảnh

Các giải thích trong tài liệu hướng dẫn này giả định các thiết lập mặc định được sử dụng.

Hỗ trợ người dùng Nikon

Nếu bạn cần hỗ trợ gì về kỹ thuật sử dụng (các) sản phẩm Nikon của bạn, hãy liên hệ với một trong những đại diện của Nikon. Để biết thông tin về đại diện Nikon trong khu vực của bạn, hãy truy cập

<http://www.nikon-asia.com/support>.



Vì Sự An Toàn Của Bạn

Trước khi sử dụng máy ảnh lần đầu tiên, đọc các hướng dẫn an toàn trong “Vì Sự An Toàn Của Bạn” (📖 xii–xv).

D5-a (XQD Card Type)

D5-b (CF Card Type)

Thành Phần Trong Hộp

Đảm bảo tất cả các mục được liệt kê ở đây có trong máy ảnh của bạn.



- Máy ảnh số D5 (📖 1)

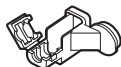


- Nắp thân máy BF-1B (📖 25, 429)



- Nắp ngàm gắn phụ kiện BS-3 (📖 14)

- Pin sạc Li-ion EN-EL18c (với nắp phủ đầu cắm) (📖 19, 22)
- Bộ sạc pin MH-26a với cáp nguồn và hai bộ bảo vệ tiếp xúc (hình dạng cáp nguồn phụ thuộc vào quốc gia bán hàng; 📖 19, 470)



- Kẹp cáp USB (📖 278)

- Cáp USB UC-E19 (📖 278, 283)
- *Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng* (hướng dẫn này)



- Kẹp cáp HDMI (📖 286)

- Dây đai AN-DC15 (📖 19)
- Bảo hành
- *Hướng Dẫn Mạng*

Thẻ nhớ được bán riêng. Máy ảnh mua ở Nhật Bản hiển thị menu và thông báo chỉ bằng tiếng Anh và tiếng Nhật; không hỗ trợ các ngôn ngữ khác. Chúng tôi rất tiếc vì bất kỳ bất tiện nào gây ra bởi việc này.

ViewNX-i và phần mềm Capture NX-D

Sử dụng ViewNX-i để chỉnh ảnh hoặc sao chép ảnh vào máy tính để xem. ViewNX-i có sẵn để tải về từ trang web sau:

<http://downloadcenter.nikonimglib.com/>

Sử dụng Capture NX-D để chỉnh ảnh đã được sao chép sang máy tính và chuyển ảnh NEF (RAW) sang định dạng khác. Có thể tải về Capture NX-D về từ: **<http://downloadcenter.nikonimglib.com/>**

Bạn cũng có thể truy cập trang web này để có các thông tin mới nhất về phần mềm Nikon, bao gồm cả các yêu cầu hệ thống.

Mục lục

Vì Sự An Toàn Của Bạn	xii
Chú ý	xvi

Giới thiệu **1**

Tim Hiểu Máy Ảnh	1
Thân Máy Ảnh	1
Bảng Điều Khiển Hàng Đầu	6
Bảng điều khiển phía sau	8
Hiển Thị Kính Ngắm	10
Sử dụng màn hình cảm ứng	12
Nắp ngăn gắn phụ kiện	14

Hướng dẫn thao tác **15**

Menu Máy Ảnh	15
Sử Dụng Menu Máy Ảnh	16
Các Bước Đầu Tiên	19
Gắn dây đeo máy ảnh	19
Sạc Pin	19
Lắp Pin	22
Lắp Thấu Kính	25
Cài Đặt Cơ Bản	27
Lắp Thẻ Nhớ	30
Định Dạng Thẻ Nhớ	33
Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm	35
Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại	37
Mức Pin Và Số Phơi Sáng Còn Lại	37
Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh	39
Lấy nét và chụp	40
Xem ảnh	42
Xóa Các Bức Ảnh Không Mong Muốn	43

Lấy nét tự động.....	48
Lấy Nét Bằng Tay.....	50
Sử dụng nút i	51
Chế độ im lặng.....	54
Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp	56
Hiển Thị Thông Tin	57

Phim**59**

Ghi phim	59
Danh mục	63
Sử dụng nút i	63
Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp	65
Độ Dài Tối Đa	67
Hiển Thị Thông Tin	68
Xén phim.....	69
Chụp Ảnh Trong Chế Độ Phim.....	71
Phim tua nhanh thời gian.....	74
Xem Phim	80
Chỉnh Sửa Phim.....	82
Cắt Xén Phim	82
Lưu Khuôn Hình Đã Chọn	85

Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh**87**

Vùng hình ảnh	87
Chất Lượng Hình Ảnh	92
Cỡ hình ảnh	95
Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ.....	97

Lấy nét tự động	98
Chế Độ Lấy Nét Tự Động	101
Chế độ vùng AF	104
Chọn Lựa Điểm Lấy Nét.....	108
Khóa Lấy Nét	111
Lấy Nét Bằng Tay	114

Chế Độ Nhả**116**

Chọn Chế Độ Nhả	116
Chọn chế độ nhả nhanh	119
Chế Độ Hẹn Giờ	120
Chế Độ Gương Nâng Lên	122

Độ nhạy ISO**124**

Điều chỉnh Bằng Tay	124
Kiểm Soát Độ Nhạy ISO Tự Động	126

Phơi sáng**129**

Đo sáng	129
Chế độ phơi sáng.....	131
P: Tự Động Được Lập Trình.....	133
S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập	134
A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính	135
M: Bằng tay	136
Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chỉ Chế Độ M)	138
Tốc Độ Cửa Trập Và Khóa Độ Mở Ống Kính	140
Khóa tự động phơi sáng (AE)	141
Bù Phơi Sáng	143
Chụp bù trừ.....	146

Tùy Chọn Cân Bằng Trắng.....	159
Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	162
Chọn Nhiệt Độ Màu	165
Cài đặt trước bằng tay	168
Chụp Ảnh Với Kính Ngắm	169
Xem Trực Tiếp (Cân Bằng Trắng Điểm)	173
Quản Lý Thiết Lập Sẵn.....	176

Tăng Cường Hình Ảnh

Picture Control	179
Chọn Picture Control	179
Sửa Đổi Picture Control.....	181
Tạo Picture Control Tùy Chọn	184
Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng	187
D-Lighting hoạt động.....	187
Dải Nhảy Sáng Cao (HDR)	189

Chụp Ảnh Có Đèn Nháy

Sử Dụng Đèn Nháy.....	194
Chụp ảnh với đèn nháy trên máy ảnh	197
Chế Độ Đèn Nháy	198
Bù đèn nháy.....	200
Khóa FV	202
Chụp Ảnh Có Đèn Nháy Từ Xa.....	204
Cài đặt	205
Chụp Ảnh.....	209
Xem Thông Tin Đèn Nháy	216

Tùy Chọn Chụp Khác

220

Nút 	220
Nút 	223
Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định	224
Giảm Nhấp Nháy	227
Đa phơi sáng	229
Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian	236
Thấu Kính Không CPU	243
Dữ liệu vị trí	246

Thông Tin Thêm Về Phát Lại

248

Xem Ảnh	248
Phát Lại Khuôn Hình Đầy	248
Phát Lại Hình Thu Nhỏ	248
Điều Khiển Phát Lại	249
Sử dụng màn hình cảm ứng	251
Nút 	253
Thông Tin Ảnh	254
Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại	263
Bảo Vệ Ảnh Khỏi Bị Xóa	265
Xếp Hạng Ảnh	267
Xóa Ảnh	268
Phát Lại Khuôn Hình Đầy Hoặc Phát Lại Hình Thu Nhỏ	268
Menu Phát Lại	270

Ghi chú bằng giọng nói

272

Ghi Ghi Nhớ Giọng Nói	272
Trong Khi Phát Lại	272
Trong Quá Trình Chụp	273
Mở Ghi Nhớ Giọng Nói	276

Cài đặt ViewNX-i.....	277
Sao Chép Ảnh vào Máy Tính	278
Ethernet và Mạng Không Dây	281
In ảnh	283
Kết Nối tới Máy In	283
In Từng Ảnh Một	284
In Nhiều Ảnh	285
Xem Ảnh Trên TV	286
Tùy Chọn HDMI.....	287

Hướng Dẫn Menu

Mặc Định.....	289
 Menu Phát Lại: Quản Lý Hình Ảnh	298
Thư Mục Phát Lại	299
Ẩn hình ảnh	299
Tùy Chọn Hiển Thị Phát Lại	300
Sao Chép (các) hình Ảnh.....	301
Xem lại hình ảnh	304
Sau Khi Xóa	305
Sau Khi Chụp Liên Tiếp, Hiển Thị	305
Xoay hình ảnh tự động.....	306
Xoay Đọc.....	306
Trình chiếu	307
 Menu Chụp Ảnh: Các Tùy Chọn Chụp	309
Tập Hợp Menu Chụp Ảnh.....	310
Tập Hợp Menu Ảnh Mở Rộng	311
Thư mục lưu trữ.....	312
Đặt tên tệp	314
Không Gian Màu	315
Giảm nhiễu phơi sáng lâu (Giảm Nhiễu Phơi Sáng Lâu)	315
Giảm nhiễu ISO cao	316
Điều Chỉnh Họa Tiết	316
Điều Khiển Biến Dạng Tự Động	317

 Menu ghi phim: Tùy Chọn ghi phim	318
Đặt lại menu quay phim	319
Đặt tên tệp.....	319
Đích	319
Cài đặt độ nhạy ISO phim	320
Cân bằng trắng.....	320
Đặt Picture Control.....	321
Quản lý Picture Control	321
Độ nhạy micrô.....	321
Đáp Tuyến Tần Số.....	321
Giảm nhiễu do gió.....	322
Giảm nhiễu ISO cao.....	322
Giảm nhấp nháy	322
Chống rung điện tử.....	322
 Cài Đặt Tùy Chọn: Tinh chỉnh Cài Đặt Máy Ảnh	323
Tập Hợp Cài Đặt Tùy Chọn	325
a: Lấy nét tự động.....	327
a1: Chọn ưu tiên AF-C.....	327
a2: Chọn ưu tiên AF-S	328
a3: Theo dõi lấy nét với khóa bật	328
a4: Dò tìm khuôn mặt theo dõi 3D	329
a5: Vùng xem theo dõi 3D	329
a6: Số điểm lấy nét.....	329
a7: Lưu trữ theo hướng	330
a8: Kích hoạt AF	331
a9: Giới hạn chọn chế độ vùng AF	331
a10: Hạn chế chế độ lấy nét tự động	332
a11: Vòng quanh điểm lấy nét	332
a12: Tùy Chọn Điểm Lấy Nét.....	333
b: Đo sáng/phơi sáng	333
b1: Giá trị bước độ nhạy ISO.....	333
b2: Bước EV cho đ.khiển phơi sáng	333
b3: G.trị bước bù ph.sáng/bù đ.nháy	333
b4: Bù phơi sáng dễ dàng	334
b5: Đo Sáng Ma Trận.....	335
b6: Vùng ưu tiên trung tâm.....	335
b7: Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu	335

c: Hẹn giờ/khóa AE	336
c1: Nút nhả cửa trập AE-L	336
c2: Hẹn giờ chờ.....	336
c3: Tự hẹn giờ.....	337
c4: Độ Trễ Tắt Màn Hình	337
d: Chụp/hiển thị.....	338
d1: Tốc Độ Chụp Liên Tục.....	338
d2: Nhả liên tục tối đa.....	338
d3: Giới hạn chọn chế độ nhả	339
d4: Tùy chọn chế độ nhả đồng bộ	339
d5: Chế Độ Trễ Phơi Sáng	339
d6: Cửa Trập Màn Trước Điện Tử.....	340
d7: Chuỗi Số Tệp	340
d8: Hiển thị lưới kính ngắm	341
d9: Chiếu sáng LCD.....	342
e: Chụp Bù Trừ/Đèn Nháy	343
e1: Tốc độ đồng bộ đèn nháy	343
e2: Tốc Độ Cửa Trập Đèn Nháy.....	344
e3: Bù phơi sáng cho đèn nháy	344
e4: Đ.khiển t.động độ nhạy ISO ⚡.....	344
e5: Đèn Nháy Tạo Mô Hình	345
e6: Chụp bù trừ tự động (chế độ M)	345
e7: Thứ Tự Chụp Bù Trừ.....	345
f: Điều khiển	346
f1: Chỉ định điều khiển tùy chọn.....	346
f2: Nút trung tâm đa bộ chọn	357
f3: T.độ c.trập & khóa độ mở ố.kính	358
f4: Tùy chọn đĩa lệnh	359
f5: Đa bộ chọn.....	361
f6: Nhả Nút để Sử Dụng Đĩa Lệnh.....	361
f7: Đảo ngược các chỉ báo	361
f8: Tùy chọn nút xem trực tiếp.....	361
f9: Công tắc ⚡.....	362
g: Phim	362
g1: Chỉ định điều khiển tùy chọn.....	362

 Menu Cài Đặt: Cài Đặt Máy Ảnh.....	367
Định dạng thẻ nhớ	368
Ngôn ngữ (Language)	368
Múi giờ và ngày	369
Độ sáng màn hình	369
Cân bằng màu màn hình.....	370
Đường chân trời ảo	371
Hiển thị thông tin.....	372
Tinh chỉnh AF.....	373
Ảnh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt	375
Bình luận hình ảnh	377
Thông Tin Bản Quyền.....	378
IPTC	379
Tùy chọn ghi nhớ giọng nói.....	382
Bíp.....	384
Điều khiển chạm	384
Tùy Chọn Từ Xa Không Dây (WR)	385
Chỉ định cho nút Fn đkh t.xa (WR)	386
Khóa nhả khe trống.....	387
Thông tin pin	388
Lưu/tải cài đặt.....	389
Đặt Lại Tất Cả Cài Đặt	391
Phiên bản vi chương trình	391
 Menu Sửa Lại: Tạo Bản Sao Sửa Lại.....	392
Xử lý NEF (RAW)	395
Xén	397
Định cỡ lại	398
D-Lighting.....	400
Điều chỉnh mắt đỏ	401
Làm thẳng.....	401
Điều Khiển Biến Dạng	402
Điều khiển phối cảnh	403
Hiệu ứng bộ lọc	403
Đơn sắc	404
Lớp Phủ Hình Ảnh.....	404
Đặt Cận Nhau Để So Sánh.....	407
 Menu Của Tôi/  Cài Đặt Gần Đây.....	409

Các Thấu Kính Tương Thích	413
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)	420
Các Phụ Kiện Khác	426
Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC	432
Chăm Sóc Máy Ảnh	434
Bảo quản	434
Lau chùi	434
Bộ Lọc Qua Chậm	435
“Làm sạch ngay bây giờ”	435
“Làm sạch khi khởi động/tắt”	436
Làm Sạch Bằng Tay	437
Thay Thế Pin Đồng Hồ	441
Chăm Sóc Máy Ảnh Và Pin Sạc: Cảnh báo	443
Chương Trình Phơi Sáng	447
Xử lý sự cố	448
Pin sạc/Màn hình hiển thị	448
Chụp	448
Phát Lại	452
Khác	453
Thông báo lỗi	454
Thông số kỹ thuật	460
Cân chỉnh pin	470
Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt	473
Dung Lượng Thẻ Nhớ	475
Tuổi Thọ Pin	478
Danh mục	480

Vì Sự An Toàn Của Bạn

Để tránh làm hỏng sản phẩm Nikon hoặc gây thương tích cho chính mình hay cho người khác, hãy đọc đầy đủ các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi sử dụng thiết bị này. Hãy giữ những hướng dẫn an toàn này ở nơi tất cả những ai sử dụng sản phẩm sẽ đọc chúng.

Hậu quả có thể xảy ra do việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được liệt kê trong phần này được chỉ báo bằng biểu tượng sau đây:



Biểu tượng này đánh dấu cảnh báo. Để tránh chấn thương có thể xảy ra, hãy đọc tất cả các cảnh báo trước khi sử dụng sản phẩm Nikon này.

■ CẢNH BÁO



Đề khuôn hình tránh ánh nắng mặt trời

Đề khuôn hình tránh xa khỏi ánh nắng mặt trời khi chụp các đối tượng bị ngược sáng. Ánh sáng mặt trời tập trung vào máy ảnh khi mặt trời ở trong hoặc gần khuôn hình có thể gây cháy hình.



Không nhìn vào mặt trời qua kính ngắm

Nhìn mặt trời hoặc nguồn sáng mạnh khác thông qua kính ngắm có thể làm giảm thị lực vĩnh viễn.



Sử dụng điều khiển điều chỉnh đốt kính ngắm

Khi sử dụng điều khiển điều chỉnh đốt kính ngắm với mắt nhìn vào kính ngắm, cần cẩn thận để không vô tình đặt ngón tay của bạn vào mắt.



Tắt ngay lập tức trong trường hợp sự cố

Nếu bạn nhận thấy có khói hay mùi bất thường trong thiết bị hoặc bộ đổi điện AC (có riêng), rút phích cắm bộ đổi điện AC và tháo pin sạc ngay lập tức, cẩn thận để không bị bỏng. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây thương tích. Sau khi tháo pin sạc, mang máy đến Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.



Không tháo rời

Việc chạm vào các bộ phận bên trong của máy có thể gây thương tích. Trong trường hợp sự cố, việc sửa chữa phải do kỹ thuật viên có trình độ thực hiện. Trong trường hợp máy bị vỡ do bị rơi hoặc sự cố khác, tháo pin sạc và bộ đổi điện AC sau đó mang máy tới Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.

⚠ Không sử dụng ở nơi có khí dễ cháy
Không sử dụng thiết bị điện tử ở nơi có khí dễ cháy, vì điều này có thể gây nổ hoặc cháy.

⚠ Để xa tầm tay của trẻ nhỏ
Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể gây thương tích. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng các bộ phận nhỏ gây nguy cơ chẹn họng. Nếu một đứa trẻ nuốt phải bất kỳ bộ phận nào của thiết bị này, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.

⚠ Không đặt dây đeo quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em
Việc đặt dây máy ảnh quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em có thể dẫn đến nghẹt thở.

⚠ Không duy trì tiếp xúc với máy ảnh, pin sạc hoặc bộ sạc trong thời gian dài trong khi các thiết bị này đang được bật lên hoặc đang được sử dụng
Các bộ phận của thiết bị nóng lên. Việc tiếp xúc da trực tiếp với thiết bị trong thời gian dài có thể gây bỏng ở nhiệt độ thấp.

⚠ Không để sản phẩm ở nơi sẽ bị tiếp xúc với nhiệt độ cực cao, chẳng hạn như trong ô tô kín hoặc dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp
Không tuân thủ phòng ngừa này có thể gây hư hỏng hoặc hỏa hoạn.

⚠ Cần có các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý pin sạc
Pin sạc có thể bị rò rỉ, quá nhiệt, hoặc nứt vỡ, hoặc bắt lửa nếu không được xử lý đúng cách. Cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau khi xử lý pin sạc để sử dụng trong sản phẩm này:

- Chỉ sử dụng pin sạc được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Sử dụng pin lithium CR1616 để thay pin đồng hồ. Sử dụng loại pin khác có thể gây nổ. Loại bỏ pin đã qua sử dụng theo chỉ dẫn.
- Không làm chập mạch hoặc tháo rời pin sạc.
- Không để pin sạc hay máy ảnh có lắp pin sạc bị va đập mạnh.
- Hãy chắc chắn tắt máy ảnh trước khi thay pin sạc. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, hãy chắc chắn phải rút bỏ.
- Không cố lắp lộn ngược pin sạc hoặc ngược ra sau.
- Không để pin sạc tiếp xúc trực tiếp với lửa hay với nhiệt quá nóng.
- Không nhúng hoặc để tiếp xúc với nước.
- Thay nắp phủ đầu cuối khi vận chuyển pin sạc. Không mang hoặc lưu trữ pin sạc cùng với các vật kim loại như vòng cổ hoặc kẹp tóc.

- Pin sạc dễ bị rò rỉ khi xả hết điện. Để tránh làm hỏng máy, hãy chắc chắn tháo pin sạc khi không còn điện.
- Khi không sử dụng pin sạc, lắp nắp phủ đầu cuối và cất giữ ở nơi khô, mát.
- Pin sạc có thể nóng ngay sau khi sử dụng hoặc khi máy dùng nguồn pin sạc trong một thời gian dài. Trước khi tháo pin sạc hãy tắt máy ảnh và để cho pin sạc nguội.
- Ngừng sử dụng ngay lập tức khi bạn thấy bất kỳ thay đổi nào ở pin sạc, chẳng hạn như đổi màu hoặc biến dạng.

⚠️ Cẩn thận thủ các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý sạc

- Để khô ráo. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến thương tích hoặc làm hỏng sản phẩm do cháy hoặc điện giật.
- Cần loại bỏ bụi trên hoặc gần các bộ phận kim loại của phích cắm bằng miếng vải khô. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây cháy.
- Không sử dụng cáp nguồn hoặc tới gần sạc trong cơn bão. Việc không tuân thủ để phòng này có thể bị điện giật.

- Không làm hỏng, sửa đổi, hoặc dùng sức mạnh kéo hoặc bẻ cong phần cáp nguồn. Không đặt các vật nặng lên trên hoặc để tiếp xúc với nhiệt hoặc lửa. Nếu cách nhiệt bị hư hỏng và dây điện bị hở, mang cáp nguồn tới Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.
- Không tuân thủ để phòng này có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Không sử dụng phích cắm sạc với tay ướt. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến thương tích hoặc làm hỏng sản phẩm do cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng bộ chuyển đổi du lịch hoặc bộ điều hợp được thiết kế để chuyển đổi từ một điện áp này sang điện áp khác hoặc với biến tần DC-sang-AC. Việc không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra quá nhiệt hoặc cháy.

⚠️ Sử dụng cáp phù hợp

Khi kết nối cáp với giắc cắm đầu vào và đầu ra, chỉ sử dụng các loại cáp của Nikon cung cấp hoặc được bán với mục đích duy trì tuân thủ các quy định của sản phẩm.

-  **Không chiếu đèn nháy vào người lái xe**
Việc không tuân thủ biện pháp để phòng này có thể gây tai nạn.
-  **Quan sát thận trọng khi sử dụng đèn nháy**
- Sử dụng máy ảnh với đèn nháy để gần da hoặc các đối tượng khác có thể gây ra bỏng.
 - Sử dụng đèn nháy để gần mắt của đối tượng có thể gây suy giảm thị lực tạm thời. Không để đèn nháy gần hơn 1 m với đối tượng. Phải đặc biệt cẩn thận khi chụp ảnh trẻ sơ sinh.
-  **Tránh tiếp xúc với tinh thể lỏng**
Nếu bị vỡ màn hình, cẩn cẩn thận để tránh chấn thương do kính vỡ và không để các tinh thể lỏng màn hình chạm vào da, vào mắt hoặc miệng.
-  **Không mang giá ba chân khi còn lắp thấu kính hoặc máy ảnh**
Bạn có thể sẩy chân hoặc vô tình va vào người khác gây thương tích.
-  **Thực hiện theo các chỉ dẫn của nhân viên hãng hàng không và bệnh viện**

Chú ý

- Không phần nào của tài liệu hướng dẫn này được phép tái tạo, truyền, sao chép, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc được dịch sang các ngôn ngữ dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nikon.
- Nikon có quyền thay đổi giao diện và các thông số kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong các hướng dẫn sử dụng này bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.
- Nikon sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào từ việc sử dụng sản phẩm này.
- Dù đã nỗ lực để đảm bảo rằng các thông tin trong tài liệu hướng dẫn là chính xác và đầy đủ, chúng tôi đánh giá cao việc bạn lưu ý bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào với người đại diện Nikon trong khu vực của bạn (địa chỉ cung cấp riêng).

Xử Lý Thiết Bị Lưu Trữ Dữ Liệu

Xin lưu ý rằng việc xóa các hình ảnh hoặc định dạng thẻ nhớ hoặc các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác không xóa hoàn toàn dữ liệu hình ảnh gốc. Đôi khi các tệp đã xóa có thể phục hồi được từ các thiết bị lưu trữ bằng cách sử dụng phần mềm thương mại có sẵn, điều này có khả năng dẫn tới việc sử dụng nguy hại các dữ liệu hình ảnh cá nhân. Bảo đảm sự riêng tư của các dữ liệu đó là trách nhiệm của người dùng.

Trước khi loại bỏ một thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho người khác, xóa tất cả dữ liệu bằng cách sử dụng phần mềm xóa thương mại, hoặc định dạng thiết bị và sau đó nạp vào các hình ảnh không chứa thông tin cá nhân (ví dụ, hình ảnh về bầu trời không mây). Cần cẩn thận để tránh chấn thương khi hủy các thiết bị lưu trữ dữ liệu.

Trước khi loại bỏ máy ảnh hoặc chuyển quyền sở hữu cho người khác, bạn nên sử dụng tùy chọn **Đặt lại tất cả cài đặt** trong menu cài đặt máy ảnh để xóa thông tin mạng mang tính cá nhân.

Giấy Phép Danh Mục Bằng Sáng Chế AVC

SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ AVC CHO SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐỂ (i) GHI MÃ VIDEO THEO CHUẨN AVC ("AVC VIDEO") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐƯỢC GHI MÃ BỞI KHÁCH HÀNG THAM GIA VÀO HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC LẤY TỪ NHÀ CUNG CẤP VIDEO CÓ GIẤY PHÉP CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT CỨ VIỆC SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ LẤY THÊM THÔNG TIN TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM [**http://www.mpegla.com**](http://www.mpegla.com)

Thông báo liên quan đến Cấm Sao Chép hoặc Tái Tạo

Lưu ý rằng việc chỉ đơn giản là sở hữu tài liệu đã được sao chép về mặt kỹ thuật số hoặc tái tạo bằng máy quét, máy ảnh kỹ thuật số, hoặc thiết bị khác là cũng có thể bị trừng phạt theo quy định của pháp luật.

• Pháp luật cấm sao chép hoặc tái tạo các mục

Không sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, chứng khoán, trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu chính quyền địa phương, ngay cả khi bản sao hoặc các bản tái tạo đó có đóng dấu “Mẫu.”

Việc sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, hoặc chứng khoán được lưu hành ở nước ngoài đều bị cấm.

Trừ khi có sự cho phép trước của chính phủ, việc sao chép hoặc tái tạo tem bưu chính không sử dụng hoặc bưu thiếp do chính phủ phát hành đều bị cấm.

Việc sao chép hoặc tái sản xuất tem do chính phủ phát hành và các văn bản chứng nhận theo quy định của pháp luật là bị cấm.

• Lưu ý với một số bản sao và bản tái tạo

Chính phủ đã ban hành cảnh báo về các bản sao hoặc bản tái tạo chứng khoán do công ty tư nhân phát hành (cổ phiếu, hóa đơn, séc, giấy chứng nhận quà tặng v.v...), vé thắng, hoặc phiếu giảm giá, ngoại trừ số lượng tối thiểu bản sao cần thiết cần cho công việc của công ty. Ngoài ra, không được sao chép hoặc tái tạo hộ chiếu do chính phủ ban hành, giấy phép do cơ quan công quyền và các nhóm tư nhân, thẻ chứng minh thư, và vé, chẳng hạn vé thắng và phiếu giảm giá bữa ăn.

• Tuân thủ chú ý bản quyền

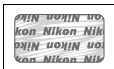
Theo luật bản quyền, không thể sử dụng ảnh hoặc bản ghi các tác phẩm có bản quyền được chụp hoặc ghi bằng máy ảnh này nếu không có sự cho phép của người giữ bản quyền. Các trường hợp ngoại lệ áp dụng cho việc sử dụng cá nhân, nhưng lưu ý rằng ngay cả việc sử dụng cá nhân cũng có thể bị hạn chế trong trường hợp ảnh hoặc bản ghi các cuộc triển lãm, biểu diễn trực tiếp.

Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Điện Tử Thương Hiệu Nikon

Máy ảnh Nikon được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất và có các mạch điện tử phức tạp. Chỉ các phụ kiện điện tử thương hiệu Nikon (bao gồm sạc, pin sạc, bộ đổi điện AC, và các phụ kiện đèn nháy) có xác nhận của Nikon đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn của mạch điện tử này.

Việc sử dụng các linh kiện điện tử không phải của Nikon có thể làm hỏng máy ảnh và có thể làm mất hiệu lực bảo hành của Nikon. Việc sử dụng pin sạc Li-ion của bên thứ ba không có tem bảo đảm của Nikon ở bên phải có thể gây trở ngại cho hoạt động bình thường của máy ảnh hoặc khiến pin sạc bị quá nóng, cháy, phồng, hoặc bị rò rỉ.

Để biết thêm thông tin về phụ kiện thương hiệu Nikon, hãy liên hệ với đại lý Nikon được uỷ quyền ở địa phương.



✓ Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Thương Hiệu Nikon

Chỉ các phụ kiện được Nikon chứng nhận đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn. VIỆC SỬ DỤNG CÁC LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KHÔNG PHẢI CỦA NIKON CÓ THỂ LÀM HỒNG MÁY ẢNH VÀ CÓ THỂ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA NIKON.

✍ Trước Khi Chụp Ảnh Quan Trọng

Trước khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng (như tại đám cưới hay trước khi đem máy ảnh trong một chuyến đi), hãy chụp thử để đảm bảo rằng máy ảnh đang hoạt động bình thường. Nikon không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc bị mất lợi nhuận do sự cố sản phẩm.

✍ Học Tập Suốt Đời

Là một phần cam kết “Học Tập Suốt Đời” của Nikon với hỗ trợ và hướng dẫn liên tục, thông tin được cập nhật liên tục trên web sau đây:

- **Dành cho người dùng ở Hoa Kỳ:** <http://www.nikonusa.com/>
- **Dành cho người dùng ở châu Âu và châu Phi:**
<http://www.europe-nikon.com/support/>
- **Dành cho người dùng ở châu Á, châu Đại Dương và Trung Đông:**
<http://www.nikon-asia.com/>

Truy cập vào các trang web này để cập nhật các thông tin sản phẩm, thủ thuật, câu trả lời cho câu hỏi thường gặp (FAQs), và lời khuyên chung mới nhất về ảnh kỹ thuật số và nhiếp ảnh. Thông tin thêm có thể được cung cấp từ đại diện của Nikon trong khu vực của bạn. Xem URL sau để biết thông tin liên lạc: <http://imaging.nikon.com/>

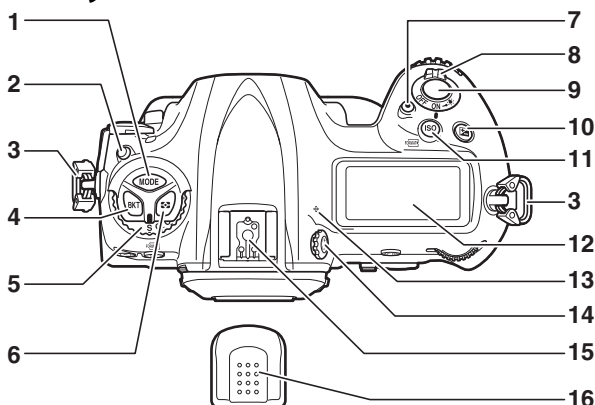


Giới thiệu

Tìm Hiểu Máy Ảnh

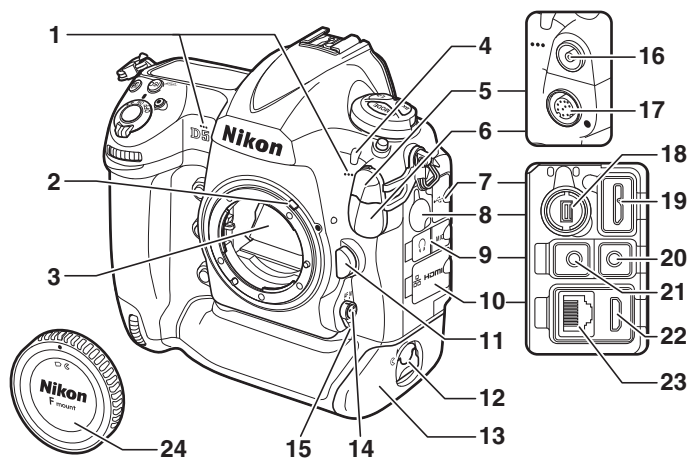
Phải mất ít phút để làm quen với các điều khiển máy ảnh và hiển thị. Bạn có thể thấy hữu ích để đánh dấu phần này và tham khảo lại khi đọc qua phần còn lại của tài liệu hướng dẫn.

Thân Máy Ảnh



1	Nút MODE	131	9	Nút nhả cửa trập	40, 41
2	Nhà khóa đĩa lệnh chế độ nhả	116	10	Nút 	143
3	Lỗ đeo dây máy ảnh.....	19	11	Nút ISO/FORMAT	33, 124, 128
4	Nút BKT	147, 151, 155, 193, 231, 353	12	Bảng điều khiển trên.....	6
5	Đĩa lệnh chế độ nhả.....	116	13	Dấu mặt phẳng tiêu điểm (∞)	115
6	Nút 	130	14	Điều khiển điều chỉnh diốt	35
7	Nút ghi phim	61, 353	15	Ngàm gắn phụ kiện (bộ đèn nháy tùy chọn).....	14, 194
8	Công tắc điện	9, 27	16	Nắp ngàm gắn phụ kiện	14, 194, 445

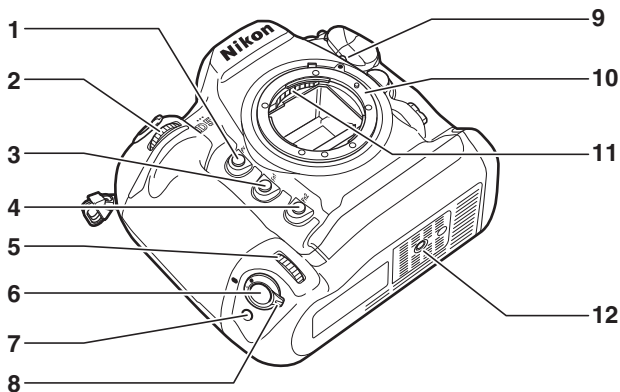
Thân Máy Ảnh (Tiếp)



1	Micrô stereo (cho phim)61, 63, 321	13	Nắp khoang pin22
2	Móc ghép đo sáng463	14	Nút chế độ AF 48, 50, 101, 105, 348
3	Gương 122, 437	15	Bộ chọn chế độ lấy nét 48, 98, 114
4	Đèn hẹn giờ.....121	16	Đầu cắm đồng bộ đèn nháy195
5	Nắp phủ đầu cảm đồng bộ đèn nháy.....195	17	Đầu cắm chụp từ xa có mười chân246, 429
6	Nắp đầu cảm chụp từ xa có mười chân 246, 429	18	Đầu nối ngoại vi.....427
7	Nắp đầu nối USB 278, 283	19	Đầu nối USB278, 283
8	Nắp đầu nối ngoại biên.....427	20	Đầu nối cho micrô ngoài 64, 431
9	Nắp đầu nối âm thanh.....64, 431	21	Đầu nối tai nghe 64, 66, 383
10	Nắp đầu nối HDMI/Ethernet 281, 286	22	Đầu nối HDMI 286
11	Nút nhả thấu kính 26	23	Đầu nối ethernet 281
12	Chốt nắp hộp pin 22	24	Nắp thân máy 25, 429

✓ Đóng Nắp Đầu Nối

Đóng nắp đầu nối khi không sử dụng. Bụi bẩn ở các đầu nối có thể ảnh hưởng đến việc truyền dữ liệu.

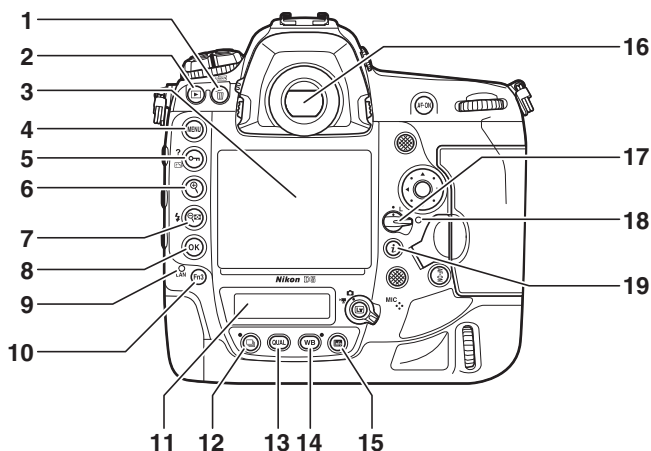


1	Nút Pv 50, 132, 346, 362	7	Nút Fn (thẳng đứng).....39, 346
2	Đĩa lệnh phụ 359	8	Khóa nút nhả cửa trập chụp thẳng đứng 39
3	Nút Fn1346, 362	9	Dấu gắn thấu kính..... 26
4	Nút Fn2346, 362	10	Gắn thấu kính26, 115
5	Đĩa lệnh phụ cho chụp thẳng đứng 39, 359	11	Tiếp xúc CPU
6	Nút nhả cửa trập cho chụp thẳng đứng39	12	Hốc giá ba chân

Loa

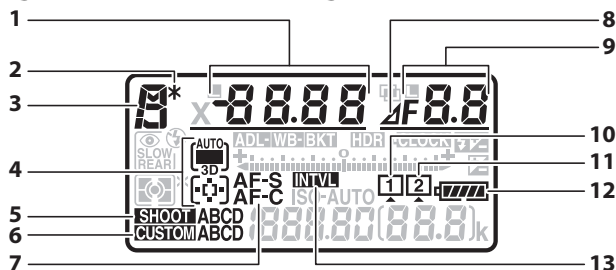
Không đặt loa gần với các thiết bị từ. Không tuân thủ để phòng này có thể ảnh hưởng đến các dữ liệu được ghi trên các thiết bị từ.

Thân Máy Ảnh (Tiếp)

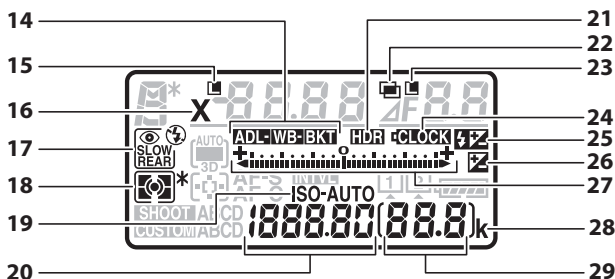


1	Nút /FORMAT.....33, 43, 268	11	Bảng điều khiển phía sau.....8
2	Nút42, 248	12	Nút116, 119, 224, 339
3	Màn hình12, 42, 44, 59, 248, 369, 370	13	Nút QUAL93, 96
4	Nút MENU.....15, 289	14	Nút WB ... 159, 163, 167, 169, 224
5	Nút (i/?).....16, 180, 265	15	Nút (thông tin)57, 68, 220
6	Nút263	16	Kính ngắm10, 35
7	Nút199, 200, 248, 263	17	Khóa bộ chọn lấy nét.....108
8	Nút (OK)16, 249	18	Đèn tiếp cận thẻ nhớ.....31, 41
9	Chỉ báo mạng	19	Nút 51, 63, 223, 253
10	Nút Fn3273, 276, 346, 362		

Bảng Điều Khiển Hàng Đầu



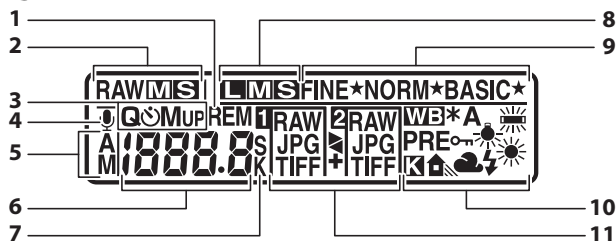
1	Tốc độ cửa trập.....	134, 136	9	Độ mở ống kính (số f) ...	135, 136
	Chế độ vùng AF.....	104, 106		Độ mở ống kính (số các điểm dừng)	135, 416
	Giá trị bù phơi sáng	143		Gia số chụp bù trừ	148, 152
	Giá trị bù đèn nháy	200		Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ ADL	155
	Số lần chụp trong bù trừ đèn nháy và phơi sáng	147		Số lượng ảnh chụp mỗi khoảng thời gian	239
	Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ cân bằng trắng.....	151		Độ lệch phơi sáng HDR.....	193
	Số khoảng thời gian chụp ảnh hẹn giờ quang thời gian	239		Số phơi sáng (đa phơi sáng)	231
	Tiêu cự (thấu kính không CPU)	245		Độ mở ống kính tối đa (thấu kính không CPU)	245
2	Chỉ báo chương trình linh động	133		Chỉ báo chế độ PC.....	429
3	Chế độ phơi sáng	131	10	Biểu tượng thẻ nhớ (Khe 1)	32, 33
4	Chỉ báo chế độ vùng AF	104, 106	11	Biểu tượng thẻ nhớ (Khe 2)	32, 33
5	Tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn	310	12	Chỉ báo pin	37
6	Tập hợp cài đặt tùy chọn.....	325	13	Chỉ báo quang thời gian.....	239
7	Chế Độ Lấy Net Tự Động	101		Chỉ báo ghi tua nhanh thời gian	79
8	Chỉ báo dừng độ mở ống kính	135, 416			



14	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng 147	27	Chỉ báo phơi sáng 137
	Chỉ báo chụp bù trừ WB 151		Hiển thị bù phơi sáng 143
	Chỉ báo chụp bù trừ ADL..... 155		Chỉ báo tiến độ bù trừ:
15	Biểu tượng khóa tốc độ cửa trập 140		Bù trừ đèn nháy và phơi sáng 147
16	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy 343		Chụp bù trừ WB 151
17	Chế Độ Đèn Nháy 198		Chụp bù trừ ADL 155
18	Đo sáng..... 130	28	Chỉ báo kết nối PC 429
19	Chỉ báo độ nhạy ISO 124		29 "k" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng) 38
	Chỉ báo độ nhạy ISO tự động 128	29	Số phơi sáng còn lại..... 38, 475
20	Số khuôn hình 38		Số lần chụp còn lại trước khi bộ nhớ đệm đầy 118, 475
	Độ nhạy ISO 124		Chỉ báo ghi cân bằng trắng cài đặt trước 170
	Độ nhạy ISO (tăng cao/thấp) 125		Gắn D-Lighting hoạt động 156, 354
	Số cài đặt trước cân bằng trắng 170		Chế độ HDR 193
	Chế độ lớp phủ 232		Chế độ đa phơi sáng 231
21	Chỉ báo HDR..... 190		Số thấu kính bằng tay 245
22	Đa chỉ báo phơi sáng 230		Chỉ báo ghi tua nhanh thời gian 79
23	Biểu tượng khóa độ mở ống kính 140		Chỉ báo chế độ chụp 429
24	Chỉ báo pin đồng hồ 29, 441		
25	Chỉ báo bù đèn nháy 200		
26	Chỉ báo bù phơi sáng 143		

Lưu ý: Hiển thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.

Bảng điều khiển phía sau



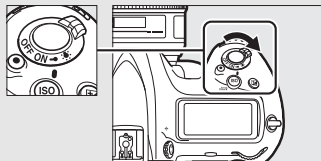
1	Chỉ báo "Còn lại"	475	7	"k" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng)	38
2	Cỡ hình ảnh (ảnh NEF/RAW)	96		Chỉ báo nhiệt độ màu	167
3	Chế độ nhả	116, 119		Hiển thị giây bổ sung	121, 274
4	Chỉ báo trạng thái ghi chú bằng giọng nói	274, 275	8	Cỡ hình ảnh (ảnh JPEG và TIFF)	96
5	Chế độ ghi chú bằng giọng nói	274	9	Chất lượng hình ảnh	92
6	Chế độ nhả	116, 119	10	Cân bằng trắng	159
	Tốc độ chụp liên tục	116, 338		Chỉ báo dò tinh chỉnh cân bằng trắng	163
	Số ảnh chụp tự hẹn giờ/độ trễ tự hẹn giờ	121, 337		Chỉ báo bảo vệ thiết lập sẵn cân bằng trắng	172
	Số phơi sáng còn lại ...	93, 96, 475	11	Vai trò được thẻ nhớ trong Khe 2 đảm nhận	97
	Độ dài ghi chú giọng nói	274		Chất lượng hình ảnh	92
	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	163			
	Số cài đặt trước cân bằng trắng	170			
	Nhiệt độ màu	161, 167			
	Chỉ báo chế độ PC	429			

Lưu ý: Hiển thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.

Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng

Xoay công tắc điện về phía  để kích hoạt đèn nền của các nút và bảng điều khiển (☞ 342), giúp sử dụng máy ảnh dễ dàng hơn trong bóng tối. Sau khi công tắc điện được nhả, đèn nền vẫn sáng vài giây (☞ 336) hoặc cho đến khi cửa trập được nhả hoặc công tắc điện được xoay lại về phía .

Công tắc điện

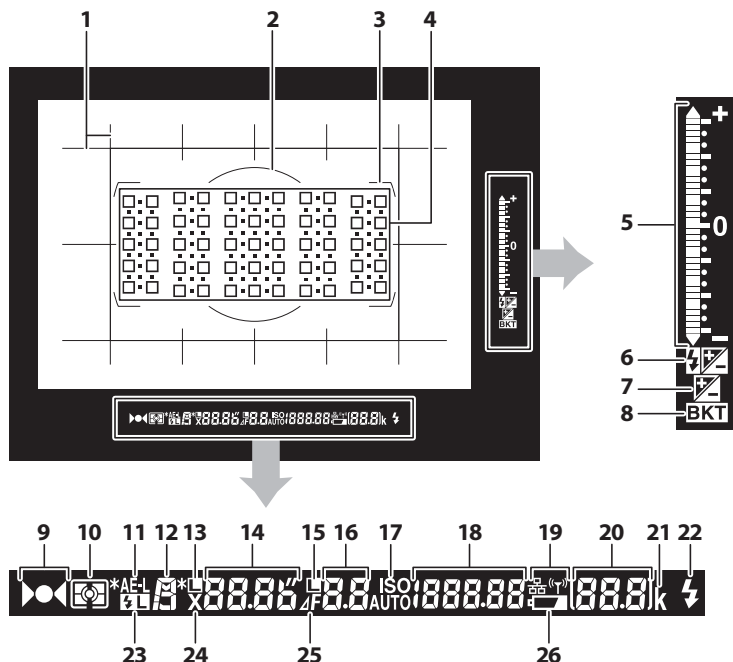


Bảng Điều Khiển và Hiển Thị Kính Ngắm

Độ sáng của bảng điều khiển và hiển thị kính ngắm thay đổi theo nhiệt độ, và thời gian đáp ứng của màn hình hiển thị có thể giảm ở nhiệt độ thấp. Điều này là bình thường và không phải là sự cố.



Hiển Thị Kính Ngắm



- 1 Lưới khuôn hình (hiển thị khi **Bật** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d8)341
- 2 Vòng tròn tham chiếu 12-mm cho đo sáng cân bằng trung tâm..... 129
- 3 Khung vùng lấy nét tự động 35
- 4 Điểm lấy nét 40, 108, 329
Mục tiêu đo sáng điểm..... 129
Chỉ báo chế độ vùng AF..... 105
Chỉ báo cuộn ¹352

- 5 Chỉ báo phơi sáng 137
Hiển thị bù phơi sáng..... 143
Chỉ báo tiến độ bù trừ:
 Bù trừ đèn nháy và phơi sáng 147
Chỉ báo độ nghiêng ²..... 352
- 6 Chỉ báo bù phơi sáng..... 143
- 7 Chỉ báo bù đèn nháy..... 200

8	Chỉ báo chụp bù trừ: Bù trừ đèn nháy và phơi sáng 147 Chụp bù trừ WB 151 Chụp bù trừ ADL..... 155	19	Hiện thị mạng281
9	Chỉ báo lấy nét 40, 115	20	Số phơi sáng còn lại.....38, 475 Số lần chụp còn lại trước khi bộ nhớ đệm đầy 40, 118, 475 Chỉ báo ghi cân bằng trắng cài đặt trước 170 Giá trị bù phơi sáng 143 Giá trị bù đèn nháy.....200 Chỉ báo chế độ PC429 Chỉ báo phát hiện nhấp nháy227
10	Đo sáng..... 129	21	"K" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng)..... 38
11	Khóa tự động phơi sáng (AE).... 141	22	Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng ³194, 203, 464
12	Chế độ phơi sáng 131	23	Chỉ báo khóa FV.....203
13	Biểu tượng khóa tốc độ cửa trập 140	24	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy ...343
14	Tốc độ cửa trập..... 134, 136 Chế độ lấy nét tự động 98, 101	25	Chỉ báo dừng độ mở ống kính 135, 416
15	Biểu tượng khóa độ mở ống kính 140	26	Cảnh báo pin yếu 37
16	Độ mở ống kính (số f) ...135, 136 Độ mở ống kính (số các điểm dừng) 135, 416		
17	Chỉ báo độ nhạy ISO 124 Chỉ báo độ nhạy ISO tự động 127		
18	Độ nhạy ISO 124 Gắn D-Lighting hoạt động 354 Chế độ vùng AF 105, 106		

- 1 Hoạt động như chỉ báo độ nghiêng khi máy ảnh được xoay để chụp ảnh ở hướng "dọc" (chân dung).
- 2 Hoạt động như chỉ báo cuộn khi máy ảnh được xoay để chụp ảnh ở hướng "dọc" (chân dung).
- 3 Hiện thị chỉ khi bộ đèn nháy tùy chọn được gắn (□ 194). Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng sáng khi đèn nháy được sạc.

Lưu ý: Hiện thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.

Không Có Pin

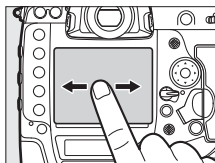
Khi pin hoàn toàn cạn kiệt hoặc không được lắp, màn hình hiển thị trong kính ngắm sẽ mờ. Điều này là bình thường và không phải là sự cố. Hiển thị kính ngắm sẽ trở lại bình thường khi lắp vào pin sạc đầy.

Sử dụng màn hình cảm ứng

Màn hình cảm ứng hỗ trợ các hoạt động sau đây:

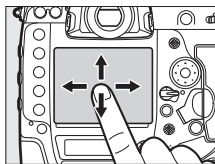
Búng

Búng ngón tay một khoảng cách ngắn sang trái hoặc phải trên màn hình.



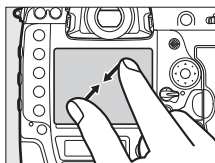
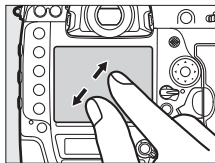
Trượt vào

Vuốt ngón tay trên màn hình.



Căng rộng ra/Véo

Đặt hai ngón tay lên màn hình và căng ra hoặc véo lại.



■ ■ Sử dụng màn hình cảm ứng

Trong khi phát lại (⏮ 251), có thể sử dụng màn hình cảm ứng để:

- Xem hình ảnh khác
- Phóng to hoặc thu nhỏ
- Xem hình thu nhỏ
- Xem phim

Có thể sử dụng màn hình cảm ứng để định vị điểm lấy nét trong khi xem trực tiếp (⏮ 49), để đo giá trị cho cân bằng trắng bằng tay thiết lập sẵn bằng cách sử dụng công cụ cân bằng trắng điểm (⏮ 173), và để nhập liệu (⏮ 185).



✓ Màn hình cảm ứng

Màn hình cảm ứng phản hồi với tính điện và có thể không phản hồi khi được dán lớp phim bảo vệ của bên thứ ba hoặc khi được chạm vào bằng móng tay hoặc tay đeo găng. Không sử dụng lực quá mạnh hoặc chạm vào màn hình với các vật sắc nhọn.

✓ Sử dụng màn hình cảm ứng

Màn hình cảm ứng có thể không đáp ứng như mong đợi nếu bạn thực hiện thao tác điều khiển trong khi để lòng bàn tay hoặc ngón tay khác đặt vào màn hình ở vị trí thứ hai. Nó có thể không nhận ra những thao tác khác nếu lực chạm quá nhẹ, ngón tay di chuyển quá nhanh hoặc có khoảng cách quá ngắn hoặc không duy trì tiếp xúc với màn hình, hoặc hai ngón tay khi kéo căng hoặc véo không đều nhau.

✍️ **Bật hoặc tắt điều khiển màn hình cảm ứng**

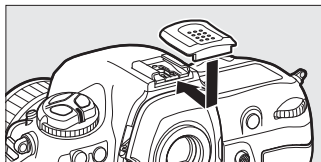
Có thể bật hoặc tắt điều khiển cảm ứng bằng cách sử dụng tùy chọn **Điều khiển chạm** trong menu cài đặt (⏮ 384).

✍️ **Xem Thêm**

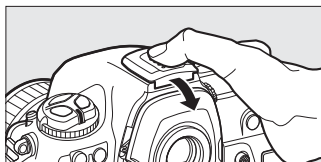
Tùy chọn **Điều khiển chạm** trong menu cài đặt có thể được dùng để chọn hướng búng ngón tay để xem các ảnh khác trong phát lại khuôn hình đầy (⏮ 384).

Nắp ngàm gắn phụ kiện

Nắp ngàm gắn phụ kiện được cung cấp có thể được sử dụng để bảo vệ ngàm gắn phụ kiện hoặc để ngăn ánh sáng phản chiếu từ các bộ phận kim loại của ngàm gắn không cho xuất hiện trong ảnh. Nắp gắn vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như hiển thị bên phải.



Để tháo nắp ngàm gắn phụ kiện, giữ xuống bằng ngón tay cái và trượt ra như hình bên phải trong khi vẫn giữ chắc máy ảnh.

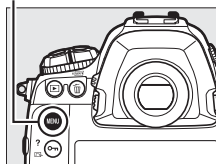


Hướng dẫn thao tác

Menu Máy Ảnh

Hầu hết các tùy chọn chụp, phát lại, và các tùy chọn cài đặt có thể được truy cập từ các menu máy ảnh. Để xem các menu, nhấn nút **MENU**.

Nút MENU



Thẻ

Chọn từ các menu sau đây:

- ▶: **Phát lại** (📖 298)
- 📷: **Chụp ảnh** (📖 309)
- 🎥: **Quay phim** (📖 318)
- 🔧: **Cài Đặt Tùy Chọn** (📖 323)
- ⚙️: **Cài đặt** (📖 367)
- 🔧: **Sửa lại** (📖 392)
- 📋/📋: **MENU CỦA TÔI** hoặc **CÀI ĐẶT GẮN ĐÂY** (mặc định sang **MENU CỦA TÔI**; 📖 409)



Thanh trượt cho thấy vị trí trong menu hiện tại.

Cài đặt hiện tại được hiển thị bằng các biểu tượng.

Tùy chọn Menu

Tùy chọn trong menu hiện tại.

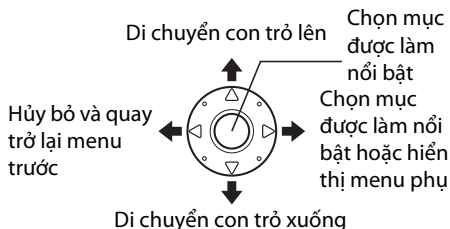
Biểu tượng trợ giúp (📖 16)

Sử Dụng Menu Máy Ảnh

■ Điều Khiển Menu

Đa bộ chọn và nút **OK** được sử dụng để điều hướng các menu.

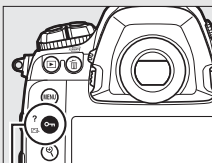
Đa bộ chọn



🔍 Biểu tượng ? (Trợ giúp)

Nếu biểu tượng **?** hiển thị ở góc dưới cùng bên trái của màn hình, có thể hiển thị trợ giúp bằng cách nhấn nút **Q** (🔍/?).

Một mô tả của tùy chọn hiện đang được chọn hoặc menu sẽ được hiển thị trong khi nút được nhấn. Nhấn **⏪** hoặc **⏩** để cuộn qua màn hình.



Nút **Q** (🔍/?)

? Đa phơi sáng

Ghi số lượng ảnh quy định dưới dạng hình ảnh đơn sử dụng chế độ lớp phủ được chọn. Hẹn giờ chờ kéo dài khoảng 30 giây. Nếu hẹn giờ hết, việc chụp sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được tạo từ bất kỳ ảnh nào đã được chụp.

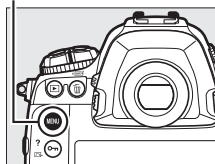
■ Điều Hướng Các Menu

Thực hiện theo các bước dưới đây để điều hướng các menu.

1 Hiển thị các menu.

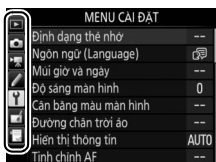
Nhấn nút MENU để hiển thị menu.

Nút MENU



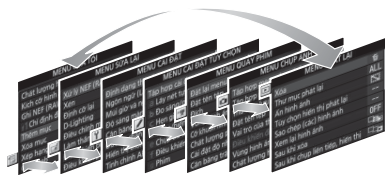
2 Làm nổi bật biểu tượng cho menu hiện tại.

Bấm  để làm nổi bật biểu tượng cho menu hiện tại.



3 Chọn menu.

Bấm  hoặc  để chọn menu mong muốn.



4 Đặt con trỏ vào menu được chọn.

Bấm  đến vị trí con trỏ trong menu được chọn.



5 Làm nổi bật mục menu.

Bấm hoặc để làm nổi bật mục menu.



6 Hiển thị các tùy chọn.

Bấm để hiển thị các tùy chọn cho mục menu được chọn.



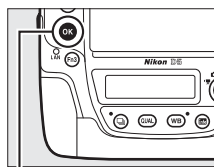
7 Làm nổi bật một tùy chọn.

Bấm hoặc để làm nổi bật một tùy chọn.



8 Chọn mục đã được làm nổi bật.

Bấm để chọn mục đã được làm nổi bật. Để thoát ra mà không chọn, nhấn nút MENU.



Nút

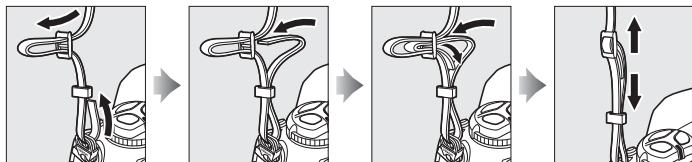
Lưu ý những điểm sau:

- Các mục menu được hiển thị màu xám là không sẵn có.
- Trong khi nhấn hoặc phần giữa của đa bộ chọn thường có tác dụng tương tự như cách nhấn , có một số mục chỉ có thể thực hiện lựa chọn bằng cách nhấn .
- Để thoát menu và trở lại chế độ chụp, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (40).

Các Bước Đầu Tiên

Gắn dây đeo máy ảnh

Gắn dây đeo chặt vào lỗ máy ảnh.



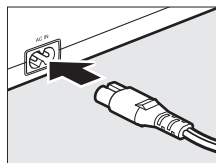
Sạc Pin

D5 được trang bị pin sạc Li-ion EN-EL18c (được cung cấp). Để tối đa hóa thời gian chụp, sạc pin trong bộ sạc pin MH-26a được cung cấp trước khi sử dụng. Cần khoảng 2 giờ và 35 phút để sạc đầy pin khi hết pin.



1 Cắm sạc vào.

Đưa phích cắm bộ đổi điện AC vào bộ sạc pin và cắm cáp nguồn vào ổ cắm điện.



2 Tháo nắp phủ đầu cuối.

Tháo nắp phủ đầu cuối khỏi pin.



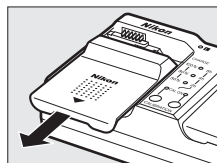
Nắp phủ đầu cuối

Xem Thêm

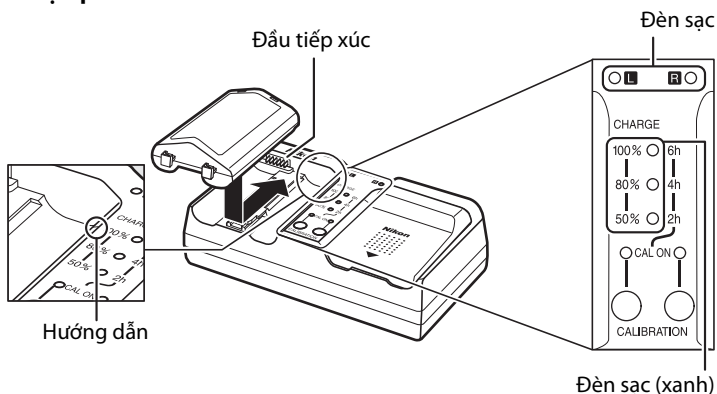
Để biết thông tin về cách sử dụng MH-26a để sạc hai pin, xem trang 471.

3 Tháo bộ bảo vệ tiếp xúc.

Tháo bộ bảo vệ tiếp xúc khỏi khoang pin bộ sạc.



4 Sạc pin.



Lắp pin (đầu cắm trước), căn chỉnh đầu cuối pin với dẫn hướng và sau đó trượt pin theo hướng chỉ dẫn cho đến khi khớp vào vị trí. Đèn khoang pin và đèn sạc sẽ nhấp nháy chậm trong khi sạc pin:

Trạng thái sạc	Đèn khoang pin	Đèn sạc		
		50%	80%	100%
Ít hơn 50% dung lượng tối đa	☼ (đèn nhấp chậm)	☼ (đèn nhấp chậm)	● (tắt)	● (tắt)
50–80% dung lượng tối đa	☼ (đèn nhấp chậm)	○ (phát sáng)	☼ (đèn nhấp chậm)	● (tắt)
Nhiều hơn 80% nhưng ít hơn 100% dung lượng tối đa	☼ (đèn nhấp chậm)	○ (phát sáng)	○ (phát sáng)	☼ (đèn nhấp chậm)
100% dung lượng tối đa	○ (phát sáng)	● (tắt)	● (tắt)	● (tắt)

Sạc hoàn tất khi đèn khoang pin ngừng nhấp nháy và các đèn sạc tắt. Cần khoảng 2 giờ và 35 phút để sạc đầy pin sạc cạn kiệt, lưu ý rằng pin sạc sẽ không sạc nếu nhiệt độ của nó dưới 0 °C hoặc trên 60 °C.

5 Tháo pin khi sạc xong.

Tháo pin và rút phích cắm của bộ sạc.



✓ Cân chỉnh

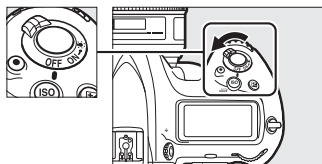
Xem trang 470 để biết thêm thông tin về việc cân chỉnh.

Lắp Pin

1 Tắt máy ảnh.

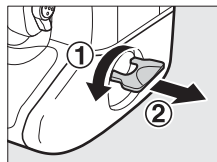
✓ Lắp và Tháo Pin

Trước khi lắp hoặc tháo pin hoặc thẻ nhớ, xác nhận rằng công tắc nguồn ở vị trí **TẮT**.



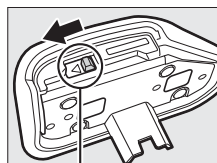
2 Tháo bỏ nắp khoang pin.

Nâng chốt nắp khoang pin, đưa về vị trí mở (↺) (①) và tháo nắp khoang pin BL-6 (②).

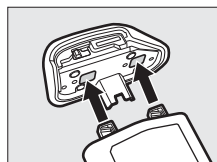


3 Gắn nắp vào pin.

Nếu chốt nhả pin được đặt ở vị trí có thể nhìn thấy mũi tên (◀), trượt chốt nhả pin để che mũi tên. Chèn hai phần nhô ra trên pin vào các khe khớp trong nắp và trượt chốt nhả pin để lộ hết phần mũi tên.



Chốt nhả pin

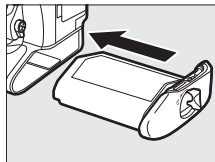


✎ Nắp khoang pin BL-6

Có thể sạc pin sạc với BL-6 kèm theo. Để ngăn bụi tích tụ bên trong khoang pin khi pin chưa lắp, trượt chốt nhả pin theo hướng chỉ của mũi tên (◀), tháo BL-6 khỏi pin sạc, và thay thế nó trên máy ảnh. *Không thể sử dụng các nắp pin khác với máy ảnh này.*

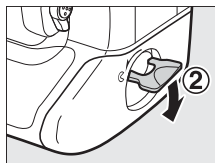
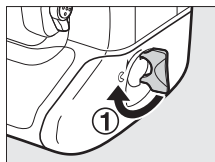
4 Lắp pin sạc.

Tháo pin như minh họa ở bên phải.



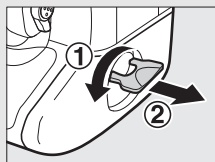
5 Khóa chốt nắp.

Để tránh bị bật pin sạc ra trong khi đang hoạt động, xoay chốt về vị trí đóng và gập xuống như hình bên phải. Đảm bảo nắp được chốt chặt.



Tháo Pin Sạc

Trước khi tháo pin, tắt máy ảnh, nâng chốt nắp khoang pin, đưa tới vị trí mở (☞). Lưu ý rằng pin có thể nóng sau khi sử dụng; quan sát thận trọng khi tháo pin. Để tránh bị chập mạch, thay nắp phủ đầu cắm khi không sử dụng pin.



Pin sạc Li-ion EN-EL18c

EN-EL18c kèm theo máy chia sẻ thông tin với các thiết bị tương thích, cho phép máy ảnh hiển thị trạng thái sạc pin trong sáu cấp độ (☞ 37). Tùy chọn **Thông tin pin** trong menu cài đặt hiển thị chi tiết về sạc pin, tuổi thọ pin và số ảnh đã chụp kể từ khi pin được sạc lần cuối (☞ 388). Pin sạc có thể được hiệu chuẩn lại khi cần thiết để đảm bảo mức pin được báo chính xác (☞ 470).

Pin Sạc và Bộ Sạc

Đọc và làm theo những cảnh báo và lưu ý trên các trang xii–xv và 443–446 của tài liệu hướng dẫn này. Không sử dụng pin ở nhiệt độ môi trường xung quanh dưới 0 °C hoặc cao hơn 40 °C; không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng pin hoặc làm giảm hiệu suất pin. Công suất có thể giảm xuống và thời gian sạc có thể tăng ở nhiệt độ pin từ 0 °C đến 15 °C và từ 45 °C đến 60 °C.

Không làm chập các đầu cuối của bộ sạc; Không tuân thủ để phòng này có thể dẫn đến quá nóng và làm hỏng sạc. Sạc pin trong nhà ở nhiệt độ môi trường xung quanh 5 °C đến 35 °C. Dung lượng pin tạm thời có thể giảm nếu pin đã được sạc ở nhiệt độ thấp hoặc được sử dụng ở nhiệt độ dưới nhiệt độ mà nó được sạc. Nếu pin được sạc ở nhiệt độ dưới 5 °C, chỉ báo tuổi thọ pin trong màn hình hiển thị thông tin **Thông tin pin** (📖 388) có thể cho thấy sự sụt giảm tạm thời.

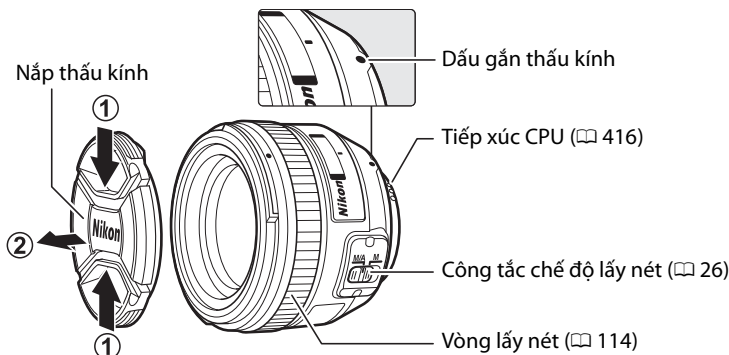
Chỉ sử dụng bộ sạc với pin sạc tương thích. Rút phích cắm khi không sử dụng.

Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của pin sạc đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin mới.



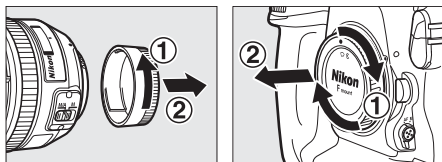
Lắp Thấu Kính

Cần cẩn thận để tránh bụi xâm nhập vào máy ảnh khi tháo thấu kính. Thấu kính thường được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này cho mục đích minh họa là AF-S NIKKOR 50mm f/1.4G.

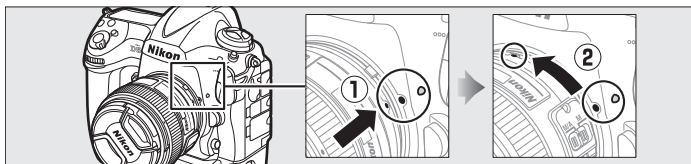


1 Tắt máy ảnh.

2 Tháo nắp thấu kính phía sau và nắp thân máy.



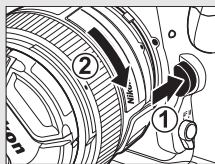
3 Lắp thấu kính.



Giữ dấu gấn trên thấu kính thẳng với dấu gấn trên thân máy, đặt thấu kính vào lỗ gấn khớp cài của máy ảnh (①). Cần thận để không nhấn nút nhả thấu kính, xoay thấu kính ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nó khớp vào vị trí (②).

Tháo Thấu Kính

Hãy chắc chắn tắt máy ảnh khi tháo hoặc đổi thấu kính. Để tháo thấu kính, nhấn và giữ nút nhả thấu kính (①) trong khi xoay thấu kính theo chiều kim đồng hồ (②). Sau khi tháo thấu kính, thay nắp thấu kính và nắp thân máy.



Chế độ lấy nét thấu kính

Nếu thấu kính được trang bị công tắc chế độ lấy nét, chọn chế độ lấy nét tự động (A, M/A, hoặc A/M).



Thấu Kính CPU với Vòng Độ Mở Ống Kính

Trong trường hợp thấu kính CPU được trang bị vòng độ mở ống kính (☐ 416), khóa độ mở ống kính ở cài đặt tối thiểu (số f cao nhất).

Vùng hình ảnh

Vùng hình ảnh định dạng DX được chọn tự động khi thấu kính DX được gắn vào (☐ 88).



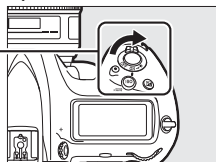
Vùng hình ảnh

Cài Đặt Cơ Bản

Tùy chọn ngôn ngữ trong menu cài đặt sẽ tự động làm nổi bật các menu lần đầu tiên được hiển thị. Chọn ngôn ngữ và thiết lập đồng hồ máy ảnh.

1 Bật máy ảnh.

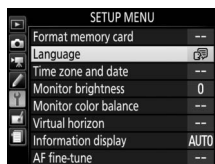
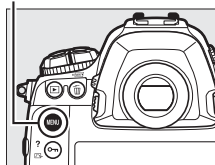
Công tắc điện



2 Chọn Ngôn ngữ (Language) trong menu cài đặt.

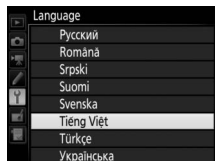
Nhấn nút MENU để hiển thị các menu máy ảnh, sau đó làm nổi bật **Ngôn ngữ (Language)** trong menu phát lại và nhấn . Để biết thông tin về cách sử dụng các menu, xem “Sử Dụng Menu Máy Ảnh” (tr 16).

Nút MENU



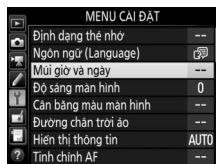
3 Chọn ngôn ngữ.

Bấm hoặc để làm nổi bật ngôn ngữ mong muốn và nhấn .



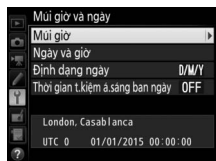
4 Chọn Múi giờ và ngày.

Chọn **Múi giờ và ngày** và nhấn .



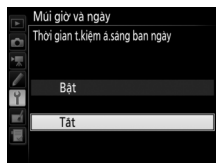
5 Đặt múi giờ.

Chọn **Múi giờ** và nhấn . Bấm  hoặc  để làm nổi bật múi giờ địa phương (trường **UTC** thể hiện sự khác biệt giữa múi giờ đã chọn và Múi giờ quốc tế, hoặc UTC, tính bằng giờ) và nhấn .



6 Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày.

Chọn **Thời gian t.kiệm á.sáng ban ngày** và nhấn . Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày được tắt theo mặc định; nếu thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày có hiệu lực theo múi giờ địa phương thì nhấn  để làm nổi **Bật** và nhấn .



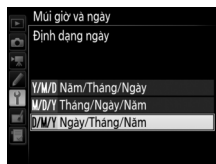
7 Thiết lập ngày và thời gian.

Chọn **Ngày và giờ** và nhấn . Nhấn  hoặc  để chọn một mục,  hoặc  để thay đổi. Nhấn  khi đồng hồ được thiết lập cho ngày và thời gian hiện tại (lưu ý rằng máy ảnh sử dụng đồng hồ 24 giờ).



8 Đặt định dạng ngày.

Lựa chọn **Định dạng ngày** và nhấn . Bấm  hoặc  để lựa chọn thứ tự hiển thị năm, tháng và ngày sẽ được hiển thị và nhấn .



9 Thoát sang chế độ chụp.

Nhấn nút nhỏ cửa trập nửa chừng để thoát chế độ chụp.



Pin Đồng Hồ

Đồng hồ máy ảnh được trang bị pin lithium CR1616 không sạc riêng có tuổi thọ khoảng hai năm. Khi pin này yếu, biểu tượng **LOCK** được hiển thị trong bảng điều khiển ở trên cùng khi hẹn giờ chờ được bật. Để biết thông tin về việc thay pin đồng hồ, xem trang 441.

Đồng Hồ Máy Ảnh

Đồng hồ máy ảnh không chính xác bằng đa số các đồng hồ đeo tay và đồng hồ hộ gia đình. Kiểm tra đồng hồ thường xuyên để chỉnh thời gian chính xác hơn và thiết lập lại khi cần thiết.

Bộ GPS (📖 246)

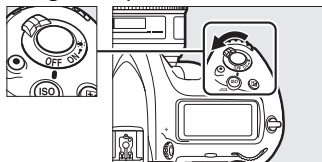
Nếu bộ GPS (📖 430) được kết nối, đồng hồ máy ảnh sẽ được thiết lập thời gian và ngày theo bộ GPS (📖 247).

Lắp Thẻ Nhớ

Hình ảnh được lưu trữ trên thẻ nhớ (bán riêng; 473). Máy ảnh được trang bị các khe cho hai thẻ XQD hoặc hai thẻ Type I CompactFlash. Không thể sử dụng các thẻ Type II và các ổ microdrive.

1 Tắt máy ảnh.

Công tắc điện

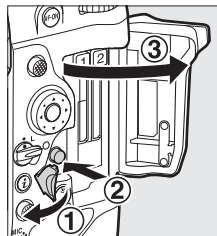


☒ Lắp và Tháo Thẻ Nhớ

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo thẻ nhớ.

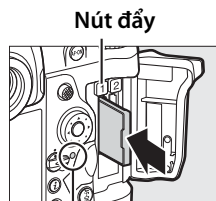
2 Mở nắp khe thẻ.

Mở cửa bảo vệ nút nhả nắp khe thẻ (1) và nhấn nút nhả (2) để mở khe thẻ (3).



3 Lắp thẻ nhớ.

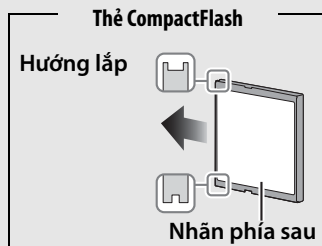
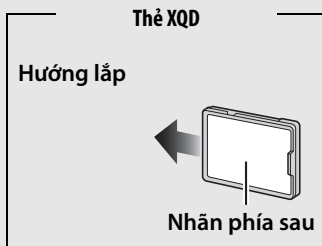
Lắp thẻ vào khe thẻ với nhãn phía sau quay về phía màn hình. Khi thẻ nhớ đã được lắp hết cỡ, nút đẩy sẽ bật lên và đèn tiếp cận thẻ nhớ màu xanh sẽ sáng trong thời gian ngắn.



Đèn tiếp cận thẻ nhớ

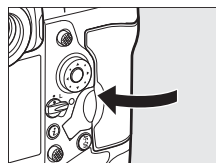
✓ Lắp Thẻ Nhớ

Trước tiên lắp các thẻ vào các đầu cắm. Việc lắp lộn ngược hoặc lắp trái đầu có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thẻ. Kiểm tra để lắp thẻ đúng hướng.



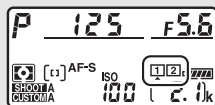
4 Đóng nắp khe thẻ.

Nếu đây là lần đầu tiên thẻ nhớ được sử dụng sau khi được sử dụng hoặc định dạng ở thiết bị khác, định dạng thẻ như mô tả trên trang 33.



Biểu Tượng Thẻ Nhớ

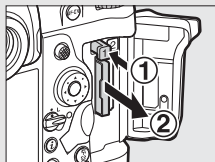
Biểu tượng thẻ nhớ sáng lên khi thẻ nhớ được lắp vào (ví dụ ở bên phải thể hiện hình ảnh khi hai thẻ nhớ được lắp vào). Nếu thẻ nhớ đầy hoặc có lỗi, biểu tượng của thẻ bị ảnh hưởng sẽ nhấp nháy (☐ 456).



**Bảng điều khiển
trên**

Tháo Thẻ Nhớ

Sau khi xác nhận đèn truy cập thẻ nhớ đã tắt, tắt máy ảnh, mở nắp phủ khe thẻ nhớ. Nhấn nút đẩy (①) để đẩy một phần thẻ ra (②). Lúc này có thể lấy thẻ nhớ ra bằng tay. Không đẩy vào thẻ nhớ trong khi nhấn nút đẩy. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thẻ nhớ.



Xem Thêm

Sử dụng tùy chọn **Vai trò của thẻ trong Khe 2** trong menu chụp ảnh để chọn vai trò của các thẻ nhớ được lắp vào khe 2 (☐ 97).

Định Dạng Thẻ Nhớ

Thẻ nhớ phải được định dạng trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi sử dụng hoặc định dạng trong các thiết bị khác.

✓ Định Dạng Thẻ Nhớ

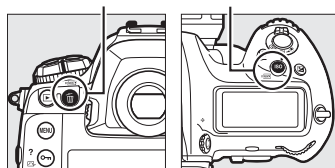
Việc định dạng thẻ nhớ sẽ xóa vĩnh viễn bất kỳ dữ liệu nào có trên đó. Hãy chắc chắn sao chép bất kỳ bức ảnh và dữ liệu nào khác mà bạn muốn giữ lại vào máy tính trước khi tiến hành (📖 278).

1 Bật máy ảnh.

2 Nhấn nút (FORMAT) và ISO (FORMAT).

Giữ nút  và ISO (FORMAT) xuống đồng thời cho đến khi **For** nhấp nháy xuất hiện trong hiển thị tốc độ cửa trập trong bảng điều khiển và kính ngắm. Nếu hai thẻ nhớ được lắp vào, thẻ được định dạng được thể hiện bằng biểu tượng nhấp nháy. Theo mặc định, khe 1 (📖 97) sẽ được lựa chọn; bạn có thể chọn khe 2 bằng cách xoay đĩa lệnh chính. Để thoát mà không định dạng thẻ nhớ, đợi cho đến khi **For** dừng nhấp (khoảng sáu giây) hoặc nhấn bất kỳ nút nào khác ngoài các nút  (FORMAT) và ISO (FORMAT).

Nút  (FORMAT) Nút ISO (FORMAT)



3 Nhấn lại nút (FORMAT) và ISO (FORMAT).

Đồng thời nhấn các nút  (FORMAT) và ISO (FORMAT) lần thứ hai trong khi **F a r** đang nhấp để định dạng thẻ nhớ. *Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi đang định dạng.*

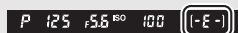
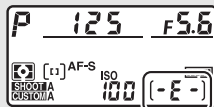


Thẻ Nhớ

- Thẻ nhớ có thể nóng sau khi sử dụng. Quan sát thận trọng khi tháo thẻ nhớ khỏi máy ảnh.
- Tắt nguồn trước khi lắp hay tháo thẻ nhớ. Không tháo các thẻ nhớ khỏi máy ảnh, tắt máy ảnh, hoặc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi định dạng hoặc trong khi ghi dữ liệu, xóa, hoặc sao chép vào máy tính. Không tuân thủ để phòng này có thể dẫn đến mất dữ liệu hoặc hư hại máy ảnh hoặc thẻ nhớ.
- Không để ngón tay hoặc các vật kim loại chạm vào các đầu cắm thẻ.
- Không bẻ cong, làm rơi hay để va đập mạnh.
- Không dùng lực ép vỏ thẻ. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hư thẻ.
- Không để tiếp xúc với nước, độ ẩm cao, hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không định dạng thẻ nhớ trong máy tính.

Không Có Thẻ Nhớ

Nếu không có thẻ nhớ được lắp vào, bảng điều khiển và kính ngắm sẽ hiển thị (-E-). Nếu máy ảnh tắt với pin đã sạc và không có thẻ nhớ được lắp, thì (-E-) sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển.



Xem Thêm

Xem trang 368 để biết thông tin về định dạng thẻ nhớ bằng cách sử dụng tùy chọn **Định dạng thẻ nhớ** trong menu cài đặt.

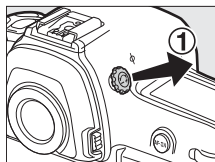
Điều chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

Máy ảnh được trang bị điều chỉnh điốt để thích ứng với khác biệt cá nhân về tầm nhìn. Kiểm tra để hiển thị trong kính ngắm được lấy nét trước khi chụp.

1 **Bật máy ảnh.**

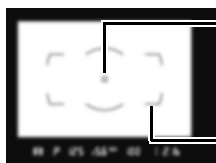
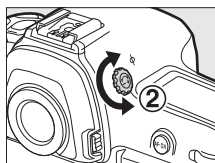
Tháo nắp thấu kính và bật máy ảnh.

2 **Nâng điều khiển điều chỉnh điốt (①).**



3 **Lấy nét kính ngắm.**

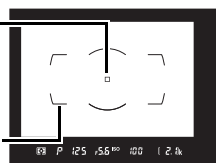
Xoay điều khiển điều chỉnh điốt (②) cho đến khi màn hình hiển thị kính ngắm và điểm lấy nét, giá đỡ vùng AF ở chế độ lấy nét rõ ràng. Khi sử dụng điều khiển với mắt đang ngắm kính ngắm, cẩn thận không chọc ngón tay hoặc móng tay vào mắt.



Kính ngắm chưa lấy nét

Điểm lấy nét

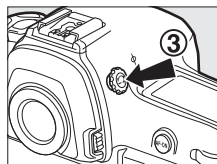
Khung vùng lấy nét tự động



Kính ngắm đã lấy nét

4 Sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt.

Đẩy điều khiển điều chỉnh điốt trở lại (3).

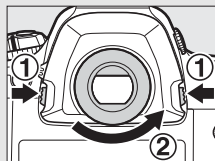


Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

Nếu bạn không thể lấy nét kính ngắm như mô tả ở trên, chọn AF phần phụ đơn (AF-S; □ 101), AF điểm đơn (□ 104) và điểm lấy nét giữa (□ 108), sau đó đóng khung đối tượng tương phản cao trong điểm lấy nét giữa và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét máy ảnh. Khi máy ảnh lấy nét, sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt để đưa đối tượng vào vùng lấy nét rõ trong kính ngắm. Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh thêm lấy nét kính ngắm bằng cách sử dụng các thấu kính khắc phục tùy chọn (□ 428).

Thấu Kính Ngắm Điều Chỉnh Điốt

Thấu kính khắc phục (bán riêng; □ 428) có thể được sử dụng để tiếp tục điều chỉnh điốt kính ngắm. Trước khi gắn thấu kính ngắm điều chỉnh điốt, tháo thị kính kính ngắm DK-17F bằng cách nhấn vào một trong hai bên của bộ nối thị kính để mở khóa thị kính (1), sau đó tháo thị kính như hình bên phải (2).



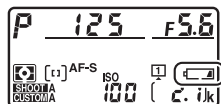
Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại

Mức Pin Và Số Phơi Sáng Còn Lại

Trước khi chụp, kiểm tra mức pin và số phơi sáng còn lại.

■ ■ Mức Pin Sạc

Mức pin được hiển thị trong bảng điều khiển trên và kính ngắm.



Bảng điều khiển trên

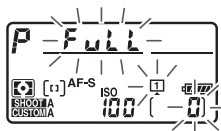
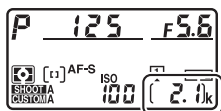


Kính ngắm

Biểu tượng		Mô tả
Bảng điều khiển	Kính ngắm	
	—	Pin đã sạc đầy.
	—	
	—	
	—	
		Pin không sạc/pin sạc yếu. Sạc pin hoặc sẵn sàng pin dự phòng.
 (nháy)	 (nháy)	Tắt nhả cửa trập. Sạc hoặc thay pin.

■ ■ Số Phơi Sáng Còn Lại

Bảng điều khiển và kính ngắm cho biết số lượng bức ảnh có thể chụp được ở cài đặt hiện hành (giá trị hơn 1000 sẽ được làm tròn xuống đơn vị trăm gần nhất; ví dụ: các giá trị trong khoảng 2100 và 2199 được hiển thị là 2,1 k). Nếu gắn hai thẻ nhớ, hiển thị thể hiện phần trăm khả dụng của thẻ nhớ mà ảnh mới sẽ được lưu. Khi số này đạt đến số không,  sẽ nhấp nháy trong hiển thị số lượng phơi sáng trong khi hiển thị tốc độ cửa trập sẽ hiển thị **F u L L** hoặc **F u L** nhấp nháy và biểu tượng cho thẻ bị ảnh hưởng sẽ nhấp nháy. Lấp thẻ nhớ khác hoặc xóa bớt ảnh.



🔍 Hiển Thị Máy Ảnh Tắt

Khi máy ảnh tắt mà vẫn còn pin sạc và thẻ nhớ được lắp, biểu tượng thẻ nhớ, số phơi sáng còn lại và số ảnh trong thư mục hiện tại sẽ hiển thị (tùy vào thẻ nhớ, trong một số trường hợp hiếm hoi máy ảnh có thể không hiển thị thông tin này khi có thẻ nhớ được lắp; khắc phục việc này bằng cách bật máy ảnh lên).

Số ảnh trong thư mục hiện tại

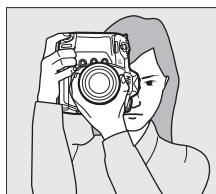
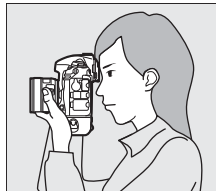
Số phơi sáng còn lại



Bảng điều khiển trên

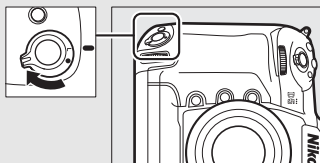
Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh

Khi tạo khuôn hình cho bức ảnh trong kính ngắm, tay phải giữ phần tay nắm và tay trái đặt vào thân máy hoặc thấu kính. Giữ khuỷu tay chống nhẹ lên thân người làm điểm tựa và đặt một chân trước chân kia nửa bước để giữ vững phần trên cơ thể. Khi lấy khung hình cho ảnh chân dung (hướng dọc), giữ máy ảnh như minh họa ở phần cuối của ba hình minh họa ở bên phải.



✓ Đóng Khuôn Hình Ảnh Theo Hướng (Dọc) Chân Dung

Máy ảnh được trang bị các điều khiển để sử dụng trong hướng (dọc) chân dung, bao gồm nút nhả cửa trập dọc, nút **Fn**, và **AF-ON**, đĩa lệnh chính và phụ, đa bộ chọn (📖 102, 109, 346). Xoay khóa nút nhả cửa trập chụp dọc **L** để tránh việc thao tác các điều khiển này khi máy ảnh đang ở hướng (ngang) phong cảnh.



Khóa nút nhả cửa trập chụp dọc

Lấy nét và chụp

1 Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.

Ở các cài đặt mặc định, máy ảnh sẽ lấy nét vào đối tượng trong điểm lấy nét giữa. Tạo khuôn hình ảnh trong kính ngắm với đối tượng chính được đặt ở điểm lấy nét giữa và nhấn nút chụp nửa chừng.



2 Kiểm tra các chỉ báo trong kính ngắm.

Khi lấy nét hoàn tất, chỉ báo đã được lấy nét (●) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

Hiển thị kính ngắm	Mô tả
●	Đối tượng lấy nét.
▶	Điểm lấy nét nằm giữa máy ảnh và đối tượng.
◀	Điểm lấy nét nằm sau đối tượng.
▶ ◀ (nháy)	Máy ảnh không thể lấy nét đối tượng được lấy nét bằng lấy nét tự động.

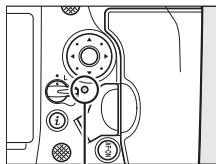
Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, lấy nét sẽ khóa số phơi sáng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ đệm ("P"; 118) sẽ xuất hiện trong hiển thị kính ngắm.



Để biết thông tin về việc cần làm khi máy ảnh không thể lấy nét bằng lấy nét tự động, xem "Lấy Nét Tự Động Đạt Kết Quả Chất Lượng Tốt" (113).

3 Chụp.

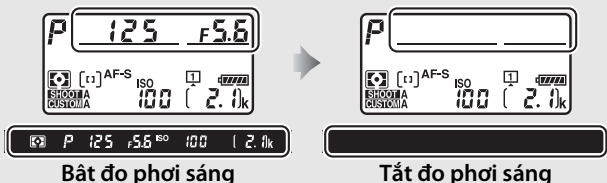
Nhấn nhẹ nút nhả cửa trập hết cỡ còn lại để chụp ảnh. Trong khi ghi ảnh vào thẻ nhớ, đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ phát sáng. *Không tháo hoặc di chuyển thẻ nhớ hay ngắt nguồn cho đến khi đèn này tắt và việc ghi hoàn tất.*



Đèn tiếp cận thẻ nhớ

Hẹn Giờ Chờ (Chụp Ảnh Với Kính Ngắm)

Hiển thị tốc độ cửa trập và độ mở ống kính trong bảng điều khiển trên và kính ngắm sẽ tắt nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong vòng 6 giây để giảm tiêu hao pin. Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để bật hiển thị.



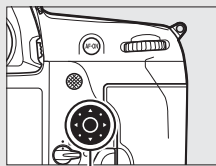
Bật đo phơi sáng

Tắt đo phơi sáng

Có thể điều chỉnh độ dài thời gian trước khi hẹn giờ chờ hết hạn tự động bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**, 336).

Đa Bộ Chọn

Có thể sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét trong khi đo độ phơi sáng được bật (108).



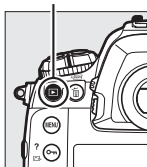
Đa bộ chọn

Xem ảnh

1 Nhấn nút .

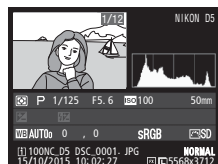
Bức ảnh sẽ hiển thị trên màn hình. Thẻ nhớ chứa ảnh hiển thị hiện thời được thể hiện bằng một biểu tượng.

Nút .



2 Xem thêm ảnh.

Có thể hiển thị thêm ảnh bằng cách nhấn  hoặc  hoặc bằng cách lướt ngón tay sang trái hoặc sang phải trên màn hình hiển thị ( 251). Để xem thông tin bổ sung trên bức ảnh hiện thời, nhấn  và  ( 254).



Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.

Xem Lại Hình Ảnh

Khi **Bật** được chọn cho **Xem lại hình ảnh** trong menu phát lại ( 304), ảnh được tự động hiển thị trên màn hình sau khi chụp.

Xem Thêm

Xem trang 249 về thông tin lựa chọn khe cắm thẻ nhớ.

Xóa Các Bức Ảnh Không Mong Muốn

Có thể xóa ảnh không mong muốn bằng cách nhấn nút  (FORMAT).
Lưu ý rằng ảnh đã xóa không có thể phục hồi lại.

1 Hiện thị bức ảnh.

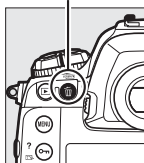
Hiện thị các ảnh muốn xóa như mô tả ở phần “Xem ảnh” trong trang trước. Vị trí của ảnh hiện tại được hiển thị bởi biểu tượng ở góc dưới cùng bên trái của màn hình.



2 Xóa bức ảnh.

Nhấn nút  (FORMAT). Một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; làm nổi bật **Hình ảnh được chọn** và nhấn  một lần nữa để xóa ảnh và quay trở lại phát lại (để biết thông tin về tùy chọn **Tất cả hình ảnh**, xem trang 268). Để thoát mà không xóa ảnh, nhấn nút .

Nút  (FORMAT)



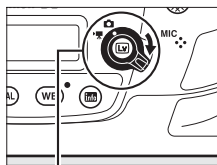
Xóa

Để xóa nhiều ảnh hoặc chọn thẻ nhớ để xóa ảnh, sử dụng tùy chọn **Xóa** trong menu phát lại (270).

Chụp Ảnh Xem Trực Tiếp

Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh trong xem trực tiếp.

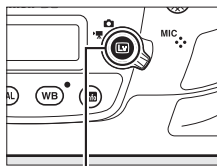
- 1 Xoay bộ chọn xem trực tiếp sang  (chụp ảnh xem trực tiếp).**



Bộ chọn xem trực tiếp

- 2 Nhấn nút .**

Gương sẽ được nâng lên và nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh. Không còn nhìn thấy đối tượng trong kính ngắm.



Nút 

- 3 Định vị điểm lấy nét.**

Định vị điểm lấy nét trên đối tượng như được mô tả ở trang 49.

4 Lấy nét.

Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét.



Điểm lấy nét sẽ nhấp nháy xanh và nhả cửa trập sẽ bị tắt khi máy ảnh lấy nét. Nếu máy ảnh có thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ hiển thị màu xanh lá cây, nếu máy ảnh không thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu đỏ (lưu ý có thể chụp ảnh ngay cả khi điểm lấy nét nhấp đỏ, kiểm tra lấy nét trong màn hình trước khi chụp). Có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn vào giữa bộ chọn phụ (⏏ 141); khóa lấy nét trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

✓ Sử dụng Lấy nét tự động trong Xem Trực Tiếp

Sử dụng thấu kính AF-S hoặc AF-P. Có thể không đạt được các kết quả mong muốn với các thấu kính hoặc bộ chuyển từ xa khác. Lưu ý rằng trong xem trực tiếp, tự động lấy nét chậm hơn và màn hình có thể sáng hoặc tối trong khi máy ảnh lấy nét. Điểm lấy nét đôi khi có thể được hiển thị bằng màu xanh khi máy ảnh không thể lấy nét. Máy ảnh có thể không thể lấy nét trong những tình huống sau đây:

- Đối tượng có đường song song với cạnh dài của khuôn hình
- Đối tượng thiếu tương phản
- Đối tượng tại các điểm lấy nét có chứa các khu vực có độ sáng tương phản mạnh, hoặc đối tượng được chiếu sáng bởi ánh sáng tại chỗ hoặc đèn neon hoặc nguồn sáng khác thay đổi về độ sáng
- Nhấp nháy hoặc dải xuất hiện dưới đèn huỳnh quang, đèn khí thủy ngân, khí natri, hoặc ánh sáng tương tự
- Bộ lọc (ngôi sao) ngang hoặc bộ lọc đặc biệt khác được sử dụng
- Đối tượng xuất hiện nhỏ hơn điểm lấy nét
- Đối tượng bị chi phối bởi các mẫu hình học thông thường (ví dụ như rèm hoặc hàng cửa sổ trong tòa nhà chọc trời)
- Đối tượng đang di chuyển



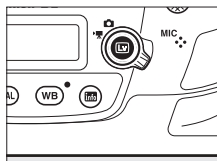
5 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả màn trập hết cỡ để chụp.
Màn hình sẽ tắt.



6 Thoát xem trực tiếp.

Nhấn nút  để thoát xem trực tiếp.



Xem Trước Phơi Sáng

Trong xem trực tiếp, bạn có thể nhấn  để xem trước các hiệu ứng của tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, và độ nhạy sáng ISO khi phơi sáng. Khi

Tắt được chọn cho **Chụp xem trực tiếp im lặng**, có thể điều chỉnh phơi sáng ± 5 EV

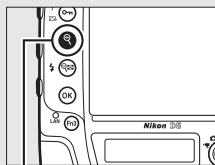
( 143), mặc dù chỉ có giá trị giữa -3 và $+3$ EV được phản ánh trong các màn hình hiển thị xem

trước. Lưu ý rằng bản xem trước có thể không phản ánh chính xác kết quả cuối cùng khi chiếu sáng đèn nháy được sử dụng, D-Lighting hoạt động ( 187), Dải Nhạy Sáng Cao (HDR;  189), hoặc chụp bù trừ đang được sử dụng, **A** (tự động) được chọn cho tham số Picture Control **Độ tương phản** ( 182), hoặc **x 25 a** được chọn cho tốc độ cửa trập. Nếu đối tượng là rất sáng hoặc rất tối, các chỉ báo phơi sáng sẽ nhấp nháy để cảnh báo rằng xem trước có thể không phản ánh phơi sáng chính xác. Xem trước phơi sáng không có khi    hoặc **-** - được chọn cho tốc độ cửa trập.



Xem Trước Thu Phóng Xem Trực Tiếp

Nhấn nút  để phóng to ảnh trong màn hình lên đến tối đa khoảng 11×. Cửa sổ định hướng sẽ xuất hiện trong khung màu xám ở góc dưới bên phải của màn hình hiển thị. Sử dụng đa bộ chọn để cuộn đến các vùng khuôn hình không nhìn thấy trên màn hình hoặc nhấn  () để thu nhỏ.



Nút 

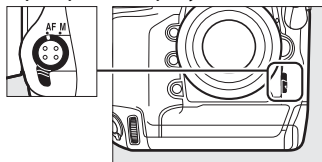


Cửa sổ định hướng

Lấy nét tự động

Để chụp ảnh bằng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang **AF**.

Bộ chọn chế độ lấy nét

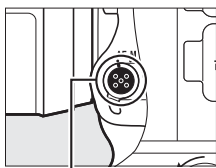


■ Chọn Chế Độ Lấy Nét

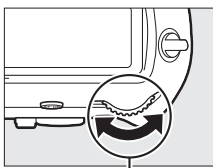
Chế độ lấy nét tự động sau đây sẵn có trong xem trực tiếp:

Chế độ	Mô tả
AF-S	AF phần phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.
AF-F	AF phần phụ toàn thời gian: Với các đối tượng chuyển động. Máy ảnh lấy nét liên tục cho đến khi nút nhả cửa trập được nhấn. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

Để chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.



Nút chế độ AF



Đĩa lệnh chính



Màn hình

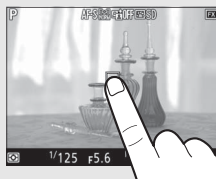
■ Chọn Chế Độ Vùng AF

Có thể chọn các chế độ vùng AF trong xem trực tiếp:

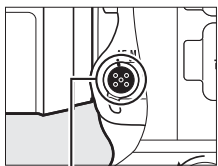
Chế độ	Mô tả
	AF ưu tiên khuôn mặt: Sử dụng để chụp chân dung. Máy ảnh tự động phát hiện đối tượng và lấy nét đối tượng chân dung; nếu đối tượng được chọn có viền kép màu vàng (nếu có nhiều khuôn mặt, tối đa là 35, được phát hiện, máy ảnh sẽ lấy nét vào các đối tượng gần nhất; để chọn đối tượng khác, sử dụng đa bộ chọn). Nếu máy ảnh không còn có thể phát hiện đối tượng nữa (ví dụ, vì đối tượng đã quay mặt đi với máy ảnh), đường viền sẽ không còn được hiển thị nữa.
	AF vùng rộng: Sử dụng để chụp cầm tay ảnh phong cảnh và các đối tượng không phải chân dung. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn đa bộ chọn để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình.
	AF vùng bình thường: Sử dụng lấy nét điểm cố định trên một điểm cố định trong khuôn hình. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn đa bộ chọn để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình. Nên sử dụng giá ba chân.
	AF dò tìm đối tượng: Đặt điểm lấy nét trên đối tượng và nhấn vào giữa đa bộ chọn. Điểm lấy nét sẽ theo dõi đối tượng được chọn khi đối tượng di chuyển qua khuôn hình. Để kết thúc theo dõi, nhấn lại vào giữa đa bộ chọn. Lưu ý rằng máy ảnh máy ảnh không thể theo dõi đối tượng nếu đối tượng di chuyển nhanh, rời khỏi khuôn hình hay bị che khuất bởi các đối tượng khác, thay đổi rõ ràng về kích thước, màu sắc hay độ sáng, hoặc quá nhỏ, quá lớn, quá sáng, quá tối, hay tương tự về màu sắc hay độ sáng với nền.

Xem trực tiếp

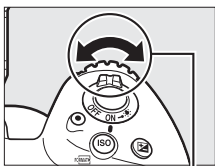
Trong khi xem trực tiếp, bạn có thể đặt điểm lấy nét bằng cách gõ vào đối tượng trong màn hình.



Để chọn chế độ vùng AF, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.



Nút chế độ AF



Đĩa lệnh phụ

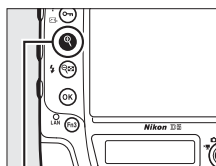
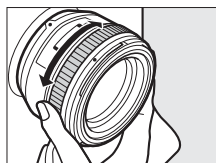


Màn hình

Lấy Nét Bằng Tay

Để lấy nét ở chế độ lấy nét bằng tay (📖 114), xoay vòng lấy nét thấu kính cho đến khi đối tượng được lấy nét. Để phóng to cảnh trong màn hình để lấy nét chính xác, nhấn nút  (📖 47).

LV



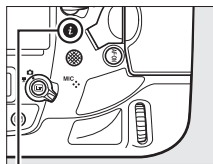
Nút 

Xem Trước Lấy Nét Trong Xem Trực Tiếp

Để tạm thời chọn độ mở ống kính tối đa nhằm xem trước lấy nét nâng cao trong khi xem trực tiếp, nhấn nút **Pv**; biểu tượng độ mở ống kính tối đa (📖 56) sẽ được hiển thị. Để trả độ mở ống kính về giá trị ban đầu, nhấn nút một lần nữa hoặc lấy nét bằng lấy nét tự động. Nếu nút nhà cửa trập được nhấn hết cỡ để chụp ảnh trong khi xem trước lấy nét, độ mở ống kính sẽ trở lại giá trị ban đầu trước khi ảnh được chụp.

Sử dụng nút **i**

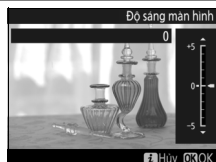
Các tùy chọn được liệt kê dưới đây có thể được truy cập bằng cách nhấn nút **i** trong khi chụp xem ảnh trực tiếp. Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn **▶** để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật. Sau khi chọn được cài đặt mong muốn, nhấn **OK** để trở về menu nút **i**. Nhấn lại vào nút **i** để thoát khỏi màn hình hiển thị chụp.



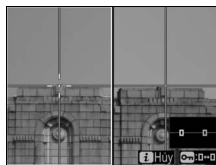
Nút **i**



Tùy chọn	Mô tả
Chọn vùng hình ảnh	Chọn vùng ảnh cho chụp ảnh xem trực tiếp (☞ 87).
D-Lighting hoạt động	Điều chỉnh D-Lighting hoạt động (☞ 187).
Cửa trập màn trước điện tử	Bật hoặc tắt cửa trập màn trước điện tử để chụp ảnh với gương nâng lên (☞ 340).
Độ sáng màn hình	Nhấn ☀ hoặc ☾ để điều chỉnh độ sáng màn hình cho chụp ảnh xem trực tiếp (lưu ý rằng điều này chỉ ảnh hưởng đến xem trực tiếp và không ảnh hưởng đến ảnh hoặc phim hoặc độ sáng của màn hình menu hoặc phát lại; để điều chỉnh độ sáng của màn hình menu và phát lại, sử dụng tùy chọn Độ sáng màn hình trong menu cài đặt như mô tả trên trang 369).

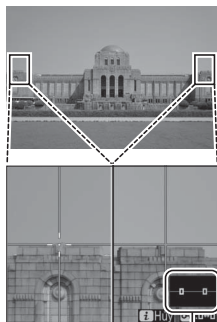


Tùy chọn	Mô tả
WB hiển thị xem trực tiếp ảnh	Trong khi chụp ảnh xem trực tiếp, có thể đặt cân bằng trắng (màu) của màn hình sang giá trị khác với giá trị được sử dụng cho ảnh (📖 159). Việc này có thể có hiệu quả nếu ánh sáng mà các ảnh được đóng khung khác với ánh sáng được sử dụng khi ảnh được chụp, ví dụ như đôi khi có trường hợp là đèn nháy hoặc cân bằng trắng bằng tay thiết lập sẵn được sử dụng. Điều chỉnh cân bằng trắng hiển thị xem trực tiếp ảnh để tạo ra hiệu ứng tương tự giống với hiệu ứng được sử dụng cho các ảnh chụp thực tế để giúp dễ chụp ảnh hơn. Để sử dụng cân bằng trắng tương tự cho cả giao diện ảnh trong màn hình và cho ảnh, chọn Không có. Lưu ý rằng bất kể tùy chọn nào được chọn, cân bằng trắng tương tự cũng được dùng cho cả hai giao diện trong màn hình và trong ảnh khi Chụp ảnh im lặng được bật (📖 54). Cân bằng trắng màn hình được thiết lập lại khi máy được tắt, nhưng có thể chọn giá trị sử dụng lần cuối bằng cách nhấn WB trong khi nhấn và giữ nút WB.
Thu phóng chia màn hình	Xem song song hai khu vực riêng biệt của khuôn hình (📖 53). Ví dụ, tùy chọn này có thể được sử dụng để cân chỉnh các tòa nhà với đường chân trời.
Chụp ảnh im lặng	Cửa trập vẫn mở trong chụp, loại bỏ âm thanh do cửa trập gây ra (📖 54).



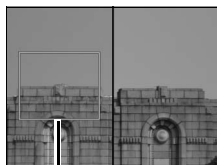
■ Thu Phóng Chia Màn Hình

Việc chọn **Thu phóng chia màn hình** trong menu nút **i** chụp ảnh xem trực tiếp sẽ chia màn hình hiển thị thành hai ô hiển thị các khu vực riêng biệt của khuôn hình song song ở tỷ lệ thu phóng cao. Vị trí của các khu vực phóng to được hiển thị trong cửa sổ định hướng.



Cửa sổ định hướng

Sử dụng nút và để phóng to và thu nhỏ, hoặc sử dụng nút (/?) để chọn ô và nhấn hoặc để cuộn vùng chọn sang trái hoặc phải. Việc nhấn hoặc sẽ cuộn cả hai khu vực lên hoặc xuống cùng một lúc. Để lấy nét trên đối tượng ở giữa vùng chọn, và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Để thoát hiển thị chia màn hình, nhấn nút **i**.



Vùng lấy nét

Chế độ im lặng

Khi **Bật** được chọn cho **Chụp ảnh im lặng** trong menu nút **i** (□ 52) hoặc **Bật** được chọn cho **Chụp xem trực tiếp im lặng** trong menu chụp ảnh (□ 309),  được hiển thị trong màn hình và gương nâng lên và cửa trập vẫn mở trong khi chụp ảnh trực tiếp. Trong khi nút nhả cửa trập được nhấn, máy ảnh cần tới năm giây để chụp ảnh JPEG ở khoảng 15 khuôn hình trên một giây trong chế độ nhả liên tục im lặng và nhả tốc độ thấp liên tục, hoặc khoảng 30 khuôn hình trên một giây ở chế độ nhả tốc độ cao liên tục; thời gian còn lại được hiển thị trong màn hình hiển thị số phơi sáng. Trong các chế độ nhả khác, mỗi lần nhấn nút nhả cửa trập sẽ có một ảnh được chụp. Độ nhạy sáng ISO được thiết lập tự động ngoại trừ trong chế độ phơi sáng **M**, bạn có thể chọn các giá trị nhạy sáng ở khoảng ISO 100 và Hi 5 (□ 124). Trong chế độ phơi sáng **M**, có thể đặt tốc độ cửa trập sang các giá trị ở khoảng $1/30$ giây và $1/8000$ giây. Có thể xem trước phơi sáng trong màn hình (□ 46); để xem hoặc ẩn chỉ báo (□ 137) cho biết độ lệch giữa giá trị do máy ảnh chọn và giá trị bạn chọn, nhấn .



Chế độ im lặng

Trong chế độ im lặng, đèn nháy sẽ không sáng, tự hẹn giờ, chụp bù trừ (□ 146), D-Lighting hoạt động (□ 187), HDR (□ 189), điều khiển họa tiết (□ 316), điều khiển biến dạng (□ 317), đa phơi sáng (□ 229), giảm nhiễu ISO cao (□ 316), và chế độ trễ-phơi sáng (□ 339) tắt, chất lượng hình ảnh được cố định ở JPEG mịn★ (nếu **Khe 1 RAW - Khe 2 JPEG** được chọn cho **Vai trò của thẻ trong Khe 2**, ảnh JPEG sẽ được ghi vào các thẻ ở cả hai khe). Cỡ hình ảnh được xác định chỉ bằng tùy chọn được chọn cho **Vùng hình ảnh** (□ 88) và không bị ảnh hưởng bởi tùy chọn được chọn cho **Kích cỡ hình ảnh**:

- **FX (36 × 24) 1.0x:** 2784 × 1856
- **DX (24 × 16) 1.5x:** 1824 × 1216
- **1,2x (30 × 20) 1.2x:** 2320 × 1544
- **5 : 4 (30 × 24):** 2320 × 1856

Có thể chỉnh bù phơi sáng tới ± 3 EV (□ 143); các cài đặt phơi sáng khác (độ mở ống kính, tốc độ cửa trập và độ nhạy ISO) có thể được hiển thị như trong bảng sau:

	Độ mở ống kính	Tốc độ cửa trập	Độ nhạy ISO
P, S	—	—	—
A	✓	—	—
M	✓	✓	✓

Lưu ý rằng chế độ im lặng không phải là hoàn toàn im lặng: cửa trập phát ra âm thanh và gương nâng lên, hạ xuống khi bắt đầu và kết thúc chụp ảnh xem trực tiếp.

HDMI

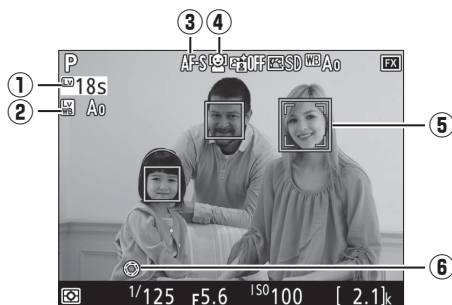
Nếu máy ảnh được kết nối với thiết bị video HDMI trong chế độ chụp ảnh xem trực tiếp, màn hình máy ảnh sẽ vẫn bật và thiết bị video sẽ hiển thị xem qua thấu kính.

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lựa chọn vai trò của các nút quay phim và của đĩa lệnh, và của trung tâm đa bộ chọn, xem Tùy chỉnh Cài đặt f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút ghi phim** +  (□ 346, 353) và f2 (**Nút trung tâm đa bộ chọn**, □ 357). Xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**, □ 337) để biết thông tin về việc chọn quãng thời gian màn hình vẫn hoạt động trong xem trực tiếp. Để biết thông tin về việc ngăn hoạt động không mong muốn của nút , xem Cài Đặt Tùy Chọn f8 (**Tùy chọn nút xem trực tiếp**, □ 361).



Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp



Mục	Mô tả	
① Thời gian còn lại	Số lượng thời gian còn lại trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động. Hiển thị nếu việc chụp sẽ kết thúc trong 30 giây hoặc ít hơn.	—
② Chỉ báo cân bằng trắng hiển thị xem trực tiếp ảnh	Màu sắc màn hình (cân bằng trắng hiển thị xem trực tiếp ảnh).	52
③ Chế độ lấy nét tự động	Chế độ lấy nét tự động hiện tại.	48
④ Chế độ vùng AF	Chế độ vùng AF hiện tại.	49
⑤ Điểm lấy nét	Điểm lấy nét hiện tại. Màn hình hiển thị khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho chế độ vùng AF động.	49
⑥ Chỉ báo độ mở ống kính tối đa	Được hiển thị khi nút Pv được nhấn để chọn độ mở ống kính tối đa.	50

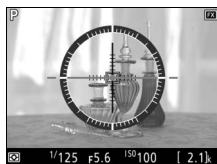
☒ **Hiển Thị Đếm Ngược**

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động (bộ hẹn giờ chuyển sang màu đỏ nếu chế độ xem trực tiếp chuẩn bị kết thúc để bảo vệ các mạch nội bộ hoặc, nếu một tùy chọn không phải là **Không giới hạn** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c4—**Độ trễ tắt màn hình > Xem trực tiếp**; 337—5 giây trước khi màn hình tắt tự động). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi xem trực tiếp được chọn.

Hiện Thị Thông Tin

Để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trong màn hình, nhấn nút **info**.

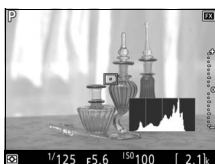
Đường chân trời ảo
(**book icon** 371)



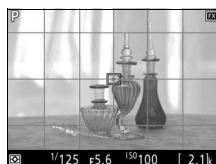
Thông tin bật



Thông tin tắt



Biểu đồ (chỉ xem trước phơi sáng và chụp ảnh im lặng; **book icon 46, 54)**



Hướng dẫn khuôn hình



Chụp ở Xem Trực Tiếp

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu ảnh hoặc phơi sáng, đóng cửa trập nắp thị kính kính ngắm (📖 120).

Mặc dù không xuất hiện trong bức ảnh cuối cùng ngoại trừ **Bật** được chọn cho **Chụp ảnh im lặng** (📖 54), các đường mép răng cưa, viền màu, nhiễu và các điểm sáng có thể xuất hiện trên màn hình, trong khi các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng với các dấu nháy và các nguồn sáng đứt đoạn khác hoặc nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng nào khác. Ngoài ra, có thể xảy ra biến dạng nếu máy ảnh được lia theo chiều ngang hoặc đối tượng di chuyển ở tốc độ cao thông qua khuôn hình. Nhấp nháy và tạo dải để nhìn thấy trên màn hình dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri có thể được giảm xuống bằng cách sử dụng tùy chọn **Giảm nhấp nháy** trong menu ghi phim (📖 322), mặc dù chúng vẫn có thể được nhìn thấy trên bức ảnh cuối cùng ở một số tốc độ cửa trập. Khi chụp trong xem trực tiếp, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh.

Bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**, 📖 336), hẹn giờ chờ sẽ không hết hạn trong suốt quá trình chụp.

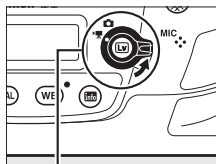
Phim

Đọc phần này để biết thông tin về ghi và xem phim.

Ghi phim

Có thể xem phim trong chế độ xem trực tiếp.

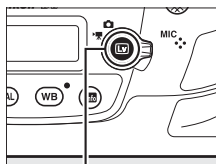
- 1 Xoay bộ chọn xem trực tiếp sang  (xem trực tiếp phim).



Bộ chọn xem trực tiếp

- 2 Nhấn nút .

Gương sẽ được nâng lên và nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh, được sửa đổi cho các hiệu ứng phơi sáng. Không còn nhìn thấy đối tượng trong kính ngắm.



Nút 

Biểu tượng

Biểu tượng  (65) cho biết không thể ghi phim.

Cân bằng trắng

Cân bằng trắng có thể được đặt ở bất kỳ lúc nào bằng cách nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh chính (159).

3 Chọn chế độ lấy nét.(📖 48).



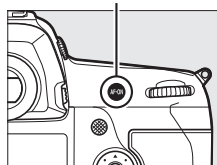
4 Chọn chế độ vùng AF (📖 49).



5 Lấy nét.

Tạo khuôn hình ảnh mở đầu và nhấn nút **AF-ON** để lấy nét. Lưu ý rằng số lượng các đối tượng có thể được phát hiện trong lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt sẽ giảm trong khi quay phim.

Nút AF-ON

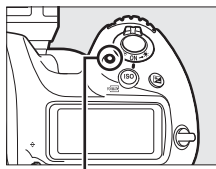


Lấy nét

Có thể điều chỉnh lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng trước khi bắt đầu ghi hoặc bạn có thể lấy nét bằng tay như mô tả trong trang 50.

6 Bắt đầu ghi.

Nhấn nút ghi phim để bắt đầu ghi. Chỉ báo ghi và thời gian còn lại được hiển thị trong màn hình. Có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn vào giữa bộ chọn phụ (□ 141) hoặc thay đổi lên tới ± 3 EV bằng bù phơi sáng (□ 143); đo sáng điểm không khả dụng. Trong chế độ lấy nét tự động, có thể lấy nét lại cho máy ảnh bằng cách nhấn nút **AF-ON**.



Nút ghi phim

Chỉ báo ghi



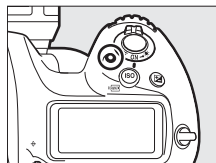
Thời gian còn lại

Âm thanh

Máy ảnh có thể ghi lại cả video và âm thanh; không che micrô trên mặt trước của máy ảnh trong quá trình ghi phim. Lưu ý rằng micrô gắn sẵn có thể ghi lại âm thanh của máy ảnh hoặc thấu kính trong khi lấy nét tự động, chống rung, hoặc thay đổi độ mở ống kính.

7 Kết thúc ghi.

Nhấn nút ghi phim lần nữa để kết thúc ghi. Ghi phim sẽ tự động kết thúc khi đạt độ dài tối đa, hoặc thẻ nhớ đầy.

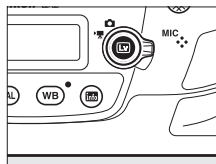


Độ Dài Tối Đa

Độ dài tối đa của từng tập tin phim là 4 GB (để biết thời gian ghi tối đa, xem trang 67); lưu ý rằng tùy thuộc vào tốc độ ghi thẻ nhớ, việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt đến độ dài này.

8 Thoát xem trực tiếp.

Nhấn nút  để thoát xem trực tiếp.



Chế độ phơi sáng

Có thể điều chỉnh các cài đặt phơi sáng sau trong chế độ phim:

	Độ mở ống kính	Tốc độ cửa trập	Độ nhạy ISO
P, S	—	—	— 1, 2
A	✓	—	— 1, 2
M	✓	✓	✓ 2, 3

- 1 Có thể chọn giới hạn trên cho độ nhạy ISO bằng cách sử dụng tùy chọn **Cài đặt độ nhạy ISO phim > Độ nhạy tối đa** trong menu ghi phim ( 320).
- 2 Giới hạn trên khi **Bật** được chọn cho **Chống rung điện tử** trong menu quay phim là ISO 102400.
- 3 Nếu **Bật** được chọn cho **Cài đặt độ nhạy ISO phim > Đ.chỉnh ISO tự động (c.độ M)** trong menu ghi phim, có thể chọn giới hạn trên cho độ nhạy ISO bằng cách sử dụng tùy chọn **Độ nhạy tối đa**.

Trong chế độ phơi sáng **M**, có thể thiết lập tốc độ cửa trập về giá trị giữa $1/25$ giây và $1/8000$ giây (tốc độ cửa trập chậm nhất có thể thay đổi theo tỷ lệ khuôn hình;  67). Trong các chế độ phơi sáng khác, tốc độ cửa trập được điều chỉnh tự động. Nếu đối tượng được phơi sáng thừa hoặc thiếu ở chế độ **P** hoặc **S**, kết thúc xem trực tiếp và bắt đầu lại xem trực tiếp phim hoặc lựa chọn phơi sáng **A** và điều chỉnh độ mở ống kính.

Xem Thêm

Có thể chọn vai trò của phần giữa đa bộ chọn bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Nút trung tâm đa bộ chọn**;  357) và các vai trò của nút **Fn1**, **Fn2**, **Fn3** và **Pv** và trung tâm của bộ chọn phụ bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**;  362). Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút nhả cửa trập** ( 362) kiểm soát việc sử dụng nút nhả cửa trập để khởi động xem trực tiếp phim, hoặc để khởi động và kết thúc ghi phim, hoặc (khi nhấn hết cỡ) để chụp ảnh khi đang ghi phim. Để biết thông tin về việc ngăn hoạt động không mong muốn của nút , xem Cài Đặt Tùy Chọn f8 (**Tùy chọn nút xem trực tiếp**,  361).

Danh mục

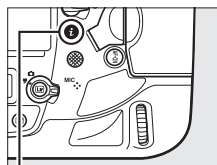
Nếu **Đánh dấu danh mục** được gán cho một điều khiển bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**, □ 362), bạn có thể nhấn vào điều khiển được chọn trong khi ghi để thêm các chỉ số có thể được sử dụng để xác định vị trí khung hình trong khi chỉnh sửa và phát lại (□ 81). Có thể thêm 20 danh mục vào mỗi phim.



Danh mục

Sử dụng nút **i**

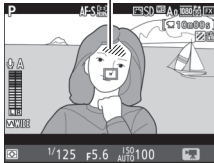
Có thể truy cập các tùy chọn được liệt kê dưới đây bằng cách nhấn nút **i** trong chế độ phim. Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn **⏏** để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật. Sau khi chọn được cài đặt mong muốn, nhấn **⏏** để trở về menu nút **i**. Nhấn lại vào nút **i** để thoát khỏi màn hình hiển thị chụp.



Nút **i**



Tùy chọn	Mô tả
Chọn vùng hình ảnh	Chọn vùng hình ảnh cho phim (□ 70).
Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình	Chọn cỡ khuôn hình và tốc độ khuôn hình (□ 67).
Chất lượng phim	Chọn chất lượng phim (□ 67).
Độ nhạy micro	Nhấn ⬆ hoặc ⬇ để điều chỉnh độ nhạy micro (□ 321).

Tùy chọn	Mô tả
Đáp tuyến tần số	Đáp ứng tần số micro điều khiển (🔊 321).
Giảm nhiễu do gió	Bật hoặc tắt giảm nhiễu do gió bằng cách sử dụng bộ lọc giảm tần số và tiếng ồn của micro gắn sẵn (🔊 322).
Đích	Khi hai thẻ nhớ được lắp vào, bạn có thể chọn thẻ có phim được ghi (🔊 319).
Độ sáng màn hình	Nhấn 🌞 hoặc 🌙 để điều chỉnh độ sáng màn hình (lưu ý rằng việc này chỉ ảnh hưởng đến xem trực tiếp chứ không ảnh hưởng đến ảnh hoặc phim hoặc độ sáng của màn hình menu hoặc phát lại; 🔊 51).
Hiện thị phần tô sáng	 Chọn cho phép hoặc không cho phép các vùng sáng nhất của khuôn hình (nổi bật) được thể hiện bằng các đường xiên trong màn hình hiển thị. Phần tô sáng 
Âm lượng tai nghe	Nhấn 🗮 hoặc 🗯 để điều chỉnh âm lượng tai nghe.
Chống rung điện tử	Chọn Bật để kích hoạt chống rung điện tử trong khi quay phim, nhưng lưu ý rằng việc này sẽ làm giảm góc nhìn, khiến cho các cạnh của khuôn hình bị cắt bớt. Không có ở cỡ khuôn hình 3840 × 2160 hoặc xén 1920 × 1080 (🔊 67).

🔧 Sử Dụng Micro Bên Ngoài

Có thể sử dụng micro stereo ME-W1 tùy chọn hoặc micro không dây ME-W1 để ghi âm thanh cho phim (🔊 431).

🔧 Tai Nghe

Có thể dùng tai nghe của bên thứ ba. Lưu ý rằng mức độ âm thanh cao có thể dẫn đến âm lượng lớn; cần đặc biệt cẩn thận khi sử dụng tai nghe.

Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp



Mục	Mô tả	
① Âm lượng tai nghe	Âm lượng đầu ra âm thanh cho tai nghe. Hiển thị khi tai nghe của bên thứ ba được kết nối.	64
② Độ nhạy micrô	Độ nhạy micrô.	63
③ Mức âm thanh	Mức âm thanh để ghi âm. Được hiển thị ở màu đỏ nếu mức quá cao; điều chỉnh độ nhạy micrô tương ứng.	—
④ Đáp tuyến tần số	Đáp tuyến tần số hiện tại.	64
⑤ Giảm nhiễu do gió	Hiển thị khi bật giảm nhiễu do gió.	64
⑥ Biểu tượng “Không có phim”	Cho biết không thể quay phim.	—
⑦ Cỡ khuôn hình phim	Cỡ khuôn hình quay phim.	67
⑧ Thời gian còn lại	Thời gian còn để quay phim.	61
⑨ Chỉ báo hiển thị nổi bật	Hiển thị khi bật hiển thị nổi bật.	64
⑩ Chỉ báo Chống rung điện tử	Hiển thị khi bật chống rung điện tử.	322



Hiển Thị Đếm Ngược

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp tự động kết thúc (□ 56). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi bắt đầu quay phim. Lưu ý rằng bất kể thời lượng của thời gian ghi là bao nhiêu, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn. Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục ghi phim.

Điều Chỉnh Cài Đặt Trong Quá Trình Ghi Phim

Không thể điều chỉnh âm lượng tai nghe trong quá trình ghi. Nếu một tùy chọn không phải là  (tắt micrô) hiện được chọn thì độ nhạy micrô có thể được thay đổi sang bất kỳ giá trị nào khác với  trong khi đang ghi.



Độ Dài Tối Đa

Chiều dài tối đa thay đổi tùy theo các tùy chọn cho **Chất lượng phim** và **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** trong menu ghi phim (📖 318).

Tùy chọn ¹	Tốc độ bit tối đa (Mbps) (★ Chất lượng cao/Bình thường)	Độ dài tối đa
 3840 × 2160 (4K UHD); 30p ²	144 ³	29 phút 59 giây ⁴
 3840 × 2160 (4K UHD); 25p ²		
 3840 × 2160 (4K UHD); 24p ²		
 1920 × 1080; 60p	48/24	
 1920 × 1080; 50p		
 1920 × 1080; 30p	24/12	
 1920 × 1080; 25p		
 1920 × 1080; 24p		
 1280 × 720, 60p		
 1280 × 720, 50p		
 1920 × 1080; xén 60p ⁵		
 1920 × 1080; xén 50p ⁵		
 1920 × 1080; xén 30p ⁵		
 1920 × 1080; xén 25p ⁵		
 1920 × 1080; xén 24p ⁵		

- Tốc độ khuôn hình thực tế là 29,97 khuôn hình trên một giây cho các giá trị được liệt kê ở 30p, 23,976 khuôn hình trên một giây cho các giá trị được liệt kê ở 24p, và 59,94 khuôn hình trên một giây cho các giá trị ở 60p.
- Khi tùy chọn này được chọn,  được hiển thị trong màn hình và chất lượng phim được cố định ở "cao".
- Chỉ có ở chất lượng cao.
- Mỗi phim được ghi tới 8 tập tin, mỗi tập tin có dung lượng tới 4 GB. Số lượng tập tin và độ dài của mỗi tập tin khác nhau tùy theo các tùy chọn được chọn cho **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** và **Chất lượng phim**.
-  được hiển thị trong màn hình khi tùy chọn này được chọn.

Hiển Thị Thông Tin

Để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trong màn hình, nhấn nút **Info**.

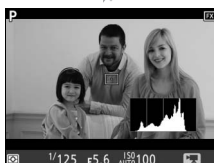
Đường chân trời ảo
(371)



Thông tin bật



Thông tin tắt



Biểu đồ



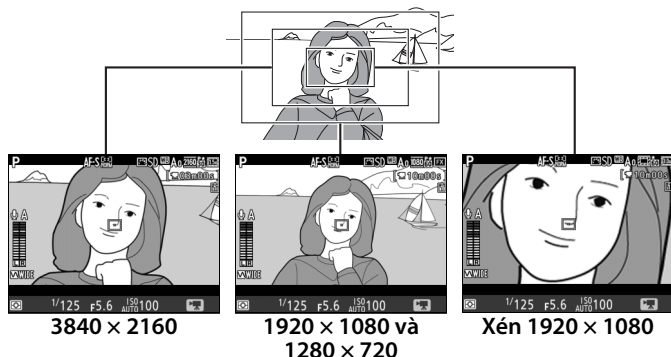
Hướng dẫn khuôn
hình

HDMI

Nếu máy ảnh được kết nối với thiết bị HDMI (286), giao diện xem qua thấu kính sẽ xuất hiện ở cả màn hình máy ảnh và trên thiết bị HDMI.

Xén phim

Phim có tỷ lệ khung hình 16 : 9 và được ghi bằng cách sử dụng xén khác nhau theo cỡ khuôn hình.



Chuyển từ cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc 1280 × 720 lên 3840 × 2160 làm tăng tiêu cự rõ ràng khoảng 1,5x, trong khi việc chuyển từ xén 1920 × 1080 hoặc 1280 × 720 lên 1920 × 1080 làm tăng tiêu cự rõ ràng khoảng 3x.



Vùng hình ảnh

Ở cỡ khuôn hình 1920×1080 và 1280×720 , bạn có thể chọn vùng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Vùng hình ảnh > Chọn vùng hình ảnh** trong menu ghi phim. Chọn **FX** để ghi phim ở “Phim định dạng FX”, **DX** để ghi ở “Phim định dạng DX”. Sự khác biệt giữa hai lựa chọn trên được minh họa dưới đây.



FX (36×24)



DX (24×16)

 Kích cỡ của các vùng được ghi là khoảng $35,9 \times 20,2$ mm (Định dạng phim FX) và $23,5 \times 13,2$ mm (Định dạng phim DX). Phim được ghi bằng thấu kính định dạng DX và **Bật** được chọn cho **Vùng hình ảnh > Xén DX tự động** (📖 88) trong menu ghi phim được ghi bằng phim định dạng DX. Việc bật giảm chống rung điện tử (📖 64) sẽ làm giảm cỡ xén, làm tăng nhẹ tiêu cự rõ ràng.

Ở cỡ khuôn hình của xén 3840×2160 và 1920×1080 , không có chọn vùng hình ảnh và vùng hình ảnh vẫn giữ nguyên bất kể sử dụng loại thấu kính nào.

Chụp Ảnh Trong Chế Độ Phim

Để chụp ảnh trong chế độ phim (dù là trong xem trực tiếp hoặc trong khi ghi phim), chọn **Chụp ảnh** cho Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút nhả cửa trập**



(☐ 362). Ảnh với tỉ lệ khuôn hình 16 : 9 có thể chụp bất cứ lúc nào bằng cách nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ. Nếu đang quay phim, việc ghi sẽ kết thúc và cảnh quay ghi lại tới thời điểm đó sẽ được lưu lại.

Ngoại trừ ở cỡ khuôn hình xén 1920×1080 hoặc 3840×2160 (☐ 67), ảnh được ghi ở định dạng được chọn cho **Chất lượng hình ảnh** trong menu chụp ảnh (☐ 92); ảnh được chụp ở cỡ khuôn hình xén 1920×1080 hoặc 3840×2160 được ghi ở chất lượng hình ảnh JPEG fine★. Để biết thông tin về cỡ hình ảnh, xem trang 72. Lưu ý rằng không thể xem trước phơi sáng của ảnh khi bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang ; nên dùng chế độ **P**, **S**, hoặc **A** nhưng có thể đạt được kết quả chính xác ở chế độ **M** bằng cách xem trước phơi sáng với bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang .



■ Cỡ hình ảnh

Cỡ ảnh chụp ở chế độ phim khác nhau theo cỡ khuôn hình phim (📖 67) và, trong trường hợp ảnh được chụp ở cỡ khuôn hình 1920×1080 và 1280×720 , với vùng hình ảnh và tùy chọn được chọn cho **Kích cỡ hình ảnh > JPEG/TIFF** trong menu chụp ảnh (📖 95).

Cỡ khuôn hình	Vùng hình ảnh	Kích cỡ hình ảnh	Kích cỡ (điểm ảnh)	Cỡ in (cm) *
3840×2160	—		3840×2160	$32,5 \times 18,3$
1920×1080 1280×720	FX	Lớn	5568×3128	$47,1 \times 26,5$
		Trung bình	4176×2344	$35,4 \times 19,8$
		Nhỏ	2784×1560	$23,6 \times 13,2$
	DX	Lớn	3648×2048	$30,9 \times 17,3$
		Trung bình	2736×1536	$23,2 \times 13,0$
		Nhỏ	1824×1024	$15,4 \times 8,7$
Xén 1920×1080	—		1920×1080	$16,3 \times 9,1$

* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in theo đơn vị inch bằng với cỡ hình ảnh theo đơn vị điểm ảnh được phân chia bằng độ phân giải máy in ở điểm mỗi inch (dpi; 1 inch = khoảng 2,54 cm).

Đo Sáng Phơi Sáng và Cân Bằng Trắng

Khu vực được sử dụng để đo phơi sáng hay cân bằng trắng tự động khi hình ảnh được ghi ở cỡ khuôn hình phim là xén 1920 × 1080 (□ 67) không giống như khu vực trong ảnh cuối cùng, có thể không đạt được kết quả tối ưu. Chụp ảnh thử nghiệm và kiểm tra kết quả trên màn hình.

Điều Khiển Từ Xa Không Dây và Dây Chạm Từ Xa

Nếu **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút nhả cửa trập** (□ 362), có thể sử dụng nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa không dây tùy chọn và dây chạm từ xa (□ 427, 429) để khởi động xem trực tiếp và bắt đầu và kết thúc ghi phim (□ 365).

Ghi phim

Phim được quay ở không gian màu sRGB. Nhấp nháy, tạo dải hoặc biến dạng có thể dễ nhìn thấy trên màn hình và trong phim cuối cùng dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri hoặc nếu máy ảnh được lướt ngang hay đối tượng di chuyển với tốc độ cao qua khuôn hình (để biết thông tin về giảm nhấp nháy và tạo dải, xem **Giảm nhấp nháy**, □ 322). Nhấp nháy cũng có thể xuất hiện trong tạo độ mở ống kính bằng điện được sử dụng (□ 362). Cạnh lởm chởm, viền màu, nhòe, và điểm sáng chói cũng có thể xuất hiện. Các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng của khuôn hình với các dấu nháy và các nguồn sáng đứt đoạn khác hoặc nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng khác. Khi ghi phim, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh. Lưu ý rằng nhiễu (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) và màu sắc bất ngờ có thể xuất hiện nếu bạn phóng to trên màn hình qua thấu kính (□ 47) trong chế độ phim.

Không thể sử dụng chiếu sáng đèn nháy.

Việc ghi sẽ tự động kết thúc nếu thấu kính được tháo ra hoặc khi bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang cài đặt mới.



Phim tua nhanh thời gian

Máy ảnh tự động chụp ảnh ở quãng thời gian được lựa chọn để tạo phim tua nhanh thời gian im lặng bằng cách sử dụng các tùy chọn hiện đang được chọn cho **Chọn vùng hình ảnh** (📖 70), **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình**, **Chất lượng phim**, và **Đích** trong menu quay phim (📖 318). Ảnh được chụp bằng cách sử dụng chụp ảnh với kính ngắm.

Trước Khi Chụp

Trước khi chụp phim tua nhanh thời gian, chụp thử ở các cài đặt hiện hành và xem các kết quả trong màn hình. Để có màu nhất quán, chọn cài đặt cân bằng trắng không phải là tự động (📖 159).

Nên sử dụng giá ba chân. Lắp máy ảnh vào giá ba chân trước khi bắt đầu chụp. Để đảm bảo việc chụp ảnh không bị gián đoạn, sử dụng bộ đổi điện AC tùy chọn và đầu nối nguồn hoặc pin sạc đầy. Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu ảnh hoặc phơi sáng, đóng cửa trập nắp thị kính kính ngắm (📖 120).

1 Chọn Phim theo quãng thời gian.

Làm nổi bật **Phim theo quãng thời gian** trong menu chụp và nhấn  để hiển thị cài đặt ghi phim tua nhanh thời gian.



2 Điều chỉnh cài đặt phim tua nhanh thời gian.

Chọn quãng thời gian, tổng thời gian chụp, và tùy chọn phơi sáng đồng đều.

- Để chọn quãng thời gian giữa các khuôn hình:



Làm nổi bật **Quãng thời gian** và nhấn **↩**.



Chọn quãng thời gian dài hơn so với tốc độ chậm nhất dự kiến (phút và giây) và nhấn **OK**.

- Để chọn tổng thời gian chụp:



Làm nổi bật **Thời gian chụp** và nhấn **↩**.



Chọn thời gian chụp (lên đến 7 giờ 59 phút) và nhấn **OK**.



• Để bật hoặc tắt phơi sáng đồng đều:



Làm nổi bật **Phơi sáng đồng đều** và nhấn .



Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn .

Việc chọn **Bật** sẽ làm mượt những thay đổi mạnh ở phơi sáng trong các chế độ không phải là **M** (lưu ý rằng phơi sáng đồng đều chỉ có tác dụng ở chế độ **M** nếu điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật trong menu chụp ảnh).

3 Bắt đầu chụp.

Làm nổi bật **Bắt đầu** và nhấn . Chụp bắt đầu sau khoảng 3 giây. Máy ảnh chụp ảnh ở khoảng thời gian lựa chọn cho thời gian chụp được chọn. Khi hoàn thành, phim tua nhanh thời gian được ghi vào thẻ nhớ được chọn cho **Đích** trong menu quay phim (319).



■ Kết thúc chụp

Để kết thúc chụp trước khi tắt cả các ảnh được chụp, làm nổi bật **Tắt** trong menu phim tua nhanh và nhấn , hoặc nhấn  giữa các khuôn hình hoặc ngay sau một khuôn hình được ghi. Phim sẽ được tạo ra từ các khuôn hình được chụp tới điểm kết thúc chụp. Lưu ý rằng việc chụp sẽ kết thúc và phim không được ghi lại nếu nguồn điện bị rút hoặc bị ngắt kết nối hoặc thẻ nhớ đích đến được đẩy ra.

■ Không Chụp Được Ảnh

Máy ảnh sẽ bỏ qua khuôn hình hiện tại nếu nó không thể lấy nét bằng trong chế độ **AF-S** (lưu ý rằng máy ảnh lấy nét lại một lần nữa trước mỗi lần chụp). Việc chụp sẽ tiếp tục với khuôn hình tiếp theo.



Phim tua nhanh thời gian

Tua nhanh thời gian không có trong xem trực tiếp ( 44) hoặc ghi phim ( 59), ở tốc độ cửa trập  hoặc - ( 138) hoặc khi chụp bù trừ ( 146), Dải Nhảy Sáng Cao (HDR,  189), đa phơi sáng ( 229), hoặc chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian ( 236) đang được sử dụng. Lưu ý rằng bởi vì tốc độ cửa trập và thời gian cần thiết để ghi lại ảnh vào thẻ nhớ có thể thay đổi theo mỗi lần chụp, quãng thời gian giữa mỗi lần chụp được ghi và việc bắt đầu lần chụp tiếp theo có thể khác nhau. Việc chụp sẽ không bắt đầu nếu phim tua nhanh thời gian không được ghi ở cài đặt hiện tại (ví dụ, nếu thẻ nhớ đầy, quãng thời gian hoặc thời gian chụp là không, hoặc quãng thời gian dài hơn thời gian chụp).

Việc chụp có thể kết thúc nếu điều khiển máy ảnh được sử dụng hoặc cài đặt được thay đổi hoặc cáp HDMI được kết nối. Phim sẽ được tạo ra từ các khuôn hình được chụp tới điểm kết thúc chụp. Để kết thúc chụp và ghi ảnh, nhấn hết cỡ nút nhà cửa trập.

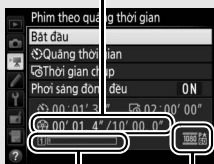
✓ **Cỡ khuôn hình**

Khu vực được sử dụng để đo phơi sáng, mức đèn nháy hay cân bằng trắng tự động khi hình ảnh được ghi ở cỡ khuôn hình phim là xén 1920 × 1080 (□ 67) không giống như khu vực trong ảnh cuối cùng, có thể không đạt được kết quả tối ưu. Chụp ảnh thử nghiệm và kiểm tra kết quả trên màn hình.

✍ **Tính thời lượng của phim cuối cùng**

Tổng số khuôn hình trong bộ phim cuối cùng có thể được tính bằng cách chia thời gian chụp cho quãng thời gian và làm tròn lên. Khi đó có thể tính thời lượng của phim cuối cùng bằng cách chia số lần chụp cho tốc độ khuôn hình được chọn cho **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** trong menu ghi phim (□ 67). Ví dụ, phim 48 khuôn hình được ghi ở **1920 × 1080; 24p** sẽ dài khoảng hai giây. Thời lượng tối đa cho phim tua nhanh thời gian là 20 phút.

Thời lượng ghi/thời lượng tối đa



Chỉ báo thẻ nhớ

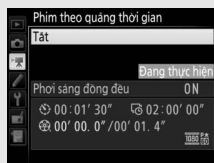
Cỡ/tốc độ khuôn hình

Trong Quá Trình Chụp

Trong quá trình chụp, **INTVL** sẽ nháy và chỉ báo ghi tua nhanh thời gian sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển trên. Thời gian còn lại (bằng giờ và phút) xuất hiện trong màn hình hiển thị tốc độ cửa trập ngay trước khi mỗi khuôn hình được ghi lại. Tại các thời điểm khác, thời gian còn lại có thể được xem bằng cách nhấn nút nhà của trập nửa chừng. Bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**,  336), hẹn giờ chờ sẽ không hết hạn trong suốt quá trình chụp.



Để xem cài đặt phim tua nhanh thời gian hiện tại hoặc kết thúc chụp ( 77), nhấn nút **MENU** giữa các ảnh chụp. Trong khi đang chụp, menu phim tua nhanh thời gian sẽ hiển thị phơi sáng đồng đều, quãng thời gian và thời gian còn lại. Các thiết lập này không thể được thay đổi trong khi đang chụp, cũng không thể phát lại ảnh hoặc điều chỉnh các cài đặt menu khác.



Xem Lại Hình Ảnh

Không thể sử dụng nút  để xem hình ảnh trong khi đang chụp, nhưng khuôn hình hiện tại sẽ được hiển thị một vài giây sau mỗi lần chụp nếu **Bật** được chọn cho **Xem lại hình ảnh** trong menu phát lại ( 304). Không thể thực hiện các thao tác phát lại sau trong khi khuôn hình được hiển thị.

Chế Độ Nhả

Bất kể chế độ nhả nào được chọn, máy ảnh sẽ chụp một lần ở mỗi quãng thời gian. Không thể sử dụng tự hẹn giờ.

Xem Thêm

Tùy chọn **Bíp** trong menu cài đặt điều khiển việc phát ra tiếng bíp khi chụp xong ( 384).

Xem Phim

Phim được chỉ định bởi biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đầy (□ 248). Chạm vào biểu tượng  trong màn hình hoặc nhấn trung tâm của đa bộ chọn để bắt đầu phát lại; vị trí hiện tại của bạn được chỉ báo bằng thanh tiến độ phim.

Biểu tượng  Độ dài



Biểu tượng 

Vị trí hiện tại/tổng độ dài



Thanh tiến độ phim Âm lượng Hướng dẫn

Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Đề	Sử dụng	Mô tả
Tạm dừng		Tạm dừng phát lại.
Phát		Tiếp tục phát lại khi bộ phim bị tạm dừng hoặc trong quá trình tua lại/tua đi.
Tua lại/tua đi		Tốc độ tăng lên mỗi khi nhấn, từ 2x đến 4x đến 8x đến 16x; nhấn liên tục để bỏ qua đến phần bắt đầu hoặc kết thúc phim (khuôn hình đầu tiên được thể hiện bằng  ở góc trên bên phải màn hình, khuôn hình cuối cùng được thể hiện bằng ). Nếu phát lại bị tạm dừng, tua lại hoặc tua đi phim từng khuôn hình một; giữ nhấn để tua đi hoặc tua lại liên tục.
Bỏ qua 10 giây		Xoay đĩa lệnh chính để bỏ qua trước hoặc sau 10 giây.

Để	Sử dụng	Mô tả
Nhảy về trước/ sau		Xoay đĩa lệnh phụ để bỏ qua tới chỉ mục tiếp theo hoặc trước đó, hoặc bỏ qua khuôn hình cuối cùng hoặc đầu tiên nếu phim không có các chỉ mục.
Chỉnh âm lượng		Nhấn  để tăng âm lượng,  để giảm.
Xén phim		Xem trang 82 để biết thêm thông tin.
Thoát		Thoát phát lại khuôn hình đầy.
Trở về chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để thoát chế độ chụp.



Biểu Tượng

Phim có danh mục (📖 63) được chỉ báo bằng biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đầy.



Biểu tượng

 được hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy và phát lại phim nếu phim được ghi mà không có âm thanh (📖 321).



Chỉnh Sửa Phim

Xén cảnh phim để tạo ra các bản sao chỉnh sửa phim hoặc lưu khuôn hình ở dạng ảnh tĩnh JPEG.

Tùy chọn	Mô tả
 Chọn điểm bắt đầu/kết thúc	Tạo bản sao từ chỗ cảnh quay không mong muốn đã được bỏ.
 Lưu khuôn hình được chọn	Lưu khuôn hình đã chọn thành JPEG tĩnh.

Cắt Xén Phim



Để tạo bản sao cắt xén của phim:

1 Hiện thị khuôn hình phim đầy (📖 248).

2 Tạm dừng phim ở khuôn hình bắt đầu mới.

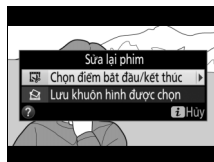
Phát lại phim như mô tả trên trang 80, nhấn trung tâm của đa bộ chọn để bắt đầu và khôi phục phát lại và ⏮ để tạm dừng và nhấn ⏪ hoặc ⏩ hoặc xoay đĩa lệnh phụ hoặc chính để xác định vị trí khuôn hình mong muốn. Vị trí tương đối của bạn trong phim có thể được xác định chắc chắn từ thanh tiến độ phim. Tạm dừng phát lại khi chạy tới khuôn hình bắt đầu mới.



Thanh tiến độ phim

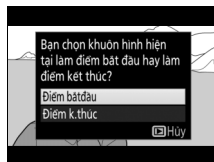
3 Chọn Chọn điểm bắt đầu/kết thúc.

Nhấn **i** hoặc **OK**, sau đó làm nổi bật **Chọn điểm bắt đầu/kết thúc** và nhấn **OK**.



4 Chọn Điểm bắt đầu.

Để tạo bản sao bắt đầu từ khuôn hình hiện tại, làm nổi bật **Điểm bắt đầu** và nhấn **OK**. Các khuôn hình ở trước khuôn hình hiện tại sẽ được loại bỏ khi bạn lưu bản sao trong Bước 9.



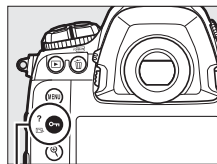
5 Xác nhận điểm bắt đầu mới.

Nếu khuôn hình mong muốn hiện tại không hiển thị, bấm **⏮** hoặc **⏭** để tiến hoặc lùi (để bỏ qua 10 giây trước hoặc sau, xoay đĩa lệnh chính; bỏ qua đến một danh mục, hoặc tới khuôn hình đầu tiên hoặc cuối nếu phim không có danh mục, xoay đĩa lệnh phụ).



6 Chọn điểm kết thúc.

Nhấn **OK** (↵/?) để chuyển từ công cụ chọn điểm bắt đầu (▢) sang điểm kết thúc (▢) và sau đó chọn khuôn hình cuối như mô tả trong Bước 5. Các khuôn hình ở sau khuôn hình được chọn sẽ được loại bỏ khi bạn lưu bản sao trong Bước 9.



Nút **OK** (↵/?)

Điểm kết thúc



7 Tạo bản sao.

Khi khuôn hình mong muốn đã được hiển thị, nhấn **OK**.



8 Xem trước phim.

Để xem trước bản sao, làm nổi bật **Xem trước** và nhấn **OK** (để ngừng xem trước và trở về menu các tùy chọn lưu, nhấn **OK**). Để bỏ bản sao hiện tại và chọn điểm bắt đầu hoặc điểm kết thúc mới như mô tả trong các trang trước, làm nổi bật **Hủy** và nhấn **OK**; để lưu bản sao, chuyển sang Bước 9.



9 Lưu bản sao.

Làm nổi bật **Lưu thành tệp mới** và nhấn **OK** để lưu bản sao thành tệp mới. Để thay tệp phim gốc bằng bản sao đã chỉnh sửa, làm nổi bật **Ghi đè tệp hiện có** và nhấn **OK**.



✓ **Cắt Xén Phim**

Phim phải dài ít nhất hai giây. Bản sao sẽ không được lưu nếu không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ.

Bản sao có cùng ngày giờ tạo với bản gốc.

✎ **Xóa Bỏ Cảnh Mở Đầu Hoặc Kết Thúc**

Để chỉ xóa bỏ cảnh mở đầu phim, chuyển sang Bước 7 mà không nhấn nút **↺** (⏮/?) trong Bước 6. Để chỉ xóa bỏ cảnh kết thúc, chọn **Điểm k.thúc** trong Bước 4, chọn khuôn hình kết thúc và chuyển sang Bước 7 mà không nhấn nút **↺** (⏮/?) trong Bước 6.

Lưu Khuôn Hình Đã Chọn

Để lưu bản sao khuôn hình đã chọn thành JPEG tĩnh:

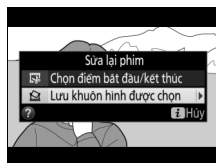
1 Tạm dừng phim trên khuôn hình mong muốn.

Phát lại phim như mô tả trên trang 80, nhấn trung tâm của đa bộ chọn để bắt đầu và tiếp tục phát lại và nhấn **⏮** để tạm dừng. Tạm dừng phim tại khuôn hình bạn muốn sao chép.



2 Chọn Lưu khuôn hình được chọn.

Nhấn **i** hoặc **OK**, sau đó làm nổi bật **Lưu khuôn hình được chọn** và nhấn **⏮**.



3 Tạo bản sao tĩnh.

Nhấn  để tạo bản sao tĩnh của khuôn hình hiện tại.



4 Lưu bản sao.

Làm nổi bật **Có** và nhấn  để tạo bản sao JPEG chất lượng mịn★ (📖 92) của khuôn hình được chọn.



Lưu Khuôn Hình Đã Chọn

Phim JPEG tĩnh được tạo với tùy chọn **Lưu khuôn hình được chọn** không thể sửa lại được. Phim JPEG vẫn thiếu một số loại thông tin ảnh (📖 254).

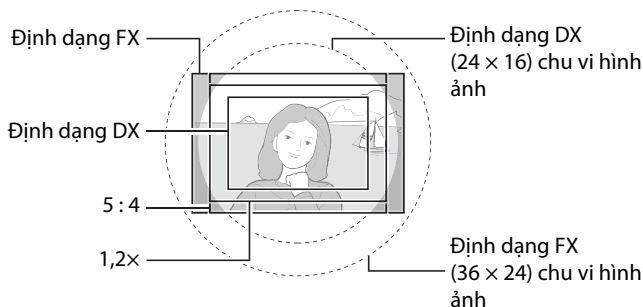
Menu Sửa Lại

Cũng có thể chỉnh sửa phim bằng cách sử dụng tùy chọn **Sửa lại phim** trong menu sửa lại (📖 392).

Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh

Vùng hình ảnh

Chọn từ các vùng hình ảnh **FX (36 × 24) 1.0×** (định dạng FX), **DX (24 × 16) 1.5×** (định dạng DX), **5 : 4 (30 × 24)**, và **1,2×** (30 × 20) **1.2×**. Xem trang 475 để biết thông tin về số lượng hình ảnh có thể được lưu trữ ở các cài đặt vùng hình ảnh khác nhau.



■ ■ Tùy Chọn Vùng Hình Ảnh

Máy ảnh này có các lựa chọn vùng hình ảnh sau:

Tùy chọn	Mô tả
 FX (36 × 24) 1.0×	Ảnh được ghi ở định dạng FX có góc xem tương đương với thấu kính NIKKOR trên máy ảnh định dạng 35 mm.
 1,2× (30 × 20) 1.2×	Việc chọn tùy chọn này làm giảm góc xem và tăng tiêu cự rõ ràng của thấu kính khoảng 1,2×.
 DX (24 × 16) 1.5×	Ảnh được ghi ở định dạng DX. Để tính toán tiêu cự tương đối của thấu kính định dạng 35 mm, nhân với 1,5.
 5 : 4 (30 × 24)	Hình ảnh được ghi với tỉ lệ khuôn hình 5 : 4.

■ ■ Lựa Chọn Xén Tự Động

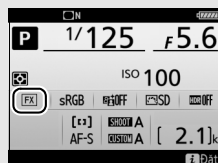
Để tự động lựa chọn xén DX khi một thấu kính DX được đính kèm, chọn **Bật** cho **Vùng hình ảnh > Xén DX tự động** trong menu chụp ảnh (□ 309). Vùng hình ảnh được chọn trong menu chụp ảnh hoặc với các điều khiển máy ảnh sẽ chỉ được sử dụng khi thấu kính không DX được gắn. Lựa chọn **Tắt** sử dụng vùng hình ảnh được lựa chọn hiện tại với tất cả các thấu kính.

Xén DX Tự Động

Các điều khiển được liệt kê trên trang 91 không thể được sử dụng để chọn vùng hình ảnh khi thấu kính DX được gắn và **Xén DX tự động** được bật.

Vùng hình ảnh

Tùy chọn được chọn được hiện ra trên màn hình hiển thị thông tin.



Thấu Kính DX

Thấu kính DX được thiết kế để sử dụng với các máy ảnh định dạng DX và có góc xem nhỏ hơn so với thấu kính cho máy ảnh định dạng 35 mm. Nếu **Xén DX tự động** tắt và tùy chọn khác với **DX (24 × 16)** (định dạng DX) được chọn cho **Vùng hình ảnh** khi thấu kính DX được gắn, mép hình ảnh có thể được cắt xén. Điều này có thể không rõ ràng trong kính ngắm, nhưng khi hình ảnh được phát lại, bạn có thể nhận thấy độ phân giải bị giảm hoặc các mép hình ảnh bị bôi đen.

Hiện Thị Kính Ngắm

Xén 1,2x, định dạng DX, và 5 : 4 được hiển thị như bên dưới.



1,2x



Định dạng DX



5 : 4

Xem Thêm

Xem trang 69 để biết thông tin về xén trong ghi phim.



Có thể chọn vùng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Vùng hình ảnh** > **Chọn vùng hình ảnh** trong menu chụp ảnh hoặc bằng cách nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh.

Menu Vùng Hình Ảnh

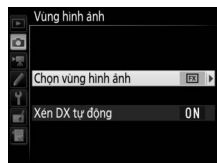
1 Chọn Vùng hình ảnh.

Làm nổi bật **Vùng hình ảnh** trong menu chụp ảnh và nhấn .



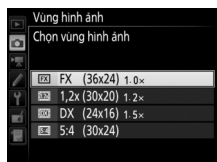
2 Chọn Chọn vùng hình ảnh.

Làm nổi bật **Chọn vùng hình ảnh** và nhấn .



3 Điều chỉnh cài đặt.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn . Xén được lựa chọn được hiển thị trên kính ngắm ( 89).



Kích cỡ hình ảnh

Cỡ hình ảnh khác nhau tùy theo tùy chọn được lựa chọn cho vùng hình ảnh.

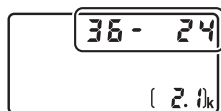
1 Chỉ định lựa chọn vùng hình ảnh cho một điều khiển máy ảnh.

Sử dụng Cài đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**, □ 346) để gán **Chọn vùng hình ảnh** cho một điều khiển.

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn vùng hình ảnh.

Có thể chọn vùng hình ảnh bằng cách nhấn điều khiển được chọn và xoay đĩa lệnh chính hoặc đĩa lệnh phụ cho tới khi xén mong muốn hiển thị trong kính ngắm (□ 89).

Có thể xem tùy chọn hiện được chọn cho vùng hình ảnh bằng cách nhấn điều khiển để hiển thị vùng hình ảnh trong bảng điều khiển trên hoặc màn hình hiển thị thông tin. Định dạng FX được hiển thị là "36-24", 1,2× là "30-20", định dạng FX là "24-16", và 5:4 là "30-24".

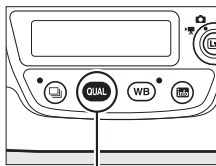


Chất Lượng Hình Ảnh

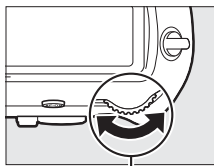
D5 hỗ trợ các tùy chọn chất lượng hình ảnh sau. Xem trang 475 để biết thông tin về số lượng hình ảnh có thể được lưu trữ ở các cài đặt cỡ và chất lượng hình ảnh khác nhau.

Tùy chọn	Loại tập tin	Mô tả
NEF (RAW)	NEF	Dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh được lưu lại mà không phải xử lý thêm. Các thiết lập như cân bằng trắng và độ tương phản có thể được điều chỉnh sau khi chụp.
NEF (RAW) + JPEG mịn★/ NEF (RAW) + JPEG mịn	NEF/ JPEG	Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng mịn.
NEF (RAW) + JPEG bình thường★/ NEF (RAW) + JPEG bình thường		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng bình thường.
NEF (RAW) + JPEG cơ bản★/ NEF (RAW) + JPEG cơ bản		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng cơ bản.
JPEG mịn★/ JPEG mịn	JPEG	Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:4 (chất lượng tốt).
JPEG bình thường★/ JPEG bình thường		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:8 (chất lượng bình thường).
JPEG cơ bản★/JPEG cơ bản		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:16 (chất lượng cơ bản).
TIFF (RGB)	TIFF (RGB)	Ghi lại hình ảnh không nén TIFF-RGB ở độ sâu bit 8 bit cho mỗi kênh (màu 24 bit). TIFF được hỗ trợ bởi một loạt các ứng dụng hình ảnh.

Chất lượng hình ảnh được thiết lập bằng cách nhấn nút **QUAL** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.



Nút QUAL



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển phía sau

Số Phơi Sáng Còn Lại

Việc nhấn nút **QUAL** sẽ hiển thị số phơi sáng còn lại trong bảng điều khiển phía sau. Số phơi sáng còn lại thay đổi theo tùy chọn được chọn cho chất lượng hình ảnh.



Bảng điều khiển phía sau

Nén JPEG

Các tùy chọn chất lượng hình ảnh có ngôi sao ("★") sử dụng nén nhằm đảm bảo chất lượng tối đa; kích thước của tập tin khác nhau theo cảnh. Các tùy chọn không có ngôi sao sử dụng loại nén được thiết kế tạo ra các tập tin nhỏ hơn; các tập tin thường có kích thước gần giống nhau bất kể cảnh nào được ghi.

NEF + JPEG

Khi ảnh chụp ở các cài đặt NEF (RAW) + JPEG được xem trên máy ảnh có thẻ nhớ, chỉ có hình ảnh JPEG được hiển thị. Nếu cả hai bản sao được ghi vào cùng thẻ nhớ, cả hai bản sao sẽ bị xóa khi ảnh bị xóa. Nếu bản sao JPEG được ghi vào thẻ nhớ riêng bằng cách sử dụng tùy chọn **Vai trò của thẻ trong Khe 2 > Khe 1 RAW - Khe 2 JPEG**, mỗi bản sao phải được xóa riêng.

Menu chất lượng hình ảnh

Cũng có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Chất lượng hình ảnh** trong menu chụp ảnh (📷 309).

■ ■ **Nén NEF (RAW)**

Để chọn kiểu nén cho hình ảnh NEF (RAW), làm nổi bật **Ghi NEF (RAW) > Nén NEF (RAW)** trong menu chụp ảnh và nhấn .

Tùy chọn	Mô tả
ON  Được nén không mất	Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật toán đảo ngược, làm giảm kích thước tệp khoảng 20–40% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.
ON  Được nén	Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật toán đảo ngược, làm giảm kích thước tệp khoảng 35–55% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.
Không nén	Hình ảnh NEF không được nén.

■ ■ **NEF (RAW) độ sâu bit**

Để chọn độ sâu bit hình ảnh NEF (RAW), làm nổi bật **Ghi NEF (RAW) > NEF (RAW) độ sâu bit** trong menu chụp và nhấn .

Tùy chọn	Mô tả
12-bit 12 bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi lại ở độ sâu 12 bit.
14-bit 14 bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi ở độ sâu 14 bit, tạo ra các tệp lớn hơn so với những ảnh có độ sâu 12 bit nhưng tăng dữ liệu màu ghi được.

Hình Ảnh NEF (RAW)

Có thể tạo các bản sao JPEG của ảnh NEF (RAW) bằng cách sử dụng Capture NX-D hoặc phần mềm khác hoặc tùy chọn **Xử lý NEF (RAW)** trong menu sửa lại ( 395).

Cỡ hình ảnh

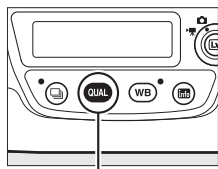
Kích cỡ hình ảnh được đo bằng điểm ảnh. Chọn từ **Lớn**, **Trung bình**, hoặc **Nhỏ** (lưu ý rằng cỡ hình ảnh khác nhau phụ thuộc vào tùy chọn được chọn cho **Vùng hình ảnh**, □ 87):

Vùng hình ảnh	Tùy chọn	Kích cỡ (điểm ảnh)	Cỡ in (cm) *
FX (36 × 24) 1.0× (định dạng FX)	Lớn	5568 × 3712	47,1 × 31,4
	Trung bình	4176 × 2784	35,4 × 23,6
	Nhỏ	2784 × 1856	23,6 × 15,7
1,2× (30 × 20) 1.2×	Lớn	4640 × 3088	39,3 × 26,2
	Trung bình	3472 × 2312	29,4 × 19,6
	Nhỏ	2320 × 1544	19,6 × 13,1
DX (24 × 16) 1.5× (Định dạng DX)	Lớn	3648 × 2432	30,9 × 20,6
	Trung bình	2736 × 1824	23,2 × 15,4
	Nhỏ	1824 × 1216	15,4 × 10,3
5 : 4 (30 × 24)	Lớn	4640 × 3712	39,3 × 31,4
	Trung bình	3472 × 2784	29,4 × 23,6
	Nhỏ	2320 × 1856	19,6 × 15,7

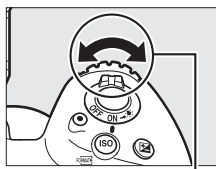
* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in theo đơn vị inch bằng với cỡ hình ảnh theo đơn vị điểm ảnh được phân chia bằng độ phân giải máy in ở điểm mỗi inch (dpi; 1 inch = khoảng 2,54 cm).



Cỡ hình ảnh cho ảnh JPEG và TIFF có thể được thiết lập bằng cách nhấn nút **QUAL** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau. Để chọn cỡ hình ảnh của ảnh NEF (RAW), sử dụng tùy chọn **Kích cỡ hình ảnh > NEF (RAW)** trong menu chụp ảnh.



Nút QUAL



Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển phía sau

Số Phơi Sáng Còn Lại

Việc nhấn nút **QUAL** sẽ hiển thị số phơi sáng còn lại trong bảng điều khiển phía sau. Số phơi sáng còn lại thay đổi theo bộ nhớ còn lại được chọn cho cỡ hình ảnh.



Bảng điều khiển phía sau

Menu cỡ hình ảnh

Cũng có thể điều chỉnh cỡ hình ảnh JPEG và TIFF bằng cách sử dụng tùy chọn **Kích cỡ hình ảnh > JPEG/TIFF** trong menu chụp ảnh (309). Hình ảnh NEF (RAW) cỡ vừa và nhỏ được ghi ở định dạng 12 bit nén không mất chất lượng, không phụ thuộc vào tùy chọn lựa chọn cho **Nén NEF (RAW)** và **NEF (RAW) độ sâu bit** trong menu **Ghi NEF (RAW)**.



Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ

Khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh, bạn có thể sử dụng mục **Vai trò của thẻ trong Khe 2** trong menu chụp để chọn vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận. Chọn từ **Tràn bộ nhớ** (thẻ trong Khe 2 chỉ được dùng khi thẻ trong Khe 1 đầy), **Dự phòng** (mỗi ảnh được ghi hai lần, một lần vào thẻ trong Khe 1 và một lần vào thẻ trong Khe 2), và **Khe 1 RAW - Khe 2 JPEG** (như với **Dự phòng**, ngoại trừ các bản sao NEF/RAW của ảnh được ghi ở cài đặt NEF/RAW + JPEG chỉ được ghi vào thẻ trong Khe 1 và các bản sao JPEG chỉ được ghi vào thẻ trong Khe 2).



“Dự phòng” và “Khe 1 RAW - Khe 2 JPEG”

Khi **Dự phòng** hoặc **Khe 1 RAW - Khe 2 JPEG** được chọn, máy ảnh hiện số phơi sáng còn lại trên thẻ còn ít bộ nhớ nhất, và ghi chú bằng giọng nói (🔊 272) được ghi vào thẻ trong khe 1. Nhả cửa trập sẽ bị tắt khi một trong hai thẻ đầy.

Ghi phim

Khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh, có thể chọn khe được dùng để quay phim bằng cách sử dụng tùy chọn **Đích** trong menu chụp (📖 319).

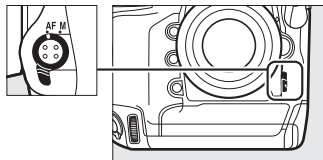
Lấy nét

Phần này mô tả các tùy chọn lấy nét khi các bức ảnh được tạo khuôn hình trong kính ngắm. Việc lấy nét có thể được điều chỉnh tự động (xem bên dưới) hoặc bằng tay (📖 114). Người dùng có thể chọn điểm lấy nét tự động hoặc lấy nét bằng tay (📖 108) hoặc sử dụng khóa lấy nét để tạo lại bức ảnh sau khi lấy nét (📖 111).

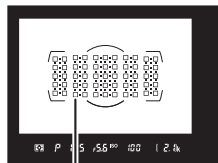
Lấy nét tự động

Để sử dụng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang **AF**.

Bộ chọn chế độ lấy nét



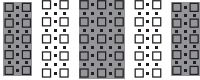
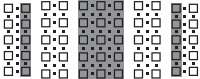
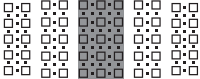
Máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng 153 điểm lấy nét, 55 điểm được hiển thị bằng  trong hình minh họa ở bên phải có thể được chọn bởi người dùng (📖 108).



Điểm lấy nét người dùng có thể chọn

Cảm biến ngang

Tính sẵn có của điểm lấy nét cảm biến ngang thay đổi theo thấu kính được sử dụng.

Thấu kính	Các điểm lấy nét ngang (điểm lấy nét trên cảm biến ngang được làm nổi bật màu xám ²)
Các thấu kính AF-S và AF-P ngoài những thấu kính được liệt kê ở bên dưới có độ mở ống kính tối đa f/4 hoặc nhanh hơn¹	 99 cảm biến ngang
• AF-S DX Zoom-Nikkor 12–24mm f/4G IF-ED • AF-S Micro NIKKOR 60mm f/2.8G ED • AF-S NIKKOR 600mm f/4G ED VR • AF-S NIKKOR 600mm f/4E FL ED VR • AF-S Nikkor 600mm F4D IF-ED II • AF-S Nikkor 600mm f/4D IF-ED	 63 cảm biến ngang
• AF-S NIKKOR 200–400mm f/4G ED VR II • AF-S VR Zoom-Nikkor 200–400mm f/4G IF-ED • AF-S NIKKOR 500mm f/4G ED VR • AF-S Nikkor 500mm F4D IF-ED II • AF-S Nikkor 500mm f/4D IF-ED • Thấu kính AF-S và AF-P với độ mở ống kính tối đa chậm hơn f/4¹ • Thấu kính không AF-S, không AF-P	 45 cảm biến ngang

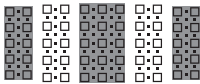
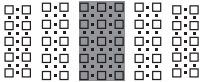
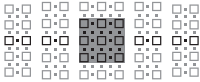
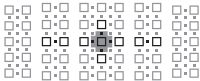
1 Ở thu phóng tối đa, trong trường hợp thấu kính thu phóng.

2 Các điểm lấy nét khác sử dụng cảm biến đường thẳng, phát hiện các đường ngang.



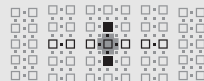
Bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I và điểm lấy nét khả dụng

Khi bộ chuyển từ xa AF-S hoặc AF-I được lắp, các điểm lấy nét thể hiện trong hình minh họa có thể được sử dụng cho lấy nét tự động và máy ngắm điện tử (lưu ý rằng ở độ mở ống kính kết hợp tối đa chậm hơn f/5.6, máy ảnh có thể không lấy nét được vào đối tượng tối hoặc đối tượng có độ tương phản thấp).

Bộ chuyển từ xa	Độ mở ống kính thấu kính tối đa ¹	Các điểm lấy nét khả dụng (điểm lấy nét trên cảm biến ngang được làm nổi bật màu xám ²)
TC-14E, TC-14E II, TC-14E III TC-17E II TC-20E, TC-20E II, TC-20E III	f/2	
TC-14E, TC-14E II, TC-14E III	f/2.8	153 điểm lấy nét (chọn được 55) với 99 cảm biến ngang
TC-17E II TC-20E, TC-20E II, TC-20E III	f/2.8	
TC-14E, TC-14E II, TC-14E III	f/4	153 điểm lấy nét (chọn được 55) với 45 cảm biến ngang
TC-17E II	f/4	
TC-800-1.25E ED	f/5.6	37 điểm lấy nét (chọn được 17) với 25 cảm biến ngang
TC-20E, TC-20E II, TC-20E III	f/4	
TC-14E, TC-14E II, TC-14E III	f/5.6	15 điểm lấy nét (chọn được 9) với 5 cảm biến ngang

1 Ở thu phóng tối đa, trong trường hợp thấu kính thu phóng.

2 Các điểm lấy nét khác sử dụng cảm biến đường thẳng, phát hiện các đường thẳng ngang, nhưng lưu ý rằng nếu chỉ có 5 cảm biến ngang, chỉ những điểm được thể hiện bằng ■ mới phát hiện các đường thẳng dọc.



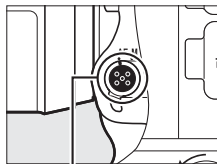
Lấy nét tự động không có khi bộ chuyển từ xa được sử dụng với các thấu kính AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED.

Chế Độ Lấy Nét Tự Động

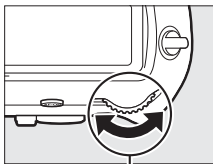
Chọn từ các chế độ lấy nét tự động sau:

Chế độ	Mô tả
AF-S	AF phản phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Với cài đặt mặc định, cửa trập chỉ có thể nhả khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện (<i>ưu tiên lấy nét</i> ; □ 328).
AF-C	AF phản phụ liên tục: Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập; nếu đối tượng chuyển động, máy ảnh sẽ thực hiện <i>theo dõi lấy nét đoán trước</i> (□ 103) để đoán khoảng cách cuối cùng đến đối tượng và điều chỉnh lấy nét khi cần thiết. Ở cài đặt mặc định, cửa trập vẫn có thể nhả ra dù có hay không đối tượng lấy nét (<i>ưu tiên nhả</i> ; □ 327).

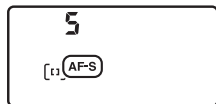
Để lựa chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển trên.



Nút chế độ AF



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển trên



Kính ngắm



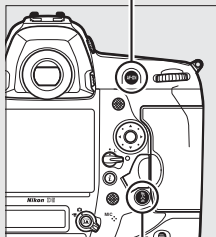
Xem Thêm

Thông tin về cách sử dụng ưu tiên lấy nét trong AF phần phụ liên tục, xem Cài Đặt Tùy Chọn a1 (**Chọn ưu tiên AF-C**, □ 327). Thông tin về cách sử dụng ưu tiên nhả trong AF phần phụ đơn, xem Cài Đặt Tùy Chọn a2 (**Chọn ưu tiên AF-S**, □ 328). Để biết thông tin về việc ngăn chặn máy ảnh khỏi lấy nét khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng, xem Cài Đặt Tùy Chọn a8 (**Kích hoạt AF**, □ 331). Xem Cài Đặt Tùy Chọn a10 (**Hạn chế chế độ lấy nét tự động**, □ 332) để biết thông tin về hạn chế lựa chọn chế độ lấy nét đối với **AF-S** hoặc **AF-C** và f4 (**Tùy chọn đĩa lệnh**) > **Thay đổi chính/phụ** (□ 359) để biết thông tin về sử dụng đĩa lệnh phụ để chọn chế độ lấy nét. Xem trang 48 để biết thông tin về các tùy chọn lấy nét tự động có thể sử dụng được khi xem trực tiếp hoặc khi đang ghi phim.

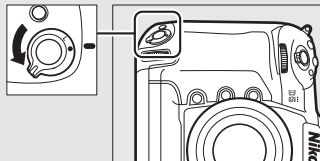
Nút AF-ON

Để lấy nét máy ảnh, việc nhấn một trong các nút **AF-ON** có tác dụng tương tự như việc nhấn vào nút nhả cửa trập nửa chừng (lưu ý rằng nút **AF-ON** để chụp ảnh thẳng đứng chỉ có thể được sử dụng khi khóa nút nhả cửa trập chụp thẳng đứng được mở khóa; □ 39).

Nút AF-ON



Nút AF-ON để chụp thẳng đứng



Khóa nút nhả cửa trập chụp thẳng đứng

Theo Dõi Lấy Nét Đoán Trước

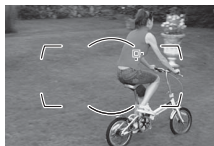
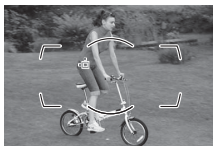
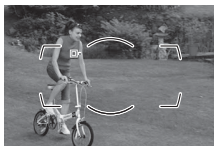
Trong chế độ **AF-C**, máy ảnh bắt đầu theo dõi lấy nét đoán trước nếu đối tượng di chuyển hướng về phía trước hoặc lùi khỏi máy ảnh trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng hoặc một trong các nút **AF-ON** được nhấn. Cơ chế này cho phép máy ảnh theo dõi lấy nét trong khi cố gắng đoán vị trí của đối tượng khi cửa trập nhả ra.



Chế độ vùng AF

Lựa chọn cách chọn điểm lấy nét cho lấy nét tự động.

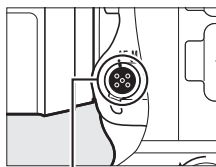
- **AF điểm đơn:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 108; máy ảnh chỉ lấy nét trên đối tượng nằm trong điểm lấy nét được chọn. Dừng với đối tượng không chuyển động.
- **AF vùng động:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 108. Trong chế độ lấy nét **AF-C**, máy ảnh lấy nét dựa trên thông tin từ các điểm lấy nét xung quanh nếu trong tích tắc đối tượng rời khỏi điểm lấy nét được chọn. Số điểm lấy nét biến đổi theo chế độ được lựa chọn:
 - **AF vùng động 9 hoặc 25 điểm:** Chọn thời điểm tạo ra bức ảnh hoặc thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động có thể dự đoán trước (ví dụ: người chạy hoặc xe đua trên đường).
 - **AF vùng động 72 điểm:** Chọn thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động không thể dự đoán trước (ví dụ: cầu thủ trong trận đấu bóng).
 - **AF vùng động 153 điểm:** Chọn thời điểm chụp ảnh đối tượng chuyển động nhanh và khó lấy khuôn hình trong kính ngắm (ví dụ: chim).
- **Theo dõi 3D:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 108. Trong chế độ lấy nét **AF-C**, máy ảnh sẽ theo dõi các đối tượng rời khỏi điểm lấy nét được chọn và chọn điểm lấy nét mới theo yêu cầu. Dừng để tạo nhanh ảnh đối tượng chuyển động thất thường từ nơi này sang nơi khác (ví dụ: người chơi tennis). Nếu đối tượng rời khỏi kính ngắm, rời tay khỏi nút nhả cửa trập và tạo lại ảnh với đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn.



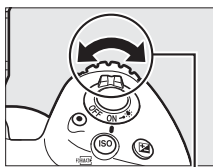
- **AF nhóm vùng:** Máy ảnh lấy nét bằng một nhóm các điểm lấy nét do người dùng lựa chọn, làm giảm nguy cơ máy ảnh lấy nét vào nền thay vì lấy nét đối tượng chính. Lựa chọn cho các đối tượng rất khó để chụp khi sử dụng một điểm lấy nét duy nhất. Nếu khuôn mặt được phát hiện trong chế độ lấy nét **AF-S**, máy ảnh sẽ ưu tiên cho các đối tượng chân dung.
- **AF nhóm vùng (HL)/AF nhóm vùng (VL):** HL và VL là từ viết tắt lần lượt của “horizontal line” (hàng ngang) và “vertical line” (cột dọc). Người dùng chọn hàng (HL) hoặc cột (VL) các điểm lấy nét, máy ảnh sẽ ưu tiên điểm trong hàng hoặc cột được chọn có chứa đối tượng gần máy ảnh nhất. Nhấn  hoặc  để chọn hàng (HL),  hoặc  để chọn cột (VL).
- **AF vùng tự động:** Máy ảnh tự động phát hiện đối tượng và chọn điểm lấy nét; nếu phát hiện khuôn mặt, máy ảnh sẽ ưu tiên cho đối tượng chân dung. Sau khi máy ảnh lấy nét, trong tích tắc điểm lấy nét hoạt động sẽ sáng lên; trong chế độ **AF-C**, điểm lấy nét chính vẫn được hiển thị sau khi các điểm lấy nét khác đã tắt.



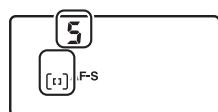
Để chọn chế độ vùng AF, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển trên.



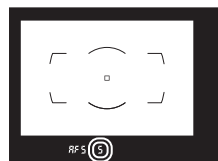
Nút chế độ AF



Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển trên



Kính ngắm

Chế độ vùng AF

Chế độ vùng AF hiển thị trên bảng điều khiển trên và kính ngắm.

Chế độ vùng AF	Bảng điều khiển trên	Kính ngắm	Hiển thị điểm lấy nét trong kính ngắm
AF điểm đơn	S		
AF vùng động 9 điểm*	d 9		
AF vùng động 25 điểm*	d 25		
AF vùng động 72 điểm*	d 72		
AF vùng động 153 điểm*	d 153		
Theo dõi 3D	3d		
AF nhóm vùng	G r P		
AF nhóm vùng (HL)	G r P HL		
AF nhóm vùng (VL)	G r P VL		
AF vùng tự động	Auto		

* Chỉ có điểm lấy nét hoạt động xuất hiện trên kính ngắm. Các điểm lấy nét còn lại cung cấp thông tin hỗ trợ cho việc lấy nét.

Theo dõi 3D

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, màu sắc khu vực xung quanh điểm lấy nét được lưu trong máy ảnh. Cho nên theo dõi 3D có thể không tạo ra kết quả như mong muốn cho các đối tượng có màu sắc giống với phần nền hoặc phủ một phần rất nhỏ trên khuôn hình.

Bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I

Nếu theo dõi 3D hoặc AF vùng tự động được chọn cho chế độ vùng AF khi bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I được sử dụng, AF điểm đơn sẽ tự động được chọn ở độ mở ống kính kết hợp chậm hơn f/5.6.

Lấy Nét Bằng Tay

AF điểm đơn sẽ tự động được chọn khi lấy nét bằng tay.

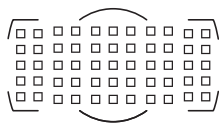
Xem Thêm

Để biết thông tin về cách lấy nét tự động điều chỉnh để thay đổi khoảng cách đến đối tượng, xem Cài Đặt Tùy Chọn a3 (**Theo dõi lấy nét với khóa bật**, □ 328). Để điều chỉnh cài đặt theo dõi 3D, sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn a4 (**Phát hiện khuôn mặt theo dõi 3D**, □ 329) và a5 (**Vùng quan sát theo dõi 3D**, □ 329). Xem Cài Đặt Tùy Chọn a7 (**Lưu trữ theo hướng**, □ 330) để biết thông tin về việc lựa cách điểm lấy nét khác nhau và/hoặc chế độ vùng AF cho ảnh hưởng chân dung và ảnh hưởng phong cảnh, a9 (**Giới hạn lựa chọn chế độ vùng AF**, □ 331) để biết thông tin về giới hạn lựa chọn chế độ vùng AF, và a12 (**Tùy chọn điểm lấy nét**, □ 333) để biết thông tin về việc chọn cách điểm lấy nét được hiển thị trong AF vùng động và f4 (**Tùy chỉnh đĩa lệnh**) > **Thay đổi chính/phụ** (□ 359) để biết thông tin về cách sử dụng đĩa lệnh để chọn chế độ vùng AF. Xem trang 49 để biết thông tin về các tùy chọn lấy nét tự động có thể sử dụng được khi xem trực tiếp hoặc khi đang ghi phim.



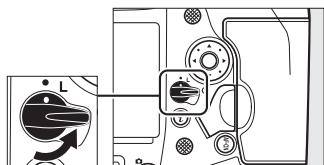
Chọn Lựa Điểm Lấy Nét

Máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng 153 điểm lấy nét, trong đó có 55 điểm hiển thị ở bên phải có thể được lựa chọn bằng tay, cho phép sáng tác ảnh với chủ đề chính được đặt ở vị trí bất kỳ trong khung. Thực hiện theo các bước dưới đây để chọn điểm lấy nét (Trong AF nhóm vùng, bạn có thể làm theo các bước này để chọn nhóm, hàng hoặc cột điểm lấy nét).



1 Xoay khóa bộ chọn lấy nét sang ●.

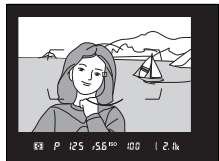
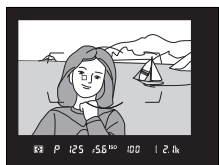
Cho phép sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét.



Khóa bộ chọn lấy nét

2 Chọn điểm lấy nét.

Sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét trong kính ngắm trong khi đo phơi sáng đang bật. Các điểm lấy nét trung tâm có thể được lựa chọn bằng cách nhấn vào giữa đa bộ chọn.



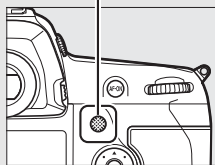
Khóa bộ chọn lấy nét có thể được xoay sang vị trí khóa (L) như bên dưới để tránh cho điểm lấy nét đã chọn bị thay đổi khi nhấn đa bộ chọn.



Bộ chọn phụ

Bộ chọn phụ có thể được sử dụng thay cho đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét. Lấy nét và phơi sáng sẽ khóa khi nhấn phần giữa của bộ chọn phụ (☐ 111, 141). Cần thận không chọc ngón tay hoặc móng tay của bạn vào mắt khi sử dụng bộ chọn phụ.

Bộ chọn phụ



Chụp Ảnh Chân Dung (Hướng “Dọc”)

Khi tạo khuôn ảnh trong theo hướng chân dung (“dọc”), sử dụng đa bộ chọn để chụp theo chiều đứng để chọn điểm lấy nét. Để biết thêm thông tin, xem Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Đa bộ chọn để chụp thẳng đứng** (☐ 356).

Bằng cách sử dụng Bộ chọn phụ và Đa bộ chọn để chụp theo chiều đứng

Sử dụng như hình bên phải. Việc nhấn vào các bên có thể không mang lại hiệu quả mong muốn.



AF vùng tự động

Điểm lấy nét cho AF vùng tự động được tự động chọn; không thể chọn lựa điểm lấy nét bằng tay.



Xem Thêm

Thông tin về chọn số điểm lấy nét có thể được chọn sử dụng đa bộ chọn, xem Cài Đặt Tùy Chọn a6 (**Số điểm lấy nét**, 329). Để biết thông tin về việc lựa chọn điểm lấy nét riêng và/hoặc chế độ vùng AF cho hướng thẳng đứng và hướng ngang, xem Cài Đặt Tùy Chọn a7 (**Lưu trữ theo hướng**, 330). Thông tin về cài đặt chọn lựa điểm lấy nét để “quấn xung quanh”, xem Cài Đặt Tùy Chọn a11 (**Viền quanh điểm lấy nét**, 332). Để biết thông tin về chọn thời gian điểm lấy nét được chiếu sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn a12 (**Tùy chọn điểm lấy nét**, 333). Để biết thông tin về việc thay đổi vai trò của bộ chọn phụ, xem Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Bộ chọn phụ** (346, 356) và **Trung tâm bộ chọn phụ** (346). Để biết thông tin về việc thay đổi vai trò của nút trung tâm đa bộ chọn, xem Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Nút trung tâm đa bộ chọn**, 357).

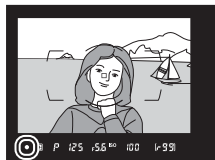


Khóa Lấy Nét

Khóa lấy nét có thể được dùng để thay đổi bố cục sau khi lấy nét, khiến nó có thể lấy nét trên đối tượng không nằm trong điểm lấy nét trong bố cục cuối cùng. Nếu máy ảnh không thể dùng lấy nét tự động để lấy nét (📖 113), khóa lấy nét có thể được dùng để tạo lại ảnh sau khi lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách với đối tượng ban đầu. Khóa lấy nét hiệu quả nhất khi không lựa chọn AF vùng tự động cho chế độ vùng AF (📖 104).

1 Lấy nét.

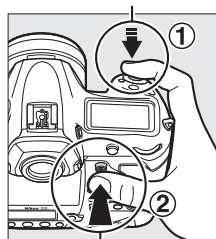
Đặt đối tượng vào vùng điểm lấy nét đã chọn và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập để bắt đầu lấy nét. Kiểm tra chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm.



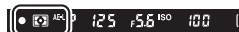
2 Khoá lấy nét.

Chế độ lấy nét AF-C (📖 101): Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng (①), nhấn trung tâm bộ chọn phụ (②) để khóa cả lấy nét lẫn phơi sáng (biểu tượng **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm). Lấy nét sẽ bị khóa trong khi nhấn nút trung tâm của bộ chọn phụ, thậm chí cả khi sau bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập.

Nút nhả cửa trập



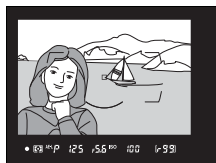
Bộ chọn phụ



Chế độ lấy nét AF-S: Lấy nét sẽ tự động khóa khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện, và tiếp tục khoá cho đến khi bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập. Lấy nét còn bị khóa khi nhấn nút trung tâm của bộ chọn phụ như mô tả trên trang trước.

3 Tạo lại bố cục ảnh và chụp.

Lấy nét sẽ vẫn bị khóa giữa các lần chụp nếu bạn duy trì nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (AF-S) hoặc nhấn giữ bộ chọn phụ, cho phép một vài bức ảnh được chụp liên tiếp ở cùng một cài đặt lấy nét.



Không thay đổi khoảng cách giữa máy ảnh và đối tượng khi khóa lấy nét còn hiệu lực. Nếu đối tượng di chuyển, lấy nét lại ở khoảng cách mới.



Khóa lấy nét bằng nút AF-ON

Trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm, lấy nét có thể bị khóa bằng cách sử dụng các nút **AF-ON** thay vì sử dụng nút nhả cửa trập (□ 102). Nếu chọn **Chỉ AF-ON** cho Cài Đặt Tùy Chọn a8 (**Kích hoạt AF**, □ 331), máy ảnh sẽ không lấy nét khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng; thay vào đó máy ảnh sẽ lấy nét khi nhấn nút **AF-ON**, tại đó điểm lấy nét sẽ khóa và vẫn bị khóa cho đến khi nhấn nút **AF-ON** một lần nữa.

Xem Thêm

Xem Cài Đặt Tùy Chọn c1 (**Nút nhả cửa trập AE-L**, □ 336) để biết thông tin về cách sử dụng nút nhả cửa trập để khóa phơi sáng.

Lấy Nét Tự Động Đạt Chất Lượng Tốt

Lấy nét tự động sẽ không hoạt động tốt trong những điều kiện sau. Cửa trập có thể không nhả được nếu máy ảnh không thể lấy nét trong những điều kiện này, hoặc chỉ báo đã được lấy nét (●) có thể xuất hiện và máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp, cho phép của trập nhả ra thậm chí khi đối tượng chưa được lấy nét. Trong các trường hợp này, hãy sử dụng chức năng lấy nét bằng tay (□ 114) hoặc sử dụng khóa lấy nét (□ 111) để lấy nét một đối tượng khác ở trong cùng một khoảng cách sau đó tái tạo lại bức ảnh.



Độ tương phản giữa đối tượng và cảnh nền hầu như không có hoặc có rất ít.

Ví dụ: Đối tượng có cùng màu sắc với nền.



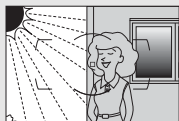
Điểm lấy nét chứa những vật thể ở các khoảng cách khác nhau so với máy ảnh.

Ví dụ: Đối tượng ở trong lồng.



Đối tượng bị các đường nét hình học thông thường lấn át.

Ví dụ: Bức màn hay song cửa sổ trong tòa nhà chọc trời.



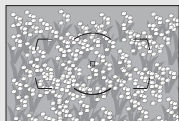
Điểm lấy nét chứa vùng có độ sáng tương phản sắc nét.

Ví dụ: Đối tượng nằm một nửa trong vùng tối.



Các vật thể xung quanh lớn hơn so với đối tượng.

Ví dụ: Một tòa nhà ở trong khuôn hình đằng sau đối tượng.



Đối tượng chứa nhiều chi tiết cầu kỳ.

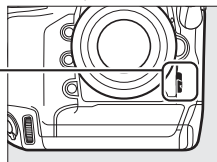
Ví dụ: Một cánh đồng hoa hay các đối tượng khác cực nhỏ hoặc độ sáng ít biến đổi.



Lấy Nét Bằng Tay

Lấy nét bằng tay dùng cho các thấu kính không hỗ trợ lấy nét tự động (thấu kính non-AF NIKKOR) hoặc khi lấy nét tự động không cho kết quả như mong muốn (□ 113).

- **Thấu kính AF:** Chính công tắc chế độ lấy nét thấu kính (nếu cài đặt trước) và bộ chọn chế độ lấy nét sang **M**.

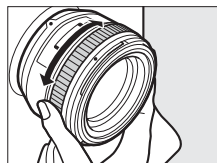


✓ Thấu Kính AF

Không dùng thấu kính AF khi công tắc chế độ lấy nét được chỉnh ở **M** và bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh đang cài ở **AF**. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thấu kính. Việc này không áp dụng cho các thấu kính AF-S và AF-P, có thể sử dụng ở chế độ **M** mà không cần đặt bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh sang **M**.

- **Thấu kính lấy nét bằng tay:** Lấy nét bằng tay.

Để lấy nét bằng tay, điều chỉnh vòng lấy nét thấu kính đến khi hình ảnh xuất hiện trong trường mờ tách biệt trong kính ngắm khi lấy nét. Ảnh có thể được chụp bất cứ lúc nào, ngay cả khi hình ảnh không được lấy nét.



■ Máy Ngắm Điện Tử

Chỉ báo lấy nét kính ngắm có thể được sử dụng để xác nhận xem đối tượng trong điểm lấy nét được chọn đã được lấy nét chưa (điểm lấy nét có thể được chọn từ bất kỳ 55 điểm lấy nét nào). Sau khi đặt đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập và xoay vòng lấy nét thấu kính đến khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện. Lưu ý rằng với đối tượng liệt kê ở trang 113, chỉ báo đã được lấy nét thỉnh thoảng có thể xuất hiện khi đối tượng không được lấy nét; xác nhận lấy nét trong kính ngắm trước khi chụp. Để biết thông tin về sử dụng máy ngắm điện tử với bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I, xem trang 100.

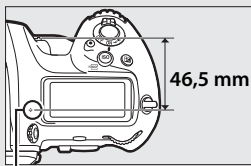


✎ Thấu Kính AF-P

Khi sử dụng thấu kính AF-P (📖 413) ở chế độ lấy nét bằng tay, chỉ báo đã được lấy nét sẽ nhấp nháy trong kính ngắm (hoặc xem trực tiếp, điểm lấy nét sẽ nhấp nháy trong màn hình) để cảnh báo việc tiếp tục xoay vòng lấy nét theo hướng hiện tại sẽ không đưa đối tượng vào lấy nét.

✎ Vị Trí Mặt Phẳng Tiêu Điểm

Để quyết định khoảng cách giữa đối tượng và máy ảnh, đo từ dấu mặt phẳng tiêu điểm (⊖) trên thân máy ảnh. Khoảng cách giữa chốt gắn thấu kính và dấu mặt phẳng tiêu điểm là 46,5 mm.



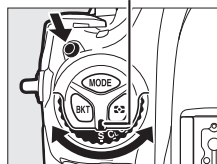
Dấu mặt phẳng tiêu

Chế Độ Nhả

Chọn Chế Độ Nhả

Để chọn một chế độ nhả, bấm nhả khóa đĩa lệnh chế độ và xoay đĩa lệnh chế độ nhả tới cài đặt mong muốn.

Con trỏ



Chế độ	Mô tả
S	Khuôn hình đơn: Máy ảnh chụp một ảnh mỗi khi nhấn nút nhả cửa trập.
CL	Tốc độ thấp liên tục: Có thể chọn tốc độ khuôn hình từ các giá trị trong khoảng 1 khuôn hình trên một giây và 10 khuôn hình trên một giây bằng cách nhấn nút  và xoay đĩa lệnh phụ. Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ chọn trong khi nút nhả cửa trập được nhấn (□ 117).
CH	Tốc độ cao liên tục: Có thể chọn tốc độ khuôn hình bằng cách nhấn nút  và xoay đĩa lệnh phụ. Chọn từ 10, 11, 12 và 14 khuôn hình trên một giây. Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ chọn trong khi nút nhả cửa trập được nhấn (□ 117).
Q	Nhả cửa trập tĩnh lặng: Với khuôn hình đơn, ngoại trừ gương không khấp trở lại vào vị trí trong khi nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập, cho phép người dùng kiểm soát thời gian khấp vào của gương, tĩnh lặng hơn so với trong chế độ khuôn hình đơn. Ngoài ra, không có tiếng bíp phát ra bất kể cài đặt nào được chọn cho Bíp trong menu cài đặt (□ 384). Cũng có thể chọn nhả liên tục bằng cách nhấn  và xoay đĩa lệnh cho đến khi  được hiển thị trong bảng điều khiển sau, trong trường hợp đó máy ảnh sẽ chụp khoảng 3 khuôn hình trên một giây trong khi nút nhả cửa trập được nhấn.

Chế độ	Mô tả
	Tự hẹn giờ: Chụp ảnh hẹn giờ (📖 120).
MUP	Gương nâng lên: Chọn chế độ này để giảm lắc máy ảnh ở chụp ảnh xa hoặc chụp cận cảnh hoặc trong các tình huống khác mà chỉ chuyển động nhỏ nhất của máy ảnh cũng khiến ảnh bị mờ (📖 122).
	Chọn chế độ nhà nhanh: Giữ nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính để chọn chế độ nhà (📖 119).

Chế độ nhà liên tục

Cũng có thể chọn tốc độ khuôn hình cho chế độ tốc độ thấp và tốc độ cao liên tục bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn d1 (**Tốc độ chụp liên tục**, 📖 338). Tốc độ quy định coi AF phần phụ liên tục, phơi sáng bằng tay hoặc phơi sáng tự động ưu tiên cửa trập, tốc độ cửa trập $1/250$ giây hoặc nhanh hơn, và các cài đặt khác ở giá trị mặc định. Tốc độ quy định có thể không có ở một số thấu kính; ngoài ra, tốc độ khuôn hình có thể giảm ở độ mở ống kính rất nhỏ (số f cao) hoặc ở tốc độ cửa trập chậm, khi chống rung (có ở các thấu kính VR) hoặc điều khiển độ nhạy ISO tự động (📖 126) được bật, hoặc khi pin yếu, khi thấu kính không CPU được lắp, hoặc khi **Vòng độ mở ống kính** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Tùy chọn đĩa lệnh**) > **Cài đặt độ mở ống kính** (📖 360), hoặc nhấp nháy được phát hiện khi giảm nhấp nháy được bật trong menu chụp ảnh (📖 227).

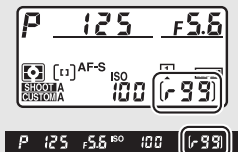
Chụp Ảnh Ở 14 Khuôn Hình Trên Một Giây

Khi **14 fps (gương nâng lên)** được chọn trong chế độ nhà tốc độ cao liên tục, gương sẽ được nâng lên khi nút nhà cửa trập được nhấn hết cỡ, lấy nét và phơi sáng sẽ khóa ở các giá trị được chọn cho khung hình đầu tiên trong mỗi loạt chụp và bộ đèn nháy tùy chọn sẽ không sáng. Giao diện nhìn qua thấu kính không thể nhìn thấy được trong kính ngắm trong quá trình chụp.

Bộ Nhớ Đệm

Máy ảnh được trang bị bộ nhớ đệm để lưu trữ tạm thời, cho phép tiếp tục chụp trong khi ảnh được lưu vào thẻ nhớ. Tuy nhiên, lưu ý rằng tốc độ khuôn hình sẽ giảm khi bộ nhớ đệm đầy (**100**).

Số gần đúng của hình ảnh có thể được lưu vào trong bộ nhớ đệm ở các cài đặt hiện hành được thể hiện trong hiển thị đếm phơi sáng trong kính ngắm và bảng điều khiển trên trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Minh họa ở bên phải thể hiện màn hình hiển thị khi không gian còn lại trong bộ đệm còn đủ cho khoảng 99 ảnh.



Trong khi ghi ảnh vào thẻ nhớ, đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ phát sáng. Tùy thuộc vào điều kiện chụp và hiệu suất thẻ nhớ, việc ghi có thể mất từ vài giây đến một vài phút. *Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi đèn tiếp cận tắt.* Nếu tắt máy ảnh trong khi dữ liệu vẫn còn trong bộ đệm, nguồn sẽ không tắt cho đến khi tắt cả các hình ảnh trong bộ đệm được ghi lại. Nếu pin cạn kiệt trong khi ảnh vẫn còn trong bộ đệm, nhả cửa trập bị vô hiệu hóa và ảnh sẽ được chuyển vào thẻ nhớ.

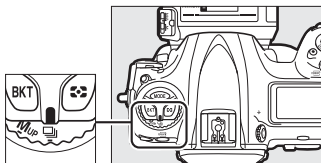


Xem Thêm

Để biết thông tin về cách chọn thứ tự ảnh trong mỗi lần chụp liên tiếp được hiển thị sau khi chụp, xem **Sau khi chụp liên tiếp, hiển thị** (📖 305). Để biết thông tin về việc chọn số ảnh tối đa có thể được chụp trong một lần chụp liên tục, xem Cài Đặt Tùy Chọn d2 (**Nhả liên tục tối đa**, 📖 338). Để có thông tin về số lượng ảnh có thể chụp được trong một lần chụp liên tục, xem trang 475.

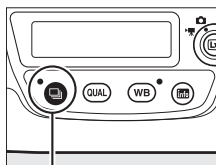
Chọn chế độ nhả nhanh

Khi đĩa lệnh chế độ nhả được xoay đến , có thể chọn chế độ nhả bằng cách nhấn giữ nút  khi xoay đĩa lệnh chế độ chính.



Đĩa lệnh chế độ nhả

Để điều chỉnh cài đặt cho chế độ nhả được chọn, nhấn và giữ nút  và xoay đĩa lệnh phụ.



Nút 

Cài đặt chế độ nhả được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.



Bảng điều khiển phía sau

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc chọn các chế độ nhả có thể được chọn với nút , xem Cài Đặt Tùy Chọn d3 (**Giới hạn chọn chế độ nhả**,  339).

Chế Độ Hẹn Giờ

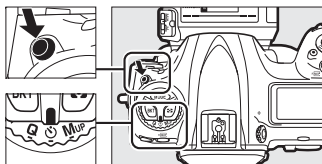
Hẹn giờ có thể được sử dụng để giảm lắc máy ảnh hoặc để chụp chân dung.

1 Gắn máy ảnh vào giá ba chân.

Lắp máy ảnh vào giá ba chân hoặc đặt máy ảnh lên bề mặt ổn định, bằng phẳng.

2 Chọn chế độ hẹn giờ.

Nhấn nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả và xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang ☺.



Đĩa lệnh chế độ nhả

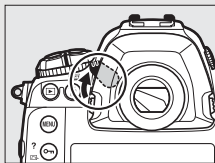
3 Tạo khuôn hình cho bức ảnh và lấy nét.

Trong AF phần phụ đơn (📖 101), chỉ có thể chụp ảnh nếu chỉ báo (●) đã lấy nét xuất hiện trong kính ngắm.



✎ Đóng Cửa Trập Nấp Thị Kính Kính Ngắm

Khi chụp ảnh mà không để mắt vào kính ngắm, đóng cửa trập nắp thị kính kính ngắm để ngăn ánh sáng đi vào qua kính ngắm xuất hiện trong ảnh hoặc cản trở phơi sáng.



4 Bắt đầu đếm thời gian.

Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập để bắt đầu đếm thời gian. Đèn hẹn giờ sẽ bắt đầu nhấp nháy.

Hai giây trước khi bức ảnh

được chụp, đèn hẹn giờ sẽ ngừng nhấp nháy. Cửa trập sẽ được nhả mười giây sau khi bộ đếm thời gian bắt đầu.



Để tắt hẹn giờ trước khi chụp ảnh được chụp, xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang cài đặt khác.



Cài đặt hẹn giờ

Để chọn thời gian hẹn giờ, nhấn và giữ nút  và xoay đĩa lệnh. Có thể đặt hẹn giờ đến 20, 10, 5, hoặc 2 giây.



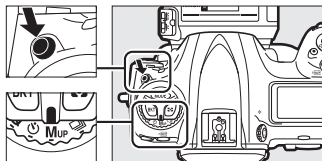
Bảng điều khiển
phía sau

Xem Thêm

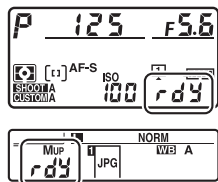
Để biết thông tin về việc lựa chọn thời gian tự hẹn giờ, số lượng ảnh chụp và khoảng thời gian giữa các lần chụp, xem Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**,  337). Có thể điều khiển tiếng bíp phát ra khi tự hẹn giờ được sử dụng bằng cách dùng tùy chọn **Bíp** trong menu cài đặt ( 384).

Chế Độ Gương Nâng Lên

Chọn chế độ này để giảm mờ do chuyển động của máy ảnh khi gương được nâng lên. Để sử dụng chế độ gương nâng lên, nhấn nhả chế độ khóa đĩa lệnh và xoay đĩa lệnh chế độ nhỏ về **MUP** (gương nâng lên). Sau khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để đặt lấy nét và phơi sáng, nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để nâng gương. **r dy** sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển; nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ một lần nữa để chụp ảnh (trong xem trực tiếp, không cần phải nâng gương lên; ảnh được chụp lần đầu nút nhả cửa trập được nhấn hết cỡ). Máy sẽ phát ra tiếng bíp, trừ khi **Tắt** được chọn cho **Bíp** trong menu cài đặt (384). Gương hạ xuống khi chụp xong.



Đĩa lệnh chế độ nhỏ



✓ **Gương Nâng Lên**

Trong khi gương được nâng lên, không thể tạo khuôn hình cho ảnh trong kính ngắm, lấy nét tự động và đo sáng sẽ không hoạt động được.

📎 **Chế Độ Gương Nâng Lên**

Ảnh sẽ được chụp tự động nếu không có hoạt động được thực hiện trong khoảng 30 giây sau khi gương được nâng lên.

📎 **Ngăn Chặn Che Mờ**

Để ngăn ngừa mờ gây ra bởi chuyển động của máy ảnh, nhấn nút nhả màn trập thật êm. Nên sử dụng giá ba chân.

📎 **Xem Thêm**

Để biết thông tin về cách sử dụng cửa trập màn trước điện tử để tiếp tục làm giảm mờ, xem Cài Đặt Tùy Chọn d6 (**Cửa trập màn trước điện tử**, 340).



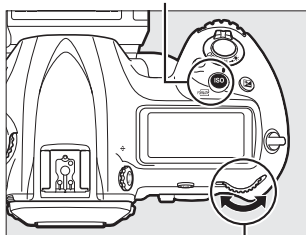
Độ nhạy ISO

Điều Chỉnh Bằng Tay

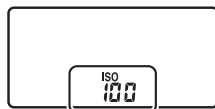
Có thể điều chỉnh độ nhạy của máy ảnh với ánh sáng theo mức ánh sáng đang có. Chọn cài đặt từ khoảng ISO 100 đến ISO 102400 trong các bước tương đương với $\frac{1}{3}$ EV. Cài đặt từ khoảng 0,3 đến 1 EV dưới ISO 100 và từ 0,3 đến 5 EV trên ISO 102400 cũng có sẵn cho các tình huống đặc biệt. Độ nhạy ISO càng cao thì càng cần ít ánh sáng để phơi sáng, cho phép tốc độ cửa trập cao hơn hoặc độ mở ống kính nhỏ hơn.

Có thể điều chỉnh độ nhạy ISO bằng cách nhấn nút **ISO** (FORMAT) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển trên và kính ngắm.

Nút ISO (FORMAT)



Đĩa lệnh chính



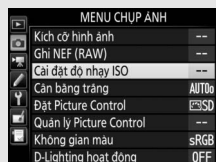
Bảng điều khiển trên



Kính ngắm

Menu độ nhạy ISO

Cũng có thể điều chỉnh cỡ độ nhạy ISO bằng cách sử dụng tùy chọn **Cài đặt độ nhạy ISO** trong menu chụp ảnh (📖 309).



Độ nhạy ISO

Độ nhạy ISO càng cao thì cần càng ít ánh sáng để phơi sáng, cho phép tốc độ cửa trập nhanh hơn hoặc độ mở ống kính nhỏ hơn, nhưng nhiều khả năng hình ảnh bị ảnh hưởng bởi nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng). Nhiễu thường có ở các cài đặt trong khoảng **Cao 0,3** và **Cao 5**.

Cao 0,3–Cao 5

Cài đặt **Cao 0,3** tới **Cao 5** tương ứng với độ nhạy ISO 0,3–5 EV trên ISO 102400 (tương đương ISO 128000–3280000).

Thấp 0,3–Thấp 1

Cài đặt **Thấp 0,3** tới **Thấp 1** tương ứng với độ nhạy ISO 0,3–1 EV dưới ISO 100 (tương đương ISO 80–50). Sử dụng cho độ mở ống kính lớn hơn khi ánh sáng là sáng. Độ tương phản cao hơn một chút so với bình thường; trong nhiều trường hợp, nên sử dụng độ nhạy ISO của ISO 100 hoặc cao hơn.

Xem Thêm

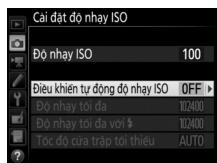
Để biết thông tin về việc lựa chọn kích cỡ bước độ nhạy ISO, xem Cài Đặt Tùy Chọn b1 (**Giá trị bước độ nhạy ISO**; 📖 333). Để biết thông tin về sử dụng tùy chọn **Giảm nhiễu ISO cao** trong menu chụp ảnh và menu ghi phim để giảm nhiễu ở độ nhạy ISO cao, xem trang 316 (ảnh) và 322 (phim).

Kiểm Soát Độ Nhạy ISO Tự Động

Nếu **Bật** được chọn cho **Cài đặt độ nhạy ISO > Điều khiển tự động độ nhạy ISO** trong menu chụp, độ nhạy ISO sẽ tự động được điều chỉnh nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị người dùng lựa chọn (độ nhạy ISO được điều chỉnh phù hợp khi đèn nháy được sử dụng).

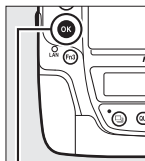
1 Chọn Điều khiển tự động độ nhạy ISO.

Chọn **Cài đặt độ nhạy ISO** trong menu chụp, làm nổi bật **Điều khiển tự động độ nhạy ISO** và nhấn .



2 Chọn Bật.

Làm nổi bật **Bật** và nhấn  (nếu **Tắt** được chọn, độ nhạy ISO sẽ được cố định ở giá trị người dùng chọn).



Nút 

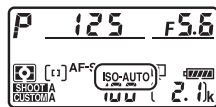
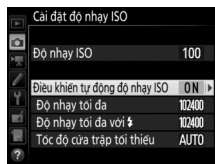


3 Điều chỉnh cài đặt.

Có thể chọn giá trị tối đa cho độ nhạy ISO tự động bằng cách sử dụng **Độ nhạy tối đa** (giá trị tối thiểu cho độ nhạy ISO tự động được tự động thiết lập sang ISO 100; lưu ý rằng nếu độ nhạy ISO được lựa chọn bởi người sử dụng cao hơn so với lựa chọn cho **Độ nhạy tối đa** thì giá trị được chọn bởi người sử dụng sẽ được sử dụng). Trong chế độ phơi sáng **P** và **A**, độ nhạy sẽ chỉ được điều chỉnh nếu thiếu phơi sáng sẽ xảy ra ở tốc độ cửa trập lựa chọn cho **Tốc độ cửa trập tối thiểu** ($1/4000$ –30 giây, hoặc **Tự động**; trong chế độ **S** và **M**, độ nhạy ISO sẽ được điều chỉnh cho phơi sáng tối ưu ở tốc độ cửa trập được người dùng lựa chọn). Nếu chọn **Tự động**, máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập tối thiểu dựa trên tiêu cự của thấu kính. Nhấn **OK** để thoát khi cài đặt xong.

Để chọn độ nhạy ISO tối đa cho ảnh chụp bằng bộ đèn nháy tùy chọn (420), sử dụng **Độ nhạy tối đa với đèn nháy**. Việc chọn **Tương tự như không có đèn nháy** đặt độ nhạy ISO tối đa cho chụp ảnh bằng đèn nháy về giá trị hiện được chọn cho **Độ nhạy tối đa**.

Khi **Bật** được chọn, kính ngắm và bảng điều khiển trên hiển thị **ISO-AUTO**. Khi độ nhạy thay đổi từ giá trị được lựa chọn bởi người sử dụng, các chỉ số đèn nháy và giá trị thay đổi được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển trên.



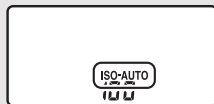
ISO

Tốc Độ Cửa Trập Tối Thiểu

Có thể điều chỉnh lựa chọn tốc độ cửa trập tự động bằng cách làm nổi bật **Tự động** và nhấn . Ví dụ, giá trị nhanh hơn so với những giá trị thường được chọn tự động có thể được sử dụng với thấu kính tele để giảm mờ. Tuy nhiên, lưu ý rằng **Tự động** chỉ có sẵn với thấu kính CPU; nếu thấu kính không CPU được sử dụng mà không có dữ liệu thấu kính thì tốc độ cửa trập tối thiểu được cố định ở 1/30 giây. Tốc độ cửa trập có thể giảm dưới mức tối thiểu được chọn nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở độ nhạy ISO được chọn cho **Độ nhạy tối đa**.

Bật hoặc tắt Điều khiển độ nhạy ISO tự động

Bạn có thể bật hoặc tắt điều khiển độ nhạy ISO tự động bằng cách nhấn nút **ISO**  và xoay đĩa lệnh phụ. Bảng điều khiển trên và kính ngắm hiển thị biểu tượng **ISO-AUTO** khi điều khiển độ nhạy ISO được bật và **ISO** nó tắt.



Kiểm Soát Độ Nhạy ISO Tự Động

Khi đèn flash được sử dụng, tốc độ cửa trập tối thiểu sẽ được thiết lập về giá trị được chọn cho **Tốc độ cửa trập tối thiểu** trừ khi giá trị này nhanh hơn Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Tốc độ đồng bộ đèn nháy**,  343) hoặc chậm hơn Cài Đặt Tùy Chọn e2 (**Tốc độ cửa trập đèn nháy**,  344), trong trường hợp này giá trị được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e2 sẽ được sử dụng. Lưu ý rằng độ nhạy ISO có thể được tự động tăng lên khi điều khiển độ nhạy ISO tự động được sử dụng kết hợp với các chế độ đèn nháy đồng bộ chậm (sẵn có với bộ đèn nháy tùy chọn;  198), có thể ngăn máy ảnh không chọn tốc độ cửa trập chậm.

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc chọn tham chiếu được sử dụng để thiết lập phơi sáng khi đèn nháy được sử dụng với điều khiển độ nhạy ISO tự động, xem Cài Đặt Tùy Chọn e4 (**Đ.khiển t.động độ nhạy ISO**  344).



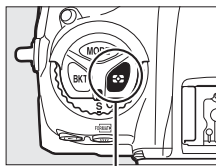
Phơi sáng

Đo sáng

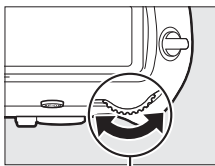
Việc đo sáng xác định cách máy ảnh đặt phơi sáng. Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
	Ma trận: Tạo ra các kết quả tự nhiên trong hầu hết các tình huống. Máy ảnh đo sáng một khu vực rộng của khuôn hình và đặt phơi sáng theo phân phối tổng màu, thành phần và với loại thấu kính G, E hoặc D (□ 413), thông tin khoảng cách (đo sáng ma trận màu 3D III; với các thấu kính CPU khác, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu III, không bao gồm thông tin khoảng cách 3D).
	Cân bằng trung tâm: Máy ảnh đo sáng toàn bộ khung nhưng chú trọng nhiều nhất vào khu vực trung tâm (nếu ống kính CPU được lắp, có thể chọn kích cỡ khu vực bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn b6, Vùng ưu tiên trung tâm , □ 335; nếu lắp thấu kính không CPU, khu vực tương đương với đường kính là 12 mm). Đo sáng cổ điển cho chân dung, khuyên dùng khi sử dụng các bộ lọc có yếu tố phơi sáng (yếu tố lọc) hơn 1×.
	Điểm: Máy ảnh đo đường tròn đường kính 4 mm (khoảng 1,5% khung hình), đảm bảo đối tượng được phơi sáng chính xác, ngay cả khi nền sáng hơn hay tối hơn nhiều. Vùng đo sáng được căn giữa vào điểm lấy nét hiện tại. Tuy nhiên, lưu ý rằng máy ảnh sẽ đo sáng điểm lấy nét giữa nếu: • AF vùng tự động, AF nhóm vùng (HL), hoặc AF nhóm vùng (VL) được chọn cho chế độ vùng AF (□ 104), hoặc • Thấu kính không CPU được gắn
	Ưu tiên vùng sáng: Máy ảnh tập trung vào vùng sáng. Sử dụng để làm giảm mất chi tiết trong vùng sáng, ví dụ như khi chụp ảnh người biểu diễn có đèn rọi trên sân khấu.

Để chọn tùy chọn đo sáng, nhấn nút  và xoay đĩa lệnh cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển.



Nút 



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển trên



Kính ngắm

Dữ Liệu Thấu Kính Không CPU

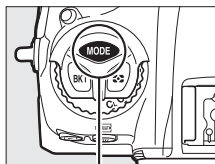
Xác định tiêu cự và độ mở ống kính tối đa của thấu kính không CPU bằng cách sử dụng tùy chọn **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt (☰ 243) sẽ cho phép máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận khi ma trận được chọn và nâng cao độ chính xác của đo sáng cân bằng trung tâm và đo sáng điểm. Đo sáng cân bằng trung tâm sẽ được sử dụng nếu đo sáng ưu tiên vùng sáng được chọn với thấu kính không CPU hoặc nếu đo sáng ma trận được chọn với thấu kính không CPU mà dữ liệu thấu kính không được cung cấp. Lưu ý rằng đo sáng cân bằng trung tâm cũng có thể được sử dụng nếu đo sáng ưu tiên vùng sáng được chọn với thấu kính CPU nào đó (thấu kính AI-P NIKKOR và thấu kính AF không phải loại G, E hoặc D; ☰ 413).

Xem Thêm

Xem Cài Đặt Tùy Chọn b5 (**Đo sáng ma trận**, ☰ 335) để biết thông tin về việc chọn cho đo sáng ma trận sử dụng nhận diện khuôn mặt. Để biết thông tin về việc thực hiện các điều chỉnh riêng cho phơi sáng tối ưu cho từng phương pháp đo sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn b7 (**Tính chỉnh phơi sáng tối ưu**, ☰ 335).

Chế độ phơi sáng

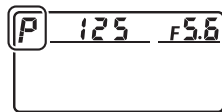
Để xác định cách máy thiết lập tốc độ cửa trập và độ mở ống kính khi điều chỉnh phơi sáng, nhấn nút **MODE** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi tùy chọn mong muốn xuất hiện trong bảng điều khiển trên.



Nút MODE



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển trên

Chế độ	Mô tả
P	Tự động được lập trình (📖 133): Máy ảnh đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính cho phơi sáng tối ưu. Được dùng cho những ảnh chụp nhanh hoặc trong các tình huống có rất ít thời gian để điều chỉnh cài đặt máy ảnh.
S	Tự động ưu tiên cửa trập (📖 134): Người dùng chọn tốc độ cửa trập; máy ảnh sẽ chọn độ mở ống kính để có kết quả tốt nhất. Sử dụng để đóng băng hoặc làm mờ chuyển động.
A	T.đ ưu tiên độ mở ống kính (📖 135): Người dùng chọn độ mở ống kính; máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập để có kết quả tốt nhất. Sử dụng để làm mờ nền hoặc lấy nét cả nền trước và nền sau.
M	Bảng tay (📖 136): Người dùng kiểm soát cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Đặt tốc độ cửa trập thành Bóng đèn (📖 1.6) hoặc Thời gian (- -) cho phơi sáng thời gian dài.



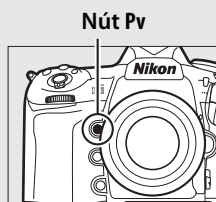
Loại Thấu Kính

Khi sử dụng thấu kính CPU được trang bị một vòng độ mở ống kính (📖 416), khóa vòng độ mở ống kính ở độ mở ống kính tối thiểu (số f là cao nhất). Loại thấu kính G và E không được trang bị với vòng độ mở ống kính.

Khi sử dụng thấu kính không CPU (📖 243), chọn chế độ phơi sáng **A** (tự động ưu tiên độ mở ống kính) hoặc **M** (bằng tay). Trong các chế độ khác, chế độ phơi sáng **A** được chọn tự động khi thấu kính không CPU được gắn (📖 416). Chỉ báo chế độ phơi sáng (**P** hoặc **S**) sẽ nhấp nháy trong bảng điều khiển hàng đầu và **A** hiển thị trong kính ngắm.

Xem Trước Độ Sâu Của Trường

Để xem trước hiệu ứng của độ mở ống kính, nhấn và giữ nút **Pv**. Thấu kính sẽ dừng lại ở giá trị độ mở ống kính mà máy ảnh lựa chọn (chế độ **P** và **S**) hoặc giá trị do người dùng chọn (chế độ **A** và **M**), cho phép xem trước độ sâu của trường trong kính ngắm.



Cài Đặt Tùy Chọn e5—Đèn nháy tạo mô hình

Cài đặt này điều khiển bộ đèn nháy tùy chọn hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo (CLS; 📖 420) có tạo ra đèn nháy tạo mô hình hay không khi nhấn nút **Pv**.



P: Tự Động Được Lập Trình

Ở chế độ này, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh tốc độ cửa trập và độ mở ống kính theo chương trình tích hợp để đảm bảo phơi sáng tối ưu trong hầu hết các trường hợp.

Chương Trình Linh Động

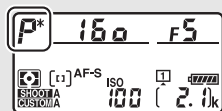
Ở chế độ phơi sáng **P**, có thể chọn các kết hợp tốc độ cửa trập và độ mở ống kính khác nhau bằng cách xoay đĩa lệnh chính khi đo phơi sáng được bật (“chương trình linh động”). Xoay đĩa lệnh về bên phải để lấy độ mở ống kính lớn (số f thấp) sẽ làm mờ các chi tiết nền, hoặc tốc độ cửa trập nhanh sẽ “đóng băng” chuyển động. Xoay đĩa lệnh sang bên trái để lấy độ mở ống kính nhỏ (số f cao) để tăng độ sâu của trường, hoặc tốc độ cửa trập chậm sẽ làm mờ chuyển động. Tất cả các kết hợp đều tạo ra độ phơi sáng giống nhau. Khi bật chương trình linh động, dấu hoa thị (“*”) sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển trên. Để khôi phục lại thiết lập tốc độ cửa trập và độ mở ống kính mặc định, xoay đĩa lệnh đến khi không hiển thị dấu hoa thị, chọn chế độ khác hoặc tắt máy ảnh.

Xem Thêm

Xem trang 447 để biết thêm thông tin về chương trình phơi sáng tích hợp. Để biết thông tin về bật đo phơi sáng, xem “Hẹn Giờ Chờ (Chụp Ảnh Với Kính Ngắm)” trong trang 41.



Đĩa lệnh chính



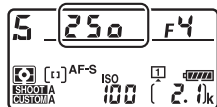
S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập

Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập, bạn chọn tốc độ cửa trập và máy ảnh sẽ tự động chọn độ mở ống kính để tạo ra phơi sáng tối ưu.

Để chọn tốc độ cửa trập, xoay đĩa lệnh chính trong khi đo phơi sáng được bật. Tốc độ cửa trập có thể được đặt sang "x 250" hoặc các giá trị giữa 30 giây và $\frac{1}{8000}$ giây. Có thể khóa tốc độ cửa trập ở cài đặt được chọn (📖 140).



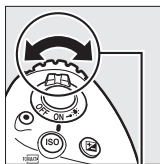
Đĩa lệnh chính



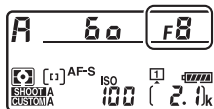
A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính

Trong chế độ tự động ưu tiên độ mở ống kính, chọn độ mở ống kính trong khi máy ảnh tự động chọn tốc độ cửa trập để cho độ phơi sáng tối ưu.

Để chọn độ mở ống kính giữa giá trị tối thiểu và tối đa cho thấu kính, xoay đĩa lệnh phụ trong khi đo phơi sáng được bật. Có thể khóa độ mở ống kính ở cài đặt được chọn (📖 140).

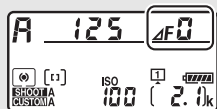


Đĩa lệnh phụ



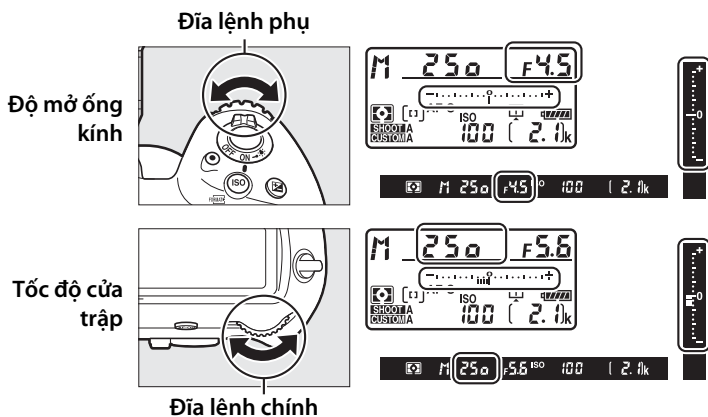
Thấu Kính Không CPU (📖 414, 416)

Sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính. Nếu độ mở ống kính tối đa của ống kính đã được xác định bằng cách sử dụng mục **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt (📖 244) khi gắn ống kính không CPU, thì số f hiện tại sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển, được làm tròn đến mức gần nhất. Nếu không, bảng hiển thị độ mở ống kính sẽ chỉ hiện số điểm dừng (ΔF , với độ mở ống kính tối đa được hiển thị là $\Delta F0$), và phải đọc số f từ vòng mở thấu kính.



M: Bằng tay

Trong chế độ phơi sáng bằng tay, bạn điều khiển cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Khi đo phơi sáng được bật, xoay đĩa lệnh chính để chọn tốc độ cửa trập, và đĩa lệnh phụ để chọn độ mở ống kính. Có thể đặt tốc độ cửa trập ở "x 250" hoặc ở các giá trị trong khoảng 30 giây và $1/8000$ giây, hoặc có thể để cửa trập mở vô thời hạn khi phơi sáng thời gian dài (bộ L hoặc - -, 138). Có thể đặt độ mở ống kính trong khoảng giá trị tối thiểu đến tối đa cho thấu kính. Sử dụng chỉ báo phơi sáng để kiểm tra phơi sáng.



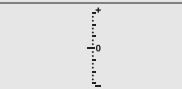
Có thể khóa tốc độ cửa trập và độ mở ống kính ở cài đặt được chọn (140).

Thấu Kính AF Micro NIKKOR

Nếu sử dụng đo phơi sáng bên ngoài, chỉ tính tới tỉ lệ phơi sáng khi vòng mở thấu kính được sử dụng để cài đặt độ mở ống kính.

Chỉ báo phơi sáng

Các chỉ báo phơi sáng trong kính ngắm và bảng điều khiển trên cho biết ảnh được phơi sáng thiếu hoặc thừa ở các cài đặt hiện hành. Tùy thuộc vào tùy chọn chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**Bước EV cho đ.khiển phơi sáng**,  333), mức phơi sáng thiếu hoặc thừa được hiển thị theo giá số $1/3$ EV, $1/2$ EV, hoặc 1 EV. Nếu vượt quá giới hạn của đo phơi sáng, màn hình hiển thị sẽ nhấp nháy.

Cài Đặt Tùy Chọn b2 thiết lập thành 1/3 bước			
	Phơi sáng tối ưu	Thiếu phơi sáng khoảng $1/3$ EV	Phơi sáng quá mức hơn 3 EV
Bảng điều khiển trên			
Kính ngắm			

Xem Thêm

Để biết thông tin về đảo ngược các chỉ báo phơi sáng để các giá trị âm được hiển thị ở bên phải và các giá trị dương ở bên trái, xem Cài Đặt Tùy Chọn f7 (**Đảo ngược các chỉ báo**,  361).



Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chế Độ M)

Chọn các tốc độ cửa trập sau cho phơi sáng thời gian dài của ánh sáng di chuyển, các ngôi sao, phong cảnh ban đêm, hoặc pháo hoa.

- **Bóng đèn (bulb)**: Cửa trập vẫn mở trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Để tránh che mờ, hãy dùng giá ba chân cho điều khiển từ xa không dây (427) hoặc dây chụp từ xa (429).
- **Thời gian (-)**: Bắt đầu phơi sáng bằng cách sử dụng nút nhả cửa trập trên máy ảnh hoặc trên dây chụp từ xa hoặc điều khiển từ xa không dây. Cửa trập vẫn mở cho đến khi nhấn nút lần thứ hai.



Thời gian phơi sáng: 35 giây
Độ mở ống kính : f/25



1 Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng.

Gắn máy ảnh trên giá ba chân hoặc đặt trên một mặt phẳng, ổn định.

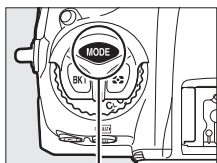


Phơi sáng thời gian dài

Đóng cửa trập nắp thị kính kính ngắm để không cho ảnh bị ảnh hưởng bởi ánh sáng vào qua kính ngắm (120). Nikon khuyến cáo sử dụng pin sạc đầy hoặc bộ đổi điện AC tùy chọn và đầu nối nguồn để tránh bị mất điện trong khi cửa trập mở. Lưu ý rằng độ nhiễu (điểm sáng, điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, hay sương mù) có thể có trong phơi sáng thời gian dài. Có thể giảm điểm sáng và sương mù bằng cách chọn **Bật** cho **Giảm nhiễu phơi sáng lâu** trong menu chụp ảnh (315).

2 Chọn chế độ phơi sáng M.

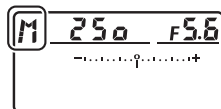
Nhấn nút **MODE** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi **M** được hiển thị trong bảng điều khiển.



Nút MODE



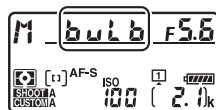
Đĩa lệnh chính



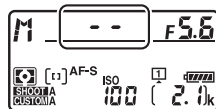
Bảng điều khiển trên

3 Chọn tốc độ cửa trập.

Khi đo phơi sáng được bật, xoay đĩa lệnh chính để chọn tốc độ cửa trập Bóng đèn (b **u** l **b**) hoặc Thời gian (- -). Chỉ báo phơi sáng không xuất hiện khi Bóng đèn (b **u** l **b**) hoặc Thời gian (- -) được chọn.



Bóng đèn



Thời gian

4 Mở cửa trập.

Bóng đèn: Sau khi lấy nét, nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ trên máy ảnh hoặc dây chụp từ xa hoặc điều khiển từ xa không dây tùy chọn. Giữ nút nhả cửa trập cho tới khi kết thúc phơi sáng.

Thời gian: Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ.

5 Đóng cửa trập.

Bóng đèn: Nhấc tay khỏi nút nhả cửa trập.

Thời gian: Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ.



Tốc Độ Cửa Trập Và Khóa Độ Mở Ống Kính

Khóa tốc độ cửa trập có ở các chế độ tự động ưu tiên cửa trập và phơi sáng bằng tay, khóa độ mở ống kính có trong các chế độ tự động ưu tiên cửa trập và phơi sáng bằng tay. Khóa tốc độ cửa trập và khóa độ mở ống kính không có sẵn trong chế độ phơi sáng tự động được lập trình.

1 Gán tốc độ cửa trập và khóa độ mở ống kính cho điều khiển máy ảnh.

Gán **T.độ c.trập & khóa độ mở ống kính** cho một điều khiển bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**, 346).

2 Khóa tốc độ cửa trập và/hoặc độ mở ống kính.

Tốc độ cửa trập (chế độ phơi sáng S và M):

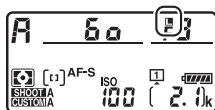
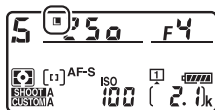
Nhấn điều khiển được lựa chọn và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi biểu tượng  xuất hiện trong kính ngắm và bảng điều khiển trên.

Để mở khóa tốc độ cửa trập, nhấn điều khiển và xoay quay số lệnh chính cho đến khi biểu tượng  biến mất khỏi màn hình.

Độ mở ống kính (chế độ phơi sáng A và M):

Nhấn điều khiển được lựa chọn và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi biểu tượng  xuất hiện trong kính ngắm và bảng điều khiển trên.

Để mở khóa độ mở ống kính, nhấn điều khiển và xoay quay số lệnh phụ cho đến khi biểu tượng  biến mất khỏi màn hình.



Xem Thêm

Sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f3 (**T.độ c.trập & khóa độ mở ống kính**; 358) để giữ tốc độ cửa trập và/hoặc độ mở ống kính khóa ở giá trị được chọn.

Khóa tự động phơi sáng (AE)

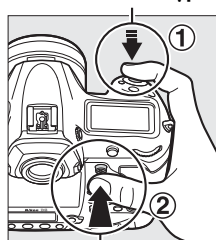
Sử dụng khóa tự động phơi sáng để chỉnh lại ảnh sau khi sử dụng đo sáng cân bằng trung tâm và đo sáng điểm (📖 129) để đo phơi sáng.

1 Khóa phơi sáng.

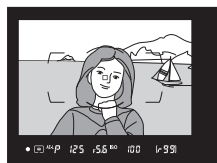
Định vị trí đối tượng vào điểm lấy nét được chọn và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét. Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng và đối tượng được đặt vào điểm lấy nét, nhấn trung tâm bộ chọn phụ để khóa phơi sáng (nếu bạn đang sử dụng lấy nét tự động, xác nhận rằng chỉ báo lấy nét ● xuất hiện trong kính ngắm).

Trong khi khóa phơi sáng đang được bật, chỉ báo **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

Nút nhả cửa trập

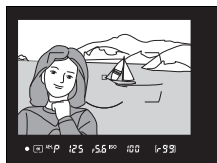


Bộ chọn phụ



2 Chỉnh lại ảnh.

Giữ nhấn trung tâm bộ chọn phụ để chỉnh lại ảnh và chụp.



Vùng Được Đo Sáng

Trong đo sáng điểm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở điểm lấy nét được chọn (☐ 129). Trong đo sáng cân bằng trung tâm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở chu vi 12-mm ở giữa kính ngắm.

Điều Chỉnh Tốc Độ Cửa Chập và Độ Mở Ống Kính

Trong khi khóa phơi sáng được bật, có thể điều chỉnh các cài đặt sau đây mà không làm thay đổi giá trị đo phơi sáng:

Chế độ phơi sáng	Thiết lập
P	Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (chương trình linh động; ☐ 133)
S	Tốc độ cửa trập
A	Độ mở ống kính

Có thể xác nhận các giá trị mới trong kính ngắm và bảng điều khiển. Lưu ý rằng không thể thay đổi phương pháp đo sáng trong khi khóa phơi sáng được bật.

Xem Thêm

Nếu **Bật (nhấn nửa chừng)** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c1 (**Nút nhả cửa trập AE-L**, ☐ 336), phơi sáng sẽ khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

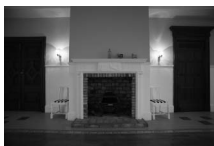


Bù Phơi Sáng

Bù phơi sáng được sử dụng để thay đổi giá trị phơi sáng mà máy ảnh đưa ra, làm ảnh sáng hơn hoặc tối hơn. Hiệu quả nhất khi sử dụng với cân bằng trắng trung tâm hoặc đo sáng điểm (□ 129). Chọn từ các giá trị giữa -5 EV (phơi sáng thiếu) và $+5$ EV (phơi sáng quá mức) trong gia số $\frac{1}{3}$ EV. Nhìn chung, giá trị dương làm đối tượng sáng hơn trong khi giá trị âm làm đối tượng tối hơn.



-1 EV



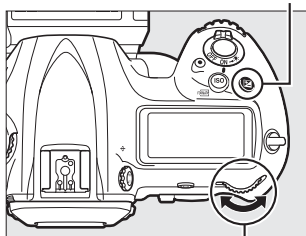
Không bù phơi sáng



+1 EV

Để chọn giá trị bù phơi sáng, nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi giá trị mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển trên hoặc kính ngắm.

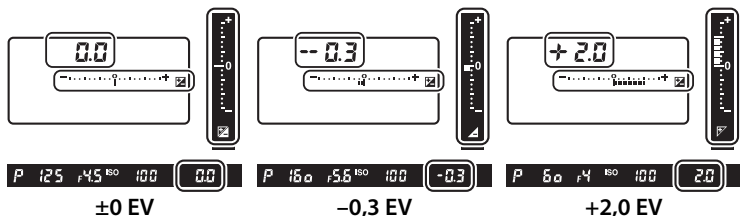
Nút 



Đĩa lệnh chính

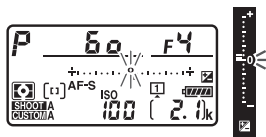


Bảng điều khiển trên



(Nút được nhấn)

Ở các giá trị khác với $\pm 0,0$, số 0 ở giữa chỉ báo phơi sáng sẽ nháy (chỉ chế độ phơi sáng **P**, **S**, và **A**) và biểu tượng sẽ hiển thị trong bảng điều khiển trên và kính ngắm sau khi nhấn nút . Có thể xác nhận giá trị bù phơi sáng hiện hành trong chỉ báo phơi sáng bằng cách nhấn nút .



Có thể khôi phục phơi sáng bình thường bằng đặt bù phơi sáng về $\pm 0,0$. Bù phơi sáng không được đặt lại khi máy ảnh tắt.



Chế độ phơi sáng M

Trong chế độ **M**, bù phơi sáng chỉ ảnh hưởng đến chỉ báo phơi sáng; tốc độ cửa trập và độ mở ống kính không thay đổi.

Sử Dụng Đèn Nháy

Khi sử dụng đèn nháy, bù phơi sáng ảnh hưởng đến cả cấp độ đèn nháy và phơi sáng, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính và nền. Có thể sử dụng cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Bù phơi sáng cho đèn nháy**,  344) để chỉ hạn chế ảnh hưởng của bù phơi sáng đến nền.

Xem Thêm

Để biết thông tin về cách chọn kích cỡ của gia số bù phơi sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**G.trị bước bù ph.sáng/bù đ.nháy**,  333). Để biết thông tin về việc điều chỉnh bù phơi sáng mà không cần nhấn nút , xem Cài Đặt Tùy Chọn b4 (**Bù phơi sáng dễ dàng**,  334). Để biết thông tin về tự động thay đổi phơi sáng, mức đèn nháy, cân bằng trắng hoặc D-Lighting hoạt động, xem trang 146.



Chụp bù trừ

Chụp bù trừ tự động thay đổi phơi sáng, mức đèn nháy, **Active D-Lighting (ADL)**, hoặc cân bằng trắng với mỗi lần chụp, “chụp bù trừ” giá trị hiện hành. Chọn trong các tình huống khó lấy được đúng cài đặt và không có thời gian để kiểm tra kết quả và điều chỉnh các cài đặt với mỗi lần chụp, hoặc thử nghiệm với các cài đặt khác nhau cho cùng một đối tượng.

Chụp bù trừ được điều chỉnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Bộ chụp bù trừ tự động** trong menu chụp ảnh, có chứa các tùy chọn sau:

- **AE & đèn nháy:** Máy ảnh thay đổi mức phơi sáng và đèn nháy trong một loạt các bức ảnh (□ 147). Lưu ý rằng chụp bù trừ đèn nháy chỉ có trong i-TTL và, khi được hỗ trợ, có trong các chế độ điều khiển đèn nháy độ mở ống kính tự động (⊕A) (□ 196, 421).
- **Chỉ AE:** Máy ảnh thay đổi phơi sáng trong một loạt các bức ảnh.
- **Chỉ đèn nháy:** Máy ảnh thay đổi mức phơi sáng trong một loạt các bức ảnh.
- **Chụp bù trừ WB:** Máy ảnh này tạo ra nhiều bản sao của mỗi bức ảnh, mỗi ảnh có cân bằng trắng khác nhau (□ 151).
- **Chụp bù trừ ADL:** Máy ảnh này thay đổi D-Lighting hoạt động trong một loạt các ảnh (□ 155).



■ ■ Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

Để thay đổi phơi sáng và/hoặc đèn nháy trong một loạt các bức ảnh:



Phơi sáng được điều chỉnh tới: 0 EV



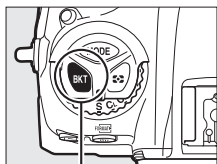
Phơi sáng được điều chỉnh tới: -1 EV



Phơi sáng được điều chỉnh tới: +1 EV

1 Chọn số lần chụp.

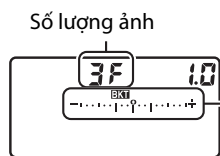
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Số lần chụp được hiện ra trên bảng điều khiển trên.



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển trên

Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng

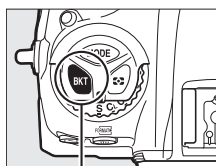


Ở các thiết lập khác không, biểu tượng **BKT** và chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển trên.

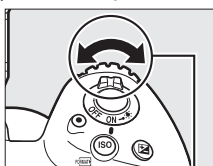


2 Chọn gia số phơi sáng.

Nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh phụ để chọn gia số phơi sáng.

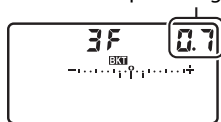


Nút BKT



Đĩa lệnh phụ

Gia số phơi sáng



Bảng điều khiển trên

Ở các cài đặt mặc định, có thể chọn kích cỡ gia số từ 0,3 ($1/3$), 0,7 ($2/3$), 1, 2, và 3 EV. Các chương trình chụp bù trừ với gia số 0,3 ($1/3$) EV được liệt kê dưới đây.

Hiển thị bảng điều khiển	Số lần chụp	Thứ tự chụp bù trừ (EV)
0F 0.3 -.....°.....+	0	0
+ 3F 0.3 -.....9.....+	3	0/+0,3/+0,7
-- 3F 0.3 -.....9.....+	3	0/-0,7/-0,3
+ 2F 0.3 -.....9.....+	2	0/+0,3
-- 2F 0.3 -.....9.....+	2	0/-0,3
3F 0.3 -.....9.....+	3	0/-0,3/+0,3
5F 0.3 -.....9.....+	5	0/-0,7/-0,3/+0,3/+0,7
7F 0.3 -.....9.....+	7	0/-1,0/-0,7/-0,3/+0,3/+0,7/+1,0
9F 0.3 -.....9.....+	9	0/-1,3/-1,0/-0,7/-0,3/+0,3/+0,7/+1,0/+1,3

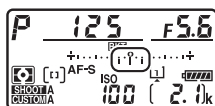
Lưu ý rằng với gia số phơi sáng 2 EV trở lên thì số lần tối đa là 5; nếu chọn giá trị cao hơn ở Bước 1 thì số lần chụp sẽ tự động được đặt sang 5.

3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

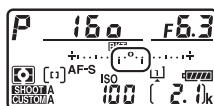


Máy ảnh này sẽ thay đổi phơi sáng và/hoặc mức đèn nháy từng lần chụp theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Điều chỉnh phơi sáng được bổ sung vào các ảnh có bù phơi sáng (xem trang 143).

Trong khi chụp bù trừ có hiệu lực, chỉ báo tiến độ bù trừ sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển trên. Mỗi phần sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mỗi ảnh chụp.



Số lần chụp: 3; gia số: 0,7



Hiển thị sau lần chụp đầu tiên

■ Hủy chụp bù trừ

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi số lần chụp trong trình tự chụp bù trừ là không (0F) và biểu tượng chụp bù trừ **BKT** không còn hiển thị. Chương trình sử dụng lần cuối có hiệu lực sẽ được khôi phục khi chụp bù trừ được kích hoạt lần tới. Cũng có thể hủy chụp bù trừ bằng cách thực hiện khởi động lại hai nút (□ 224), mặc dù trong trường hợp này, chương trình chụp bù trừ sẽ không được khôi phục khi kích hoạt chụp bù trừ trong lần tiếp theo.

✍ Xem Thêm

Để biết thông tin về lựa chọn các kích cỡ của gia số, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**Bước EV cho đ.khiển phơi sáng**, □ 333). Để biết thêm thông tin về cách chọn thứ tự thực hiện chụp bù trừ, xem Cài Đặt Tùy Chọn e7 (**Thứ tự chụp bù trừ**, □ 345). Để biết thông tin về việc chọn vai trò của nút **BKT**, xem Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút BKT +** (□ 346, 353).

Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

Trong các chế độ nhả tốc độ thấp liên tục, tốc độ cao liên tục, và chế độ tĩnh lặng liên tục, việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhà cửa trập được nhấn. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ thực hiện số lần chụp được chọn ở Bước 1 trên trang 147 mỗi lần nút nhà cửa trập được nhấn, bất kể tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 được chọn như thế nào (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (☐ 337); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Quãng thời gian giữa các ảnh**. Trong các chế độ khác, mỗi lần nhả nút nhà cửa trập sẽ có một ảnh được chụp.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

Phơi sáng bù trừ

Máy ảnh điều chỉnh phơi sáng bằng cách thay đổi tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (tự động được lập trình), độ mở ống kính (tự động ưu tiên cửa trập), hoặc tốc độ cửa trập (chế độ tự động ưu tiên cửa trập, phơi sáng bằng tay.) Nếu **Bật** được chọn cho **Cài đặt độ nhạy ISO** > **Điều khiển tự động độ nhạy ISO** (☐ 126) trong các chế độ **P, S**, và **A**, máy ảnh sẽ tự động thay đổi độ nhạy ISO cho phơi sáng tối ưu khi vượt quá giới hạn của hệ thống phơi sáng máy ảnh; trong chế độ **M**, đầu tiên máy ảnh sẽ sử dụng điều khiển độ nhạy ISO tự động để phơi sáng càng gần mức tối ưu càng tốt và sau đó bù trừ phơi sáng này bằng cách thay đổi tốc độ cửa trập. Cài Đặt Tùy Chọn e6 (**Chụp bù trừ tự động (chế độ M)**, ☐ 345) có thể được sử dụng để thay đổi cách thức máy ảnh thực hiện bù trừ đèn nháy và phơi sáng ở chế độ phơi sáng bằng tay. Chụp bù trừ có thể được thực hiện bằng cách thay đổi mức đèn nháy cùng với tốc độ cửa trập và/hoặc độ mở ống kính, hoặc chỉ bằng cách thay đổi mức đèn nháy.

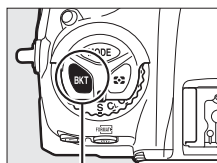


■ ■ Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Máy ảnh này tạo ra nhiều bản sao của mỗi bức ảnh, mỗi ảnh có cân bằng trắng khác nhau.

1 Chọn số lần chụp.

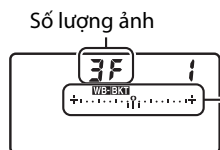
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Số lần chụp được hiện ra trên bảng điều khiển trên.



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển trên

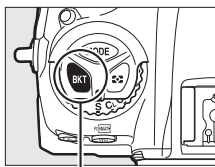
Chỉ báo cân bằng trắng
bù trừ

Ở các cài đặt khác không, biểu tượng **WB-BKT** và chỉ báo chụp bù trừ cân bằng trắng sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển trên và **BKT** sẽ hiển thị trong kính ngắm.

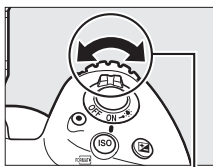


2 Chọn một gia số cân bằng trắng.

Nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh phụ để chọn điều chỉnh cân bằng trắng. Mỗi gia số chia tương đương với 5 đơn vị đo nhiệt độ màu.



Nút BKT



Đĩa lệnh phụ

Gia số cân bằng trắng



Bảng điều khiển trên

Lựa chọn gia số 1 (5 đơn vị đo nhiệt độ màu), 2 (10 đơn vị đo nhiệt độ màu), hoặc 3 (15 đơn vị đo nhiệt độ màu). Các giá trị **B** cao hơn tương ứng với mức màu xanh cao hơn, các giá trị **A** cao hơn làm tăng mức màu hổ phách (□ 162). Các chương trình chụp bù trừ với gia số 1 được liệt kê dưới đây.

Hiển thị bảng điều khiển	Số lần chụp	Gia số cân bằng trắng	Thứ tự chụp bù trừ
0F 1 +.....o.....+	0	1	0
b3F 1 +.....ii.....+	3	1 B	0 / 1 B / 2 B
A3F 1 +.....i.....+	3	1 A	0 / 2 A / 1 A
b2F 1 +.....ii.....+	2	1 B	0 / 1 B
A2F 1 +.....i.....+	2	1 A	0 / 1 A
3F 1 +.....ii.....+	3	1 A, 1 B	0 / 1 A / 1 B
5F 1 +.....ii.....+	5	1 A, 1 B	0 / 2 A / 1 A / 1 B / 2 B
7F 1 +.....ii.....+	7	1 A, 1 B	0 / 3 A / 2 A / 1 A / 1 B / 2 B / 3 B
9F 1 +.....ii.....+	9	1 A, 1 B	0 / 4 A / 3 A / 2 A / 1 A / 1 B / 2 B / 3 B / 4 B

Xem Thêm

Xem trang 164 về định nghĩa “đơn vị đo nhiệt độ màu.”

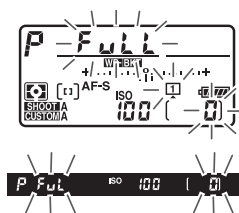
3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.



Mỗi ảnh chụp sẽ được xử lý để tạo ra số lượng bản sao quy định trong chương trình chụp bù trừ, và mỗi bản sao sẽ có cân bằng trắng khác nhau. Các chỉnh sửa cân bằng trắng được bổ sung vào điều chỉnh cân bằng trắng với dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Nếu số lượng ảnh chụp trong chương trình chụp bù trừ lớn hơn so với số phơi sáng còn lại, **FuLL** và biểu tượng của thẻ bị ảnh hưởng sẽ nhấp nháy trong bảng điều khiển trên, biểu tượng **FuL** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong kính ngắm như thể hiện ở bên phải và nhà cửa trập sẽ bị vô hiệu hóa.

Việc chụp có thể bắt đầu khi thẻ nhớ mới được lắp vào.



■ ■ **Hủy chụp bù trừ**

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi số lần chụp trong trình tự chụp bù trừ là số không (0F) và **WB-BKT** không còn hiển thị. Chương trình sử dụng lần cuối có hiệu lực sẽ được khôi phục khi chụp bù trừ được kích hoạt lần tới. Cũng có thể hủy chụp bù trừ bằng cách thực hiện khởi động lại hai nút (☐ 224), mặc dù trong trường hợp này, chương trình chụp bù trừ sẽ không được khôi phục khi kích hoạt chụp bù trừ trong lần tiếp theo.



Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Cân bằng trắng bù trừ không có ở chất lượng hình ảnh NEF (RAW). Việc chọn tùy chọn NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG sẽ hủy chụp bù trừ cân bằng trắng.

Cân bằng trắng bù trừ chỉ ảnh hưởng đến nhiệt độ màu (trực hồ phách-màu xanh trời trong màn hình hiển thị dò tinh chỉnh cân bằng trắng, ☐ 162). Không có điều chỉnh nào được thực hiện trên trực màu xanh lá cây-đỏ tươi.

Trong chế độ tự hẹn giờ, số lượng bản sao quy định trong chương trình chụp bù trừ sẽ được tạo ra mỗi khi cửa trập được nhả, bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (☐ 337).

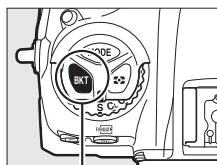
Nếu máy ảnh bị tắt trong khi đèn tiếp cận thẻ nhớ sáng, máy ảnh sẽ chỉ tắt nguồn sau khi tắt cả các bức ảnh theo thứ tự đã được ghi lại.

■ ■ Bù trừ ADL

Máy ảnh này thay đổi D-Lighting hoạt động trong một loạt các phơi sáng.

1 Chọn số lần chụp.

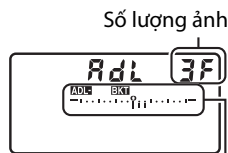
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Số lần chụp được hiện ra trên bảng điều khiển trên.



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển trên

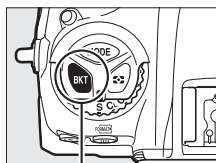
Chỉ báo bù trừ ADL

Ở các cài đặt khác không, biểu tượng **ADL BKT** và chỉ báo chụp bù trừ ADL sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển trên và **BKT** sẽ hiển thị trong kính ngắm. Chọn hai ảnh để một ảnh chụp với D-Lighting hoạt động tắt và một ảnh khác ở giá trị được chọn. Chọn ba đến năm lần chụp để chụp một loạt ảnh với D-Lighting hoạt động được đặt lần lượt sang các giá trị giữa **Tắt** và **Bình thường** (ba lần chụp), giữa **Tắt** và **Cao** (bốn lần chụp), hoặc giữa **Tắt** và **Siêu cao 1** hoặc **Thấp** và **Siêu cao 2** (năm lần chụp). Nếu bạn chọn nhiều hơn hai ảnh, hãy chuyển sang Bước 3.

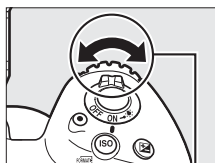


2 Chọn D-Lighting hoạt động.

Nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh phụ để chọn D-Lighting hoạt động.



Nút BKT



Đĩa lệnh phụ

D-Lighting hoạt động được hiển thị trong bảng điều khiển trên.

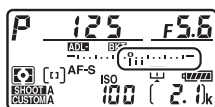
Hiển thị bảng điều khiển	ADL	Hiển thị bảng điều khiển	ADL
	暗A Tự động		暗H Cao
	暗L Thấp		暗H1 Siêu cao 1
	暗N Bình thường		暗H2 Siêu cao 2



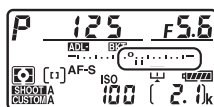
3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.



Máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting hoạt động theo mỗi lần chụp tùy theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Trong khi chụp bù trừ có hiệu lực, chỉ báo tiến độ bù trừ sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển trên. Mỗi phần sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mỗi ảnh chụp.



Số lần chụp: 3



Hiển thị sau lần chụp đầu tiên



■ ■ Hủy chụp bù trừ

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi số lần chụp trong trình tự chụp bù trừ là số không (0F) và **ADL-BKT** không còn hiển thị. Chương trình sử dụng lần cuối có hiệu lực sẽ được khôi phục khi chụp bù trừ được kích hoạt lần tới. Cũng có thể hủy chụp bù trừ bằng cách thực hiện khởi động lại hai nút (□ 224), mặc dù trong trường hợp này, chương trình chụp bù trừ sẽ không được khôi phục khi kích hoạt chụp bù trừ trong lần tiếp theo.

Bù trừ ADL

Trong các chế độ nhả tốc độ thấp liên tục, tốc độ cao liên tục, và chế độ tĩnh lặng liên tục, việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhả cửa trập được nhấn. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ thực hiện số lần chụp được chọn ở Bước 1 trên trang 155 mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, bất kể tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 được chọn như thế nào (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (□ 337); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Quãng thời gian giữa các ảnh**. Trong các chế độ khác, mỗi lần nhả nút nhả cửa trập sẽ có một ảnh được chụp.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tắt cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tắt cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

Cân bằng trắng

Tùy Chọn Cân Bằng Trắng

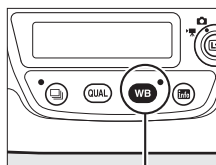
Cân bằng trắng đảm bảo các màu không bị ảnh hưởng bởi màu sắc của nguồn ánh sáng. Nên sử dụng cân bằng trắng tự động với hầu hết các nguồn sáng. Nếu không thể đạt được kết quả mong muốn với cân bằng trắng tự động, chọn tùy chọn từ danh sách dưới đây hoặc sử dụng cân bằng trắng thiết lập sẵn.

Tùy chọn	Nhiệt độ màu*	Mô tả
AUTO Tự động	3500–8000 K	Điều chỉnh cân bằng trắng tự động. Để có kết quả tốt nhất, sử dụng thấu kính loại G, E hoặc D. Nếu đèn nháy tùy chọn bật, kết quả được điều chỉnh tương ứng. Có thể xem nhiệt độ màu trong màn hình thông tin phát lại sau khi chụp (□ 254).
Giữ màu trắng (giảm các màu ấm)		
Bình thường		
Giữ các màu chiếu sáng ấm		
 Sáng chói	3000 K	Sử dụng dưới ánh sáng chói.
 Huỳnh quang		Sử dụng với:
Đèn hơi natri	2700 K	• Đèn khí natri (ở những địa điểm thể thao).
Huỳnh quang ấm trắng	3000 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng ấm.
Huỳnh quang trắng	3700 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng.
Huỳnh quang lạnh trắng	4200 K	• Ánh sáng cân bằng trắng huỳnh quang.
Huỳnh quang trắng ban ngày	5000 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng ban ngày.
Huỳnh quang ánh sáng ban ngày	6500 K	• Ánh sáng huỳnh quang ban ngày.
Hơi thủy ngân nhiệt độ cao	7200 K	• Nguồn sáng nhiệt độ màu cao (ví dụ như đèn khí thủy ngân).

Tùy chọn	Nhiệt độ màu*	Mô tả
 Ánh sáng mặt trời trực tiếp	5200 K	Sử dụng với các đối tượng chiếu sáng bởi ánh sáng trực tiếp.
 Đèn nháy	5400 K	Sử dụng các bộ đèn nháy tùy chọn.
 Nhiều mây	6000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày dưới bầu trời u ám.
 Bóng râm	8000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày với các đối tượng trong bóng râm.
 Chọn nhiệt độ màu	2500–10.000 K	Chọn nhiệt độ màu từ danh sách các giá trị (📖 165).
PRE Thiết lập sẵn bằng tay	—	Sử dụng đối tượng, nguồn ánh sáng, hoặc bức ảnh hiện thời làm tham khảo cho cân bằng trắng (📖 168).

* Tất cả các giá trị là gần đúng và không phản ánh việc tinh chỉnh (nếu có).

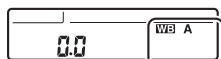
Để lựa chọn cân bằng trắng, nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.



Nút WB



Đĩa lệnh chính



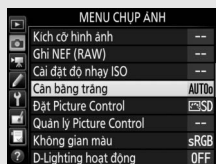
Bảng điều khiển phía sau



Menu Chụp Ảnh

Cũng có thể điều chỉnh cân bằng trắng bằng cách sử dụng tùy chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp (📖 309, 318), cũng có thể được sử dụng để dò tinh chỉnh cân bằng trắng (📖 162) hoặc đo một giá trị thiết lập sẵn cho cân bằng trắng (📖 168). Tùy chọn **Tự động** trong menu **Cân bằng trắng** cung cấp một

lựa chọn **Giữ màu trắng (giảm các màu ấm)**, **Bình thường**, và **Giữ các màu chiếu sáng ấm**. **Giữ màu trắng (giảm các màu ấm)** làm cho da trắng ghi lại dưới ánh sáng chói xuất hiện màu trắng, trong khi **Giữ các màu chiếu sáng ấm** bảo tồn các sắc thái màu ấm áp chúng ta thường cảm nhận được dưới ánh sáng đèn sợi đốt. Tùy chọn  **Huỳnh quang** trong có thể được sử dụng để chọn nguồn sáng từ các loại bóng đèn tròn hình quang.



Chiếu Sáng Đèn Nháy Trong Phòng Thu

Cân bằng trắng tự động có thể tạo ra các kết quả mong muốn với các đơn vị đèn nháy trong phòng thu lớn. Sử dụng cân bằng trắng thiết lập sẵn hoặc đặt cân bằng trắng sang **Đèn nháy** và sử dụng dò tinh chỉnh để điều chỉnh cân bằng trắng.

Nhiệt Độ Màu

Màu nhận được của một nguồn sáng khác nhau tùy theo người xem và các điều kiện khác. Nhiệt độ màu là cách đo khách quan của màu nguồn sáng, được quy định tham chiếu đến nhiệt độ mà một đối tượng được gia nhiệt để tỏa ra ánh sáng trong các bước sóng tương tự. Các nguồn sáng trắng với nhiệt độ màu ở khoảng 5000–5500 K xuất hiện màu trắng, nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu thấp hơn, chẳng hạn như bóng đèn sáng chói, xuất hiện hơi vàng hoặc đỏ. Các nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu cao hơn xuất hiện nhuốm màu xanh da trời.

Màu “ấm hơn” (đỏ hơn)

Màu “lạnh hơn” (xanh hơn)



①	☀️ (đèn khí natri): 2700 K
②	🌙 (huỳnh quang)/☀️ (huỳnh quang trắng ấm.): 3000 K
③	☀️ (huỳnh quang trắng): 3700 K
④	☀️ (huỳnh quang trắng lạnh): 4200 K
⑤	☀️ (huỳnh quang trắng ban ngày): 5000 K

⑥	☀️ (ánh sáng mặt trời trực tiếp): 5200 K
⑦	⚡ (đèn nháy): 5400 K
⑧	☁️ (mây): 6000 K
⑨	☀️ (Huỳnh quang ánh sáng ban ngày): 6500 K
⑩	☀️ (đèn khí thủy ngân nhiệt độ cao): 7200 K
⑪	🏠 (bóng râm): 8000 K

Lưu ý: Tất cả số liệu chỉ là tương đối.

Xem Thêm

Cân bằng trắng bù trừ (📄 151) tạo ra nhiều bản sao của mỗi bức ảnh chụp, thay đổi cân bằng trắng đến “khung” giá trị hiện tại.

Dò tinh chỉnh cân bằng trắng

Tại cài đặt khác **OK (Chọn nhiệt độ màu)**, cân bằng trắng có thể “điều chỉnh” để bù cho sai khác trong màu của nguồn sáng hoặc để tạo ra đồ màu chủ ý cho ảnh.

Menu Cân Bằng Trắng

Để điều chỉnh cân bằng trắng từ menu chụp, chọn **Cân bằng trắng** và làm theo các bước dưới đây.

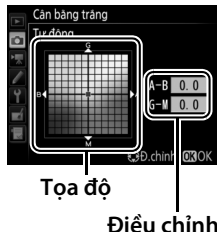
1 Hiện thị tùy chọn tinh chỉnh.

Làm nổi bật tùy chọn cân bằng trắng và nhấn **OK** (nếu menu phụ được hiển thị, chọn tùy chọn mong muốn và nhấn **OK** lại để hiển thị tùy chọn điều chỉnh; để biết thêm thông tin về điều chỉnh cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay, xem trang 178).



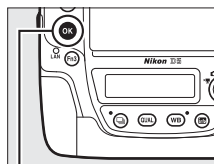
2 Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Sử dụng đa bộ chọn để tinh chỉnh cân bằng trắng. Có thể tinh chỉnh cân bằng trắng trên trục (A) hồ phách – (B) xanh trời trong các bước 0,5 và trục (G) xanh lá cây – (M) đỏ sậm trong các bước 0,25. Trục ngang (hồ phách - xanh trời) tương ứng với nhiệt độ màu, trong khi trục dọc (xanh lá cây - đỏ sậm) có tác dụng tương tự với các bộ lọc **bù màu** (CC) tương ứng. Trục ngang có giá số tương đương khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu, trục dọc có giá số khoảng 0,05 đơn vị mật độ khuếch tán.

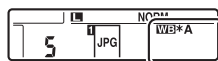


3 Nhấn .

Nhấn  để lưu các cài đặt và quay trở lại menu chụp. Nếu cân bằng trắng đã được điều chỉnh, dấu hoa thị ("*") sẽ hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.

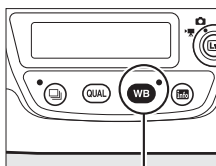


Nút 

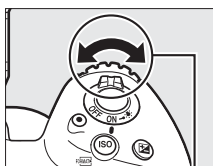


■ Nút WB

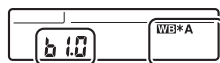
Ở các cài đặt khác  (**Chọn nhiệt độ màu**) và **PRE (Thiết lập sẵn bằng tay)**, nút **WB** có thể được sử dụng để điều chỉnh cân bằng trắng trên trục hồ phách (A)–xanh trời (B) (162; để tinh chỉnh cân bằng trắng khi **PRE** được chọn, sử dụng menu chụp như được mô tả trên trang 178). Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ để tinh chỉnh cân bằng trắng trong các bước 0,5 (với mỗi gia số đầy đủ tương đương với khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu) cho đến khi giá trị mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau. Việc xoay đĩa lệnh phụ sang trái làm tăng lượng màu hồ phách (A). Việc xoay đĩa lệnh phụ sang phải làm tăng lượng màu xanh trời (B). Tại các cài đặt khác 0, dấu hoa thị ("*") xuất hiện trong bảng điều khiển phía sau.



Nút **WB**



Đĩa lệnh phụ

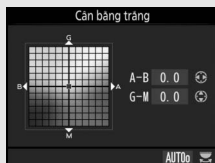


Bảng điều khiển phía sau



Hiển Thị Thông Tin

Trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm, bạn có thể nhấn nút **WB** để chỉnh cài đặt cân bằng trắng trong màn hình hiển thị thông tin. Xoay đĩa lệnh chính để chọn chế độ cân bằng trắng và xoay đĩa lệnh phụ để chọn nhiệt độ màu (chế độ **K**, “chọn nhiệt độ màu”) hoặc thiết lập sẵn cân bằng trắng (chế độ bằng tay thiết lập sẵn), hoặc sử dụng đĩa bộ chọn để chỉnh cân bằng trắng trên các trục hỗ phách (A) – Xanh da trời (B) và xanh lá cây (G) – đỏ tươi (M) (các chế độ trắng khác).



Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Các màu sắc trên trục tinh chỉnh chỉ là tương đối, không phải tuyệt đối. Ví dụ, việc di chuyển con trỏ đến **B** (xanh trời) khi cài đặt “ấm” như  (**Sáng chói**) được chọn cho cân bằng trắng sẽ làm cho hình ảnh hơi “lạnh hơn” nhưng sẽ không thực sự làm ảnh có màu xanh trời.

“Đơn vị đo nhiệt độ màu”

Bất kỳ thay đổi nào được thực hiện trong nhiệt độ màu sẽ tạo ra khác biệt lớn hơn đối với màu ở nhiệt độ màu thấp so với ở nhiệt độ màu cao hơn. Ví dụ, thay đổi 1000 K sẽ dẫn tới thay đổi nhiều hơn ở màu 3000 K so với ở 6000 K. Đơn vị đo nhiệt độ màu được tính bằng cách nhân nghịch đảo nhiệt độ màu với 10^6 , là một thước đo nhiệt độ màu có tính tới sự thay đổi, và đó là đơn vị được sử dụng trong các bộ lọc bù nhiệt độ màu. Ví dụ:

- 4000 K–3000 K (chênh lệch 1000 K)=83 đơn vị đo nhiệt độ màu
- 7000 K–6000 K (chênh lệch 1000 K)=24 đơn vị đo nhiệt độ màu

Chọn Nhiệt Độ Màu

Thực hiện theo các bước dưới đây để lựa chọn nhiệt độ màu khi **K (Chọn nhiệt độ màu)** được chọn cho cân bằng trắng.

☑ Chọn Nhiệt Độ Màu

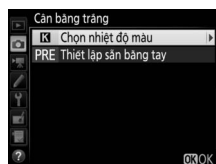
Lưu ý rằng không thể đạt được kết quả mong muốn với đèn nháy hoặc chiếu sáng huỳnh quang. Chọn **⚡ (Đèn nháy)** hoặc **☀ (Huỳnh quang)** cho các nguồn này. Với các nguồn sáng khác, hãy chụp thử để xác định xem giá trị được chọn có thích hợp không.

■ Menu Cân Bằng Trắng

Có thể chọn nhiệt độ màu bằng cách sử dụng tùy chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp. Nhập giá trị cho các trục hồ phách–xanh trời và xanh lá cây–đỏ tươi như được mô tả bên dưới.

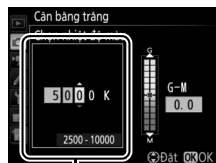
1 Chọn Chọn nhiệt độ màu

Chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp sau đó làm nổi bật **Chọn nhiệt độ màu** và nhấn **⏏**.



2 Chọn giá trị cho trục hồ phách–xanh trời.

Nhấn **⏏** hoặc **⏏** để làm nổi bật chữ số và nhấn **⏏** hoặc **⏏** để thay đổi.



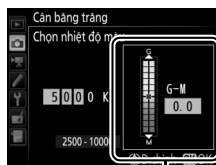
Giá trị cho trục hồ phách (A)– xanh da trời (B)

3 Chọn giá trị cho trục xanh lá cây-đỏ tươi.

Nhấn  hoặc  để làm nổi bật trục

G (xanh lá cây) hoặc **M** (đỏ tươi) và nhấn

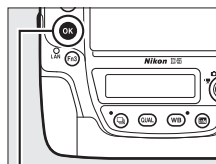
 hoặc  để chọn một giá trị.



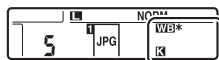
Giá trị cho trục xanh lá cây (G)-đỏ tươi (M)

4 Nhấn .

Nhấn  để lưu các thay đổi và quay trở lại menu chụp. Nếu giá trị khác 0 được chọn cho trục xanh lá cây (G)-đỏ tươi (M), dấu hoa thị ("*") sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.

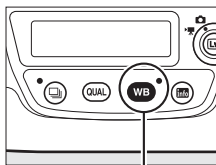


Nút .

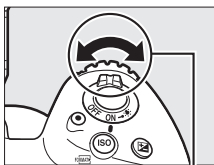


■ ■ Nút WB

Khi **K** (**Chọn nhiệt độ màu**) được chọn, có thể sử dụng nút **WB** để chọn nhiệt độ màu, mặc dù chỉ cho trục màu hổ phách (A)–màu xanh (B). Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi giá trị mong muốn hiển thị trên bảng điều khiển phía sau (điều chỉnh được thực hiện bằng đơn vị đo nhiệt độ màu;  164). Để nhập nhiệt độ màu trực tiếp, nhấn nút **WB** và nhấn  hoặc  để làm nổi bật một chữ số và nhấn  hoặc  để thay đổi.



Nút WB



Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển phía sau



Cài đặt trước bằng tay

Thiết lập sẵn bằng tay được sử dụng để ghi lại và gọi lại các cài đặt cân bằng trắng tùy chỉnh để chụp dưới ánh sáng hỗn hợp hoặc để bù cho các nguồn sáng ám màu mạnh. Máy ảnh có thể lưu trữ tới bốn giá trị cho cân bằng trắng thiết lập sẵn ở các thiết lập sẵn d-1 tới d-6. Có hai phương pháp để thiết lập cân bằng trắng thiết lập sẵn:

Phương pháp	Mô tả
Đo trực tiếp	Màu xám trung tính hoặc màu trắng được đặt dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong ảnh cuối cùng và cân bằng trắng được máy ảnh đo (📖 169). Trong xem trực tiếp (📖 44, 59), cân bằng trắng có thể được đo trong khu vực được chọn của khuôn hình (cân bằng trắng điểm, 📖 173).
Sao từ ảnh hiện tại	Cân bằng trắng được sao chép từ ảnh trên thẻ nhớ (📖 176).



Thiết Lập Sẵn Cân Bằng Trắng

Thay đổi cho thiết lập sẵn cân bằng trắng áp dụng cho tất cả tập hợp menu chụp ảnh (📖 310).

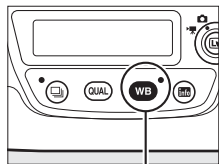
Chụp Ảnh Với Kính Ngắm

1 Chiếu sáng đối tượng tham chiếu.

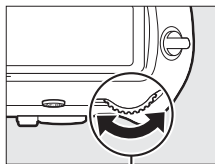
Đặt đối tượng màu xám hay trắng trung tính dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong bức ảnh cuối cùng. Trong các thiết lập phòng thu, có thể sử dụng một bảng màu xám chuẩn làm đối tượng tham chiếu. Lưu ý rằng phơi sáng tự động tăng 1 EV khi đo cân bằng trắng; trong chế độ **M** điều chỉnh phơi sáng để chỉ báo phơi sáng hiển thị ± 0 (□ 137).

2 Đặt cân bằng trắng sang PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).

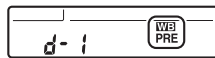
Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi **PRE** được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.



Nút WB



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển phía sau

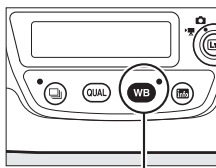
Đo Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn Bằng Tay (Chụp Ảnh Với Kính Ngắm)

Không thể đặt được cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay khi chụp ảnh HDR (□ 189) hoặc đa phơi sáng (□ 229), hoặc khi **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút nhà cửa** (□ 362) và bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang  trong khi xem trực tiếp.

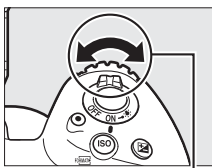


3 Chọn cài đặt trước.

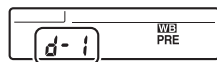
Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi thiết lập sẵn cân bằng trắng (d-1 đến d-6) được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.



Nút WB



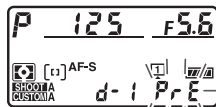
Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển phía sau

4 Chọn chế độ đo trực tiếp.

Nhả nhanh nút **WB** và sau đó nhấn nút lại cho đến khi biểu tượng **PRE** trong bảng điều khiển phía sau bắt đầu nhấp. **P-E** nhấp nháy cũng sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển trên và kính ngắm.



Bảng điều khiển trên



Bảng điều khiển phía sau



Kính ngắm

5 Đo cân bằng trắng.

Một vài giây trước khi các chỉ báo ngừng nhấp, tạo khuôn hình đối tượng tham chiếu để nó lấp đầy kính ngắm và nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ. Máy ảnh sẽ đo một giá trị cân bằng trắng và lưu vào giá trị thiết lập sẵn được chọn ở Bước 3. Bức ảnh sẽ không được ghi lại; có thể đo cân bằng trắng chính xác ngay cả khi máy ảnh không lấy nét.



6 Kiểm tra kết quả.

Nếu máy ảnh có thể đo một giá trị cho cân bằng trắng, **Good** sẽ nhấp trong bảng điều khiển khoảng sáu giây, trong khi kính ngắm sẽ hiển thị **Good** nhấp nháy. Nhấn nút nhỏ cửa trập nửa chừng để thoát chế độ chụp.



Bảng điều khiển trên

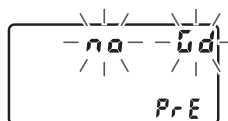


Bảng điều khiển phía sau



Kính ngắm

Nếu ánh sáng quá tối hoặc quá sáng, máy ảnh có thể không đo được cân bằng trắng. **no Good** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển và kính ngắm. Bấm nút nhỏ cửa trập nửa chừng để trở lại Bước 5 và đo lại cân bằng trắng.



Bảng điều khiển trên



Bảng điều khiển phía sau



Kính ngắm



✓ Chế Độ Đo Trực Tiếp

Nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm và khi màn hình hiển thị đang nhấp nháy, chế độ đo trực tiếp sẽ kết thúc trong thời gian lựa chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**, 336).

✎ Giá trị thiết lập sẵn được bảo vệ

Nếu thiết lập sẵn hiện tại được bảo vệ (178), **P-1** sẽ nhấp trong bảng điều khiển trên và kính ngắm (và **On** trong bảng điều khiển phía sau) nếu bạn cố gắng đo giá trị mới.

✎ Chọn giá trị thiết lập sẵn

Lựa chọn **Thiết lập sẵn bằng tay** cho tùy chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp sẽ hiển thị hộp thoại như ở bên phải; làm nổi bật một thiết lập sẵn và nhấn **OK**. Nếu không có giá trị hiện đang tồn tại cho thiết lập sẵn được chọn, cân bằng trắng sẽ được thiết lập ở 5200 K, giống như **Ánh sáng mặt trời trực tiếp**.

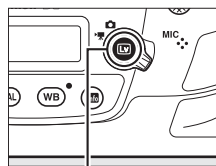


Xem Trực Tiếp (Cân Bằng Trắng Điểm)

Trong xem trực tiếp (□ 44, 59), cân bằng trắng có thể được đo trong một khu vực lựa chọn của khuôn hình, không cần phải chuẩn bị đối tượng tham chiếu hoặc thay đổi thấu kính trong khi chụp ảnh xa.

1 Nhấn nút **[Lv]**.

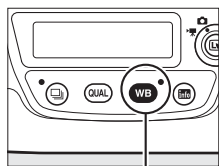
Gương sẽ được nâng lên và nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh.



Nút **[Lv]**

2 Đặt cân bằng trắng sang PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).

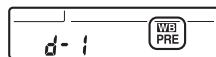
Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi **PRE** được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.



Nút **WB**



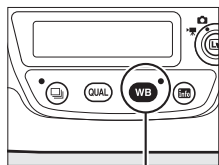
Đĩa lệnh chính



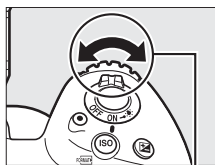
Bảng điều khiển phía sau

3 Chọn cài đặt trước.

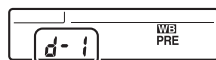
Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi thiết lập sẵn cân bằng trắng (d-1 đến d-6) được hiển thị trong bảng điều khiển phía sau.



Nút **WB**



Đĩa lệnh phụ

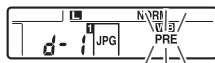


Bảng điều khiển phía sau



4 Chọn chế độ đo trực tiếp.

Nhấn nhanh nút **WB** và sau đó nhấn nút lại cho đến khi biểu tượng **PRE** trong bảng điều khiển phía sau bắt đầu nhấp. Đối tượng cân bằng trắng điểm (□) sẽ được hiển thị ở điểm lấy nét được chọn.



Bảng điều khiển phía sau

5 Đặt mục tiêu trên khu vực màu trắng hoặc xám.

Trong khi **PRE** nhấp nháy trong màn hình, sử dụng đa bộ chọn để đặt □ trên khu vực màu trắng hoặc màu xám của đối tượng. Để phóng to khu vực xung quanh mục tiêu để định vị chính xác hơn, nhấn nút **Q**. Bạn cũng có thể đo cân bằng trắng bất cứ nơi nào trong khuôn hình bằng cách gõ vào đối tượng trong màn hình, trong trường hợp đó không cần phải nhấn vào nút chụp như mô tả trong Bước 6.



6 Đo cân bằng trắng.

Nhấn vào giữa đa bộ chọn hoặc nhấn nút chụp hết cỡ để đo cân bằng trắng. Thời gian có để đo cân bằng trắng là thời gian được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**) > **Xem trực tiếp** (□ 337).



Nếu máy ảnh không thể đo cân bằng trắng, thông báo ở bên phải sẽ được hiển thị. Chọn đối tượng cân bằng trắng mới và lặp lại quy trình từ Bước 5.



7 Thoát chế độ đo trực tiếp.

Xoay nút **WB** để thoát chế độ đo trực tiếp.

Có thể xem thiết lập sẵn cân bằng trắng bằng cách chọn **Thiết lập sẵn bằng tay** cho **Cân bằng trắng** trong menu chụp ảnh hoặc ghi phim. Vị trí của các mục tiêu dùng để đo cân bằng trắng thiết lập sẵn được hiển thị trên các thiết lập sẵn được ghi trong xem trực tiếp.



✓ Đo Cân Bằng Trắng Bằng Tay Thiết Lập Sẵn (Xem Trực Tiếp)

Không thể đo cân bằng trắng bằng tay thiết lập sẵn trong khi phơi sáng HDR đang được thực hiện (☐ 189), hoặc khi **Không có** được chọn cho **WB hiển thị xem trực tiếp ảnh** (☐ 52), hoặc nếu **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút nhả cửa trập** (☐ 362) và bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang 𐀀.

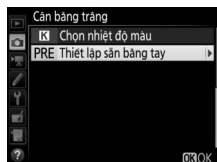
Quản Lý Thiết Lập Sẵn

■ Sao Chép Cân Bằng Trắng từ Ảnh

Tuân theo các bước bên dưới để sao chép giá trị cho cân bằng trắng từ ảnh hiện có cho thiết lập sẵn được chọn.

1 Chọn Thiết lập sẵn bằng tay.

Chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp sau đó làm nổi bật **Thiết lập sẵn bằng tay** và nhấn .



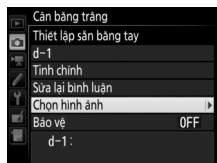
2 Chọn đích đến.

Làm nổi bật thiết lập sẵn đích đến (d-1 đến d-6) và nhấn nút trung tâm của đa bộ chọn.



3 Chọn Chọn hình ảnh.

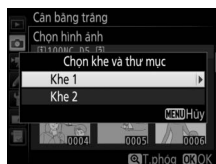
Làm nổi bật **Chọn hình ảnh** và nhấn .



4 Chọn một hình ảnh nguồn.

Đánh dấu hình ảnh nguồn. Để xem toàn khuôn hình hình ảnh được đánh dấu chọn, nhấn và giữ nút .

Để xem hình ảnh ở các địa điểm khác, nhấn  () , chọn thẻ và thư mục mong muốn ( 249).

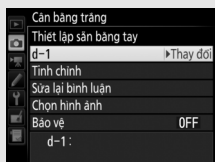


5 Sao chép cân bằng trắng.

Nhấn  để sao chép giá trị cân bằng trắng cho bức ảnh được làm nổi bật cho cài đặt trước được chọn. Nếu bức ảnh được làm nổi bật có một nhận xét ( 377), nhận xét sẽ được sao chép vào nhận xét của cài đặt trước được chọn.

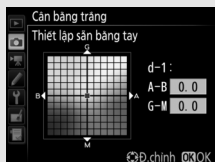
Chọn Cài Đặt Trước Cân Bằng Trắng

Nhấn  để làm nổi bật thiết lập sẵn cân bằng trắng hiện tại (d-1-d-6) và nhấn  để chọn thiết lập sẵn khác.



Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Giá trị thiết lập sẵn được chọn có thể được điều chỉnh bằng cách chọn **Tinh chỉnh** và điều chỉnh cân bằng trắng như mô tả trên trang 162.



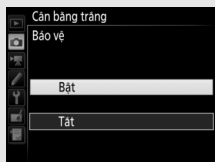
Sửa lại bình luận

Để nhập chú thích mô tả dài tới 36 ký tự cho thiết lập sẵn cân bằng trắng hiện tại, chọn **Sửa lại bình luận** trong menu cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay và nhập chú thích như mô tả trên trang 185.



Bảo vệ

Để bảo vệ thiết lập sẵn cân bằng trắng hiện tại, chọn **Bảo vệ** trong menu cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay, sau đó làm nổi bật **Bật** và nhấn . Không thể sửa đổi các giá trị thiết lập sẵn được bảo vệ và không thể sử dụng được các tùy chọn **Tinh chỉnh** và **Sửa lại bình luận**.



Tăng Cường Hình Ảnh

Picture Control

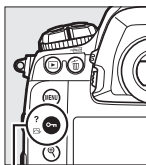
Chọn Picture Control

Chọn Picture Control theo đối tượng hoặc loại cảnh.

Tùy chọn	Mô tả
 SD Tiêu chuẩn	Xử lý tiêu chuẩn cho kết quả cân bằng. Khuyến dùng trong hầu hết các tình huống.
 NL Trung tính	Xử lý tối thiểu cho kết quả tự nhiên. Chọn bức ảnh mà bạn sẽ xử lý hoặc chỉnh sửa lại sau.
 VI Sống động	Hình ảnh được tăng cường hiệu ứng sống động, in ảnh. Chọn bức ảnh nhấn mạnh đến màu sắc cơ bản.
 MC Đơn Sắc	Chụp ảnh đơn sắc.
 PT Chân dung	Xử lý chân dung cho làn da với kết cấu tự nhiên và cảm giác tròn đầy.
 LS Phong cảnh	Tạo ra ảnh phong cảnh và cảnh quan thành phố sống động.
 FL Đồng đều	Chi tiết được giữ lại trên một phạm vi tông màu rộng, từ nổi bật sang bóng. Chọn ảnh để sau này sẽ xử lý hoặc chỉnh sửa nhiều.



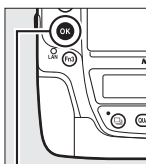
- 1 Nhấn  (?).**
Danh sách các Picture Control sẽ được hiển thị.



Nút  (?)



- 2 Chọn Picture Control.**
Làm nổi bật Picture Control mong muốn và nhấn .



Nút 

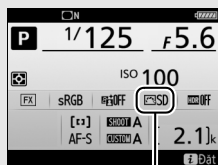


Picture Control Tùy Chọn

Picture Controls Tùy Chọn được tạo ra thông qua sửa đổi các Picture Control hiện có bằng cách sử dụng tùy chọn **Quản Lý Picture Control** trong menu chụp ảnh hoặc menu ghi phim ( 184). Picture Controls Tùy Chọn có thể được lưu vào thẻ nhớ để chia sẻ với các máy ảnh khác cùng kiểu máy và phần mềm tương thích.

Chỉ Báo Picture Control

Picture Control hiện tại được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin khi nhấn nút .



Chỉ báo Picture Control

Menu Chụp

Cũng có thể chọn Picture Control bằng cách sử dụng tùy chọn **Đặt Picture Control** trong menu ghi phim ( 309, 318).

Sửa Đổi Picture Control

Picture Control thiết lập sẵn hoặc tùy chọn hiện hành (📖 184) có thể được sửa đổi để phù hợp với cảnh hoặc mục đích sáng tạo của người dùng. Chọn kết hợp cân bằng các thiết lập bằng cách sử dụng **Điều chỉnh nhanh**, hoặc điều chỉnh bằng tay các thiết lập cá nhân.

1 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật Picture Control mong muốn trong danh sách Picture Control (📖 179) và nhấn **👉**.



2 Điều chỉnh cài đặt.

Nhấn **👉** hoặc **👈** để làm nổi bật cài đặt mong muốn và nhấn **👉** hoặc **👈** để lựa chọn một giá trị với gia số 1, hoặc xoay đĩa lệnh phụ để chọn giá trị với gia số 0,25 (📖 182). Lặp lại bước này cho đến khi đã điều chỉnh được mọi cài đặt, hoặc chọn một tổ hợp các cài đặt thiết lập sẵn bằng cách làm nổi bật **Điều chỉnh nhanh** và nhấn **👉** hoặc **👈**. Các cài đặt mặc định có thể được phục hồi bằng cách nhấn nút **🗑️ (FORMAT)**.



3 Nhấn **OK**.

Các Sửa đổi Picture Control Gốc

Các Picture Control được sửa đổi từ các cài đặt mặc định được chỉ báo bởi dấu hoa thị ("*") trong menu **Đặt Picture Control**.



■ Thiết Lập Picture Control

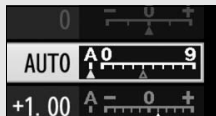
Tùy chọn		Mô tả
Điều chỉnh nhanh		Tắt hay phóng đại hiệu ứng của Picture Control (lưu ý rằng việc này sẽ đặt lại tất cả các điều chỉnh bằng tay). Không sử dụng được với Trung tính , Đơn sắc , Đồng đều , hoặc các Picture Controls tùy chọn (📖 184).
Điều chỉnh bằng tay (tất cả Picture Controls)	Làm sắc nét	Kiểm soát độ sắc nét của đường nét. Chọn A để điều chỉnh độ sắc nét tự động theo các loại cảnh.
	Độ trong	Điều chỉnh độ rõ ràng bằng tay hoặc chọn A để cho máy ảnh tự động điều chỉnh độ rõ ràng. Phụ thuộc vào cảnh, bóng tối có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng sáng hay quá sáng có thể xuất hiện xung quanh đối tượng tối ở một số cài đặt. Độ rõ nét không áp dụng cho phim.
	Độ tương phản	Điều chỉnh độ tương phản bằng tay hoặc chọn A để cho máy ảnh tự động điều chỉnh độ tương phản.
	Độ sáng	Tăng hoặc giảm độ sáng mà không làm mất chi tiết trong phần tô sáng hoặc bóng.
Điều chỉnh bằng tay (chỉ không đơn sắc)	Độ bão hòa	Kiểm soát độ sống động của màu sắc. Chọn A để điều chỉnh độ bão hòa tự động theo loại cảnh.
	Màu sắc	Điều chỉnh sắc thái.
Điều chỉnh bằng tay (chỉ đơn sắc)	Hiệu ứng bộ lọc	Mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu trên ảnh đơn sắc (📖 183).
	Tông màu	Chọn màu được sử dụng trong hình ảnh đơn sắc (📖 183).

✓ “A” (Tự động)

Kết quả độ sắc nét, độ rõ ràng, độ tương phản, độ bão hòa tự động sẽ thay đổi theo độ phơi sáng và vị trí của đối tượng trong khung. Sử dụng thấu kính loại G, E, hoặc D để cho kết quả tốt nhất.

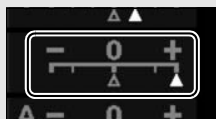
✎ Chuyển Đổi Giữa Bằng Tay và Tự động

Nhấn nút  để chuyển qua lại giữa cài đặt bằng tay và tự động (A) cho làm sắc nét, độ rõ ràng, độ tương phản, và độ bão hòa.



✎ Cài đặt trước đó

Chỉ báo  trong màn hình hiển thị giá trị trong menu cài đặt Picture Control cho biết giá trị cài đặt trước đó. Sử dụng phần này làm tham khảo khi điều chỉnh các cài đặt.



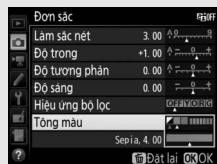
✎ Hiệu ứng bộ lọc (Chỉ Đơn sắc)

Các tùy chọn trong menu này mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu trên ảnh đơn sắc. Có các hiệu ứng bộ lọc sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
Y Vàng	Tăng độ tương phản. Có thể được sử dụng để giảm bớt độ sáng bầu trời trong các bức ảnh phong cảnh. Màu cam tạo ra độ tương phản hơn màu vàng, màu đỏ tương phản hơn so với màu cam.
O Cam	
R Đỏ	
G Xanh lá cây	Làm mềm tông màu da. Có thể được sử dụng cho ảnh chân dung.

✎ Tông màu (Chỉ Đơn Sắc)

Nhấn  khi đã chọn **Tông màu** sẽ hiển thị các tùy chọn độ bão hòa. Nhấn  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa. Không sử dụng được kiểm soát độ bão hòa khi chọn chế độ **B&W** (đen trắng).



✎ Tùy chọn Picture Control Tùy Chọn

Các tùy chọn có sẵn cho Picture Control tùy chọn giống như những tùy chọn mà Picture Control tùy chọn dựa trên đó.

Tạo Picture Control Tùy Chọn

Picture Control được cung cấp với máy ảnh có thể được sửa đổi và lưu lại dưới dạng Picture Control tùy chọn.

1 Chọn Quản lý Picture Control.

Làm nổi bật **Quản lý Picture Control** trong menu chụp ảnh và nhấn .



2 Chọn Lưu/sửa lại.

Làm nổi bật **Lưu/sửa lại** và nhấn .



3 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật một Picture Control hiện có và nhấn , hoặc nhấn nút  để chuyển sang Bước 5 và lưu bản sao của Picture Control được làm nổi bật mà không sửa đổi thêm.



4 Chỉnh sửa Picture Control đã chọn.

Xem trang 182 để biết thêm thông tin. Để bỏ bất kỳ thay đổi và bắt đầu từ các cài đặt mặc định, nhấn nút  (FORMAT). Nhấn  khi cài đặt xong.



5 Chọn đích đến.

Chọn đích đến của Picture Control tùy chọn (C-1 tới C-9) và nhấn .

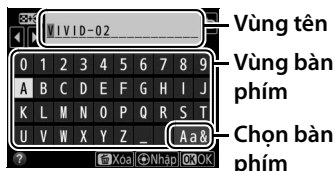


6 Đặt tên Picture Control.

Hộp thoại nhập văn bản sẽ được hiển thị ở bên phải.

Theo mặc định, các Picture Control mới sẽ được đặt tên bằng cách thêm vào một số có hai chữ số (được

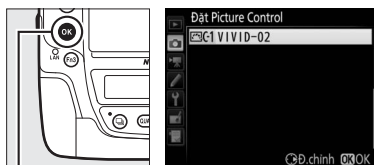
chỉ định tự động) vào tên của Picture Control hiện có; để sử dụng tên mặc định, sang Bước 7. Để di chuyển con trỏ trong vùng tên, chạm màn hình hiển thị hoặc giữ nút và nhấn hoặc . Để nhập chữ mới vào vị trí con trỏ hiện tại, hãy nhấp vào các chữ trên bàn phím màn hình cảm ứng (chạm vào nút chọn bàn phím để chọn qua các chữ hoa, chữ thường, và bàn phím ký hiệu). Bạn cũng có thể sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ký tự mong muốn trên vùng bàn phím và nhấn trung tâm đa bộ chọn. Để xóa ký tự tại vị trí con trỏ hiện tại, nhấn nút (Xoá).



Tên của Picture Control Tùy Chọn có thể dài đến mười chín ký tự. Bất kỳ ký tự nào đứng sau ký tự thứ mười chín sẽ bị xóa.

7 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn để lưu thay đổi và thoát. Picture Control mới sẽ xuất hiện trong danh sách Picture Control.



Nút

Quản lý Picture Control > Đổi tên

Picture Control Tùy Chọn có thể được đổi tên bất cứ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Đổi tên** trong menu **Quản lý Picture Control**.

Quản lý Picture Control > Xóa

Tùy chọn **Xóa** trong menu **Quản lý Picture Control** có thể được sử dụng để xóa các Picture Control tùy chọn khi chúng không còn cần thiết.

Biểu Tượng Picture Control Ban Đầu

Picture Control thiết lập sẵn ban đầu mà Picture Control tùy chỉnh dựa trên đó được biểu thị bằng biểu tượng ở góc trên bên phải màn hình hiển thị chỉnh sửa.



Biểu tượng Picture Control Ban Đầu



Chia Sẻ Picture Controls Tùy Chọn

Mục **Tải/lưu** trong menu **Quản lý Picture Control** có các tùy chọn được liệt kê bên dưới.

Sử dụng các tùy chọn này để sao chép các Picture Control tùy chọn vào và từ thẻ nhớ (các tùy chọn này chỉ có với thẻ nhớ trong Khe 1 và không thể được sử dụng với thẻ trong Khe 2).

Sau khi sao chép vào thẻ nhớ, có thể sử dụng các

Picture Control với các máy ảnh khác hoặc phần mềm tương thích.

- **Sao chép sang máy ảnh:** Sao chép Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ đến Picture Control tùy chọn C-1 tới C-9 trên máy ảnh và đặt tên chúng như mong muốn.
- **Xóa khỏi thẻ:** Xóa Picture Control tùy chọn đã chọn từ thẻ nhớ.
- **Sao chép sang thẻ:** Sao chép một Picture Control tùy chọn (C-1 đến C-9) từ máy ảnh tới đích đến đã chọn (1 đến 99) trên thẻ nhớ.



Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng

D-Lighting hoạt động

D-Lighting Hoạt Động giữ lại các chi tiết được làm nổi bật và các chi tiết trong bóng, tạo ra các bức ảnh có độ tương phản tự nhiên. Sử dụng cho những cảnh có độ tương phản cao, ví dụ như khi chụp cảnh sáng ngoài trời qua cánh cửa hay cửa sổ, hoặc chụp các đối tượng bóng mờ vào một ngày nắng. Hiệu quả nhất khi dùng với chế độ đo sáng ma trận (☐ 129).



Tắt D-Lighting hoạt động



D-Lighting hoạt động: 88 A Tự động



“D-Lighting hoạt động” so với “D-Lighting”

Tùy chọn **D-Lighting hoạt động** trong menu chụp sẽ điều chỉnh phơi sáng trước khi chụp để tối ưu dải tương phản, trong khi đó, tùy chọn **D-Lighting** trong menu sửa lại (☐ 400) làm sáng các bóng trong ảnh sau khi chụp.



Để sử dụng D-Lighting hoạt động:

1 Chọn D-Lighting hoạt động.

Làm nổi bật **D-Lighting hoạt động** trong menu chụp và nhấn .



2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật tùy chọn ưa thích và nhấn . Nếu  **Tự động** được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh D-Lighting hoạt động theo điều kiện chụp (tùy nhiên trong chế độ phơi sáng **M**,  **Tự động** tương đương với  **Bình thường**).



D-Lighting hoạt động

D-Lighting hoạt động không được sử dụng với phim. Nhiều (các điểm ảnh sáng gần cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với D-Lighting Hoạt Động. Một số đối tượng có thể có đổ bóng không đồng đều.

Xem Thêm

Khi chọn **Chụp bù trừ ADL** cho **Bộ chụp bù trừ tự động** trong menu chụp ảnh ( 146), máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting hoạt động trong các lượt chụp ( 155).

Dải Nhảy Sáng Cao (HDR)

Được sử dụng với các đối tượng có độ tương phản cao, Dải Nhảy Sáng Cao (HDR) giữ được các chi tiết nổi bật và bóng bằng cách kết hợp hai ảnh chụp ở các phơi sáng khác nhau. HDR hiệu quả nhất khi được sử dụng với đo sáng ma trận (☐ 129; với đo sáng điểm hoặc đo sáng ưu tiên trung tâm và thấu kính không CPU, độ lệch phơi sáng ở **Tự động** tương đương với khoảng 2 EV). Không thể sử dụng để ghi hình ảnh NEF (RAW). Không thể sử dụng chiếu sáng đèn nháy (☐ 194), chụp bù trừ (☐ 146), đa phơi sáng (☐ 229), và ảnh tua nhanh thời gian (☐ 74) trong khi HDR có hiệu lực và tốc độ cửa trập $\frac{1}{200}$ và - - không có sẵn.



Phơi sáng lần đầu
(tối hơn)

+



Phơi sáng lần hai
(sáng hơn)



Ảnh HDR kết hợp

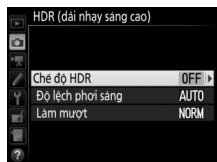
- 1 Chọn HDR (dải nhảy sáng cao).**
Làm nổi bật **HDR (dải nhảy sáng cao)**
trong menu chụp và nhấn

MENU CHỤP ẢNH	
Giảm nhiễu phơi sáng lâu	OFF
Giảm nhiễu ISO cao	NORM
Điều chỉnh hóa tiết	☐ N
Điều khiển biến dạng tự động	OFF
Bộ chụp bù trừ tự động	AE-L
Đa phơi sáng	OFF
HDR (dải nhảy sáng cao)	OFF
Chụp hẹn giờ quảng thời gian	OFF



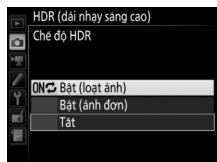
2 Chọn một chế độ.

Làm nổi bật **Chế độ HDR** và nhấn .

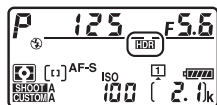


Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn .

- Để chụp một loạt ảnh HDR, chọn **ON/Bật (loạt ảnh)**. Chụp HDR sẽ tiếp tục cho đến khi bạn chọn **Tắt** cho **Chế độ HDR**.
- Để chụp một ảnh HDR, chọn **Bật (ảnh đơn)**. Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một ảnh HDR.
- Để thoát mà không tạo thêm ảnh HDR, chọn **Tắt**.

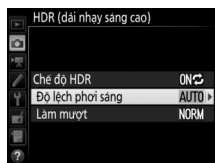


Nếu **Bật (loạt ảnh)** hoặc **Bật (ảnh đơn)** được chọn, biểu tượng **HDR** sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển trên.



3 Chọn độ lệch phơi sáng.

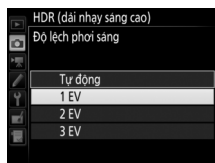
Để chọn độ lệch phơi sáng giữa hai bức ảnh, làm nổi bật **Độ lệch phơi sáng** và nhấn **OK**.



Các tùy chọn như ở bên phải sẽ được hiển thị. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.

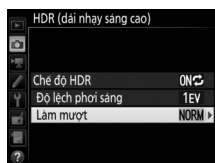
Chọn giá trị cao hơn cho đối tượng có độ tương phản cao, nhưng lưu ý rằng việc chọn giá trị cao hơn so với yêu cầu có thể không mang lại kết quả mong muốn, nếu

Tự động được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh phơi sáng cho phù hợp với cảnh.

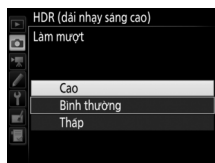


4 Chọn mức độ mượt.

Để chọn số ranh giới giữa hai hình ảnh được làm mượt, làm nổi bật **Làm mượt** và nhấn **OK**.

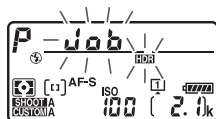


Các tùy chọn như ở bên phải sẽ được hiển thị. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**. Giá trị cao hơn tạo ra ảnh tổng hợp mượt mà hơn. Một số đối tượng có thể có đồ bóng không đồng đều.



5 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Máy ảnh phơi sáng hai lần khi nút nhả cửa trập được bấm hết cỡ. “**Job HDR**” sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và **Job Hdr** trong kính ngắm khi ảnh được kết hợp; không chụp thêm được ảnh cho đến khi ghi xong. Bất kể tùy chọn nào được chọn cho chế độ nhả, chỉ một ảnh được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.



Bảng điều khiển trên



Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn, HDR sẽ tắt khi **Tắt** được chọn cho **Chế độ HDR**; nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, HDR tự động tắt sau khi ảnh được chụp. Biểu tượng **HDR** được xóa khỏi màn hình khi chụp ảnh HDR kết thúc.



☒ Tạo khuôn ảnh HDR

Các mép của ảnh sẽ được cắt bỏ. Có thể không đạt được kết quả mong muốn nếu di chuyển máy ảnh hoặc đối tượng trong quá trình chụp. Nên sử dụng giá ba chân. Tùy thuộc vào cảnh, có thể không nhìn thấy hiệu ứng, bóng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng sáng hoặc quang sáng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng tối; có thể giảm hiệu ứng này bằng cách điều chỉnh số lượng làm mịn.

Nút BKT

Nếu **HDR (dải nhạy sáng cao)** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút BKT** +  (□ 346, 353), bạn có thể chọn chế độ HDR bằng cách nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính và độ lệch phơi sáng bằng cách nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh phụ. Chế độ và độ lệch phơi sáng được thể hiện trong bảng điều khiển trên: các biểu tượng thể hiện chế độ là  **Tắt**,  là **Bật (ảnh đơn)**, và  là **Bật (loạt ảnh)**.



Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn cho **Chế độ HDR** trước khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bắt đầu, máy ảnh sẽ tiếp tục chụp ảnh HDR ở quảng thời gian được chọn (Nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc sau khi chụp một ảnh).

Tập Hợp Menu Chụp Ảnh

Có thể điều chỉnh thiết lập HDR riêng cho mỗi tập hợp (□ 310), nhưng việc chuyển sang tập hợp với HDR đang hoạt động trong đa phơi sáng (□ 229) hoặc chụp hẹn giờ quảng thời gian (□ 236) sẽ tắt HDR. HDR cũng bị tắt nếu bạn chuyển sang tập hợp với tùy chọn NEF (RAW) được chọn cho chất lượng hình ảnh.



Chụp Ảnh Có Đèn Nháy

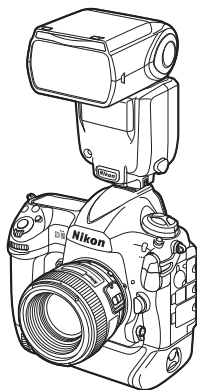
Để chụp ảnh với đèn nháy, lắp bộ đèn nháy tùy chọn (□ 420) vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh. Bạn cũng có thể sử dụng một hoặc nhiều bộ đèn nháy từ xa để chụp ảnh đèn nháy nằm ngoài máy ảnh. Để biết thông tin về việc sử dụng bộ đèn nháy, xem tài liệu hướng dẫn đi kèm với thiết bị.

Sử Dụng Đèn Nháy

Thực hiện theo các bước bên dưới để gắn bộ đèn nháy tùy chọn vào máy ảnh và chụp ảnh bằng đèn nháy.

1 Gắn bộ đèn nháy vào ngàm gắn phụ kiện.

Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm chi tiết.



2 Bật máy ảnh và bộ đèn nháy.

Đèn nháy sẽ bắt đầu sạc; chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (⚡) sẽ được hiển thị trong kính ngắm khi sạc xong.



3 Điều chỉnh cài đặt đèn nháy.

Chọn chế độ đèn nháy (☐ 198) và chế độ điều khiển đèn nháy (☐ 197).

4 Điều chỉnh tốc độ cửa chập và độ mở ống kính.

5 Chụp ảnh.

☑ Chỉ Sử Dụng Các Phụ Kiện Đèn Nháy Nikon

Chỉ sử dụng các bộ đèn nháy Nikon. Việc sử dụng điện áp âm hoặc điện áp trên 250 V cho ngàm gắn phụ kiện không những có thể làm gián đoạn việc vận hành bình thường, mà còn làm tổn hại dòng điện đồng bộ của máy ảnh hoặc đèn nháy. Trước khi sử dụng một bộ đèn nháy Nikon không được nêu danh sách trong mục này, hãy liên hệ với một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để biết thêm thông tin.

🔧 Tốc Độ Cửa Trập

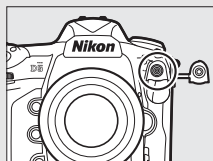
Tốc độ cửa trập có thể được đặt như sau khi sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn:

Chế độ	Tốc độ cửa trập
P, A	Máy ảnh tự động đặt ($1/250$ giây– $1/60$ giây) *
S	Giá trị do người dùng chọn ($1/250$ giây–30 giây)
M	Giá trị do người dùng chọn ($1/250$ giây–30 giây, Bóng đèn (bulb), Thời gian (- -))

* Tốc độ cửa trập có thể được đặt chậm ở 30 giây trong đồng bộ chậm, đồng bộ chậm màn phía sau, hoặc đồng bộ chậm với giảm mắt đỏ được chọn cho chế độ đèn nháy.

🔧 Đầu cắm đồng bộ

Có thể kết nối cáp đồng bộ với đầu cắm đồng bộ theo yêu cầu. Không kết nối bộ đèn nháy khác qua cáp đồng bộ khi thực hiện chụp ảnh đèn nháy đồng bộ màn phía sau với bộ đèn nháy được gắn trên ngàm gắn phụ kiện máy ảnh.



Điều khiển đèn nháy đồng nhất

Điều khiển đèn nháy đồng nhất cho phép máy ảnh và bộ đèn nháy chia sẻ các cài đặt. Nếu một bộ đèn nháy hỗ trợ điều khiển đèn nháy đồng nhất được gắn trên máy ảnh, thì các thay đổi về cài đặt đèn nháy được thực hiện với máy ảnh hoặc bộ đèn nháy sẽ được phản ánh trên cả hai thiết bị do các thay đổi được thực hiện bằng cách sử dụng phần mềm Camera Control Pro 2.

Điều Khiển Đèn Nháy i-TTL

Khi bộ đèn nháy tương thích CLS được đặt sang TTL, máy ảnh sẽ tự động chọn một trong các loại điều khiển đèn nháy sau đây:

- **Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số:** Bộ đèn nháy phát ra chuỗi nháy sớm gần như vô hình (màn hình nháy sớm) ngay trước lần nháy chính. Các nháy sớm được phản chiếu từ các đối tượng trong tất cả các vùng của khung hình được thu bởi bộ cảm biến RGB với khoảng 180 K (180.000) điểm ảnh và được phân tích kết hợp với phạm vi thông tin từ hệ thống đo sáng ma trận để điều chỉnh mức nháy sáng phát ra để đạt được mức cân bằng tự nhiên giữa đối tượng chính và ánh sáng môi trường xung quanh. Nếu ống kính loại G, E hoặc D được sử dụng, thông tin khoảng cách sẽ được tính đến khi tính toán mức sáng phát ra của đèn nháy. Có thể tăng độ chính xác tính toán của các thấu kính không CPU bằng việc cung cấp dữ liệu về thấu kính (tiêu cự và độ mở ống kính tối đa; xem trang 243). Không có sẵn khi đo sáng điểm được sử dụng.
- **Nạp Flash i-TTL Tiêu Chuẩn cho SLR Kỹ Thuật Số:** Đầu ra đèn nháy được điều chỉnh để ánh sáng trong khuôn hình đạt mức tiêu chuẩn; độ sáng của nền không được tính đến. Nên dùng cho những bức ảnh trong đó đối tượng chính được nhấn mạnh và giảm các chi tiết nền, hay khi bù phơi sáng được sử dụng. Đèn nháy làm đầy i-TTL tiêu chuẩn dành cho SLR kỹ thuật số được kích hoạt tự động khi đo sáng điểm được chọn.

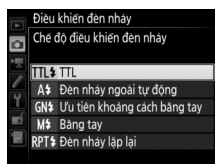


Chụp ảnh với đèn nháy trên máy ảnh

Khi SB-5000, SB-500, SB-400, hoặc SB-300 được gắn trên máy ảnh, có thể điều chỉnh chế độ điều khiển đèn nháy, mức đèn nháy, và các cài đặt đèn nháy khác bằng cách sử dụng mục **Điều khiển đèn nháy** > **Chế độ điều**

kiển đèn nháy trong menu chụp ảnh (trong trường hợp là SB-5000, cũng có thể điều chỉnh các cài đặt này bằng cách sử dụng các điều khiển trên bộ đèn nháy). Các tùy chọn có sẵn khác nhau tùy theo đèn nháy được sử dụng (□ 421), các tùy chọn được hiển thị trong **Chế độ điều khiển đèn nháy** khác nhau tùy theo chế độ được chọn. Chỉ có thể điều chỉnh các cài đặt cho các bộ đèn nháy khác bằng cách sử dụng điều khiển bộ đèn nháy.

- **TTL:** Chế độ i-TTL. Trong trường hợp SB-500, SB-400, và SB-300, có thể chỉnh bù đèn nháy bằng cách sử dụng nút  ( 200).
- **Đèn nháy ngoài tự động:** Trong chế độ này, công suất được điều chỉnh tự động theo mức sáng phản chiếu bởi đối tượng; bù đèn nháy cũng khả dụng. Đèn nháy bên ngoài hỗ trợ chế độ “độ mở ống kính tự động” ( A) và “tự động không TTL” (A); tự động không TTL được chọn tự động nếu thấu kính không CPU được đính kèm mà không xác định tiêu cự và độ mở ống kính tối đa bằng cách sử dụng tùy chọn **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt ( 243). Xem tài liệu hướng dẫn bộ đèn nháy để có thêm chi tiết.
- **Ưu tiên khoảng cách bằng tay:** Chọn khoảng cách tới đối tượng; công suất đèn nháy sẽ được điều chỉnh tự động. Bù đèn nháy cũng có sẵn.
- **Bằng tay:** Chọn mức đèn nháy bằng tay.
- **Đèn nháy lặp lại:** Đèn nháy bật đi bật lại khi cửa trập mở, tạo ra hiệu ứng đa phơi sáng. Chọn mức đèn nháy (**Đầu ra**), số lần nháy (**Số lần**), và số lần nháy mỗi giây (**Tần suất**, được đo bằng Hertz). Lưu ý rằng tổng số lần đèn nháy có thể thay đổi tùy thuộc vào các tùy chọn đã chọn cho **Đầu ra** và **Tần suất**; xem tài liệu được cung cấp với bộ đèn nháy để biết chi tiết.



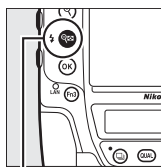
Chế Độ Đèn Nháy

Máy ảnh hỗ trợ các chế độ đèn nháy sau:

Chế độ đèn nháy	Mô tả
 Đồng bộ màn trước	Chế độ này được khuyên dùng trong hầu hết các tình huống. Trong các chế độ tự động được lập trình và tự động ưu tiên độ mở ống kính, tốc độ cửa trập sẽ tự động được thiết lập thành các giá trị giữa $\frac{1}{250}$ và $\frac{1}{60}$ giây ($\frac{1}{8000}$ đến $\frac{1}{60}$ giây với đồng bộ tốc độ cao FP tự động; 343).
 Giảm mắt đỏ	Nếu bộ đèn nháy hỗ trợ giảm mắt đỏ, chọn chế độ này để giảm hiệu ứng “mắt đỏ” đôi khi gây ra bởi đèn nháy. Không nên dùng với các đối tượng di chuyển hoặc trong các tình huống cần phản hồi cửa trập nhanh. Không di chuyển máy ảnh trong khi chụp.
 Giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm	Kết hợp giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm. Sử dụng cho chân dung được chụp trong cảnh đêm. Chế độ này chỉ có trong chế độ tự động được lập trình và chế độ phơi sáng tự động ưu tiên độ mở ống kính. Sử dụng giá ba chân để ngăn chặn ảnh bị mờ do lắc máy ảnh.
 Đồng bộ chậm	Đèn nháy được kết hợp với tốc độ cửa trập ở 30 giây để chụp cả đối tượng và nền vào ban đêm hoặc dưới ánh sáng mờ. Chế độ này chỉ có trong chế độ tự động được lập trình và chế độ phơi sáng tự động ưu tiên độ mở ống kính. Sử dụng giá ba chân để ngăn chặn ảnh bị mờ do lắc máy ảnh.
 Đồng bộ màn phía sau	Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập hoặc phơi sáng bằng tay, đèn nháy bật sáng ngay trước khi cửa trập đóng. Sử dụng để tạo hiệu ứng của dòng ánh sáng phía sau đối tượng chuyển động. Trong tự động được lập trình và tự động ưu tiên độ mở ống kính, đồng bộ chậm màn phía sau được sử dụng để chụp cả đối tượng và nền. Sử dụng giá ba chân để ngăn chặn ảnh bị mờ do lắc máy ảnh.
 Tắt đèn nháy	Đèn nháy không nháy.

■ Chọn Chế Độ Đèn Nháy

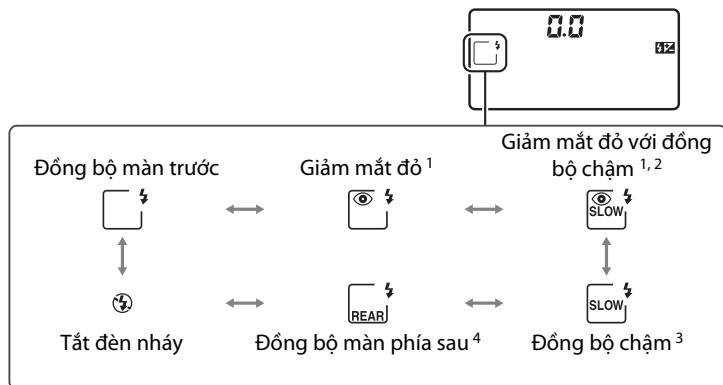
Để chọn một chế độ đèn nháy, nhấn nút  và xoay nút đĩa lệnh chính cho đến khi chế độ đèn nháy mong muốn được lựa chọn trong hiển thị thông tin:



Nút 



Đĩa lệnh chính



- 1 Biểu tượng  nhấp nháy nếu bộ đèn nháy không hỗ trợ giảm mắt đỏ.
- 2 Giảm mắt đỏ với đồng bộ bộ chậm chỉ có ở chế độ phơi sáng **P** và **A**. Trong chế độ **S** và **M**, giảm mắt đỏ với đồng bộ bộ chậm trở thành giảm mắt đỏ.
- 3 Chỉ có trong các chế độ phơi sáng **P** và **A**. Trong chế độ **S** và **M**, đồng bộ bộ chậm trở thành đồng bộ màn trước.
- 4 Trong các chế độ phơi sáng **P** và **A**, chế độ đồng bộ đèn nháy sẽ được thiết lập sang đồng bộ màn phía sau khi nút  được nhấn.



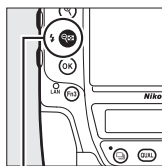
✎ Hệ Thống Đèn Nháy Trong Phòng Thu

Không thể sử dụng đồng bộ màn phía sau với các hệ thống đèn nháy trong phòng thu do không thể đạt được đồng bộ chính xác.

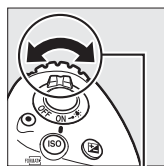
Bù đèn nháy

Bù đèn nháy được sử dụng để thay đổi đầu ra đèn nháy vì từ -3 EV đến $+1$ EV trong gia số $1/3$ EV, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính tương quan với nền. Có thể tăng công suất đèn nháy để làm đối tượng chính trông sáng hơn, hoặc giảm đi để tránh những điểm nổi bật hoặc phản xạ không mong muốn. Nhìn chung, chọn những giá trị dương sẽ làm đối tượng chính trông sáng hơn, các giá trị âm làm nó tối hơn.

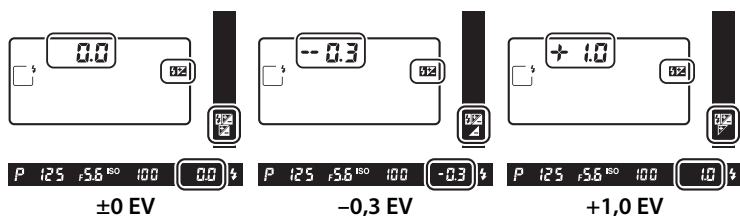
Để chọn giá trị bù đèn nháy, nhấn nút $\text{Q} \text{ ⚡}$ và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi giá trị mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển trên.



Nút $\text{Q} \text{ ⚡}$



Đĩa lệnh phụ



(Nút $\text{Q} \text{ ⚡}$) được
nhấn)



Tại các giá trị không phải là $\pm 0,0$, biểu tượng  sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển trên và kính ngắm sau khi bạn nhấn nút  (). Có thể xác nhận giá trị hiện tại cho bù đèn nháy bằng cách nhấn nút  ().

Có thể khôi phục công suất đèn nháy bình thường bằng cách cài đặt bù đèn nháy về $\pm 0,0$. Bù đèn nháy không được đặt lại khi máy ảnh tắt.

Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Trong chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL và độ mở ống kính tự động (A), bù đèn nháy được chọn với bộ đèn nháy tùy chọn hoặc tùy chọn **Điều khiển đèn nháy** trong menu chụp ảnh được thêm vào bù đèn nháy được chọn bằng nút  () và đĩa lệnh.

Xem Thêm

Để có thông tin về chọn kích cỡ gia số sẵn có cho bù đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**G.trị bước bù ph.sáng/bù đ.nháy**,  333). Để biết thông tin về việc lựa chọn áp dụng đèn nháy ngoài bù phơi sáng khi đèn nháy được sử dụng, xem Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Bù phơi sáng cho đèn nháy**,  344). Để biết thông tin về tự động thay đổi mức đèn nháy qua loạt chụp, xem trang 147.

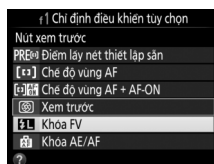
Khóa FV

Tính năng này được sử dụng để khóa công suất đèn nháy, cho phép các bức ảnh được chỉnh sửa lại mà không cần thay đổi mức đèn nháy và đảm bảo công suất đèn nháy phù hợp với đối tượng ngay cả khi đối tượng không đặt ở trung tâm khuôn hình. Công suất đèn nháy được điều chỉnh tự động đối với bất kỳ thay đổi nào trong độ nhạy ISO và độ mở ống kính. Khóa FV chỉ có với các bộ đèn nháy tương thích CLS (□ 420).

Để sử dụng khóa FV:

1 Gán khóa FV vào một điều khiển máy ảnh.

Gán **Khóa FV** cho một điều khiển bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**, □ 346).



2 Gắn bộ đèn nháy tương thích CLS.

Gắn bộ đèn nháy tương thích CLS (□ 420) vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh.

3 Đặt bộ đèn vào chế độ phù hợp.

Bật bộ đèn nháy và đặt chế độ đèn nháy sang TTL, nháy trước màn hình , hoặc nháy trước màn hình A. Xem tài liệu của bộ đèn nháy để biết chi tiết.

4 Lấy nét.

Đặt đối tượng vào trung tâm khuôn hình và nhấn nút nửa màn trập nửa chừng để lấy nét.



5 Khóa mức đèn nháy.



Sau khi xác nhận chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (⚡) được hiển thị trong kính ngắm, nhấn điều khiển chọn ở Bước 1. Đèn nháy sẽ bật đèn nháy sớm màn hình để xác định mức độ đèn nháy phù hợp. Công suất đèn nháy sẽ bị khóa ở mức này và các biểu tượng khóa FV (🔒) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

6 Chỉnh lại ảnh.



7 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để chụp. Nếu muốn, có thể chụp thêm ảnh mà không cần nhả khóa FV.

8 Nhả khóa FV.

Nhấn điều khiển chọn ở Bước 1 để nhả khóa FV. Xác nhận rằng biểu tượng khóa FV (🔒) không còn hiển thị trong kính ngắm.

Đo sáng

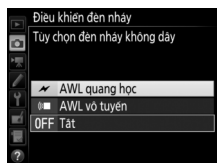
Các khu vực đo sáng cho khóa FV như sau:

Bộ đèn nháy	Chế độ đèn nháy	Vùng được đo sáng
Bộ đèn nháy độc lập	i-TTL	6-mm xung quanh trung tâm khung tạo ảnh
	⊗A	Vùng được đo sáng bằng đo phơi sáng đèn nháy
Được sử dụng với bộ đèn nháy khác (Đèn Không Dây Năng Cao)	i-TTL	Toàn bộ khuôn hình
	⊗A	Vùng được đo sáng bằng đo phơi sáng đèn nháy
	A (đèn nháy chủ)	



Chụp Ảnh Có Đèn Nháy Từ Xa

Sử dụng bộ đèn nháy điều khiển từ xa để tạo ánh sáng ngoài máy ảnh (Điều khiển từ xa; hoặc AWL; □ 421). Máy ảnh hỗ trợ hai loại điều khiển đèn nháy từ xa: AWL quang, trong đó đèn nháy chính điều khiển các bộ đèn nháy từ xa bằng cách sử dụng tín hiệu quang (xung đèn nháy cường độ thấp), và AWL tín hiệu vô tuyến, trong đó các bộ đèn nháy từ xa được điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến được phát ra từ WR-R10 gắn trên máy ảnh. Khi bộ đèn nháy SB-5000 hoặc SB-500 được điều khiển từ xa từ không dây WR-R10 được kết nối trên máy ảnh, có thể chọn chế độ điều khiển đèn nháy từ xa bằng cách sử dụng **Điều khiển đèn nháy > Tùy chọn đèn nháy không dây** trong menu chụp ảnh của máy ảnh.



Tùy chọn	Mô tả
AWL quang học	Các bộ đèn nháy từ xa được điều khiển bằng cách sử dụng nháy tần suất thấp được phát ra bởi đèn nháy chính. Chỉ có với SB-5000 hoặc SB-500 được gắn trên ngàm gắn phụ kiện máy ảnh và bộ đèn nháy từ xa có hỗ trợ AWL quang (□ 205).
AWL quang học/ vô tuyến	Tùy chọn này dành để chụp ảnh có đèn nháy sử dụng cả các bộ đèn nháy điều khiển bằng quang học và tín hiệu vô tuyến và khả dụng khi cả SB-500 và WR-R10 được lắp vào (để biết thêm thông tin về các bộ đèn nháy khác có hỗ trợ AWL quang học/vô tuyến, xem “AWL quang học/vô tuyến”, □ 208). Điều khiển đèn nháy từ xa được tự động đặt sang Đèn nháy nhóm (□ 209).
AWL vô tuyến	Các bộ đèn nháy từ xa được điều khiển bằng các tín hiệu vô tuyến phát ra từ WR-R10 được lắp vào máy ảnh (□ 206). Chỉ có với WR-R10 và các bộ đèn nháy từ xa hỗ trợ AWL vô tuyến. Nếu muốn, có thể lấy thêm ánh sáng bằng bộ đèn nháy lắp trên ngàm gắn phụ kiện máy ảnh (□ 207).
Tắt	Chụp ảnh có đèn nháy từ xa bị tắt.

Cài đặt

Phần này chi tiết các bước liên quan đến việc cài đặt WR-R10 hay đèn nháy chính được lắp trên ngàm gắn phụ kiện máy ảnh (📷) và các bộ đèn nháy từ xa (📡) để chụp ảnh bằng đèn nháy không dây. Có thể xem thêm thông tin về việc sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn trong tài liệu hướng dẫn đi kèm với các thiết bị.

■ ■ AWL quang học

Các hướng dẫn sau đây giả định rằng đèn nháy chính là SB-5000 hoặc SB-500. Khi SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, hoặc SU-800 được dùng làm đèn nháy chính, cài đặt phải được điều chỉnh bằng cách sử dụng các điều khiển trên các bộ đèn nháy riêng; xem tài liệu hướng dẫn của bộ đèn nháy để biết chi tiết.

1 📷: Kết nối đèn nháy chính.

Gắn SB-5000 hoặc SB-500 vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh.

2 📷: Bật AWL quang.

Trong menu chụp ảnh, chọn **AWL quang học** cho **Điều khiển đèn nháy** > **Tùy chọn đèn nháy không dây**.

Bây giờ bạn có thể chụp ảnh như mô tả trên trang 209.



■ AWL vô tuyến

AWL vô tuyến khả dụng với các bộ đèn nháy từ xa tương thích khi WR-R10 được lắp vào máy ảnh.

1 📷: Kết nối WR-R10.

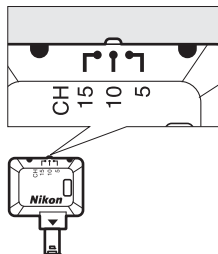
Để biết thêm thông tin, xem tài liệu được cung cấp với WR-R10.

2 📷: Bật AWL radio.

Trong menu chụp ảnh, chọn **AWL vô tuyến** cho **Điều khiển đèn nháy** > **Tùy chọn đèn nháy không dây**.

3 📷: Đặt WR-R10 vào kênh mong muốn.

Đặt bộ chọn kênh WR-R10 vào kênh mong muốn.



4 📷: Chọn chế độ liên kết.

Chọn **Tùy chọn từ xa không dây (WR)** > **Chế độ liên kết** trong menu cài đặt (ⓘ 385) và chọn từ chọn từ các tùy chọn sau:

- **Ghép cặp:** Ghép cặp bộ đèn nháy với WR-R10.
- **PIN:** Kết nối máy ảnh và bộ đèn nháy bằng cách sử dụng PIN bốn số.



🔧 AWL radio

Yêu cầu có bộ nối WR-A10 khi sử dụng WR-R10. Hãy cập nhật vi chương trình WR-R10 lên phiên bản mới nhất; để biết thông tin về gói cập nhật vi chương trình, xem trang web của Nikon của khu vực của bạn.

5 : Thiết lập kết nối không dây.

Đặt bộ đèn nháy vào chế độ từ xa và thiết lập các thiết bị vào kênh mà bạn đã chọn ở Bước 3, sau đó ghép các bộ đèn nháy vào WR-R10 theo tùy chọn ở Bước 4:

- **Ghép cặp:** Tiến hành ghép cặp trên bộ đèn nháy, nhấn vào nút ghép cặp WR-R10. Ghép cặp hoàn thành khi các đèn LIÊN KẾT trên WR-R10 và bộ đèn nháy nháy màu cam và nháy xanh; sau khi kết nối được thiết lập, đèn LIÊN KẾT trên bộ đèn nháy sẽ nháy xanh.
- **PIN:** Sử dụng các điều khiển bộ đèn nháy để nhập PIN bạn chọn ở Bước 4. Đèn LIÊN KẾT trên bộ đèn nháy sẽ sáng xanh khi kết nối được thiết lập.

Lặp lại Bước 5 cho đến khi tất cả các bộ đèn nháy từ xa được ghép cặp.

Bây giờ bạn có thể chụp ảnh như mô tả trên trang 209.

Kết nối lại

Miễn là kênh, chế độ liên kết, và các cài đặt khác vẫn như cũ, máy ảnh sẽ tự động kết nối với các bộ đèn nháy mà trước đây đã ghép nối khi bạn chọn chế độ điều khiển từ xa và có thể bỏ qua các bước 3–5. Đèn LIÊN KẾT trên bộ đèn nháy sẽ sáng xanh khi kết nối được thiết lập.

Bộ Đèn Nháy Điều Khiển Bằng Tín Hiệu Vô Tuyến

Có thể kết hợp các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến với bất cứ bộ đèn nháy nào sau đây được lắp trên ngàm gắn phụ kiện máy ảnh:

- **SB-5000:** Trước khi lắp thiết bị đèn nháy, đặt nó vào chế độ đèn nháy chính điều khiển bằng vô tuyến (biểu tượng  sẽ xuất hiện ở góc trên bên trái của màn hình) và chọn điều khiển đèn nháy lặp lại từ xa. Khi đã lắp xong, có thể điều chỉnh cài đặt bằng cách sử dụng các điều khiển trên thiết bị đèn nháy hoặc các tùy chọn được liệt kê trong menu máy ảnh dưới phần **Tùy chọn đèn nháy nhóm > Đèn nháy chính** hoặc dưới phần “M” trong màn hình hiển thị **Tùy chọn lặp lại từ xa**.
- **SB-910, SB-900, SB-800, SB-700:** Cấu hình đèn nháy để sử dụng độc lập và sử dụng các điều khiển trên bộ đèn nháy để điều chỉnh cài đặt đèn nháy.
- **SB-500, SB-400, SB-300:** Lắp thiết bị vào máy ảnh và điều chỉnh cài đặt bằng cách sử dụng tùy chọn **Tùy chọn đèn nháy nhóm > Đèn nháy chính**.



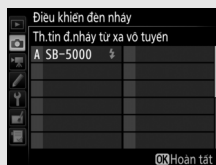
■ ■ AWL quang học/vô tuyến

Để lấy ánh sáng đèn nháy từ xa kết hợp cả các bộ đèn nháy điều khiển bằng quang học và tín hiệu vô tuyến, kết nối WR-R10 và lắp một trong các thiết bị sau vào ngàm gắn phụ kiện: SB-500, SB-910, SB-900, SB-800, hoặc SB-700 được cấu hình làm đèn nháy chính, hoặc SU-800. Cấu hình các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến như mô tả trong phần “AWL vô tuyến” (□ 206), nhưng lưu ý rằng nếu bạn sử dụng SB-500, bạn cần chọn **AWL quang học/vô tuyến** cho **Điều khiển đèn nháy > Tùy chọn đèn nháy không dây** trong Bước 2 (với các bộ khác, **AWL quang học/vô tuyến** được chọn tự động). Đặt các bộ điều khiển quang vào nhóm A, B, hoặc C và các bộ điều khiển bằng sóng vô tuyến vào nhóm D, E, hoặc F. Bây giờ bạn có thể chụp ảnh như mô tả trên trang 209.



Thông Tin Đèn Nháy Từ Xa

Để xem các bộ đèn nháy hiện được điều khiển bằng cách sử dụng AWL vô tuyến, chọn **Điều khiển đèn nháy > Th.tin đ.nháy từ xa vô tuyến** trong menu chụp ảnh. Có thể thay đổi bộ nhận dạng (“tên đèn nháy từ xa”) cho mỗi bộ đèn nháy bằng cách sử dụng điều khiển bộ đèn nháy.



Chụp Ảnh

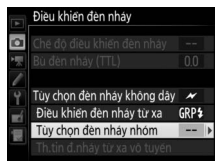
Mục **Điều khiển đèn nháy** > **Điều khiển đèn nháy từ xa** trong menu chụp ảnh có ba tùy chọn cho chụp ảnh bằng đèn nháy từ xa: **Đèn nháy nhóm**, **Điều khiển không dây nhanh**, và **Lập lại từ xa**.

■ Đèn Nháy Nhóm

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt riêng cho từng nhóm.

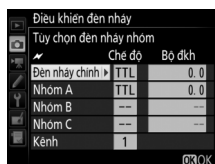
1 📷: Chọn Tùy chọn đèn nháy nhóm.

Làm nổi bật **Tùy chọn đèn nháy nhóm** trong màn hình hiển thị điều khiển đèn nháy và nhấn **OK**.



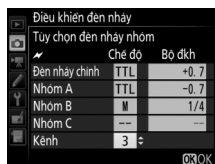
2 📷: Chọn chế độ điều khiển đèn nháy.

Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức đèn nháy cho đèn nháy chính và bộ đèn nháy ở mỗi nhóm.



- **TTL**: điều khiển đèn nháy i-TTL (📖 196).
- **☞A**: Độ mở ống kính tự động (chỉ có ở bộ đèn nháy tương thích).
- **M**: Chọn mức đèn nháy bằng tay.
- **-- (tắt)**: Các bộ đèn nháy không sáng và không điều chỉnh được mức đèn nháy.

Nếu **AWL quang học** hoặc **AWL quang học/vô tuyến** được chọn cho **Điều khiển đèn nháy** > **Tùy chọn đèn nháy không dây** trong menu chụp ảnh (📖 309), chọn kênh cho đèn nháy chính. Nếu các bộ đèn nháy từ xa có SB-500, bạn phải chọn kênh 3, nếu không thì bạn có thể chọn bất cứ kênh nào giữa 1 và 4.



3 📷: Cài đặt kênh (Chỉ AWL quang)

Đặt đơn vị đèn nháy từ xa kênh đã chọn ở bước 2.

4 📷: Nhóm các bộ đèn nháy từ xa.

AWL quang học

Chọn một nhóm (A, B, hoặc C, hoặc nếu bạn đang sử dụng đèn nháy chính SB-500, A hoặc B) cho mỗi bộ đèn nháy từ xa. Dù không có giới hạn về số lượng các bộ đèn nháy từ xa được sử dụng, số lượng tối đa thực tế là ba trong mỗi nhóm. Nếu nhiều hơn số lượng này, ánh sáng phát ra từ các bộ đèn nháy từ xa sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất của máy ảnh.

AWL vô tuyến

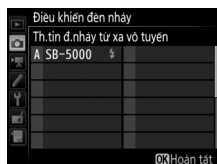
Chọn một nhóm (A–F) cho mỗi bộ đèn nháy từ xa. Đèn nháy chính có thể điều khiển được tới 18 bộ đèn nháy trong bất cứ kết hợp nào.

5 📷/📷: Soạn ảnh chụp.

Soạn ảnh chụp và sắp xếp các bộ đèn nháy. Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm thông tin. Sau khi sắp xếp các bộ đèn nháy, chụp kiểm tra để xác nhận rằng tất cả các bộ đèn nháy hoạt động tốt. Bạn cũng có thể nháy thử các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến bằng cách nhấn nút **i** trong màn hình hiển thị thông tin đèn nháy (📄 216) và chọn **Kiểm tra đèn nháy**.

6 📷/📷: Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Trong AWL vô tuyến, chỉ báo đèn nháy sẵn sàng sẽ sáng trong màn hình hiển thị máy ảnh (📄 10) hoặc màn hình hiển thị thông tin đèn nháy khi tất cả các bộ đèn nháy đã sẵn sàng. Xem trạng thái của các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến bằng cách chọn **Điều khiển đèn nháy > Th.tin đ.nháy từ xa vô tuyến** trong menu chụp ảnh.

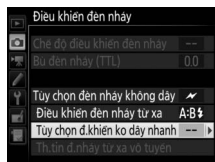


■ ■ Điều khiển không dây nhanh

Chọn tùy chọn này để điều khiển bù đèn nháy tổng thể, và sự cân bằng tương đối giữa nhóm A và B, trong khi thiết lập công suất cho nhóm C bằng tay.

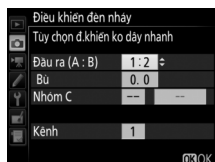
1 Chọn Tùy chọn đ.khiển ko dây nhanh.

Làm nổi bật **Tùy chọn đ.khiển ko dây nhanh** trong màn hình hiển thị điều khiển đèn nháy và nhấn .

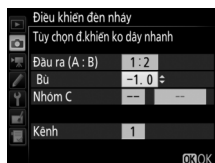


2 Điều chỉnh cài đặt đèn nháy.

Chọn sự cân bằng giữa nhóm A và B.

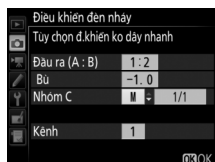


Điều chỉnh bù đèn nháy cho nhóm A và B.

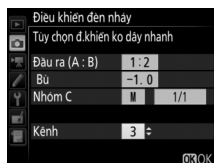


Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức đèn nháy cho các bộ đèn nháy ở nhóm C.

- **M**: Chọn mức đèn nháy bằng tay.
- --: Các bộ đèn nháy trong nhóm C không bật.



Nếu **AWL quang học** được chọn cho **Điều khiển đèn nháy > Tùy chọn đèn nháy không dây** trong menu chụp ảnh (☐ 309), chọn kênh cho đèn nháy chính. Nếu các đơn vị đèn nháy từ xa bao gồm SB-500, bạn phải chọn kênh 3, nhưng nếu không bạn có thể chọn bất cứ kênh nào giữa 1 và 4.



3 : Cài đặt kênh (Chỉ AWL quang)

Đặt đơn vị đèn nháy từ xa kênh đã chọn ở bước 2.

4 : Nhóm các bộ đèn nháy từ xa.

Chọn nhóm (A, B, hoặc C).

AWL quang học

Dù không có giới hạn về số lượng các bộ đèn nháy từ xa được sử dụng, số lượng tối đa thực tế là ba trong mỗi nhóm. Nếu nhiều hơn số lượng này, ánh sáng phát ra từ các bộ đèn nháy từ xa sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất của máy ảnh.

AWL vô tuyến

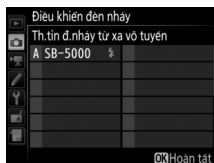
Đèn nháy chính có thể điều khiển được tới 18 bộ đèn nháy trong bất cứ kết hợp nào.

5 : Soạn ảnh chụp.

Soạn ảnh chụp và sắp xếp các bộ đèn nháy. Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm thông tin. Sau khi sắp xếp các bộ đèn nháy, chụp kiểm tra để xác nhận rằng tất cả các bộ đèn nháy hoạt động tốt. Bạn cũng có thể nháy thử các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến bằng cách nhấn nút  trong màn hình hiển thị thông tin đèn nháy (☐ 216) và chọn **Kiểm tra đèn nháy**.

6 📷/🔧: Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Trong AWL vô tuyến, chỉ báo đèn nháy sẵn sàng sẽ sáng trong màn hình hiển thị máy ảnh (📷 10) hoặc màn hình hiển thị thông tin đèn nháy khi tất cả các bộ đèn nháy đã sẵn sàng. Xem trạng thái của các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến bằng cách chọn **Điều khiển đèn nháy > Th.tin đ.nháy từ xa vô tuyến** trong menu chụp ảnh.

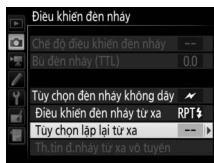


🔧 Lặp Lại Từ Xa

Khi tùy chọn này được chọn, bộ đèn nháy nháy liên tục khi cửa trap mở, tạo ra hiệu ứng đa phơi sáng.

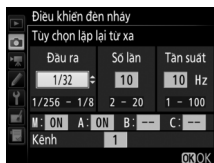
1 📷: Chọn Tùy chọn lặp lại từ xa.

Làm nổi bật **Tùy chọn lặp lại từ xa** trong màn hình hiển thị điều khiển đèn nháy nhấn 🔄.

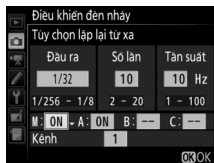


2 📷: Điều chỉnh cài đặt đèn nháy.

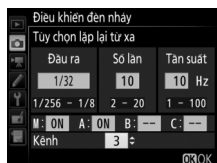
Chọn mức đèn nháy (**Đầu ra**), số lần nháy tối đa (**Số lần**), và số lần đèn nháy nháy mỗi giây (**Tần suất**).



Kích hoạt hoặc vô hiệu nhóm đã chọn. Chọn **ON (BẬT)** để kích hoạt nhóm đã chọn, -- để vô hiệu nhóm đã chọn.



Nếu **AWL quang học** được chọn cho **Điều khiển đèn nháy > Tùy chọn đèn nháy không dây** trong menu chụp ảnh (☐ 309), chọn kênh cho đèn nháy chính. Nếu các đơn vị đèn nháy từ xa bao gồm SB-500, bạn phải chọn kênh 3, nhưng nếu không bạn có thể chọn bất cứ kênh nào giữa 1 và 4.



3 : Cài đặt kênh (Chỉ AWL quang)

Đặt đơn vị đèn nháy từ xa vào kênh đã chọn ở bước 2.

4 : Nhóm các bộ đèn nháy từ xa.

AWL quang học

Chọn một nhóm (A, B hoặc C) cho mỗi bộ đèn nháy từ xa. Dù không có giới hạn về số lượng các bộ đèn nháy từ xa được sử dụng, số lượng tối đa thực tế là ba trong mỗi nhóm. Nếu nhiều hơn số lượng này, ánh sáng phát ra từ các bộ đèn nháy từ xa sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất của máy ảnh.

AWL vô tuyến

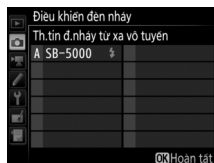
Chọn một nhóm (A–F) cho mỗi bộ đèn nháy từ xa. Đèn nháy chính có thể điều khiển được tới 18 bộ đèn nháy trong bất cứ kết hợp nào.

5 : Soạn ảnh chụp.

Soạn ảnh chụp và sắp xếp các bộ đèn nháy. Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm thông tin. Sau khi sắp xếp các bộ đèn nháy, chụp kiểm tra để xác nhận rằng tất cả các bộ đèn nháy hoạt động tốt. Bạn cũng có thể nháy thử các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến bằng cách nhấn nút  trong màn hình hiển thị thông tin đèn nháy (☐ 216) và chọn **Kiểm tra đèn nháy**.

6 : Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Trong AWL vô tuyến, chỉ báo đèn nháy sẵn sàng sẽ sáng trong màn hình hiển thị máy ảnh (📖 10) hoặc màn hình hiển thị thông tin đèn nháy khi tất cả các bộ đèn nháy đã sẵn sàng. Xem trạng thái của các bộ đèn nháy điều khiển bằng tín hiệu vô tuyến bằng cách chọn **Điều khiển đèn nháy** > **Th.tin đ.nháy từ xa vô tuyến** trong menu chụp ảnh.



AWL quang

Định vị cửa sổ cảm biến trên các bộ đèn nháy từ xa để đón ánh sáng từ đèn nháy chính (cần đặc biệt chú ý khi máy ảnh không được đặt trên giá ba chân). Hãy chắc chắn rằng ánh sáng trực tiếp hoặc phản chiếu mạnh từ các bộ đèn nháy từ xa không đi vào thấu kính máy ảnh (ở chế độ TTL) hoặc các quang bảo ở các bộ đèn nháy từ xa (chế độ A), vì điều này có thể ảnh hưởng đến phơi sáng. Để tránh các nháy cường độ thấp do đèn nháy chính phát ra xuất hiện trên ảnh chụp ở phạm vi gần, chọn độ nhạy ISO thấp hoặc độ mở ống kính nhỏ (các số f cao) hoặc xoay đầu đèn nháy trên đèn nháy chính hướng lên trên. Sau khi định vị các bộ đèn nháy từ xa, chụp thử một kiểu ảnh và xem các kết quả trên màn hình máy ảnh.

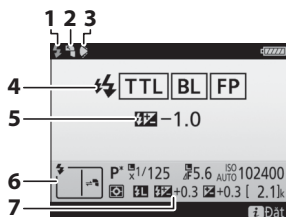
Bù Đèn Nháy

Giá trị bù đèn nháy được chọn bằng nút  () và đĩa lệnh phụ được thêm vào các giá trị bù đèn nháy được chọn trong menu tùy chọn đèn nháy không dây. Biểu tượng  nháy trên bảng điều khiển trên và kính ngắm khi giá trị bù đèn nháy khác ± 0 được chọn cho đèn nháy chính hoặc bộ đèn nháy từ xa trong chế độ TTL hoặc A.

Xem Thông Tin Đèn Nháy

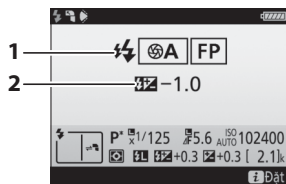
Máy ảnh có thể hiển thị thông tin đèn nháy của bộ đèn nháy SB-5000, SB-500, SB-400, và SB-300 được lắp trên ngàm gắn phụ kiện máy ảnh và của bộ đèn nháy từ xa được điều khiển qua AWL vô tuyến bằng cách sử dụng WR-R10. Để xem thông tin đèn nháy, nhấn nút **info** trong màn hình hiển thị thông tin (📖 220). Thông tin hiển thị khác nhau tùy theo chế độ điều khiển đèn nháy.

■ TTL



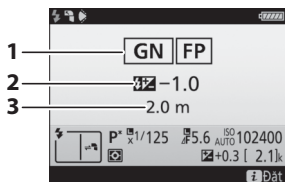
1	Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng ...	194
2	Biểu tượng dội lại (hiển thị nếu đầu đèn nháy nghiêng)	
3	Cảnh báo góc đèn nháy (hiển thị nếu góc chiếu sáng chưa tối ưu)	
4	Chế độ điều khiển đèn nháy...	197
	Chỉ báo FP	343
5	Bù đèn nháy (TTL)	197, 200
6	Chế Độ Đèn Nháy	198
7	Bù đèn nháy	200

■ Đèn Nháy Ngoài Tự Động



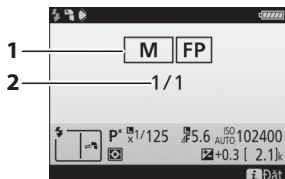
1	Chế độ điều khiển đèn nháy...	197
	Chỉ báo FP	343
2	Bù đèn nháy (độ mở ống kính tự động)	197, 200

■ Ưu Tiên Khoảng Cách Bằng Tay



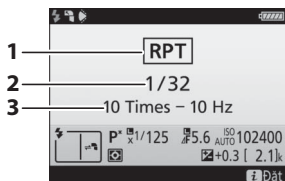
- 1 Chế độ điều khiển đèn nháy ... 197
Chỉ báo FP 343
- 2 Bù đèn nháy (ưu tiên khoảng cách bằng tay) 197, 200
- 3 Khoảng cách 197

■ Bằng tay



- 1 Chế độ điều khiển đèn nháy ... 197
Chỉ báo FP 343
- 2 Mức đèn nháy 197, 200

■ Đèn nháy lặp lại



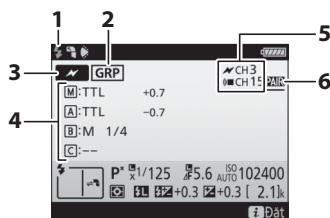
- 1 Chế độ điều khiển đèn nháy ... 197
- 2 Mức đèn nháy (công suất) 197
- 3 Số lần nháy (số lần) 197
Tần suất 197

✍ Thông Tin Đèn Nháy Và Cài Đặt Máy Ảnh

Màn hình hiển thị thông tin đèn nháy thể hiện các cài đặt máy ảnh, bao gồm cả chế độ phơi sáng, tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, và độ nhạy ISO.

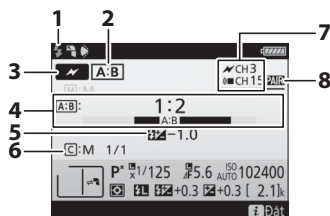


■ Đèn Nháy Nhóm



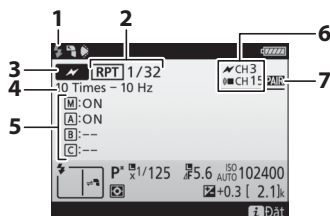
1	Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng ¹	210
2	Điều khiển đèn nháy từ xa	209
3	Chế độ điều khiển từ xa đèn nháy ²	204
4	Chế độ điều khiển đèn nháy nhóm ^{2,3}	209
	Chế độ đèn nháy nhóm	209
	Mức đèn nháy/bù đèn nháy.....	209
5	Kênh ²	206, 207, 209
6	Chế độ liên kết.....	206

■ Điều khiển không dây nhanh



1	Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng ¹	213
2	Điều khiển đèn nháy từ xa	209
3	Chế độ điều khiển từ xa đèn nháy ²	204
4	Hệ số A : B.....	211
5	Bù đèn nháy.....	200, 211
6	Chế độ điều khiển đèn nháy và mức đèn nháy nhóm C	211
7	Kênh ²	206, 207, 212
8	Chế độ liên kết.....	206

■ Lặp Lại Từ Xa

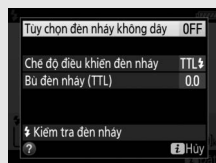


1	Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng ¹	215
2	Điều khiển đèn nháy từ xa.....	209
	Mức đèn nháy (công suất).....	213
3	Chế độ điều khiển từ xa đèn nháy ²	204
4	Số lần nháy (số lần).....	213
	Tần suất.....	213
5	Trạng thái nhóm (kích hoạt/vô hiệu).....	213
6	Kênh ²	206, 207, 214
7	Chế độ liên kết.....	206

- 1 Hiển thị trong AWL vô tuyến khi tắt cả các bộ đèn nháy đã sẵn sàng.
- 2 AWL quang học được chỉ báo bằng ⚡, AWL vô tuyến được chỉ báo bằng «■», AWL quang học và vô tuyến kết hợp được chỉ báo bằng ⚡ và «■». Kênh AWL quang học cho AWL quang học và vô tuyến kết hợp được hiển thị chỉ khi SB-500 được dùng làm đèn nháy chính.
- 3 Các biểu tượng được hiển thị cho mỗi nhóm khi AWL quang học và vô tuyến kết hợp được sử dụng.

Thay Đổi Các Cài Đặt Đèn Nháy

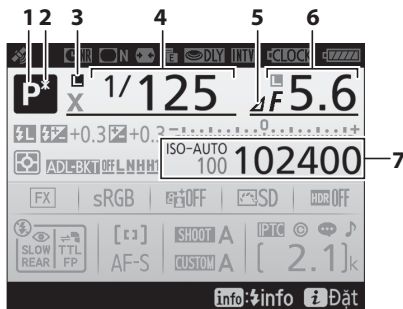
Có thể thay đổi cài đặt đèn nháy bằng cách nhấn nút  trong hiển thị thông tin đèn nháy. Các tùy chọn có sẵn khác nhau tùy theo bộ đèn nháy và cài đặt được chọn. Bạn cũng có thể nháy thử.



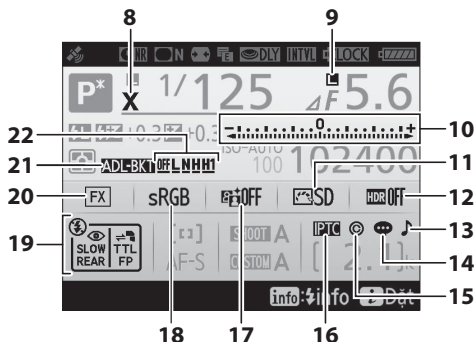
Tùy Chọn Chụp Khác

Nút **Info**

Việc nhấn nút **Info** trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm sẽ hiển thị thông tin chụp trên màn hình bao gồm cả tốc độ cửa trập, khẩu độ, số lần chụp còn lại, và chế độ vùng AF.



- | | |
|--|---|
| <p>1 Chế độ phơi sáng 131</p> <p>2 Chỉ báo chương trình linh động 133</p> <p>3 Biểu tượng khóa tốc độ cửa trập 140</p> <p>4 Tốc độ cửa trập 134, 136</p> <p>Số lần chụp trong bù trừ đèn nháy và phơi sáng 147</p> <p>Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ cân bằng trắng 151</p> <p>Tiêu cự (thấu kính không CPU) 244</p> <p>5 Chỉ báo dừng độ mở ống kính 135, 416</p> | <p>6 Độ mở ống kính (số f) ... 135, 136</p> <p>Độ mở ống kính (số các điểm dừng) 135, 416</p> <p>Gia số chụp bù trừ 148, 152</p> <p>Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ ADL 155</p> <p>Độ mở ống kính tối đa (thấu kính không CPU) 244</p> <p>7 Chỉ báo độ nhạy ISO 124</p> <p>Độ nhạy ISO 124</p> <p>Chỉ báo độ nhạy ISO tự động 128</p> |
|--|---|

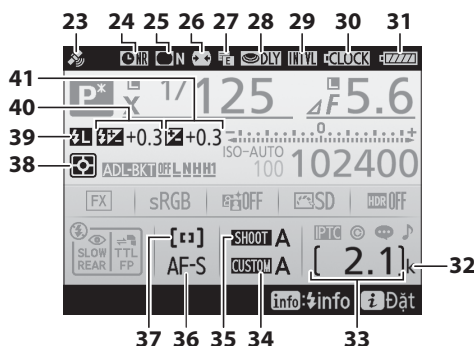


8	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy...	343	14	Chỉ báo bình luận ảnh	377
9	Biểu tượng khóa độ mở ống kính	140	15	Chỉ báo thông tin bản quyền.....	378
10	Chỉ báo phơi sáng	137	16	Chỉ báo IPTC	379
	Hiển thị bù phơi sáng	143	17	Chỉ báo D-Lighting hoạt động.....	188
	Chỉ báo tiến độ bù trừ:		18	Không gian màu	315
	Bù trừ đèn nháy và phơi sáng.....	147	19	Chế Độ Đèn Nháy.....	198
	Chụp bù trừ WB	151	20	Chỉ báo vùng hình ảnh	87
11	Chỉ báo Picture Control.....	180	21	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng.....	147
12	Chỉ báo HDR.....	190		Chỉ báo chụp bù trừ WB.....	151
	Độ lệch phơi sáng HDR.....	193		Chỉ báo chụp bù trừ ADL	155
	Đa chỉ báo phơi sáng.....	230	22	Vị trí của khuôn hình hiện tại trong chuỗi chụp bù trừ.....	149, 153
	Số phơi sáng (đa phơi sáng) ...	231		Khoảng chụp bù trừ ADL	156
13	Chỉ báo “bíp”	384			

Tắt Màn Hình

Để xóa thông tin chụp khỏi màn hình, nhấn nút **info** hoặc nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng. Màn hình sẽ tự động tắt nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng 10 giây.

Hiển Thị Thông Tin (Tiếp)



23	Chỉ báo tín hiệu vệ tinh.....246	33	Số phơi sáng còn lại..... 38, 475
24	Chỉ báo giảm nhiều phơi sáng lâu.....315	34	Số thấu kính bằng tay 244
25	Chỉ báo quản lý tạo họa tiết...316	35	Tập hợp cài đặt tùy chọn..... 325
26	Đ.khiển biến dạng t.động317	36	Tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn 310
27	Cửa trập màn trước điện tử...340	37	Chế độ lấy nét tự động 101
28	Chế độ trễ phơi sáng.....339	38	Chế độ vùng AF104, 106
29	Chỉ báo quảng thời gian239	39	Đo sáng..... 129
30	Chỉ báo tua nhanh thời gian... 79	40	Chỉ báo khóa FV..... 203
31	Chỉ báo pin đồng hồ.....29, 441	41	Chỉ báo bù đèn nháy..... 200
32	Chỉ báo pin..... 37		Giá trị bù đèn nháy 200
			Chỉ báo bù phơi sáng..... 143
			Giá trị bù phơi sáng 143

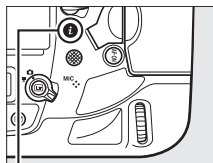
Lưu ý: Hiển thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.

Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian chờ màn hình, xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**, 337). Có thể thay đổi màu chữ trong màn hình hiển thị thông tin bằng cách sử dụng tùy chọn **Hiển thị thông tin** trong menu cài đặt (372).

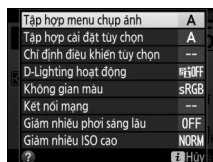
Nút *i*

Để truy cập vào các tùy chọn bên dưới, bấm nút *i* trong quá trình chụp ảnh kính ngắm. Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn **OK** để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật. Để trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



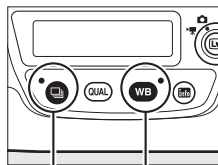
Nút *i*

Tùy chọn	
Tập hợp menu chụp ảnh	310
Tập hợp cài đặt tùy chọn	325
Chỉ định điều khiển tùy chọn	346
D-Lighting hoạt động	188
Không gian màu	315
Kết nối mạng	281
Giảm nhiễu phơi sáng lâu	315
Giảm nhiễu ISO cao	316



Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định

Có thể khôi phục lại các cài đặt máy ảnh được liệt kê dưới đây về giá trị mặc định bằng cách nút  và **WB** đồng thời trong khoảng hơn hai giây (các nút này được đánh dấu bằng dấu chấm màu xanh lá cây). Bảng điều khiển tắt trong thời gian ngắn trong khi cài đặt được khôi phục lại.



Nút  Nút WB



■ ■ Các Cài Đặt Có Thể Truy Cập Từ Menu Chụp¹

Tùy chọn	Mặc định	Tùy chọn	Mặc định
Tập hợp menu ảnh mở rộng	Tắt	Cài đặt Picture Control ²	Chưa điều chỉnh
Chất lượng hình ảnh	JPEG bình thường	Giảm nhấp nháy	
Kích cỡ hình ảnh		Cài đặt giảm nhấp nháy	Tắt
JPEG/TIFF	Lớn	Chỉ báo giảm nhấp nháy	Bật
NEF (RAW)	Lớn	Đa phơi sáng	Tắt ³
Cài đặt độ nhạy ISO		HDR (dải nhạy sáng cao)	Tắt ⁴
Độ nhạy ISO	100	Chụp hẹn giờ quãng thời gian	Tắt ⁵
Điều khiển tự động độ nhạy ISO	Tắt	Chụp xem trực tiếp im lặng	Tắt
Cân bằng trắng	Tự động > AUTO0 Giữ màu trắng (giảm các màu ấm)		
Tinh chỉnh	A-B: 0, G-M: 0		

- 1 Ngoại trừ các cài đặt đa phơi sáng và cài đặt hẹn giờ quãng thời gian, chỉ các cài đặt trong tập hợp hiện được chọn bằng cách sử dụng tùy chọn **Tập hợp menu chụp ảnh** sẽ được đặt lại (□ 310). Các cài đặt trong các tập hợp còn lại không bị ảnh hưởng.
- 2 Chỉ Picture Control hiện hành.
- 3 Nếu đa phơi sáng hiện đang được sử dụng, việc chụp ảnh sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng được ghi đến điểm đó. Chế độ lớp phủ và số lượng ảnh chụp không được thiết lập lại.
- 4 Độ lệch phơi sáng và độ mượt không được thiết lập lại.
- 5 Nếu chụp hẹn giờ quãng thời gian hiện đang trong sử dụng, việc chụp sẽ kết thúc. Thời gian bắt đầu, quãng thời gian chụp, số lượng quãng thời gian và số lần chụp, làm mượt phơi sáng không được thiết lập lại.



■ Các Cài Đặt Có Thể Truy Cập Từ Menu Ghi Phim

Tùy chọn	Mặc định
Cài đặt độ nhạy ISO phim	
Độ nhạy ISO (chế độ M)	100
Đ. chỉnh ISO tự động (c. độ M)	Tắt
Độ nhạy tối đa	102400

Tùy chọn	Mặc định
Cân bằng trắng	Giống như cài đặt ảnh
Chống rung điện tử	Tắt

■ Cài Đặt Khác

Tùy chọn	Mặc định
Điểm lấy nét ¹	Giữa
Điểm lấy nét thiết lập sẵn	Giữa
Chế độ phơi sáng	Tự động được lập trình
Chương trình linh động	Tắt
Bù phơi sáng	Tắt
Giữ khóa tự động phơi sáng	Tắt
Khóa tốc độ cửa trập	Tắt
Khóa độ mở ống kính	Tắt
Chế độ lấy nét tự động	AF-S

Tùy chọn	Mặc định
WB hiển thị xem trực tiếp ảnh	Không có
Hiển thị phần tô sáng	Tắt
Âm lượng tai nghe	15
Đo sáng	Đo sáng ma trận
Chụp bù trừ	Tắt ²
Chế độ đèn nháy	Đồng bộ màn trước
Bù đèn nháy	Tắt
Khóa FV	Tắt
Chế độ trễ phơi sáng	Tắt ³

Chế độ vùng AF

Kính ngắm	AF điểm đơn
Xem trực tiếp	AF vùng bình thường

- Điểm lấy nét không được hiển thị nếu AF vùng tự động được chọn cho chế độ vùng AF.
- Số lần chụp được đặt về không. Giá số chụp bù trừ được đặt lại về 1 EV (chụp bù trừ phơi sáng/đèn nháy) hoặc 1 (chụp bù trừ cân bằng trắng). **▶ A Tự động** được chọn cho lần chụp thứ hai của chương trình chụp bù trừ ADL.
- Chỉ những cài đặt trong tập hợp hiện được chọn bằng cách sử dụng tùy chọn **Tập hợp cài đặt tùy chọn** mới được đặt lại (□ 325). Các cài đặt trong các tập hợp còn lại không bị ảnh hưởng.

Xem Thêm

Xem trang 289 về danh sách các cài đặt mặc định.

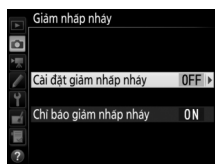
Giảm Nhấp Nháy

Máy ảnh có hai tùy chọn **Giảm nhấp nháy** để giảm hiệu ứng nhấp nháy do ánh sáng huỳnh quang hoặc hơi thủy ngân. Tùy chọn đầu tiên có trong menu chụp ảnh và được dùng để giảm nhấp nháy ở các ảnh được chụp với chế độ chụp ảnh với kính ngắm, tùy chọn thứ hai có trong menu quay phim và được dùng để giảm nhấp nháy trong chế độ xem trực tiếp và chế độ phim.

■ Chụp Ảnh Với Kính Ngắm

Chọn từ các tùy chọn sau đây:

- **Cài đặt giảm nhấp nháy:** Khi **Bật** được chọn, máy ảnh sẽ hẹn giờ chụp ảnh để giảm hiệu ứng nhấp nháy.



- **Chỉ báo giảm nhấp nháy:** Khi **Bật** được chọn, chỉ báo phát hiện nhấp nháy (FL L) sẽ được hiển thị trong kính ngắm nếu phát hiện nhấp nháy khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Nếu phát hiện nhấp nháy khi **Tắt** được chọn cho **Cài đặt giảm nhấp nháy**, chỉ báo sẽ nhấp sáng; để bật giảm nhấp nháy, chọn **Bật** cho **Cài đặt giảm nhấp nháy**.



■ Chế Độ Xem Trực Tiếp Và Chế Độ Phim

Có thể dùng tùy chọn **Giảm nhấp nháy** trong menu quay phim để giảm nhấp nháy và tạo dải trong khi xem trực tiếp phim (□ 44) và quay phim (□ 59).



Giảm nhấp nháy trong menu chụp ảnh

Chụp thử và xem kết quả trước khi chụp thêm ảnh. Giảm nhấp nháy có thể phát hiện nhấp nháy ở 100 và 120 Hz (lần lượt liên quan đến nguồn điện AC là 50 và 60 Hz). Có thể không phát hiện được nhấp nháy hoặc có thể không đạt được kết quả mong muốn với nền tối, nguồn sáng mạnh hoặc màn hình hiển thị ánh sáng trang trí và ánh sáng phi tiêu chuẩn khác. Tùy thuộc vào nguồn ánh sáng, có thể hơi có độ trễ trước khi cửa trập nhả. Trong quá trình chụp liên tục, tốc độ khuôn hình có thể chậm hoặc không ổn định; ngoài ra, có thể không đạt được kết quả mong muốn nếu tần số nguồn cung cấp điện thay đổi trong quá trình chụp.

Phát hiện nhấp nháy không có tác dụng ở tốc độ cửa trập chậm hơn $\frac{1}{100}$ giây (bao gồm cả Bóng đèn (⬇️) và Thời gian (- -)) hoặc khi **MUP** hoặc **14 fps (gương nâng lên)** được chọn cho chế độ nhả hoặc chế độ trễ phơi sáng là bật. Phát hiện nhấp nháy có trong khi chụp ảnh bằng đèn nháy nhưng không thể sử dụng với các bộ đèn nháy không dây từ xa.



Đa phơi sáng

Thực hiện theo các bước dưới đây để ghi hai đến mười phơi sáng trong một ảnh duy nhất.

■ ■ Tạo Đa Phơi Sáng

Không thể ghi lại đa phơi sáng trong chế độ xem trực tiếp. Thoát khỏi xem trực tiếp trước khi tiếp tục.

Thời Gian Ghi Mở Rộng

Nếu màn hình tắt trong khi phát lại hoặc khi không có thao tác menu hoặc không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng 30 giây, thì việc chụp ảnh sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ những phơi sáng được ghi tới thời điểm đó. Có thể kéo dài thời gian còn để ghi phơi sáng tiếp theo bằng cách chọn thời gian lâu hơn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**,  336).

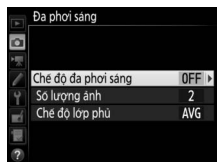
1 Chọn Đa phơi sáng.

Làm nổi bật **Đa phơi sáng** trong menu chụp ảnh và nhấn .



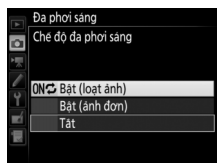
2 Chọn một chế độ.

Làm nổi bật **Chế độ đa phơi sáng** và nhấn .

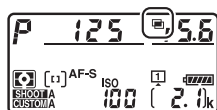


Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn :

- Để chụp một loạt đa phơi sáng, chọn **ON/Bật** (loạt ảnh). Chụp đa phơi sáng sẽ tiếp tục cho đến khi bạn chọn **Tắt** cho **Chế độ đa phơi sáng**.
- Để chụp một đa phơi sáng, chọn **Bật (ảnh đơn)**. Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một đa phơi sáng.
- Để thoát mà không tạo thêm đa phơi sáng, chọn **Tắt**.



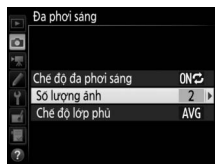
Nếu **Bật (loạt ảnh)** hoặc **Bật (ảnh đơn)** được chọn, biểu tượng  sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển trên.



3 Chọn số lần chụp.

Làm nổi bật **Số lượng ảnh** và nhấn .

Nhấn  hoặc  để lựa chọn số lượng phơi sáng sẽ được kết hợp để tạo thành một bức ảnh duy nhất và nhấn .



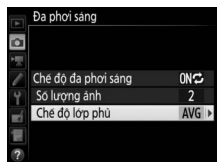
Nút BKT

Nếu **Đa phơi sáng** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút BKT** +  (346, 353), bạn có thể chọn chế độ đa phơi sáng bằng cách nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính và số lần chụp bằng cách nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh phụ. Chế độ và số lần chụp được thể hiện trong bảng điều khiển trên: các biểu tượng thể hiện chế độ là **OFF** là **Tắt**, **I** là **Bật (ảnh đơn)**, và **L** là **Bật (loạt ảnh)**.



4 Chọn chế độ lớp phủ.

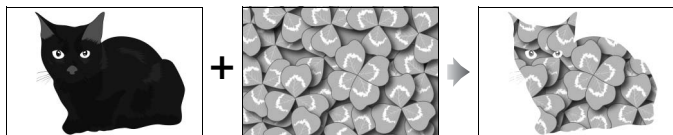
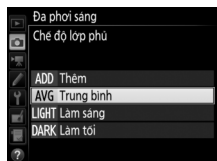
Làm nổi bật **Chế độ lớp phủ** và nhấn **OK**.



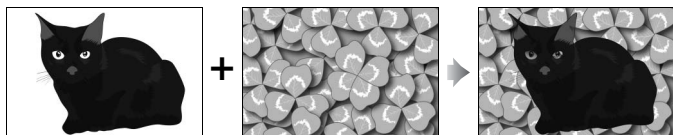
Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.

- **Thêm:** Các phơi sáng được phủ mà không sửa đổi; mức tăng không được điều chỉnh.
- **Trung bình:** Trước khi các phơi sáng được phủ, mức tăng cho mỗi phơi sáng được chia cho tổng số lần phơi sáng (mức tăng cho mỗi phơi sáng được đặt là $1/2$ cho 2 phơi sáng, $1/3$ cho 3 phơi sáng, v.v).
- **Làm sáng:** Máy ảnh so sánh các điểm ảnh trong từng phơi sáng và chỉ sử dụng điểm ảnh sáng nhất.



- **Làm tối:** Máy ảnh so sánh các điểm ảnh trong từng phơi sáng và chỉ sử dụng điểm ảnh tối nhất.

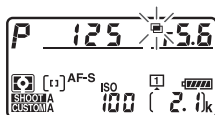


5 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Trong các chế độ nhả liên tục (📖 116), máy ảnh ghi lại tất cả các phơi sáng trong một lần chụp. Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn, máy ảnh sẽ tiếp tục ghi đa phơi sáng trong khi nút nhả cửa trập được nhấn; nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, chụp đa phơi sáng sẽ kết thúc sau bức ảnh đầu tiên. Trong chế độ hẹn giờ, máy ảnh sẽ tự động ghi số lượng phơi sáng được chọn ở Bước 3 trên trang 231, bất kể tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 được chọn như thế nào (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (📖 337); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Quãng thời gian giữa các ảnh**. Trong các chế độ nhả khác, một ảnh sẽ được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, tiếp tục chụp cho đến khi tất cả các phơi sáng đã được ghi (để biết thông tin về việc dùng đa phơi sáng trước khi tắt cả các hình ảnh được ghi lại, xem trang 234).



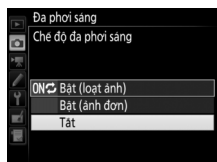
Biểu tượng 📷 sẽ nhấp nháy cho đến khi chụp xong. Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn, chụp đa phơi sáng sẽ chỉ kết thúc khi **Tắt** được chọn cho chế độ đa phơi sáng; Nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, việc chụp đa phơi sáng sẽ tự động kết thúc khi đa phơi sáng hoàn tất. Biểu tượng 📷 được xóa khỏi màn hình khi chụp đa phơi sáng kết thúc.



■ Kết Thúc Đa Phơi Sáng

Để dừng đa phơi sáng trước khi đạt được số lượng phơi sáng quy định, chọn **Tắt** cho chế độ đa phơi sáng. Nếu việc chụp kết thúc trước khi đạt tới số phơi sáng quy định, đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng đã ghi được tới thời điểm đó. Nếu **Trung bình** được chọn cho **Chế độ lớp phủ**, việc tăng sẽ được điều chỉnh để phản ánh số các phơi sáng thực sự được ghi lại. Lưu ý rằng việc chụp sẽ tự động kết thúc nếu:

- Khởi động lại hai nút được thực hiện (☐ 224)
- Máy ảnh được tắt
- Pin cạn kiệt
- Ảnh được xóa



✓ Đa phơi sáng

Đa phơi sáng có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng).

Không tháo hoặc thay thẻ nhớ trong khi đang ghi đa phơi sáng.

Xem trực tiếp không có trong khi đang chụp. Việc chọn xem trực tiếp sẽ đặt lại **Chế độ đa phơi sáng** sang **Tắt**.

Thông tin chụp được liệt kê trong hiển thị thông tin ảnh phát lại (bao gồm cả đo sáng, phơi sáng, chế độ phơi sáng, tiêu cự, ngày chụp và hướng máy ảnh) là của lần chụp đầu tiên trong đa phơi sáng.

✍ Ghi chú bằng giọng nói

Ghi giọng nói bị tắt khi chụp đa phơi sáng, nhưng có thể ghi chú khi chụp xong (📖 272).

✍ Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Nếu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian được kích hoạt trước khi phơi sáng đầu tiên, máy ảnh sẽ ghi lại các phơi sáng ở khoảng thời gian lựa chọn cho đến khi đạt được số lượng phơi sáng được quy định trong menu phơi sáng (số lần chụp được liệt kê trong menu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bị bỏ qua). Các phơi sáng này sau đó sẽ được ghi thành một bức ảnh và chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc (nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn cho chế độ đa phơi sáng, chụp đa phơi sáng cũng sẽ kết thúc tự động).

✍ Cài Đặt Khác

Trong khi đa phơi sáng đang được chụp, thẻ nhớ không thể được định dạng và một số mục menu chuyển sang màu xám và không thể thay đổi được.



Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Máy ảnh được trang bị để chụp ảnh tự động trong khoảng thời gian cài đặt trước.

✓ Trước Khi Chụp

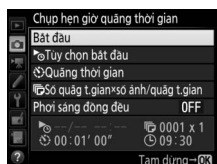
Chọn chế độ nhả khác với tự hẹn giờ (☺) khi sử dụng hẹn giờ quảng thời gian. Trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian, chụp thử ở các cài đặt hiện hành và xem các kết quả trong màn hình. Sau khi điều chỉnh cài đặt theo ý muốn, đóng cửa trập nắp thị kính kính ngắm để ngăn không cho ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu ảnh và phơi sáng (📖 120).

Trước khi lựa chọn thời gian bắt đầu, chọn **Múi giờ và ngày** trong menu cài đặt và chắc chắn rằng đồng hồ máy ảnh được thiết lập đúng thời gian và ngày (📖 28).

Nên sử dụng giá ba chân. Lắp máy ảnh vào giá ba chân trước khi bắt đầu chụp. Để đảm bảo việc chụp ảnh không bị dừng, hãy chắc chắn pin máy ảnh đã được sạc đầy. Nếu nghi ngờ, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn (bán riêng).

1 Chọn Chụp hẹn giờ quảng thời gian.

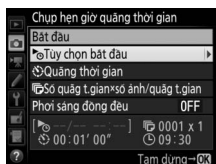
Làm nổi bật **Chụp hẹn giờ quảng thời gian** trong menu chụp ảnh và nhấn  để hiển thị cài đặt hẹn giờ quảng thời gian.



2 Điều chỉnh cài đặt hẹn giờ quảng thời gian.

Chọn tùy chọn bắt đầu, quảng thời gian, số lần chụp mỗi quảng thời gian, và tùy chọn làm mờ phơi sáng.

- Để chọn tùy chọn bắt đầu:



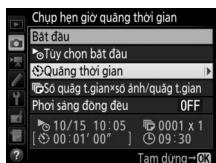
Làm nổi bật **Tùy chọn bắt đầu** và nhấn



Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn

Để bắt đầu chụp ngay lập tức, chọn **Ngay bây giờ**. Để bắt đầu chụp tại thời gian và ngày đã chọn, chọn **Chọn ngày bắt đầu và thời gian bắt đầu**, sau đó chọn ngày và thời gian và nhấn .

- Để chọn quảng thời gian giữa các lần chụp:



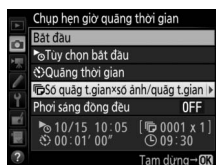
Làm nổi bật **Quảng thời gian** và nhấn .



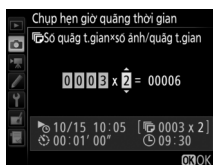
Chọn quảng thời gian (giờ, phút, và giây) và nhấn .



- Để chọn số lần chụp cho mỗi quãng thời gian:



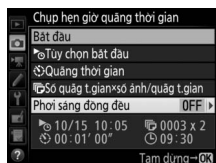
Làm nổi bật **Số quãng t.gian x số ảnh/quãng t.gian** và nhấn $\odot$.



Chọn số lượng quãng thời gian và số lần chụp cho mỗi quãng thời gian và nhấn $\odot$.

Ở chế độ **S** (khuôn hình đơn), ảnh cho mỗi quãng thời gian sẽ được chụp ở tốc độ được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d1 (**Tốc độ chụp liên tục**) > **Tốc độ thấp liên tục** (📖 338).

- Để bật hoặc tắt phơi sáng đồng đều:



Làm nổi bật **Phơi sáng đồng đều** và nhấn $\odot$.



Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn $\odot$.

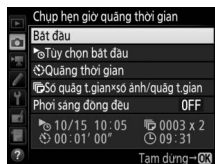
Việc chọn **Bật** sẽ cho phép máy ảnh điều chỉnh phơi sáng cho phù hợp với ảnh trước đó trong các chế độ không phải chế độ **M** (lưu ý rằng phơi sáng đồng đều chỉ có tác dụng ở chế độ **M** nếu điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật).



3 Bắt đầu chụp.

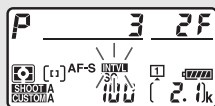
Làm nổi bật **Bắt đầu** và nhấn **OK**. Loạt chụp đầu tiên sẽ được thực hiện tại thời gian bắt đầu được chỉ định, hoặc sau khoảng 3 giây nếu **Ngay bây giờ** được chọn cho **Tùy chọn bắt đầu** trong Bước 2.

Việc chụp sẽ tiếp tục ở quãng thời gian lựa chọn cho đến khi chụp xong.



Trong Quá Trình Chụp

Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian, biểu tượng **INTVL** sẽ nhấp trong bảng điều khiển trên. Ngay trước khi quãng thời gian chụp tiếp theo bắt đầu, màn hình hiển thị tốc độ cửa trập sẽ hiển thị số lượng quãng thời gian còn lại, và màn hình hiển thị khẩu độ sẽ hiển thị số lần chụp còn lại trong quãng thời gian hiện tại. Tại thời điểm khác, có thể xem số quãng thời gian còn lại và số lần chụp trong mỗi quãng thời gian bằng cách nhấn nút nhỏ cửa trập nửa chừng (sau khi nút được nhấn, tốc độ cửa trập và độ mở ống kính sẽ được hiển thị cho đến khi hẹn giờ chờ hết hạn).



Có thể điều chỉnh cài đặt, sử dụng menu, và phát lại ảnh khi đang chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian. Màn hình sẽ tự động tắt khoảng bốn giây trước mỗi quãng thời gian. Lưu ý rằng việc thay đổi cài đặt máy ảnh trong khi hẹn giờ quãng thời gian đang hoạt động có thể làm việc chụp bị kết thúc.

Chế Độ Nhả

Bất kể chế độ nhả nào được chọn, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp chỉ định ở mỗi quãng thời gian.



■ Tạm Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Có thể tạm dừng chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bằng cách nhấn **OK** hoặc chọn **Tạm dừng** trong menu quảng thời gian.

■ Phục Hồi Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

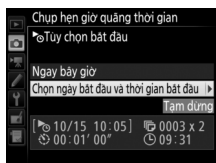
Để phục hồi chụp:

• Bắt đầu ngay

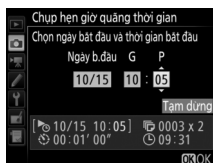


Làm nổi bật **Bắt đầu lại** và nhấn **OK**.

• Bắt đầu tại thời gian quy định



Với các **Tùy chọn bắt đầu**, làm nổi bật **Chọn ngày bắt đầu và thời gian bắt đầu** và nhấn **OK**.



Chọn ngày và thời gian bắt đầu và nhấn **OK**.



Làm nổi bật **Bắt đầu lại** và nhấn **OK**.

■ Kết Thúc Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Để kết thúc chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian trước khi tắt cả các ảnh được chụp, chọn **Tắt** trong menu hẹn giờ quảng thời gian.



■ Không Chụp Được Ảnh

Máy ảnh sẽ bỏ qua quãng thời gian hiện tại nếu có các tình huống sau đây kéo dài trong tám giây hoặc nhiều hơn sau khi quãng thời gian đến lúc bắt đầu: bức ảnh hoặc các bức ảnh của quãng thời gian trước đó vẫn chưa được chụp, thẻ nhớ đầy hoặc máy ảnh không thể lấy nét trong **AF-S** (lưu ý rằng máy ảnh sẽ lấy nét lại mỗi lần chụp ảnh). Việc chụp sẽ tiếp tục với quãng thời gian tiếp theo.

✓ Hết Bộ Nhớ

Nếu thẻ nhớ đầy, hẹn giờ quãng thời gian vẫn hoạt động nhưng không có ảnh nào được chụp. Tiếp tục chụp (□ 240) sau khi xóa một số hình ảnh hoặc tắt máy ảnh và lắp thẻ nhớ khác.

✎ Tập Hợp Menu Chụp Ảnh

Thay đổi của cài đặt hẹn giờ quãng thời gian áp dụng cho tất cả các tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn (□ 310), nghĩa là chụp hẹn giờ quãng thời gian sẽ tiếp tục ngay cả khi bạn chuyển các tập hợp menu. Nếu cài đặt menu chụp được đặt lại bằng cách sử dụng mục **Tập hợp menu chụp ảnh** trong menu chụp (□ 311), chụp bằng hẹn giờ quãng thời gian sẽ kết thúc và các cài đặt hẹn giờ quãng thời gian sẽ được đặt lại như sau:

- Tùy chọn bắt đầu: Ngay bây giờ
- Số lượng ảnh: 1
- Quãng thời gian: 00:01:00"
- Làm mờ phơi sáng: Tắt
- Số quãng thời gian: 1

✎ Chụp bù trừ

Điều chỉnh các cài đặt chụp bù trừ trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian. Nếu phơi sáng, đèn nháy hoặc chụp bù trừ ADL đang hoạt động trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp trong chương trình chụp bù trừ tại mỗi quãng thời gian, bất kể số lần chụp được quy định trong menu hẹn giờ quãng thời gian là bao nhiêu. Nếu cân bằng trắng bù trừ được bật trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp một ảnh trong mỗi quãng thời gian và xử lý ảnh để tạo ra số bản sao được quy định trong chương trình chụp bù trừ.



Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Chọn quãng thời gian dài hơn thời gian cần thiết để chụp được số ảnh được chọn, và nếu bạn đang sử dụng đèn nháy, thì dài hơn thời gian cần thiết cho đèn nháy sặc. Nếu khoảng thời gian quá ngắn, số lượng ảnh chụp có thể ít hơn tổng số liệt kê trong Bước 2 (số quãng thời gian nhân với số lần chụp trên mỗi quãng thời gian) hoặc đèn nháy có thể sáng ở mức công suất yếu hơn mức cần phơi sáng đầy đủ. Công suất đèn nháy cũng có thể giảm xuống dưới mức mong muốn nếu có nhiều hơn một ảnh được chụp trong mỗi quãng thời gian. Không thể kết hợp chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian với phơi sáng thời gian dài (chụp ảnh với bóng đèn hoặc thời gian, [F] 138), hoặc phim tua nhanh thời gian ([F] 74) và không có trong xem trực tiếp phim ([F] 44, 59) hoặc khi **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Gán điều khiển tùy chọn**) > **Nút nhả cửa trập** ([F] 362, 365). Lưu ý rằng do tốc độ cửa trập, tốc độ khuôn hình, và thời gian cần thiết để ghi ảnh có thể khác nhau từ quãng thời gian này đến quãng thời gian tiếp theo, thời gian giữa phần cuối của một quãng thời gian và thời gian bắt đầu tiếp theo có thể khác nhau. Nếu không thể chụp ở các cài đặt hiện hành (ví dụ, nếu tốc độ cửa trập của **B** hoặc **-** hiện được chọn ở chế độ phơi sáng bằng tay, quãng thời gian là không, hoặc thời gian bắt đầu chưa tới một phút), cảnh báo sẽ được hiển thị trong màn hình.

Chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian sẽ tạm dừng khi ☺ (hẹn giờ) được chọn hoặc khi máy ảnh được tắt và sau đó bật lại (khi máy ảnh tắt, có thể được thay pin và thẻ nhớ mà không làm kết thúc chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian). Tạm dừng chụp không ảnh hưởng đến cài đặt hẹn giờ quảng thời gian.



Thấu Kính Không CPU

Có thể sử dụng các thấu kính không CPU trong chế độ phơi sáng **A** và **M**, và đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính. Bằng cách xác định dữ liệu thấu kính (tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính tối đa), người dùng có thể truy cập vào các chức năng thấu kính CPU dưới đây.

Nếu biết tiêu cự thấu kính:

- Có thể sử dụng thu phóng thông minh với bộ đèn nháy tùy chọn
- Tiêu cự thấu kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Nếu biết độ mở ống kính tối đa:

- Giá trị độ mở ống kính được hiển thị trong bảng điều khiển trên và kính ngắm
- Mức đèn nháy được điều chỉnh cho những thay đổi về độ mở ống kính nếu bộ đèn nháy hỗ trợ chế độ A (độ mở ống kính tự động)
- Độ mở ống kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Chỉ định cả tiêu cự và độ mở tối đa của ống kính:

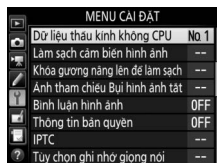
- Cho phép đo sáng ma trận màu (lưu ý rằng có thể cần thiết phải sử dụng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm để đạt được kết quả chính xác với một số thấu kính, bao gồm cả thấu kính Reflex-NIKKOR)
- Cải thiện độ chính xác của cân bằng trung tâm và đo sáng điểm và đèn nháy làm đầy cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số



Để nhập hoặc chỉnh sửa dữ liệu cho thấu kính không CPU:

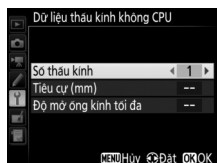
1 Chọn Dữ liệu thấu kính không CPU.

Làm nổi bật **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt và nhấn **⏏**.



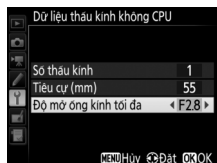
2 Chọn số thấu kính.

Làm nổi bật **Số thấu kính** và nhấn **⏏** hoặc **⏏** để chọn số thấu kính.



3 Nhập tiêu cự và độ mở ống kính.

Làm nổi bật **Tiêu cự (mm)** hoặc **Độ mở ống kính tối đa** và nhấn **⏏** hoặc **⏏** để sửa mục được làm nổi bật.



4 Lưu cài đặt và thoát.

Nhấn **OK**. Tiêu cự xác định và độ mở ống kính sẽ được lưu theo số thấu kính được chọn.



Để gọi lại dữ liệu thấu kính khi sử dụng thấu kính không CPU:

1 Chỉ định lựa chọn số thấu kính không CPU để điều khiển máy ảnh.

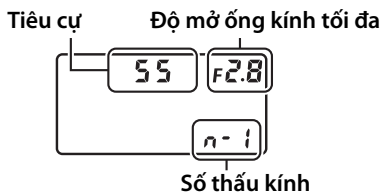
Gán **Chọn số thấu kính không CPU** với một điều khiển bằng cách sử dụng tùy chỉnh Setting f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**, □ 346, 353).

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn số thấu kính.

Nhấn điều khiển được chọn và xoay đĩa lệnh chính hoặc đĩa lệnh phụ cho đến khi số thấu kính mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển trên.



Đĩa lệnh chính



Tiêu Cự Không Được Liệt Kê

Nếu tiêu cự chính xác không được liệt kê, chọn giá trị gần nhất lớn hơn tiêu cự thực tế của thấu kính.

Bộ Chuyển Từ Xa và Thấu Kính Thu Phóng

Độ mở ống kính tối đa cho bộ chuyển từ xa là độ mở ống kính tối đa hỗn hợp của độ mở ống kính và thấu kính. Lưu ý rằng không điều chỉnh được dữ liệu thấu kính khi thấu kính không CPU được thu hoặc phóng. Dữ liệu cho tiêu cự khác nhau có thể được nhập như số thấu kính riêng biệt, hoặc dữ liệu cho thấu kính có thể được chỉnh sửa để phản ánh các giá trị tiêu cự thấu kính mới và độ mở ống kính tối đa mỗi lần thu phóng được điều chỉnh.

Dữ liệu vị trí

Một đơn vị GPS có thể được kết nối với các thiết bị đầu cuối từ xa mười chân, cho phép ghi vĩ độ, kinh độ, độ cao, Múi giờ quốc tế (UTC) hiện tại, và hướng vào mỗi ảnh chụp. Có thể sử dụng máy ảnh với bộ GPS GP-1 và GP-1A (xem bên dưới; lưu ý rằng các bộ này không cung cấp hướng la bàn), hoặc với các bộ GPS của bên thứ ba tương thích được kết nối thông qua cáp chuyển đổi MC-35 GPS tùy chọn (□ 430).

■ Bộ GPS GP-1/GP-1A

Các bộ GPS tùy chọn được thiết kế để sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon. Để biết thông tin về việc kết nối bộ GPS, xem tài liệu hướng dẫn đi kèm với thiết bị.

Biểu tượng

Trạng thái kết nối được hiển thị bằng biểu tượng  trong màn hình hiển thị thông tin:

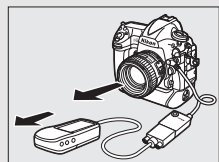
-  (tĩnh): Yêu cầu dữ liệu vị trí.
-  (nhảy): Thiết bị GPS đang tìm kiếm tín hiệu. Ảnh được chụp trong khi biểu tượng này đang nhảy sẽ không có dữ liệu vị trí.

- **Không có biểu tượng:** Không nhận được dữ liệu vị trí mới nào từ thiết bị GPS trong ít nhất hai giây. Ảnh được chụp khi biểu tượng  không được hiển thị sẽ không có dữ liệu vị trí.



Hướng

Hướng chỉ được ghi lại nếu thiết bị GPS được trang bị la bàn kỹ thuật số (lưu ý rằng GP-1 và GP-1A không được trang bị la bàn). Giữ thiết bị GPS chỉ về cùng hướng với các thấu kính và cách máy ảnh ít nhất 20 cm.



Múi Giờ Quốc Tế (UTC)

Dữ liệu UTC được thiết bị GPS cung cấp và độc lập với đồng hồ máy ảnh.

■ ■ Tùy Chọn Menu Cài Đặt

Mục **Dữ liệu vị trí** trong menu cài đặt chứa các tùy chọn được liệt kê dưới đây.

- **Hẹn giờ chờ:** Chọn cho hoặc không cho hẹn giờ chờ được bật khi bộ GPS được lắp.

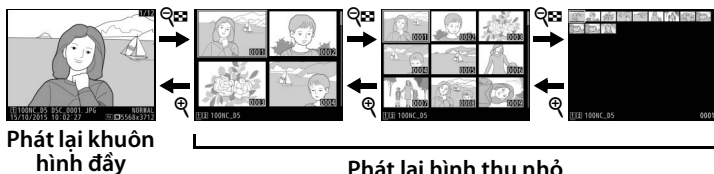
Tùy chọn	Mô tả
Bật	Hẹn giờ chờ được bật. Hẹn giờ hết hạn tự động nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng thời gian quy định trong Cài Đặt Tùy Chọn c2 (Hẹn giờ chờ ,  336), làm giảm hao pin. Nếu thiết bị GP-1 hoặc GP-1A được kết nối, thiết bị sẽ vẫn hoạt động trong một thời gian sau khi hẹn giờ hết hạn; để cho phép máy ảnh có thời gian lấy dữ liệu vị trí, độ trễ kéo dài thêm một phút sau khi đo phơi sáng được bật hoặc máy ảnh được bật.
Tắt	Hẹn giờ chờ được tắt, đảm bảo không làm gián đoạn ghi dữ liệu vị trí.

- **Vị trí:** Mục này chỉ có sẵn nếu thiết bị GPS được kết nối, khi nó hiển thị vĩ độ, kinh độ, cao độ hiện hành, Múi Giờ Quốc Tế (UTC) và hướng (nếu hỗ trợ) mà bộ GPS ghi được.
- **Sd vệ tinh để đặt đồng hồ:** Chọn **Có** để đồng bộ đồng hồ máy ảnh với thời gian mà thiết bị GPS ghi được.



Thông Tin Thêm Về Phát Lại

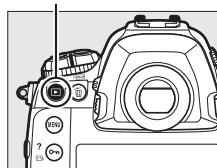
Xem Ảnh



Phát Lại Khuôn Hình Đầy

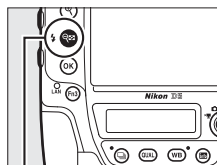
Để phát lại ảnh, nhấn nút . Ảnh mới nhất sẽ được hiển thị ở màn hình. Có thể hiển thị thêm ảnh bằng cách vuốt sang trái hoặc phải hoặc nhấn hoặc ; để xem thêm thông tin về ảnh hiện tại, nhấn hoặc (254).

Nút



Phát Lại Hình Thu Nhỏ

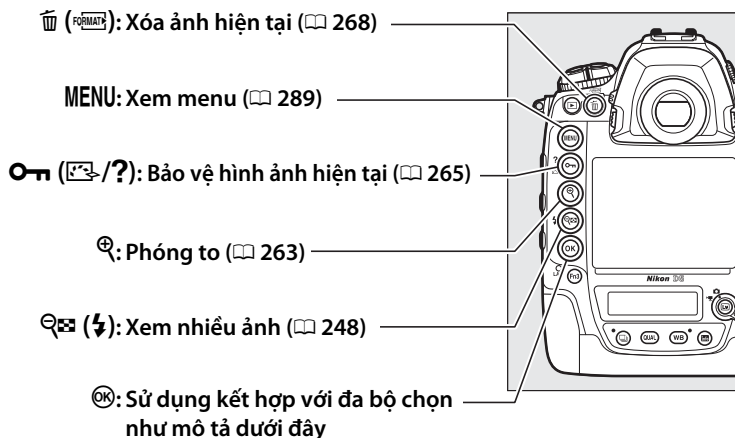
Để xem nhiều ảnh, nhấn nút () khi ảnh được hiển thị khuôn hình đầy. Số lượng ảnh hiển thị tăng từ 4 đến 9 đến 72 mỗi khi bạn nhấn nút () và giảm dần theo mỗi lần nhấn nút . Trượt ngón tay trên màn hình cảm ứng để di chuyển lên hoặc xuống hoặc sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ảnh.



Nút ()



Điều Khiển Phát Lại



OK + 	Hiển thị hộp thoại chọn khe/thư mục. Chọn thẻ và thư mục mà từ ảnh được phát lại, làm nổi bật khe và nhấn ➡ để hiển thị danh sách các thư mục, sau đó làm nổi bật thư mục và nhấn OK.
OK + 	Tạo bản sao sửa lại ảnh hiện tại (📖 394) hoặc tạo bản sao chỉnh sửa của phim hiện tại (📖 82).
OK + 	Xem thiết lập sẵn IPTC được lưu trữ trên máy ảnh (📖 379). Để nhúng thiết lập sẵn IPTC vào ảnh hiện tại, làm nổi bật thiết lập sẵn và nhấn OK (bất kỳ thiết lập sẵn nào đã được nhúng trong ảnh hiện tại sẽ được thay thế).
OK + 	Tải lên ảnh qua mạng không dây hoặc mạng Ethernet (📖 281).

📌 Hai Thẻ Nhớ

Nếu hai thẻ nhớ được lắp vào, bạn có thể chọn một thẻ nhớ để phát lại bằng cách nhấn nút 🖼️ (⚡) khi 72 hình thu nhỏ được hiển thị.

Xoay Dọc Ảnh

Để hiển thị ảnh “dọc” (hướng chân dung) theo hướng dọc, chọn **Bật** cho chức năng **Xoay dọc** trong menu phát lại (📖 306).



Xem Lại Hình Ảnh

Khi chọn **Bật** cho mục **Xem lại hình ảnh** trong menu phát lại (📖 304), ảnh sẽ tự động hiển thị trên màn hình sau khi chụp (vì máy ảnh đã đặt đúng hướng nên hình ảnh sẽ không tự động xoay trong suốt thời gian xem lại hình ảnh). Ở chế độ nhả liên tục, khi kết thúc chụp, hiển thị sẽ bắt đầu với hình ảnh đầu tiên trong loạt ảnh hiện thời.

Đa Bộ Chọn

Có thể sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh trong màn hình hiển thị hình thu nhỏ và hiển thị như ở bên phải.



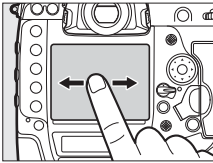
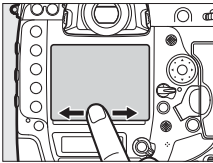
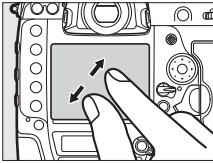
Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian màn hình chờ khi không làm việc, xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**, 📖 337). Để biết thông tin về việc chọn vai trò của nút trung tâm đa bộ chọn, xem Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Nút trung tâm đa bộ chọn**, 📖 357). Để biết thêm thông tin về cách sử dụng đĩa lệnh để điều hướng ảnh hoặc menu, xem Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Tùy chọn đĩa lệnh**)> **Menu và phát lại** (📖 360).

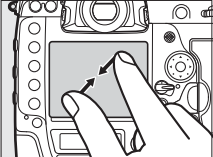


Sử dụng màn hình cảm ứng

Trong khi phát lại, có thể sử dụng màn hình cảm ứng để:

Xem hình ảnh khác	Búng trái hoặc phải để xem ảnh khác.	
Cuộn nhanh đến ảnh khác	Trong giao diện khuôn hình đầy, bạn có thể chạm vào đáy của màn hình hiển thị để hiển thị thanh tiến trình khuôn hình, sau đó trượt ngón tay sang trái hoặc phải để cuộn nhanh tới các ảnh khác.	  Thanh tiến khuôn hình
Phóng to (chỉ ảnh)	Sử dụng thao tác căng rộng ra và véo để phóng to, thu nhỏ và trượt để cuộn (📖 263). Bạn cũng có thể gõ nhanh hai lần vào màn hình hiển thị để phóng to từ phát lại khuôn hình đầy hoặc hủy phóng.	



Xem hình thu nhỏ	Để “thu nhỏ” xem hình thu nhỏ (📖 248), hãy véo vào phát lại khuôn hình đầy. Véo và căng rộng ra để lựa chọn số lượng ảnh hiển thị từ 4, 9, và 72 khuôn hình.	
Xem phim	Gõ vào hướng dẫn trên màn hình để bắt đầu phát lại phim (phim được chỉ báo bằng biểu tượng ▶). Gõ vào màn hình để tạm dừng hoặc tiếp tục, hoặc gõ vào ⏮ để thoát sang phát lại khuôn hình đầy (lưu ý rằng một số biểu tượng trên màn hình phát lại phim không phản hồi với các thao tác điều khiển trên màn hình cảm ứng).	Hướng dẫn 

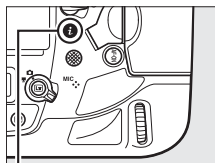


Nút *i*

Nhấn nút *i* trong khi khuôn hình đầy hoặc tùy chọn hiển thị phát lại hình thu nhỏ được liệt kê bên dưới.

- **Xếp hạng:** Xếp hạng ảnh hiện tại (☞ 267).
- **Chọn/bỏ chọn truyền:** Chọn hoặc bỏ chọn ảnh để tải lên máy tính hoặc máy chủ ftp (☞ 281). Hình ảnh được chọn sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng tải lên và sẽ được tải lên khi máy ảnh được kết nối qua Ethernet hoặc mạng LAN không dây.
- **IPTC:** Nhúng thiết lập sẵn IPTC vào ảnh hiện tại (☞ 379).
- **Ghi ghi nhớ giọng nói:** Ghi ghi chú bằng giọng nói và gán nó vào ảnh hiện tại (☞ 272).
- **Phát ghi nhớ giọng nói:** Mở ghi chú giọng nói (☞ 276).
- **Sửa lại (chỉ ảnh):** Sử dụng tùy chọn trong menu sửa lại (☞ 392) để tạo ra bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại.
- **Sửa lại phim (chỉ phim):** Chỉnh sửa phim bằng cách sử dụng tùy chọn trong menu chỉnh sửa phim (☞ 82). Phim cũng có thể được chỉnh sửa bằng cách nhấn nút *i* khi phát lại phim bị tạm dừng.
- **Chọn khe và thư mục:** Chọn một thư mục để phát lại. Làm nổi bật khe và nhấn  để liệt kê thư mục trên thẻ được chọn, sau đó làm nổi bật một thư mục và nhấn  để xem lại hình ảnh trong thư mục được chọn.

Để thoát menu nút-*i* và trở lại phát lại, nhấn lại nút *i*.



Nút *i*



Thông Tin Ảnh

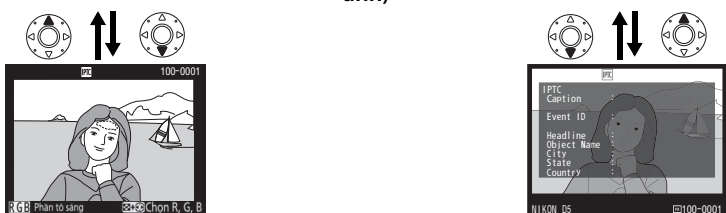
Thông tin ảnh được đề trên những bức ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy. Nhấn  hoặc  để duyệt qua thông tin ảnh như minh họa bên dưới. Lưu ý rằng “chỉ hình ảnh”, dữ liệu chụp, biểu đồ RGB, làm nổi bật chỉ được hiển thị nếu tùy chọn tương ứng được chọn cho **Tùy chọn hiển thị phát lại** (📖 300). Dữ liệu vị trí chỉ được hiển thị nếu thiết bị GPS được sử dụng khi ảnh được chụp (📖 246), trong khi thiết lập sẵn IPTC chỉ được hiển thị khi được nhúng vào trong ảnh (📖 379).



Thông tin tệp

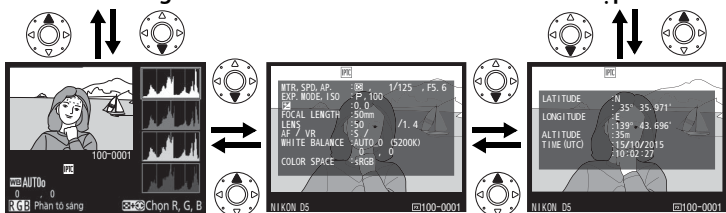
Không có (chỉ hình ảnh)

Dữ liệu tổng quan



Phần tô sáng

Thiết lập sẵn IPTC

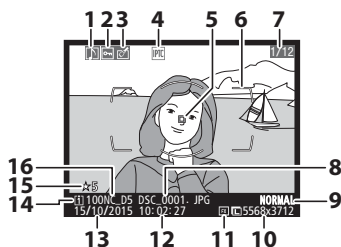


Biểu đồ RGB

Dữ liệu chụp

Dữ liệu vị trí

■■ Thông Tin Tập Tin

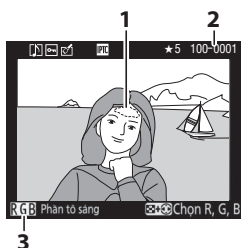


1	Biểu tượng ghi chú bằng giọng nói	272
2	Trạng thái bảo vệ	265
3	Chỉ báo sửa lại	392
4	Chỉ báo thiết lập sẵn IPTC	249, 379
5	Điểm lấy nét ^{1, 2}	108
6	Khung vùng AF ¹	35
7	Số khuôn hình/tổng số khuôn hình	
8	Tên tập tin	314
9	Chất lượng hình ảnh	92
10	Kích cỡ hình ảnh	95
11	Vùng hình ảnh	87
12	Thời gian ghi	28, 369
13	Ngày ghi	28, 369
14	Khe thẻ hiện thời	97
15	Xếp hạng	267
16	Tên thư mục	312

- 1 Chỉ hiển thị nếu **Điểm lấy nét** được chọn cho **Tùy chọn hiển thị phát lại** (□ 300) và ảnh được chọn đã được chụp bằng cách sử dụng kính ngắm.
- 2 Nếu ảnh được chụp bằng cách sử dụng lấy nét bằng tay hoặc điểm đơn, vùng động, hoặc AF nhóm vùng, màn hình sẽ hiển thị điểm lấy nét do người dùng chọn, hoặc nếu ảnh được chụp bằng cách sử dụng AF nhóm vùng (HL) hoặc AF nhóm vùng (VL), hàng hoặc cột điểm lấy nét do người dùng chọn. Nếu ảnh được chụp bằng cách sử dụng theo dõi 3D hoặc AF vùng tự động, màn hình hiển thị điểm lấy nét do máy ảnh chọn.

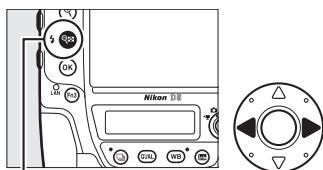


■ Phần tô sáng

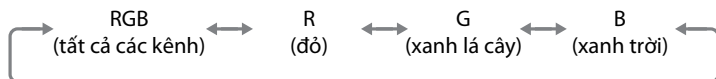


- 1 Phần tô sáng hình ảnh *
- 2 Số thư mục—số khuôn hình 312
- 3 Kênh hiện tại *

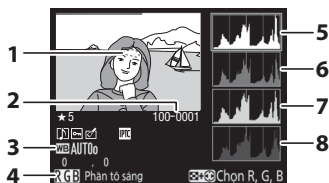
* Vùng nhấp nháy cho biết phần tô sáng (các vùng có thể bị phơi sáng quá nhiều) của kênh hiện tại. Giữ nút **Q** (⚡) và nhấn **⏪** hoặc **⏩** để duyệt qua các kênh như sau:



Nút **Q** (⚡)

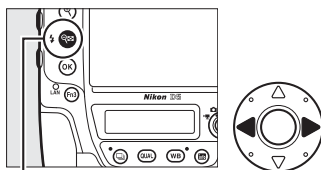


■ ■ Biểu Đồ RGB

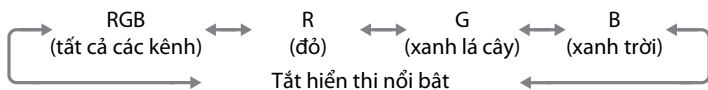


- | | |
|---|--|
| <p>1</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>4</p> <p>5</p> <p>6</p> <p>7</p> <p>8</p> | <p>Phần tô sáng hình ảnh *</p> <p>Số thứ mục—số khuôn hình312</p> <p>Cân bằng trắng159</p> <p>Nhiệt độ màu165</p> <p>Dò tinh chỉnh cân bằng trắng162</p> <p>Cài đặt trước bằng tay168</p> <p>Kênh hiện tại *</p> <p>Biểu đồ (kênh RGB). Trong tất cả các biểu đồ, trục ngang chỉ độ sáng điểm ảnh, trục thẳng đứng chỉ số điểm ảnh.</p> <p>Biểu đồ (kênh màu đỏ)</p> <p>Biểu đồ (kênh màu xanh lá cây)</p> <p>Biểu đồ (kênh màu xanh trời)</p> |
|---|--|

* Vùng nhấp nháy cho biết phần tô sáng (các vùng có thể bị phơi sáng quá nhiều) của kênh hiện tại. Giữ nút  và nhấn  hoặc  để duyệt qua các kênh như sau:

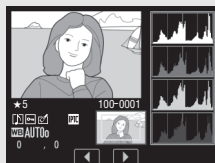


Nút  (⚡)



Thu Phóng Phát Lại

Để phóng to ảnh khi hiển thị biểu đồ, nhấn . Sử dụng các nút  và  để phóng to và thu nhỏ và cuộn hình ảnh bằng đa bộ chọn. Biểu đồ sẽ được cập nhật để hiển thị các dữ liệu cho phần hình ảnh thấy được trên màn hình.



Biểu đồ

Biểu đồ máy ảnh chỉ mang tính hướng dẫn và có thể khác so với những gì hiển thị trong các ứng dụng hình ảnh. Sau đây là một số biểu đồ mẫu:

Nếu hình ảnh chứa các đối tượng có phạm vi độ sáng rộng, sự phân phối của các tông màu sẽ tương đối cân bằng.



Nếu hình ảnh tối, tông màu sẽ được phân phối dịch sang trái.



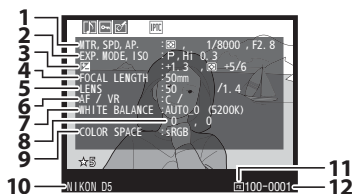
Nếu hình ảnh sáng, phân phối tông màu sẽ dịch sang phải.



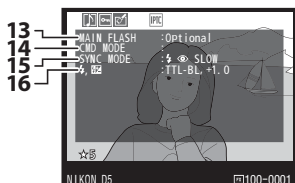
Tăng bù phơi sáng sẽ dịch sự phân phối tông màu sang phải, và nếu giảm bù phơi sáng thì phân phối sẽ dịch sang trái. Biểu đồ sẽ cung cấp cái nhìn tổng quát về phơi sáng toàn diện khi ánh sáng xung quanh khiến cho ảnh khó nhìn thấy được trên màn hình.



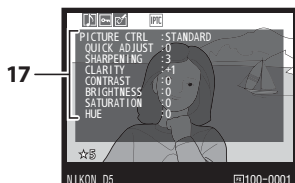
■ Dữ Liệu Chụp



1	Đo sáng	129
	Tốc độ cửa trập.....	134, 136
	Độ mở ống kính	135, 136
2	Chế độ phơi sáng	131
	Độ nhạy ISO ¹	124
3	Bù phơi sáng	143
	Tối ưu điều chỉnh phơi sáng ²	335
4	Tiêu cự	243, 418
5	Dữ liệu thấu kính	243
6	Chế độ lấy nét.....	48, 98
	Thấu kính VR (chống rung) ³	
7	Cân bằng trắng ⁴	159
8	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.....	162
9	Không gian màu	315
10	Tên máy ảnh	
11	Vùng hình ảnh	87
12	Số thư mục—số khuôn hình	312

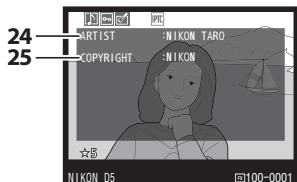
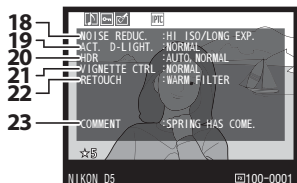


13	Loại đèn nháy ⁵	
14	Điều khiển đèn nháy từ xa ⁵ ...204	
15	Chế độ đèn nháy ⁵	198
16	Cài đặt đèn nháy ⁵	197, 209
	Bù đèn nháy ⁵	200



17	Picture Control ⁶	179
----	------------------------------------	-----



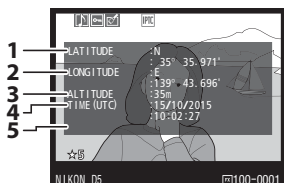


18	G.nhiều ở mức ISO cao	316
	Giảm nhiễu phơi sáng lâu	315
19	D-Lighting hoạt động.....	187
20	Độ lệch phơi sáng HDR.....	191
	Làm mượt HDR.....	191
21	Điều chỉnh họa tiết	316
22	Lịch sử sửa lại.....	392
23	Bình luận hình ảnh	377
24	Tên của nhiếp ảnh gia ⁷	378
25	Người giữ bản quyền ⁷	378

- 1 Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 2 Hiển thị nếu Cài Đặt Tùy Chọn b7 (**Tình hình phơi sáng tối ưu**, 335) được chỉnh đến giá trị khác không cho bất cứ phương pháp đo sáng nào.
- 3 Chỉ hiển thị nếu gắn thấu kính chống rung.
- 4 Cũng bao gồm cả nhiệt độ màu của ảnh chụp có sử dụng cân bằng trắng.
- 5 Hiển thị chỉ khi bộ đèn nháy tùy chọn (194) được sử dụng.
- 6 Các mục được hiển thị khác nhau với Picture Control được chọn khi ảnh được chụp.
- 7 Thông tin bản quyền chỉ được hiển thị nếu được ghi với ảnh như mô tả trên trang 378.



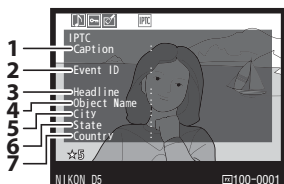
■ Dữ Liệu Vị Trí¹ (📖 246)



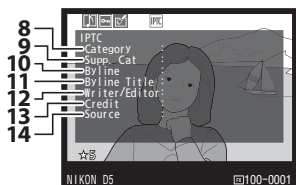
- 1 Vĩ độ
- 2 Kinh độ
- 3 Cao độ
- 4 Múi Giờ Quốc Tế (UTC)
- 5 Hướng²

- 1 Dữ liệu cho phép dùng để bắt đầu ghi.
- 2 Chỉ hiển thị nếu thiết bị GPS được trang bị la bàn điện tử.

■ Thiết lập sẵn IPTC (📖 379)

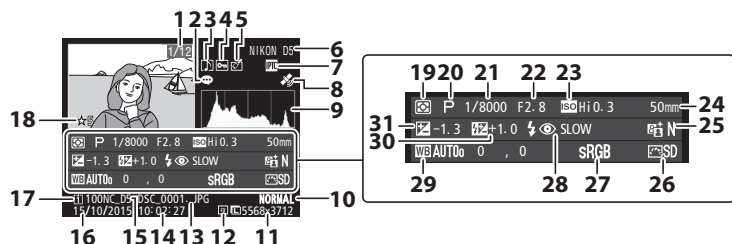


- 1 Phụ đề
- 2 ID sự kiện
- 3 Tiêu đề
- 4 Tên đối tượng
- 5 Thành phố
- 6 Bang/Tỉnh
- 7 Quốc gia



- 8 Thể loại
- 9 Thể loại bổ sung (Th.loại bổ sung)
- 10 Hàng đầu
- 11 Tiêu đề hàng đầu
- 12 Tác giả/Biên tập
- 13 Đóng góp của
- 14 Nguồn

Dữ Liệu Tổng Quan

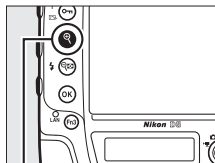


1	Số khuôn hình/tổng số khuôn hình	17	Khe thẻ hiển thời.....	97	
2	Chỉ báo nhận xét ảnh.....	377	18	Xếp hạng.....	267
3	Biểu tượng ghi chú bằng giọng nói.....	272	19	Đo sáng.....	129
4	Trạng thái bảo vệ.....	265	20	Chế độ phơi sáng.....	131
5	Chỉ báo sửa lại.....	392	21	Tốc độ cửa trập.....	134, 136
6	Tên máy ảnh		22	Độ mở ống kính.....	135, 136
7	Chỉ báo thiết lập sẵn IPTC.....	249, 379	23	Độ nhạy ISO ¹	124
8	Chỉ báo dữ liệu vị trí.....	246	24	Tiêu cự.....	243, 418
9	Biểu đồ thể hiện sự phân phối tông màu trong hình ảnh (□ 258).		25	D-Lighting hoạt động.....	187
10	Chất lượng hình ảnh.....	92	26	Picture Control.....	179
11	Kích cỡ hình ảnh.....	95	27	Không gian màu.....	315
12	Vùng hình ảnh.....	87	28	Chế độ đèn nháy ²	198
13	Tên tập tin.....	314	29	Cân bằng trắng.....	159
14	Thời gian ghi.....	28, 369		Nhiệt độ màu.....	165
15	Tên thư mục.....	312		Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.....	162
16	Ngày ghi.....	28, 369		Cài đặt trước bằng tay.....	168
			30	Bù đèn nháy ²	200
				Chế độ bộ điều khiển ²	
			31	Bù phơi sáng.....	143

- 1 Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 2 Chỉ được hiển thị nếu ảnh được chụp với bộ đèn nháy tùy chọn (□ 194).

Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại

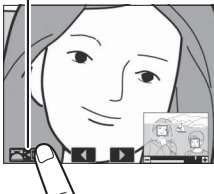
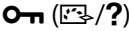
Để phóng to vào ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy, nhấn nút  hoặc nhấn giữa đa bộ chọn hoặc gõ nhanh hai lần vào màn hình. Các hoạt động sau có thể thực hiện trong khi thu phóng đang có hiệu lực:



Nút 

Để	Sử dụng	Mô tả
Phóng to hoặc thu nhỏ	 /  () /  / 	  hoặc sử dụng cử chỉ véo để phóng 36 × 24 (3 : 2) định dạng ảnh tối đa khoảng 21× (ảnh lớn), 16× (ảnh vừa) hoặc 10× (ảnh nhỏ). Nhấn  () hoặc véo để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn hoặc trượt ngón tay qua màn hình để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn hình. Giữ nhấn đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng xuất hiện khi tỉ lệ thu phóng thay đổi; vùng nhìn thấy hiện thời trên màn hình được chỉ định bởi khung màu vàng. Thanh dưới cửa sổ định hướng cho biết tỷ lệ thu phóng; chuyển sang xanh lá cây ở tỷ lệ 1 : 1.
Xem các vùng khác của hình ảnh	 / 	



Để	Sử dụng	Mô tả
Chọn khuôn mặt		Khuôn mặt (lên đến 35) được nhận diện suốt quá trình thu phóng chỉ định bởi khung màu trắng trong cửa sổ định hướng. Xoay đĩa lệnh phụ hoặc gõ vào hướng dẫn trên màn hình để xem các khuôn mặt khác. Hướng dẫn trên màn hình 
Xem hình ảnh khác		Xoay đĩa lệnh chính hoặc gõ vào biểu tượng ◀ hoặc ▶ ở dưới cùng màn hình hiển thị để xem các ảnh khác ở cùng một vị trí với tỷ lệ thu phóng hiện tại. Thu phóng phát lại bị hủy khi phim được hiển thị.
Thay đổi trạng thái bảo vệ		Xem trang 265 để biết thêm thông tin.
Trở về chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng hoặc nhấn nút ▶ để thoát chế độ chụp.
Menu hiển thị	MENU	Xem trang 289 để biết thêm thông tin.



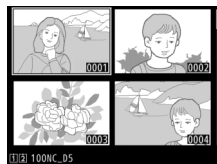
Bảo Vệ Ảnh Khởi Bị Xóa

Trong khuôn hình đầy, thu phóng, phát lại hình thu nhỏ, có thể sử dụng nút  (/?) để bảo vệ hình ảnh khỏi bị xóa vô tình. Tập tin được bảo vệ không thể bị xóa bằng cách sử dụng nút  () hay lựa chọn **Xóa** trong menu phát lại. Lưu ý rằng hình ảnh được bảo vệ sẽ bị xóa khi định dạng thẻ nhớ ( 33, 368).

Để bảo vệ bức ảnh:

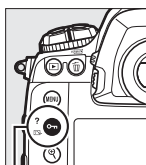
1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh trong phát lại khuôn hình đầy hoặc thu phóng phát lại hay làm nổi bật ảnh trong danh sách phát lại hình thu nhỏ.



2 Nhấn nút (/?).

Ảnh sẽ được đánh dấu với biểu tượng . Để bỏ bảo vệ khỏi ảnh khiến nó có thể bị xóa, hiển thị hoặc làm nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ và sau đó nhấn nút  (/?).



Nút  (/?)



Ghi chú bằng giọng nói

Thay đổi trạng thái bảo vệ của ảnh cũng được áp dụng các ghi chú bằng giọng nói có thể đã được ghi với ảnh. Không thể đặt riêng trạng thái ghi đè ghi chú bằng giọng nói.

Hủy Bỏ Bảo Vệ Cho Tất Cả Ảnh

Để hủy bỏ bảo vệ cho tất cả các ảnh trong thư mục hay cho thư mục được chọn trong menu **Thư mục phát lại**, nhấn đồng thời nút

 (/?) và  () trong khoảng hai giây trong khi phát lại.



Xếp Hạng Ảnh

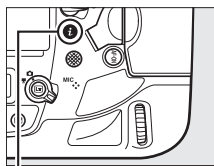
Xếp hạng ảnh hoặc đánh dấu chúng để xóa sau. Cũng có thể xem xếp hạng trong ViewNX-i và Capture NX-D. Xếp hạng không có sẵn với ảnh được bảo vệ.

1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ trong phát lại hình thu nhỏ.

2 Hiển thị các tùy chọn phát lại.

Nhấn nút **i** để hiển thị các tùy chọn phát lại.



Nút **i**

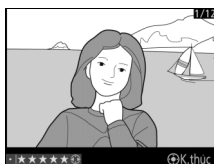
3 Chọn Xếp hạng.

Làm nổi bật **Xếp hạng** và nhấn **▶**.



4 Chọn một xếp hạng.

Nhấn **◀** hoặc **▶** để chọn xếp hạng từ không đến năm sao, hoặc chọn **✖** để đánh dấu hình ảnh cho việc xóa sau này. Nhấn **OK** để hoàn thành hoạt động.



Xếp hạng ảnh với nút Fn3

Nếu **Xếp hạng** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút Fn3**, có thể xếp hạng ảnh bằng cách nhấn giữ nút **Fn3** và nhấn **◀** hoặc **▶** (346, 351).

Xóa Ảnh

Để xóa tất cả ảnh trong thư mục hiện tại hoặc ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy hay ảnh được làm nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ, nhấn nút  (). Để xóa nhiều ảnh được chọn, sử dụng tùy chọn **Xóa** trong menu phát lại. Khi đã xóa, ảnh không thể khôi phục lại. Lưu ý rằng không thể xóa ảnh được bảo vệ hoặc ẩn.

Phát Lại Khuôn Hình Đầy Hoặc Phát Lại Hình Thu Nhỏ

Nhấn nút  () để xóa ảnh hiện tại.

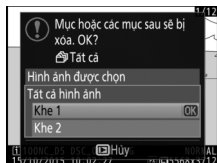
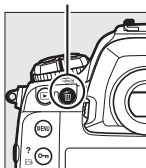
1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ.

2 Nhấn nút (.

Menu hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị, làm nổi bật **Hình ảnh được chọn** (để xóa tất cả ảnh trong thư mục đang được chọn cho phát lại— 299—nhấn  và chọn khe).

Nút  ()



3 Xóa (các) ảnh.

Để xóa ảnh hoặc các ảnh, nhấn nút  (FORMAT) (**Hình ảnh được chọn**) hoặc nút  (**Tất cả hình ảnh**). Để thoát mà không xóa ảnh hoặc các ảnh, nhấn nút .



Xem Thêm

Tùy chọn **Sau khi xóa** trong menu phát lại quyết định liệu ảnh trước hay sau đó có hiển thị sau khi một bức ảnh bị xóa hay không (📖 305).

Menu Phát Lại

Chọn **Xóa** trong menu phát lại để xóa ảnh và các ghi chú bằng giọng nói liên quan. Lưu ý rằng tùy thuộc vào số lượng ảnh mà có thể yêu cầu phải xóa bớt.

Tùy chọn	Mô tả
 Đã chọn	Xóa ảnh đã chọn.
ALL Tất cả	Xóa tất cả các ảnh trong thư mục hiện thời được chọn cho phát lại (📖 299). Nếu có hai thẻ nhớ được lắp vào, bạn có thể chọn xóa ảnh từ thẻ.

■ **Đã chọn: Xóa Ảnh Đã Chọn**

1 Chọn **Xóa** > **Đã Chọn**.

Chọn **Xóa** trong menu phát lại. Làm nổi bật **Đã chọn** và nhấn .

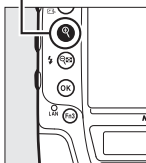


2 Làm nổi bật một bức ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh (để xem toàn màn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn giữ nút ).



Nút 



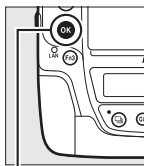
3 Chọn ảnh đã làm nổi bật.

Nhấn trung tâm đa bộ chọn để chọn ảnh được làm nổi bật. Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng . Lặp lại bước 2 và bước 3 để chọn thêm ảnh; để bỏ chọn ảnh, làm nổi bật và nhấn trung tâm đa bộ chọn.



4 Nhấn để hoàn thành hoạt động.

Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Có** và nhấn .



Nút 



Ghi chú bằng giọng nói

Ghi Ghi Nhớ Giọng Nói

Có thể thêm ghi nhớ giọng nói dài tới 60 giây vào ảnh trong quá trình phát lại hoặc ghi.

Trong Khi Phát Lại

Để thêm ghi nhớ giọng nói vào ảnh hiện hành:

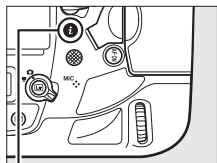
1 Chọn ảnh.

Hiển thị ảnh toàn khuôn hình hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ. Chỉ có một ghi nhớ giọng nói có thể được ghi cho mỗi ảnh; không thể ghi thêm các ghi nhớ giọng nói cho ảnh được làm nổi bật với biểu tượng [L].



2 Bắt đầu ghi.

Để bắt đầu ghi, nhấn nút **i**, làm nổi bật **Ghi ghi nhớ giọng nói**, và nhấn **OK**. Biểu tượng  được hiển thị trong khi đang ghi.



Nút **i**

3 Kết thúc ghi.

Nhấn vào giữa đĩa bộ chọn để kết thúc ghi.



Nút Fn3

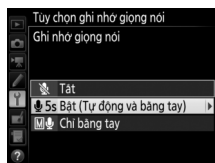
Nếu **Ghi nhớ giọng nói** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút Fn3** (⌘ 346, 351), bạn có thể nhấn và giữ nút **Fn3** để ghi ghi nhớ giọng nói cho ảnh hiện tại (lưu ý rằng không ghi được ghi nhớ nếu nút không được nhấn xuống ít nhất một giây).

Trong Quá Trình Chụp

Có thể ghi tự động ghi nhớ giọng nói cho mỗi ảnh được chụp hoặc nhấn nút thủ công để ghi ghi nhớ giọng nói cho ảnh gần nhất.

■ Ghi Tự Động

Để tự động ghi ghi nhớ giọng nói, chọn **Bật (Tự động và bằng tay)** cho **Tùy chọn ghi nhớ giọng nói** > **Ghi nhớ giọng nói** trong menu cài đặt (⌘ 382) và chọn thời gian ghi. Việc ghi sẽ bắt đầu khi bạn nhấc tay khỏi nút nhà cửa trập sau khi chụp.



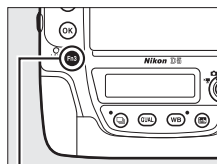
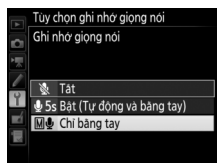
Ghi Tự Động

Không tự động ghi được các ghi nhớ giọng nói trong quá trình xem trực tiếp (⌘ 44), khi ghi phim tua nhanh thời gian (⌘ 74) hoặc khi **Bật** được chọn cho tùy chọn **Xem lại hình ảnh** (⌘ 304) trong menu phát lại.



■ Ghi Bằng Tay

Để kích hoạt ghi nhớ giọng nói bằng tay, chọn **Ghi nhớ giọng nói** cho Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút Fn3** (📖 346, 351) và chọn **Chỉ bằng tay** cho **Tùy chọn ghi nhớ giọng nói** > **Ghi nhớ giọng nói** trong menu cài đặt (📖 382). Sau đó, bạn có thể nhấn và giữ nút **Fn3** tại bất kỳ thời điểm nào để ghi ghi nhớ giọng nói và thêm nó vào ảnh gần nhất (lưu ý rằng không ghi được ghi nhớ giọng nói nếu nút không được nhấn xuống ít nhất một giây).



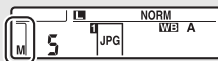
Nút Fn3

🔧 Ghi nhớ bằng giọng nói

Tùy chọn được chọn cho **Ghi nhớ giọng nói** được chỉ báo bằng biểu tượng trong bảng điều khiển phía sau.



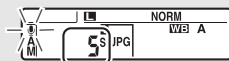
Bật (Tự động và bằng tay)



Chỉ bằng tay

🔧 Đang Khi Ghi

Đang khi ghi, biểu tượng 🗣️ trong bảng điều khiển phía sau sẽ nhấp. Đồng hồ đếm ngược trong bảng điều khiển phía sau cho thấy độ dài của ghi nhớ giọng nói có thể được ghi lại (tính bằng giây).



Bảng điều khiển phía sau

Khe 2

Nếu hai thẻ nhớ được lắp và **Dự phòng** hoặc **Khe 1 RAW - Khe 2 JPEG** được chọn cho tùy chọn **Vai trò của thẻ trong Khe 2** (📖 97) trong menu chụp ảnh, ghi chú bằng giọng nói sẽ được liên kết với ảnh được ghi vào thẻ nhớ trong khe 1.

Dừng Ghi

Nhấn nút nhả cửa trập hoặc thao tác các điều khiển máy ảnh khác có thể kết thúc việc ghi. Trong chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian, việc ghi tự động kết thúc khoảng hai giây trước khi ảnh tiếp theo được chụp. Việc ghi cũng có thể tự động kết thúc khi máy ảnh tắt.

Sau Khi Ghi

Nếu một ghi nhớ bằng giọng nói đã được ghi cho ảnh gần nhất, biểu tượng 🗣️ sẽ được hiển thị thị trong bảng điều khiển phía sau.



Bảng điều khiển phía

Nếu đã có một ghi nhớ giọng nói cho ảnh hiện được chọn trong chế độ phát lại thì biểu tượng 📺 sẽ hiển thị trong màn hình.



Tên Tập Tin Ghi Nhớ Giọng Nói

Các ghi nhớ giọng nói được lưu trữ dưới dạng file WAV có kiểu tên "xxxxnnnn.WAV," với "xxxxnnnn" là tên tập tin được sao chép từ ảnh có ghi nhớ bằng giọng nói (📖 314). Ví dụ, ghi nhớ bằng giọng nói cho ảnh "DSC_0002.JPG" có tên tập tin là "DSC_0002.WAV." Có thể xem tên tập tin ghi nhớ bằng giọng nói trên máy tính.

Xem Thêm

Mục **Tùy chọn ghi nhớ giọng nói** > **Ghi đề ghi nhớ giọng nói** trong menu cài đặt điều khiển việc ghi đề ghi chú vào ảnh gần nhất trong chế độ chụp (📖 382). Mục **Tùy chọn ghi nhớ giọng nói** > **Điều khiển ghi nhớ giọng nói** có các tùy chọn cho việc ghi bằng tay (📖 383).



Mở Ghi Nhớ Giọng Nói

Để mở ghi nhớ bằng giọng nói, nhấn **i** và chọn **Phát ghi nhớ giọng nói** khi xem ảnh có đánh dấu biểu tượng  (📖 248).



Nút Fn3

Nếu **Ghi nhớ giọng nói** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) > **Nút Fn3** (📖 346, 351), bạn có thể nhấn nút **Fn3** để bắt đầu và ngừng phát ghi nhớ bằng giọng nói.

Xóa ghi nhớ bằng giọng nói

Để xóa các ghi nhớ bằng giọng nói khỏi ảnh, hiển thị ảnh khuôn hình đầy hoặc chọn nó trong hiển thị hình thu nhỏ và nhấn nút  (FORMAT), sau đó làm nổi bật **Hình ảnh được chọn** và nhấn lại vào  (FORMAT) để hiển thị các tùy chọn sau:



- **Hình ảnh/âm thanh:** Chọn tùy chọn này và nhấn nút  (FORMAT) để xóa cả ảnh và ghi nhớ bằng giọng nói.
- **Chỉ âm thanh:** Chọn tùy chọn này và nhấn nút  (FORMAT) để chỉ xóa ghi nhớ bằng giọng nói.

Để thoát mà không xóa ghi nhớ bằng giọng nói hoặc ảnh, nhấn .

Dừng Phát Lại

Nhấn nút nhả cửa trập hoặc thao tác các điều khiển máy ảnh khác có thể kết thúc việc phát lại. Phát lại tự động kết thúc khi ảnh khác được chọn hoặc máy ảnh tắt.

Xem Thêm

Có thể sử dụng tùy chọn **Tùy chọn ghi nhớ giọng nói** > **Đầu ra audio** trong menu cài đặt để chọn thiết bị phát lại ghi nhớ bằng giọng nói (📖 383).



Kết nối

Cài đặt ViewNX-i

Để chỉnh ảnh, tải lên và xem ảnh, hãy tải về bản cài đặt ViewNX-i mới nhất từ trang web sau đây và làm theo hướng dẫn trên màn hình để hoàn thành cài đặt. Cần có kết nối Internet. Đối với các yêu cầu hệ thống và các thông tin khác, hãy xem trang web của Nikon cho khu vực của bạn.

<http://downloadcenter.nikonimglib.com/>



Capture NX-D

Sử dụng phần mềm Capture NX-D của Nikon để chỉnh sửa hình ảnh hoặc thay đổi các cài đặt cho ảnh NEF (RAW) và lưu ở các định dạng khác. Có thể tải về Capture NX-D về từ:

<http://downloadcenter.nikonimglib.com/>

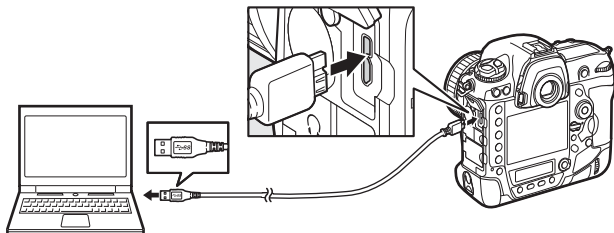


Sao Chép Ảnh vào Máy Tính

Trước khi tiếp tục, hãy chắc chắn bạn đã cài đặt ViewNX-i (☞ 277).

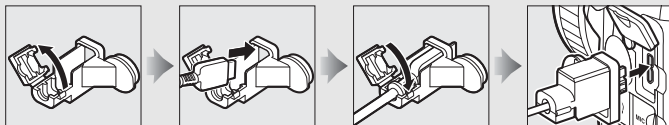
1 Kết nối cáp USB.

Sau khi tắt máy ảnh và đảm bảo đã lắp thẻ nhớ trong máy, kết nối cáp USB kèm theo như hình vẽ và sau đó bật máy ảnh.



✓ Kẹp cáp USB

Để cáp khỏi bị ngắt kết nối, lắp kẹp đi kèm như hình minh họa.



✓ Cục Chia USB

Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy tính; không kết nối cáp qua cục chia USB hay qua bàn phím.

✍ Sử Dụng Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Để đảm bảo việc truyền dữ liệu không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin sạc máy ảnh đã được sạc đầy.

✍ Cáp Kết Nối

Hãy chắc là máy ảnh đã tắt khi kết nối hoặc ngắt kết nối với cáp khớp nối. Không sử dụng lực hoặc cố gắng để lắp các đầu nối ở góc nghiêng.



2 Bắt đầu thành phần Nikon Transfer 2 của ViewNX-i.

Nếu thông báo nhắc bạn chọn chương trình được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2.

✓ Trong Lúc Truyền

Không tắt máy ảnh hoặc ngắt kết nối cáp USB trong quá trình truyền dữ liệu.

✍ Windows 7

Nếu hội thoại sau đây được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2 như được mô tả bên dưới.

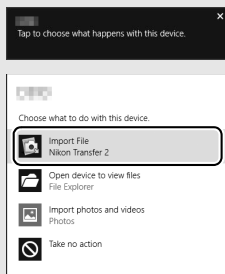
1 Dưới **Import pictures and videos (Nhập hình ảnh và video)**, nhấp vào **Change program (Thay đổi chương trình)**. Một hội thoại lựa chọn chương trình sẽ được hiển thị; chọn Nikon Transfer 2 và nhấp vào **OK**.



2 Nhấp đúp vào .

✍ Windows 10 và Windows 8.1

Windows 10 và Windows 8.1 có thể hiển thị nhắc AutoPlay khi máy ảnh được kết nối. Gỡ hoặc nhấp vào hộp thoại và sau đó gỡ hoặc nhấp **Import File/Nikon Transfer 2 (Nhập tệp tin/Nikon Transfer 2)** để chọn Nikon Transfer 2.



✍ OS X

Nếu Nikon Transfer 2 không bắt đầu tự động, xác nhận rằng máy ảnh đã được kết nối sau đó khởi chạy Image Capture (ứng dụng đi kèm với OS X) và chọn Nikon Transfer 2 làm ứng dụng được mở ra khi phát hiện máy ảnh.



3 Nhấp vào **Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)**. Ảnh trên thẻ nhớ sẽ được sao chép sang máy tính.



Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)

4 Chấm dứt kết nối. Khi chuyển giao hoàn tất, bật máy ảnh và ngắt kết nối cáp USB.



Để Biết Thêm Thông Tin

Tham khảo trợ giúp trực tuyến để biết thêm thông tin về việc sử dụng ViewNX-i.

Ethernet và Mạng Không Dây

Có thể kết nối máy ảnh này với mạng Ethernet hoặc mạng không dây bằng cách sử dụng cổng Ethernet tích hợp hoặc bộ phát không dây WT-6 hoặc WT-5 tùy chọn (□ 427). Lưu ý rằng cần có cáp Ethernet (bán riêng bên ngoài) để có kết nối Ethernet.

■ Chọn Chế Độ

Có các phương thức sau đây khi máy ảnh được kết nối với mạng bằng cách sử dụng cổng Ethernet tích hợp và bộ phát không dây WT-6 hoặc WT-5 tùy chọn:

Chế độ	Chức năng
Tải lên FTP	Tải lên hình ảnh và phim hiện có vào máy tính hoặc máy chủ ftp, hoặc tải lên hình ảnh mới khi được chụp.
Truyền hình ảnh	
Điều khiển máy ảnh	Kiểm soát máy ảnh với phần mềm Camera Control Pro 2 tùy chọn và lưu ảnh, phim mới trực tiếp vào máy tính.
Máy chủ HTTP	Xem và chụp ảnh từ xa bằng cách sử dụng máy tính được trang bị trình duyệt hoặc thiết bị thông minh.
Nhả đồng bộ (chỉ không dây)	Đồng bộ nhả cửa trập cho nhiều máy ảnh từ xa với một máy ảnh chính.

Để biết thêm thông tin, xem *Hướng dẫn mạng*. Để biết thông tin về việc sử dụng bộ phát không dây tùy chọn, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng được cung cấp với thiết bị. Chắc chắn phải cập nhật mọi phần mềm liên quan lên phiên bản mới nhất.



Trong Lúc Truyền

Không thể ghi hoặc phát lại phim trong chế độ chuyển hình ảnh ("chế độ chuyển hình ảnh" được áp dụng khi ảnh được chuyển qua mạng Ethernet hay mạng không dây và khi ảnh vẫn được gửi đi). Chụp ảnh xem trực tiếp không có sẵn trong khi chuyển nếu **Bật** được chọn cho **Chụp ảnh xem trực tiếp im lặng** trong menu chụp ảnh.

Phim

Phim có thể được tải lên trong chế độ truyền nếu máy ảnh được kết nối với mạng Ethernet hay mạng không dây và **Gửi tự động** hoặc **Gửi thư mục** không được chọn cho **Mạng > Tùy chọn**.

Chế Độ Máy Chủ HTTP

Máy ảnh không thể được sử dụng để ghi hoặc xem phim ở chế độ máy chủ http, trong khi chụp ảnh xem trực tiếp không có sẵn nếu **Bật** được chọn cho **Chụp xem trực tiếp im lặng** trong menu chụp ảnh.

Bộ Phát Không Dây

Sự khác biệt chính giữa WT-6 và WT-6A/B/C và WT-5 và WT-5A/B/C/D là về số lượng các kênh hỗ trợ; trừ khi có quy định khác, tất cả các tham khảo cho WT-6 cũng áp dụng cho WT-6A/B/C, trong khi tất cả các tham khảo cho các WT-5 cũng áp dụng cho WT-5A/B/C/D.

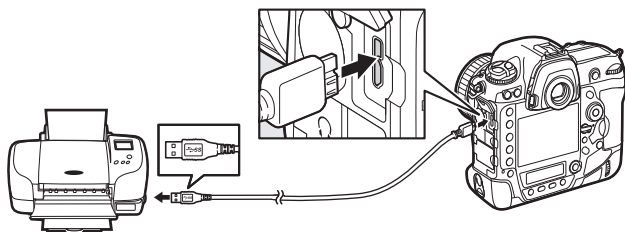


In ảnh

Các ảnh JPEG được chọn có thể được in trên máy in PictBridge (□ 472) được kết nối trực tiếp với máy ảnh.

Kết Nối tới Máy In

Kết nối máy ảnh bằng cách sử dụng cáp USB đi kèm. Không sử dụng lực hoặc cố gắng để lắp các đầu nối ở góc nghiêng.



Khi máy ảnh và máy in được bật, màn hình khởi động máy sẽ hiện lên trong màn hình, theo sau là hiển thị phát lại PictBridge.

Chọn Ảnh Để In

Không thể chọn ảnh được tạo ra ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF (RAW) hoặc TIFF (RGB) (□ 92) để in. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **Xử lý NEF (RAW)** trong menu sửa lại (□ 395).

In Qua Kết Nối USB Trực Tiếp

Hãy chắc chắn rằng pin đã được sạc đầy hoặc sử dụng bộ đổi điện AC tùy chọn và đầu nối nguồn. Khi chụp ảnh để in thông qua kết nối trực tiếp USB, cài đặt **Không gian màu về sRGB** (□ 315).

Xem Thêm

Xem trang 459 để có thêm thông tin về việc cần phải làm gì khi lỗi xuất hiện trong quá trình in.



In Từng Ảnh Một

1 Hiện thị ảnh mong muốn.

Nhấn  hoặc  để xem thêm ảnh. Nhấn nút  để phóng to trên khuôn hình hiện tại ( 263, nhấn nút  để thoát khỏi chế độ thu phóng). Để xem sáu ảnh cùng lúc, nhấn nút  (). Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật các bức ảnh, hoặc nhấn nút  để hiển thị khuôn hình đầy bức ảnh được làm nổi bật. Để xem hình ảnh ở các địa điểm khác, nhấn  () khi hình thu nhỏ được hiển thị và chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả trên trang 249.

2 Điều chỉnh tùy chọn in.

Nhấn  để hiển thị các mục sau, sau đó nhấn  hoặc  để làm nổi bật mục và nhấn  để xem tùy chọn (chỉ tùy chọn được cung cấp bởi máy in hiện tại được liệt kê; để sử dụng tùy chọn mặc định, chọn **Máy in mặc định**). Sau đó chọn một tùy chọn, nhấn  để quay lại menu cài đặt máy in.

Tùy chọn	Mô tả
Cỡ trang	Chọn kích cỡ trang.
Số bản	Tùy chọn này chỉ được liệt kê khi in từng ảnh một. Nhấn  hoặc  để lựa chọn số lượng bản sao (tối đa 99).
Đường viền	Chọn tạo khuôn hình ảnh viền trắng.
In ngày	Chọn để in thời gian và ngày tháng ghi trên hình ảnh.
Xén	Tùy chọn này chỉ được liệt kê khi in từng ảnh một. Để thoát mà không xén, làm nổi bật Không xén và nhấn  . Để xén ảnh hiện tại, làm nổi bật Xén và nhấn  . Hộp thoại lựa chọn xén sẽ được hiển thị; nhấn  để tăng kích thước xén,  để giảm, và sử dụng đa bộ chọn để định vị vị trí xén. Lưu ý rằng chất lượng in có thể giảm xuống nếu hình xén nhỏ được in ở kích thước lớn.



3 Bắt đầu in.

Lựa chọn **Bắt đầu in** và nhấn **OK** để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tắt cả các bản sao được in, nhấn **OK**.

In Nhiều Ảnh

1 Hiện thị menu PictBridge.

Nhấn nút **MENU** trong màn hình phát lại PictBridge.

2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật một trong những tùy chọn sau và nhấn **OK**.

- **Chọn in:** Chọn hình ảnh để in. Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ảnh (để xem ảnh ở các địa điểm khác, nhấn **Q** và chọn thẻ mong muốn và thư mục như mô tả trên trang 249; để hiển thị ảnh toàn màn hình hiện tại, nhấn và giữ nút **Q**, và nhấn giữ **OK** (**EX**/?), nhấn **OK** hoặc **OK** để chọn số bản in (tối đa 99). Để bỏ chọn một hình ảnh, thiết lập số lượng bản in là không.
- **Bản in danh mục:** Để tạo bản in danh mục của tất cả các ảnh JPEG trên thẻ nhớ, sang Bước 3. Lưu ý rằng nếu thẻ nhớ chứa nhiều hơn 256 ảnh, chỉ có 256 ảnh đầu tiên sẽ được in. Một cảnh báo sẽ được hiển thị nếu kích thước trang được lựa chọn ở Bước 3 là quá nhỏ cho một bản in danh mục.

3 Điều chỉnh tùy chọn in.

Điều chỉnh cài đặt máy in như được mô tả trong Bước 2 trên trang 284.

4 Bắt đầu in.

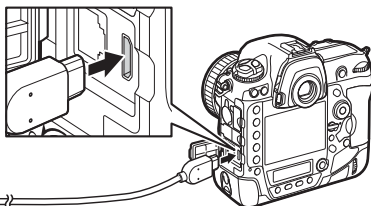
Lựa chọn **Bắt đầu in** và nhấn **OK** để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tắt cả các bản sao được in, nhấn **OK**.



Xem Ảnh Trên TV

Cáp High-Definition Multimedia Interface tùy chọn (□ 429) hoặc cáp HDMI loại C (do các nhà cung cấp bên thứ ba bán riêng) có thể được dùng để kết nối máy ảnh tới các thiết bị video độ nét cao. Luôn tắt máy ảnh trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI.

Kết nối với thiết bị có độ nét cao (chọn cáp kết nối cho thiết bị HDMI)

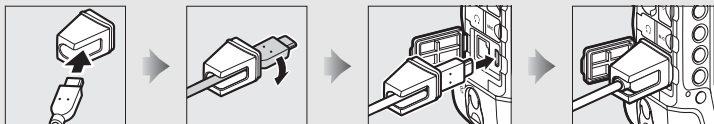


Kết nối với máy ảnh

Chỉnh thiết bị sang kênh HDMI, sau đó bật máy ảnh và nhấn nút . Trong khi phát lại, hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình TV. Có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách sử dụng điều khiển của TV, không sử dụng được điều khiển của máy ảnh.

Kẹp Cáp HDMI

Khi sử dụng cáp HDMI Nikon tùy chọn, gắn kẹp đi kèm như minh họa để tránh bị mất kết nối đột ngột. Không sử dụng kẹp cáp với các loại cáp không phải của Nikon.

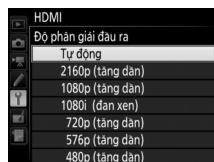


Tùy Chọn HDMI

Tùy chọn **HDMI** trong menu cài đặt (□ 367) kiểm soát độ phân giải đầu ra và các tùy chọn HDMI nâng cao khác.

■ Độ phân giải đầu ra

Chọn định dạng cho ảnh đầu ra ở thiết bị HDMI. Nếu **Tự động** được chọn, máy ảnh sẽ tự động chọn định dạng thích hợp.



■ Nâng cao

Tùy chọn	Mô tả
Phạm vi đầu ra	Tự động được khuyến dùng trong hầu hết các tình huống. Nếu máy ảnh không thể xác định phạm vi đầu ra tín hiệu video RGB chính xác cho thiết bị HDMI thì bạn có thể chọn từ các tùy chọn sau đây: • Phạm vi giới hạn: Dành cho các thiết bị có tín hiệu đầu vào video RGB ở khoảng từ 16 đến 235. Chọn tùy chọn này nếu bạn nhận thấy mất chi tiết trong phần bóng. • Phạm vi đầy đủ: Dành cho các thiết bị có tín hiệu đầu vào video RGB ở khoảng từ 0 đến 255. Chọn tùy chọn này nếu bóng bị “mờ hết” hoặc quá sáng.
Kích thước hiển thị đầu ra	Chọn tấm phủ khuôn hình ngang và dọc cho đầu ra HDMI từ 95% hoặc 100%.
H.thị trên m.hình xem trực tiếp	Nếu Tắt được chọn khi máy ảnh được kết nối với thiết bị HDMI, thông tin chụp sẽ không được hiển thị trong màn hình khi chụp ảnh xem trực tiếp.
Màn hình kép	Chọn Bật để phản chiếu hiển thị HDMI trên màn hình máy ảnh, Tắt để tắt màn hình máy ảnh để tiết kiệm điện. Màn hình kép tự động bật khi H.thị trên m.hình xem trực tiếp là Tắt .



Phát Lại Trên TV

Nên sử dụng bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn (bán riêng) khi phát lại lâu dài. Nếu không xem thấy các mép ảnh trong màn hình hiển thị TV, chọn **95%** cho **HDMI > Nâng cao > Kích thước hiển thị đầu ra** (📖 287).

Tùy chọn ghi nhớ giọng nói > Đầu ra audio (📖 383)

Đặt **HDMI** để phát lại các ghi nhớ bằng giọng nói trên thiết bị HDMI.

Trình Chiếu

Tùy chọn **Trình chiếu** trong menu phát lại có thể được sử dụng để phát lại tự động (📖 307).

HDMI và Xem Trực Tiếp

Khi máy ảnh được kết nối qua cáp HDMI, có thể sử dụng màn hình hiển thị HDMI để xem ảnh trực tiếp và ghi phim (📖 55, 68).

Sử Dụng Thiết Bị Ghi Của Bên Thứ Ba

Các thiết lập sau đây được khuyên dùng khi sử dụng máy ghi của bên thứ ba:

- **HDMI > Nâng cao > Kích thước hiển thị đầu ra: 100%**
- **HDMI > Nâng cao > H.thị trên m.hình xem trực tiếp: Tắt**



Hướng Dẫn Menu

Mặc Định

Cài đặt mặc định cho các tùy chọn trong menu máy ảnh được nêu phía dưới. Để biết thông tin về việc khôi phục cài đặt mặc định, xem các phần thực hiện đặt lại hai nút (☐ 224) và đặt ảnh chụp ảnh, ghi phim, Cài Đặt Tùy Chọn và menu cài đặt (☐ 311, 319, 325, 391).

■ ■ Mặc Định Menu Phát Lại

Tùy chọn	Mặc định
Thư mục phát lại (☐ 299)	Tất cả
Xem lại hình ảnh (☐ 304)	Tắt
Sau khi xóa (☐ 305)	Hiện tiếp theo
Sau khi chụp liên tiếp, hiển thị (☐ 305)	Hình ảnh cuối được chụp liên tiếp
Xoay hình ảnh tự động (☐ 306)	Bật
Xoay dọc (☐ 306)	Bật
Trình chiếu (☐ 307)	
Loại hình ảnh (☐ 307)	Hình ảnh tĩnh và phim
Quăng khuôn hình (☐ 307)	2 s
Phát lại audio (☐ 308)	Tắt

Menu Ghi Phim Mặc Định

Tùy chọn	Mặc định
Tập hợp menu ảnh mở rộng (📖 311)	Tắt
Thư mục lưu trữ (📖 312)	
Đổi tên	NC_D5
Chọn thư mục theo số	100
Đặt tên tệp (📖 314)	DSC
Vai trò của thẻ trong Khe 2 (📖 97)	Tràn bộ nhớ
Điều khiển đèn nháy	
Chế độ điều khiển đèn nháy (📖 197)	TTL
Tùy chọn đèn nháy không dây (📖 204)	Tắt
Điều khiển đèn nháy từ xa (📖 209)	Đèn nháy nhóm
Vùng hình ảnh (📖 87)	
Chọn vùng hình ảnh (📖 88, 90)	FX (36 × 24) 1.0×
Xén DX tự động (📖 88)	Bật
Chất lượng hình ảnh (📖 92)	JPEG bình thường
Kích cỡ hình ảnh (📖 95)	
JPEG/TIFF (📖 96)	Lớn
NEF (RAW) (📖 96)	Lớn
Ghi NEF (RAW)	
Nén NEF (RAW) (📖 94)	Được nén không mất
NEF (RAW) độ sâu bit (📖 94)	14 bit
Cài đặt độ nhạy ISO (📖 124)	
Độ nhạy ISO (📖 124)	100
Điều khiển tự động độ nhạy ISO (📖 126)	Tắt
Cân bằng trắng (📖 159)	Tự động > AUTO0 Giữ màu trắng (giảm các màu ấm)
Tính chỉnh (📖 162)	A-B: 0, G-M: 0
Chọn nhiệt độ màu (📖 165)	5000 K
Thiết lập sẵn bằng tay (📖 168)	d-1



Tùy chọn	Mặc định
Đặt Picture Control (📖 179)	Tiêu chuẩn
Không gian màu (📖 315)	sRGB
D-Lighting hoạt động (📖 187)	Tắt
Giảm nhiễu phơi sáng lâu (📖 315)	Tắt
Giảm nhiễu ISO cao (📖 316)	Bình thường
Điều chỉnh họa tiết (📖 316)	Bình thường
Điều khiển biến dạng tự động (📖 317)	Tắt
Giảm nhấp nháy (📖 227)	
Cài đặt giảm nhấp nháy	Tắt
Chỉ báo giảm nhấp nháy	Bật
Bộ chụp bù trừ tự động (📖 146)	AE & đèn nháy
Đa phơi sáng (📖 229) *	
Chế độ đa phơi sáng (📖 230)	Tắt
Số lượng ảnh (📖 231)	2
Chế độ lớp phủ (📖 232)	Trung bình
HDR (dải nhạy sáng cao) (📖 189)	
Chế độ HDR (📖 190)	Tắt
Độ lệch phơi sáng (📖 191)	Tự động
Làm mượt (📖 191)	Bình thường
Chụp hẹn giờ quãng thời gian (📖 236)	
Tùy chọn bắt đầu (📖 237)	Ngay bây giờ
Quãng thời gian (📖 237)	1 phút
Số quăng t.gian x số ảnh/quăng t.gian (📖 238)	0001 × 1
Phơi sáng đồng đều (📖 238)	Tắt
Chụp xem trực tiếp im lặng (📖 54)	Tắt

* Đặt lại menu chụp ảnh không có sẵn trong khi đang chụp.



Menu Ghi Phim Mặc Định

Tùy chọn	Mặc định
Đặt tên tệp (📄 319)	DSC
Đích (📄 319)	Khe 1
Vùng hình ảnh (📄 70)	
Chọn vùng hình ảnh (📄 70)	FX
Xén DX tự động (📄 70)	Bật
Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình (📄 67)	1920 × 1080, 60p
Chất lượng phim (📄 67)	Chất lượng cao
Cài đặt độ nhạy ISO phim (📄 320)	
Độ nhạy ISO (chế độ M) (📄 320)	100
Đ. chỉnh ISO tự động (c. độ M) (📄 320)	Tắt
Độ nhạy tối đa (📄 320)	102400
Cân bằng trắng (📄 320)	Giống như cài đặt ảnh
Tinh chỉnh (📄 162)	A-B: 0, G-M: 0
Chọn nhiệt độ màu (📄 165)	5000 K
Thiết lập sẵn bằng tay (📄 168)	d-1
Đặt Picture Control (📄 321)	Giống như cài đặt ảnh
Độ nhạy micrô (📄 321)	Độ nhạy tự động
Đáp tuyến tần số (📄 321)	Dải rộng
Giảm nhiễu do gió (📄 322)	Tắt
Giảm nhiễu ISO cao (📄 322)	Bình thường
Phim theo quảng thời gian (📄 74)	Tắt
Quảng thời gian (📄 75)	5 giây
Thời gian chụp (📄 75)	25 phút
Phơi sáng đồng đều (📄 76)	Bật
Giảm nhấp nháy (📄 322)	Tự động
Chống rung điện tử (📄 322)	Tắt

■ ■ Mặc Định của Menu Cài Đặt Tùy Chọn

	Tùy chọn	Mặc định
a1	Chọn ưu tiên AF-C (📖 327)	Nhả
a2	Chọn ưu tiên AF-S (📖 328)	Lấy nét
a3	Theo dõi lấy nét với khóa bật (📖 328)	
	P/ứ l.nét tở chụp bị che (📖 328)	3
	Chuyển động của đối tượng (📖 329)	(Bình thường)
a4	Dò tìm khuôn mặt theo dõi 3D (📖 329)	Tắt
a5	Vùng xem theo dõi 3D (📖 329)	Bình thường
a6	Số điểm lấy nét (📖 329)	55 điểm
a7	Lưu trữ theo hướng (📖 330)	Tắt
a8	Kích hoạt AF (📖 331)	Cửa trập/AF-ON
	Nhả ngoài lấy nét	Bật
a10	Hạn chế chế độ lấy nét tự động (📖 332)	Không hạn chế
a11	Viền quanh điểm lấy nét (📖 332)	Không viền
a12	Tùy chọn điểm lấy nét (📖 333)	
	Chế độ lấy nét bằng tay	Bật
	Độ sáng điểm lấy nét	Bình thường
	Trợ giúp AF vùng động	Bật
b1	Giá trị bước độ nhạy ISO (📖 333)	1/3 bước
b2	Bước EV cho đ.khiển phơi sáng (📖 333)	1/3 bước
b3	G.trị bước bù ph.sáng/bù đ.nháy (📖 333)	1/3 bước
b4	Bù phơi sáng dễ dàng (📖 334)	Tắt
b5	Đo sáng ma trận (📖 335)	Dò tìm khuôn mặt bật
b6	Vùng ưu tiên trung tâm (📖 335)	Ø 12 mm
b7	Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu (📖 335)	
	Đo sáng ma trận	0
	Đo sáng cân bằng trung tâm	0
	Đo sáng điểm	0
	Đo sáng ưu tiên vùng sáng	0



	Tùy chọn	Mặc định
c1	Nút nhả cửa trập AE-L (📖 336)	Tắt
c2	Hẹn giờ chờ (📖 336)	6 s
c3	Tự hẹn giờ (📖 337)	
	Độ trễ tự hẹn giờ	10 s
	Số lượng ảnh	1
	Quãng thời gian giữa các ảnh	0,5 s
c4	Độ trễ tắt màn hình (📖 337)	
	Phát lại	10 s
	Menu	1 phút
	Hiển thị thông tin	10 s
	Xem lại hình ảnh	4 s
	Xem trực tiếp	10 phút
d1	Tốc độ chụp liên tục (📖 338)	
	Tốc độ cao liên tục	12 fps
	Tốc độ thấp liên tục	5 fps
d2	Nhả liên tục tối đa (📖 338)	200
d4	Tùy chọn chế độ nhả đồng bộ (📖 339)	Đồng bộ
d5	Chế độ trễ phơi sáng (📖 339)	Tắt
d6	Cửa trập màn trước điện tử (📖 340)	Tắt
d7	Chuỗi số tệp (📖 340)	Bật
d8	Hiển thị lưới kính ngắm (📖 341)	Tắt
d9	Chiếu sáng LCD (📖 342)	Tắt
e1	Tốc độ đồng bộ đèn nháy (📖 343)	1/250 s
e2	Tốc độ cửa trập đèn nháy (📖 344)	1/60 s
e3	Bù phơi sáng cho đèn nháy (📖 344)	Toàn bộ khuôn hình
e4	Đ.khiển t.động độ nhạy ISO ⚡ (📖 344)	Đối tượng và hậu cảnh
e5	Đèn nháy tạo mô hình (📖 345)	Bật
e6	Chụp bù trừ tự động (chế độ M) (📖 345)	Đèn nháy/tốc độ
e7	Thứ tự chụp bù trừ (📖 345)	MTR > dưới > quá

Tùy chọn		Mặc định
f1	Chỉ định điều khiển tùy chọn (ⓘ 346)	
	Nút xem trước (ⓘ 346)	Xem trước
	Nút xem trước +  (ⓘ 353)	Không có
	Nút Fn1 (ⓘ 346)	Không có
	Nút Fn1 +  (ⓘ 353)	Chọn vùng hình ảnh
	Nút Fn2 (ⓘ 346)	Xem trước
	Nút Fn2 +  (ⓘ 353)	Không có
	Nút Fn để chụp thẳng đứng (ⓘ 346)	Khóa AE (Đặt lại khi nhả)
	Nút Fn để chụp thẳng đứng +  (ⓘ 353)	Không có
	Nút Fn3 (ⓘ 346)	Kết nối với mạng
	Nút AF-ON (ⓘ 346)	AF-ON
	Bộ chọn phụ (ⓘ 356)	Chọn điểm lấy nét
	Trung tâm bộ chọn phụ (ⓘ 346)	Khóa AE/AF
	Trung tâm bộ chọn phụ +  (ⓘ 353)	Không có
	Nút AF-ON để chụp thẳng đứng (ⓘ 346)	Giống như nút AF-ON
	Đa bộ chọn để chụp thẳng đứng (ⓘ 356)	Giống như đa bộ chọn
	Thông tin ảnh/phát lại	Thông tin  /phát lại 
	Nút BKT +  (ⓘ 353)	Chụp bù trừ tự động
	Nút ghi phim +  (ⓘ 353)	Không có
	Nút chức năng lấy nét của thấu kính (ⓘ 347)	Chỉ khóa AF
f2	Nút trung tâm đa bộ chọn (ⓘ 357)	
	Chế độ chụp (ⓘ 357)	Chọn điểm lấy nét trung tâm
	Chế độ phát lại (ⓘ 358)	Bật/tắt thu phóng
	Bật/tắt thu phóng	Độ phóng đại thấp (50%)
	Xem trực tiếp (ⓘ 358)	Chọn điểm lấy nét trung tâm
f3	T.độ c.trập & khóa độ mở ố.kính (ⓘ 358)	
	Khóa tốc độ cửa trập	Tắt
	Khóa độ mở ống kính	Tắt

Tùy chọn		Mặc định
f4	Tùy chọn đĩa lệnh (⏏ 359)	
	Xoay ngược (⏏ 359)	Bù phơi sáng: ☐ Tốc độ cửa trập/độ mở ống kính: ☐
	Thay đổi chính/phụ (⏏ 359)	Cài đặt phơi sáng: Tắt Cài đặt lấy nét tự động: Tắt
	Cài đặt độ mở ống kính (⏏ 360)	Đĩa lệnh phụ
	Menu và phát lại (⏏ 360)	Tắt
	Tiến khuôn hình đĩa lệnh phụ (⏏ 360)	10 khuôn hình
f5	Đa bộ chọn (⏏ 361)	Không làm gì
f6	Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh (⏏ 361)	Không
f7	Đảo ngược các chỉ báo (⏏ 361)	
f8	Tùy chọn nút xem trực tiếp (⏏ 361)	Bật
f9	Công tắc (⏏ 362)	Chiếu sáng nền LCD ()
g1	Chỉ định điều khiển tùy chọn (⏏ 362)	
	Nút xem trước (⏏ 362)	Đánh dấu danh mục
	Nút xem trước + (⏏ 366)	Không có
	Nút Fn1 (⏏ 362)	Không có
	Nút Fn1 + (⏏ 366)	Không có
	Nút Fn2 (⏏ 362)	Không có
	Nút Fn2 + (⏏ 366)	Không có
	Nút Fn3 (⏏ 362)	Không có
	Trung tâm bộ chọn phụ (⏏ 362)	Khóa AE/AF
	Trung tâm bộ chọn phụ + (⏏ 366)	Không có
	Nút nhả cửa trập (⏏ 362)	Chụp ảnh

■ ■ Mặc Định Menu Cài Đặt

Tùy chọn	Mặc định
Múi giờ và ngày (⏏ 369)	
Thời gian t.kiểm á.sáng ban ngày	Tắt
Độ sáng màn hình (⏏ 369)	
Menu/phát lại	0
Xem trực tiếp	0



Tùy chọn	Mặc định
Cân bằng màu màn hình (⌘ 370)	A-B: 0, G-M: 0
Hiển thị thông tin (⌘ 372)	Tự động
Làm sạch cảm biến hình ảnh (⌘ 435)	
Làm sạch khi khởi động/tắt (⌘ 436)	Làm sạch khi khởi động & tắt
Tùy chọn ghi nhớ giọng nói (⌘ 382)	
Ghi nhớ giọng nói (⌘ 382)	Tắt
Ghi đè ghi nhớ giọng nói (⌘ 382)	Tắt
Điều khiển ghi nhớ giọng nói (⌘ 383)	Nhấn và giữ
Đầu ra audio (⌘ 383)	Loa/tai nghe
Bíp (⌘ 384)	
Âm lượng	Tắt
Độ cao thấp	Thấp
Điều khiển chạm (⌘ 384)	
Bật/tắt điều khiển chạm	Bật
Phím phát lại khuôn hình đầy	Trái → Phải
HDMI (⌘ 287)	
Độ phân giải đầu ra	Tự động
Nâng cao	
Phạm vi đầu ra	Tự động
Kích thước hiển thị đầu ra	100%
H.thị trên m.hình xem trực tiếp	Tắt
Màn hình kép	Bật
Dữ liệu vị trí (⌘ 247)	
Hẹn giờ chờ	Bật
Sd vệ tinh để đặt đồng hồ	Có
Tùy chọn từ xa không dây (WR) (⌘ 385)	
Đèn LED	Bật
Chế độ liên kết	Ghép cặp
Chỉ định cho nút Fn đkh t.xa (WR) (⌘ 386)	Không có
Khóa nhà khe trống (⌘ 387)	Cho phép nhà



Menu Phát Lại: *Quản Lý Hình Ảnh*

Để hiển thị menu phát lại, nhấn **MENU** và chọn tab  (menu phát lại).

Nút MENU



Tùy chọn	
Xóa	270
Thư mục phát lại	299
Ấn hình ảnh	299
Tùy chọn hiển thị phát lại	300
Sao chép (các) hình ảnh	301
Xem lại hình ảnh	304

Tùy chọn	
Sau khi xóa	305
Sau khi chụp liên tiếp, hiển thị	305
Xoay hình ảnh tự động	306
Xoay dọc	306
Trình chiếu	307

Xem Thêm

Menu mặc định được liệt kê trên trang 289.

Chọn một thư mục để phát lại (📖 248).

Tùy chọn	Mô tả
(Tên thư mục)	Hình ảnh trong tất cả các thư mục được tạo ra với D5 sẽ được hiển thị trong khi phát lại. Có thể đổi tên các thư mục bằng cách sử dụng tùy chọn Thư mục lưu trữ > Đổi tên trong menu chụp ảnh.
Tất cả	Hình ảnh trong tất cả các thư mục sẽ hiển thị trong khi phát lại.
Hiện tại	Chỉ các hình ảnh trong thư mục hiện tại sẽ được hiển thị trong khi phát lại.

Ảnh hình ảnh

Ảnh hoặc hiện ảnh được lựa chọn như mô tả dưới đây. Hình ảnh ảnh chỉ có thể nhìn thấy trong menu **Ảnh hình ảnh** và chỉ có thể xóa được bằng cách định dạng thẻ nhớ.

☒ Hình Ảnh Được Bảo Vệ và Ảnh Ẩn

Việc hiện một hình ảnh được bảo vệ cũng sẽ loại bỏ bảo vệ của hình ảnh đó.

1 Chọn Chọn/đặt.

Làm nổi bật **Chọn/đặt** và nhấn (để bỏ qua các bước còn lại và hiện tất cả ảnh, làm nổi bật **Bỏ chọn tất cả** và nhấn).



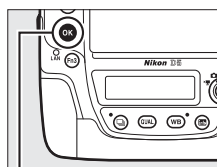
2 Chọn ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua các ảnh trên thẻ nhớ (để xem ảnh được làm nổi bật toàn màn hình, nhấn và giữ nút **OK**) và nhấn vào giữa đa bộ chọn để chọn ảnh hiện hành. Ảnh được lựa chọn được đánh dấu bằng biểu tượng  để bỏ chọn ảnh, làm nổi bật và nhấn trung tâm đa bộ chọn một lần nữa. Tiếp tục chọn đến khi toàn bộ ảnh mong muốn đã được chọn.



3 Nhấn **OK**.

Nhấn **OK** để hoàn thành hoạt động.



Nút **OK**

Tùy Chọn Hiển Thị Phát Lại

Nút MENU →  menu phát lại

Chọn thông tin có sẵn trong hiển thị thông tin ảnh phát lại ( 254). Nhấn  hoặc  để làm nổi bật một tùy chọn, sau đó nhấn  để chọn tùy chọn cho màn hình hiển thị thông tin hình ảnh. Dấu  sẽ xuất hiện bên cạnh các mục đã chọn; để bỏ chọn, làm nổi bật mục và nhấn . Để trở về menu phát lại, nhấn **OK**.

Sao chép ảnh từ thẻ nhớ tới thẻ nhớ khác. Tùy chọn này chỉ có khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh.

Tùy chọn	Mô tả
Chọn nguồn	Chọn thẻ có chứa ảnh để sao chép.
Chọn (các) hình ảnh	Chọn các hình ảnh cần sao chép.
Chọn thư mục đích	Chọn thư mục đích đến trên thẻ còn lại.
Sao chép (các) hình ảnh?	Sao chép hình ảnh được chọn tới đích đến được chỉ định.

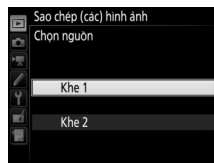
1 Chọn Chọn nguồn.

Làm nổi bật **Chọn nguồn** và nhấn .



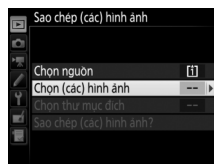
2 Chọn thẻ nguồn.

Làm nổi bật khe chứa thẻ có hình ảnh sẽ được sao chép và nhấn .



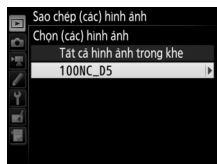
3 Chọn Chọn (các) hình ảnh.

Làm nổi bật **Chọn (các) hình ảnh** và nhấn .



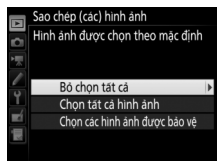
4 Chọn thư mục nguồn.

Làm nổi bật thư mục chứa các hình ảnh được sao chép và nhấn .



5 Lựa chọn ảnh đầu.

Trước khi tiếp tục để chọn hoặc bỏ chọn từng ảnh, bạn có thể đánh dấu tất cả hoặc tất cả các hình ảnh được bảo vệ trong thư mục để sao chép bằng cách chọn **Chọn tất cả hình ảnh** hoặc **Chọn các hình ảnh được bảo vệ**. Để đánh dấu riêng các ảnh được bảo vệ để sao chép, chọn **Bỏ chọn tất cả** trước khi tiếp tục.



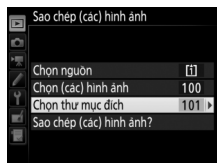
6 Chọn thêm hình ảnh.

Làm nổi bật ảnh và nhấn trung tâm đa bộ chọn để chọn hoặc bỏ chọn (để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút ). Hình ảnh được chọn sẽ được đánh dấu bằng . Nhấn  để tiến hành Bước 7 khi lựa chọn của bạn là hoàn tất.



7 Chọn Chọn thư mục đích.

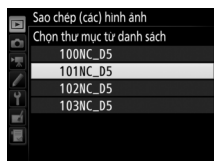
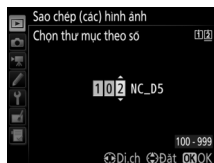
Làm nổi bật **Chọn thư mục đích** và nhấn .



8 Chọn thư mục đích đến.

Để nhập vào một số thư mục, chọn **Chọn thư mục theo số**, nhập số (□□ 313), và nhấn **OK**. Nếu một thư mục có số chỉ định chưa tồn tại, thì thư mục mới sẽ được tạo.

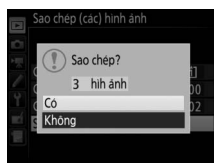
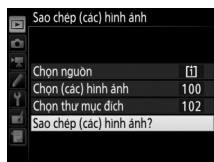
Để chọn từ một danh sách các thư mục hiện có, chọn **Chọn thư mục từ danh sách**, làm nổi bật thư mục và nhấn **OK**.



9 Sao chép các hình ảnh.

Làm nổi bật **Sao chép (các) hình ảnh?** và nhấn **OK**.

Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Có** và nhấn **OK**. Nhấn **OK** lần nữa để thoát khi sao chép hoàn tất.



✓ Sao Chép Hình Ảnh

Hình ảnh sẽ không sao chép được không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ. Hãy chắc chắn pin đã được sạc đầy trước khi sao chép phim.

Nếu thư mục đích chứa một hình ảnh có cùng tên là một trong những hình ảnh được sao chép, một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Chọn **Thay thế hình ảnh hiện có** để thay thế với hình ảnh được sao chép, hoặc chọn **Thay thế tất cả** để thay thế tất cả các hình ảnh hiện tại có cùng tên mà không cần nhắc thêm. Để tiếp tục mà không thay thế hình ảnh, chọn **Bỏ qua** hoặc chọn **Hủy** để thoát mà không sao chép thêm bất kỳ hình ảnh nào. Các tập tin ẩn và được bảo vệ trong thư mục đích sẽ không được thay thế.



Trạng thái bảo vệ và xếp hạng được sao chép với ảnh. Ghi chú bằng giọng nói sẽ được sao chép với ảnh liên quan của nó. Không thể sao chép hình ảnh ẩn.

Xem lại hình ảnh

Nút MENU → menu phát lại

Chọn để ảnh được tự động hiển thị trong màn hình ngay sau khi chụp. Nếu **Tắt** được chọn, ảnh chỉ có thể được hiển thị bằng cách nhấn nút .



Chọn ảnh hiển thị sau khi một hình ảnh bị xóa.

Tùy chọn	Mô tả
 Hiện tiếp theo	Hiển thị ảnh tiếp theo. Nếu ảnh bị xóa là khuôn hình cuối, thì ảnh trước đó sẽ được hiển thị.
 Hiện trước đó	Hiển thị ảnh trước đó. Nếu ảnh bị xóa là khuôn hình đầu tiên, thì ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị.
 Tiếp tục như trước	Nếu người dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ tự chụp, ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị như mô tả ở phần Hiện tiếp theo . Nếu người dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ tự ngược lại, hình ảnh trước đó sẽ được hiển thị như mô tả ở phần Hiện trước đó .

Sau Khi Chụp Liên Tiếp, Hiển Thị

Chọn hiển thị hoặc không hiển thị ảnh đầu tiên hoặc ảnh cuối cùng trong loạt chụp ngay sau khi chụp liên tiếp ở chế độ chụp liên tục. Tùy chọn này chỉ có hiệu lực khi **Xem lại hình ảnh** (📖 304) là tắt.

Ảnh chụp gần nhất (chụp liên tiếp)



Xoay hình ảnh tự động

Nút MENU →  menu phát lại

Những bức ảnh chụp khi chọn **Bật** chứa thông tin về hướng máy ảnh, cho phép xoay tự động trong khi phát lại hoặc khi xem trong ViewNX-i hay trong Capture NX-D (📖 277). Các hướng sau được ghi:



Hướng phong cảnh
(rộng)



Máy ảnh xoay 90°
theo chiều kim
đồng hồ



Máy ảnh xoay 90°
ngược chiều kim
đồng hồ

Hướng máy ảnh không được ghi lại khi chọn **Tắt**. Chọn mục này khi quét hay chụp ảnh với thấu kính hướng lên hay xuống.

Xoay Dọc

Nút MENU →  menu phát lại

Nếu **Bật** được chọn, ảnh hướng “dọc” (hướng chân dung) được chụp với **Bật** được chọn cho **Xoay hình ảnh tự động** sẽ tự động được xoay để hiển thị ở màn hình. Ảnh được chụp với **Tắt** được chọn cho **Xoay hình ảnh tự động** sẽ được hiển thị ở hướng “ngang” (phong cảnh). Lưu ý rằng vì bản thân máy ảnh đã ở trong hướng phù hợp trong suốt quá trình chụp, hình ảnh sẽ không xoay tự động trong quá trình xem lại hình ảnh.

Tạo trình chiếu slide các hình ảnh trong thư mục phát lại hiện hành (📁 299). Hình ảnh ẩn (📁 299) không được hiển thị.

Tùy chọn	Mô tả
Bắt đầu	Bắt đầu trình chiếu slide.
Loại hình ảnh	Chọn kiểu ảnh được hiển thị từ Hình ảnh tĩnh và phim , Chỉ hình ảnh tĩnh , và Chỉ phim .
Quảng khuôn hình	Chọn khoảng thời gian mỗi ảnh được hiển thị.
Phát lại audio	Hiển thị menu của tùy chọn phát lại ghi chú bằng giọng nói (📁 308).

Để bắt đầu trình chiếu, làm nổi bật **Bắt đầu** và nhấn **OK**. Có thể thực hiện các hoạt động sau đây trong khi đang trình chiếu:



Tới	Nhấn	Mô tả
Quay lại/về trước		Nhấn để trở lại khuôn hình trước, để sang khuôn hình tiếp theo.
Xem thông tin ảnh bổ sung		Thay đổi hoặc ẩn thông tin hình ảnh hiển thị (chỉ ảnh tĩnh; 📁 254).
Tạm dừng	OK	Tạm dừng chiếu slide (phát lại ghi nhớ giọng nói có thể tiếp tục). Để khởi động lại, làm nổi bật Bắt đầu lại và nhấn OK .
Tăng/giảm âm lượng		Nhấn trong khi phát lại phim để tăng âm lượng, để giảm.
Thoát sang menu phát lại	MENU	Kết thúc trình chiếu slide và trở lại menu phát lại.
Thoát sang chế độ phát lại		Kết thúc trình chiếu slide và chuyển sang phát lại đầy khuôn hình hoặc phát lại hình thu nhỏ (📁 248).
Thoát sang chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để trở về chế độ chụp.

Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị khi trình chiếu kết thúc. Chọn **Bắt đầu lại** để khởi động lại hoặc **Thoát** để trở lại menu phát lại.



■ Phát lại audio

Chọn **Bật** để phát các ghi nhớ bằng giọng nói trong khi trình chiếu slide (âm thanh được ghi với phim luôn được phát bất kể tùy chọn nào được chọn). Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị:

Tùy chọn	Mô tả
Quăng khuôn hình	Phát lại kết thúc khi khuôn hình tiếp theo được hiển thị, ngay cả khi toàn bộ ghi chú chưa được phát.
Thời lượng ghi nhớ giọng nói	Khuôn hình tiếp theo sẽ không được hiển thị cho đến khi toàn bộ bản ghi nhớ đã được phát, ngay cả khi quăng khuôn hình ngắn hơn bản ghi nhớ bằng giọng nói.

Chọn **Tắt** để vô hiệu hóa phát lại ghi nhớ bằng giọng nói trong khi trình chiếu.

Menu Chụp Ảnh: Các Tùy Chọn Chụp

Để hiển thị menu chụp ảnh, nhấn **MENU** và chọn tab  (menu chụp ảnh).

Nút MENU



Tùy chọn		Tùy chọn	
Tập hợp menu chụp ảnh	310	Quản lý Picture Control	184
Tập hợp menu ảnh mở rộng	311	Không gian màu	315
Thư mục lưu trữ	312	D-Lighting hoạt động	187
Đặt tên tệp	314	Giảm nhiễu phơi sáng lâu	315
Vai trò của thẻ trong Khe 2	97	Giảm nhiễu ISO cao	316
Điều khiển đèn nháy	204	Điều chỉnh họa tiết	316
Vùng hình ảnh	87	Điều khiển biến dạng tự động	317
Chất lượng hình ảnh	92	Giảm nhấp nháy	227
Kích cỡ hình ảnh	95	Bộ chụp bù trừ tự động	146
Ghi NEF (RAW)	94	Đa phơi sáng	229
Cài đặt độ nhạy ISO	124	HDR (dải nhạy sáng cao)	189
Cân bằng trắng	159	Chụp hẹn giờ quảng thời gian	236
Đặt Picture Control	179	Chụp xem trực tiếp im lặng	54

Xem Thêm

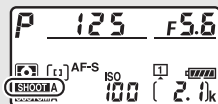
Menu mặc định được liệt kê trên trang 290.

Các tùy chọn menu chụp ảnh được lưu trữ ở một trong bốn các tập hợp. Ngoại trừ **Tập hợp menu ảnh mở rộng**, **Đa phơi sáng**, **Chụp hẹn giờ quảng thời gian**, và sửa đổi Picture Control (điều chỉnh nhanh và điều chỉnh bằng tay khác), các thay đổi với cài đặt trong một tập hợp không có hiệu lực trên các tập hợp khác. Để lưu trữ một bộ các cài đặt thường sử dụng, chọn một trong bốn tập hợp và đặt máy ảnh sang các cài đặt này. Các cài đặt mới sẽ được lưu trữ trong tập hợp ngay cả khi máy ảnh tắt, và sẽ được khôi phục khi chọn tập hợp trong lần tới. Có thể lưu trữ các kết hợp khác nhau của các cài đặt vào các tập hợp khác, cho phép người dùng chuyển đổi tức thì từ một kết hợp này sang kết hợp khác bằng cách lựa chọn tập hợp thích hợp từ menu tập hợp.

Tên mặc định của bốn tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn là A, B, C, và D. Có thể thêm chú thích mô tả lên đến 20 ký tự vào như mô tả trên trang 185 bằng cách làm nổi bật tập hợp menu và nhấn .

Tập Hợp Menu Chụp Ảnh

Bảng điều khiển trên và hiển thị thông tin cho biết tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn hiện tại.



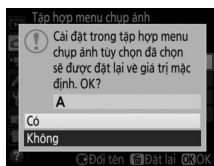
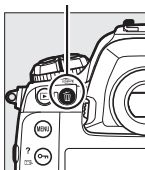
Xem Thêm

Chế độ phơi sáng và đèn nháy, tốc độ cửa trập và độ mở ống kính vào các tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn bằng cách sử dụng **Tập hợp menu ảnh mở rộng** trong menu chụp ảnh ( 311). Để biết thông tin về việc sử dụng các điều khiển trên thân máy để chọn tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn, xem Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**,  346).

■ ■ Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định

Để khôi phục lại cài đặt mặc định, làm nổi bật một tập hợp trong menu **Tập hợp menu chụp ảnh** và nhấn **⏏ (FORMAT)**. Một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; làm nổi bật **Có** và nhấn **OK** để khôi phục lại các cài đặt mặc định cho tập hợp được chọn. Xem trang 290 về danh sách các cài đặt mặc định.

Nút **⏏ (FORMAT)**



Tập Hợp Menu Ảnh Mở Rộng

Nút MENU → **📷 menu chụp ảnh**

Chọn **Bật** để đưa các chế độ phơi sáng và đèn nháy, tốc độ cửa trập (chỉ chế độ **S** và **M**), và độ mở ống kính (chỉ các chế độ **A** và **M**) vào thông tin ghi được trong mỗi tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn, sẽ được gọi lại mỗi khi tập hợp được chọn. Việc chọn **Tắt** sẽ khôi phục các giá trị có hiệu lực trước khi **Bật** được chọn.



Đổi tên thư mục và chọn thư mục sẽ chứa các ảnh sau đó.



■ ■ Đổi tên

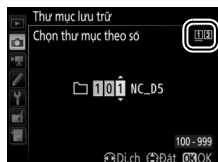
Các thư mục được xác định bằng tên thư mục có 5 ký tự, đứng trước bởi một số thư mục có 3 chữ số được máy ảnh tự động gán. Tên thư mục mặc định là "NC_D5"; để đổi tên được gán cho các thư mục mới, chọn **Đổi tên** và đổi tên thư mục như mô tả ở Bước 6 của "Tạo Picture Control tùy chọn" (□ 185; nếu muốn, có thể khôi phục tên mặc định bằng cách nhấn và giữ nút  (FORMAT) trong khi bàn phím được hiển thị). Không thể đổi tên thư mục hiện tại

■ ■ Chọn thư mục theo số

Để chọn thư mục theo số hoặc tạo thư mục mới với tên thư mục hiện tại và một số thư mục mới:

1 Chọn Chọn thư mục theo số.

Làm nổi bật **Chọn thư mục theo số** và nhấn . Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị, với khe chính hiện tại (□ 97) được gạch dưới.



2 Chọn số thư mục.

Nhấn  hoặc  để làm nổi bật số, nhấn  hoặc  để thay đổi. Nếu một thư mục với số được lựa chọn đã tồn tại thì biểu tượng ,  hoặc  sẽ hiển thị bên trái của số thư mục:

- : Thư mục trống rỗng.
- : Thư mục đã đầy một phần.
- : Thư mục chứa 999 ảnh hoặc một ảnh được đánh số 9999. Không thể chứa thêm ảnh vào thư mục này.

Thẻ lưu trữ trên thư mục được hiển thị bằng biểu tượng khe thẻ ở góc trên bên phải của hộp thoại Chọn thư mục theo số. Thẻ được sử dụng cho các thư mục mới tùy thuộc vào tùy chọn hiện được chọn cho **Vai trò của thẻ trong Khe 2** ( 97).

3 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn  để hoàn thành hoạt động (để thoát mà không chọn thư mục lưu trữ, nhấn nút MENU). Nếu một thư mục có số chỉ định chưa tồn tại, thì thư mục mới sẽ được tạo. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được lựa chọn, trừ khi nó đã đầy.

■ Chọn thư mục từ danh sách

Để chọn từ một danh sách các thư mục hiện có:

1 Chọn Chọn thư mục từ danh sách.

Làm nổi bật **Chọn thư mục từ danh sách** và nhấn .



2 Làm nổi bật thư mục.

Nhấn  hoặc  để làm nổi bật thư mục.



3 Chọn thư mục được làm nổi bật.

Nhấn  để chọn thư mục đã được làm nổi bật. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được chọn.

Số Thư Mục và Số Tập

Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, thì nút nhà cửa trập sẽ bị tắt và không chụp thêm được tấm ảnh nào (ngoài ra, ghi phim có thể bị tắt nếu thư mục hiện tại được đánh số 999 và tệp tiếp theo sẽ được đánh số là 992 hoặc 9992 hoặc cao hơn). Do việc tạo thư mục tự động được tắt khi số thư mục đạt tới 999, việc quay trong chế độ phim có thể kết thúc nếu **Chụp khuôn hình trực tiếp** được gán cho nút nhà cửa trập bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) và thư mục hiện tại được đánh số 999 và chứa 942 tập tin trở lên hoặc số tập tin được đánh số 9942 hoặc cao hơn. Để tiếp tục chụp, tạo thư mục với số nhỏ hơn 999, hoặc thử thay đổi các tùy chọn được chọn cho **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** và **Chất lượng phim** (📖 67).

Thời Gian Khởi Động

Có thể cần thêm thời gian cho máy ảnh khởi động nếu thẻ nhớ chứa nhiều tệp hoặc thư mục.

Đặt tên tệp

Nút MENU →  menu chụp ảnh

Hình ảnh được lưu bằng cách sử dụng tên tệp tin bao gồm “DSC_” hoặc, trong trường hợp hình ảnh sử dụng không gian màu hệ màu RGB của Adobe (📖 315), “_DSC”, theo sau là một số có bốn chữ số và phần mở rộng có ba ký tự (ví dụ “DSC_0001.JPG”). Tùy chọn **Đặt tên tệp** được dùng để chọn ba chữ để thay phần “DSC” của tên tệp tin. Để biết thông tin về chỉnh sửa tên tệp tin, xem trang 185.

Phần mở rộng

Có các mở rộng sau được sử dụng: “NEF” cho hình ảnh NEF (RAW), “TIF” cho hình ảnh TIFF (RGB), “JPG” cho hình ảnh JPEG, “MOV” cho phim, và “NDF” cho dữ liệu tham chiếu bỏ bụi. Trong mỗi cặp bức ảnh được chụp ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF (RAW) + JPEG, hình ảnh NEF và JPEG có tên tệp giống nhau nhưng phần mở rộng khác nhau.



Không gian màu xác định gam màu có thể sử dụng cho việc tái tạo màu. **sRGB** được khuyến khích cho mục đích in và hiển thị bình thường, **Hệ màu RGB của Adobe**, với gam màu rộng hơn, thì nên dùng xuất bản chuyên nghiệp và in ấn thương mại.

Hệ màu RGB của Adobe

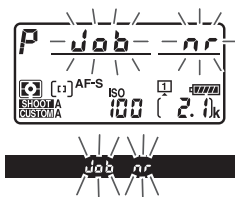
Để tái tạo màu chính xác, hình ảnh sử dụng hệ màu RGB của Adobe cần có các ứng dụng, màn hình và máy in có tính năng hỗ trợ quản lý màu sắc.

Không Gian Màu

ViewNX-i và Capture NX-D (📖 277) tự động chọn không gian màu chính xác khi mở ảnh được chụp bằng máy ảnh này. Không đảm bảo kết quả với phần mềm bên thứ ba.

Giảm nhiễu phơi sáng lâu (Giảm Nhiễu Phơi Sáng Lâu)

Nếu **Bật** được chọn, ảnh chụp ở tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây sẽ được xử lý để giảm nhiễu (điểm sáng hoặc sương mù). Thời gian cần xử lý tăng gần gấp đôi; trong khi xử lý, “**đoàn**” sẽ nhấp ở hiển thị tốc độ cửa trập/độ mở ống kính và không chụp được ảnh (nếu máy ảnh được tắt trước khi xử lý xong, ảnh sẽ được lưu nhưng giảm nhiễu sẽ không được thực hiện). Trong chế độ nhả liên tục, tốc độ khuôn hình sẽ chậm và trong khi bức ảnh đang được xử lý, dung lượng của bộ nhớ đệm sẽ giảm.



Các bức ảnh chụp ở độ nhạy ISO cao có thể được xử lý để giảm “nhiều”.

Tùy chọn	Mô tả
Cao	Giảm nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên), đặc biệt ở bức ảnh được chụp ở các độ nhạy ISO cao. Chọn mức giảm nhiễu thực thi từ Cao , Bình thường , và Thấp .
Bình thường	
Thấp	
Tắt	Giảm nhiễu chỉ được thực hiện chỉ khi có yêu cầu và không bao giờ ở mức cao bằng khi Thấp được chọn.

Điều chỉnh Họa tiết

Nút MENU →  menu chụp ảnh

“Tạo họa tiết” là làm giảm độ sáng ở các mép ảnh. **Điều chỉnh họa tiết** làm giảm họa tiết ảnh đối với thấu kính loại G, E và D (không gồm thấu kính PC). Hiệu ứng của nó thay đổi tùy theo thấu kính và nhận thấy rõ nhất ở độ mở ống kính tối đa. Chọn từ **Cao**, **Bình thường**, **Thấp**, và **Tắt**.

Điều chỉnh họa tiết

Tùy thuộc vào cảnh, điều kiện chụp, và loại thấu kính, ảnh TIFF và JPEG có thể có nhiễu (sương mù) hoặc các biến thể về độ sáng ngoại vi, trong khi Picture Control tùy chọn và Picture Controls đã được sửa đổi từ các cài đặt mặc định có thể không mang lại hiệu quả mong muốn. Chụp ảnh thử nghiệm và xem kết quả trên màn hình. Điều chỉnh họa tiết không áp dụng cho phim (□ 59) hoặc đa phơi sáng (□ 229).

Chọn **Bật** để giảm hiện tượng cong đường biên hình khi chụp với thấu kính góc rộng và để giảm biến dạng đệm chốt khi chụp với thấu kính dài (lưu ý rằng mép của khu vực nhìn thấy trong kính ngắm có thể được cắt khỏi bức ảnh cuối và thời gian cần để xử lý hình ảnh trước khi ghi có thể tăng thêm). Tùy chọn này không áp dụng đối với phim và chỉ sẵn có với thấu kính loại G, E và D (không gồm thấu kính PC, mắt cá, và các thấu kính khác); kết quả không được đảm bảo với các thấu kính khác. Trước khi sử dụng điều khiển biến dạng tự động với thấu kính DX, chọn **Bật** cho **Xén DX tự động** hoặc chọn vùng hình ảnh **DX (24 × 16) 1.5×** (□ 88); việc chọn tùy chọn khác có thể khiến ảnh bị xén quá nhiều hoặc ảnh bị biến dạng ngoại biên quá mức.

Sửa lại: Điều Khiển Biến Dạng

Để biết thêm thông tin về việc tạo bản sao của hình ảnh hiện tại được giảm cong biên hình và biến dạng đệm chốt, xem trang 402.

Menu ghi phim: *Tùy Chọn ghi phim*

Để hiển thị menu ghi phim, nhấn **MENU** và chọn tab  (menu ghi phim).

Nút MENU



Tùy chọn	
Đặt lại menu quay phim	319
Đặt tên tệp	319
Đích	319
Vùng hình ảnh	70
Cơ khuôn hình/tốc độ khuôn hình	67
Chất lượng phim	67
Cài đặt độ nhạy ISO phim	320
Cân bằng trắng	320
Đặt Picture Control	321

Tùy chọn	
Quản lý Picture Control	321
Độ nhạy micro	321
Đáp tuyến tần số	321
Giảm nhiễu do gió	322
Giảm nhiễu ISO cao	322
Phim theo quảng thời gian	74
Giảm nhấp nháy	322
Chống rung điện tử	322

Xem Thêm

Menu mặc định được liệt kê trên trang 292.

Đặt lại menu quay phim

Nút MENU →  menu ghi phim

Làm nổi bật **Có** và nhấn **OK** để khôi phục lại các tùy chọn menu ghi phim về các giá trị mặc định của chúng ( 292).

Đặt tên tệp

Nút MENU →  menu ghi phim

Chọn tiền tố ba ký tự dùng để đặt tên cho các tập tin ảnh có chứa phim. Tiền tố mặc định là “DSC” ( 314).

Đích

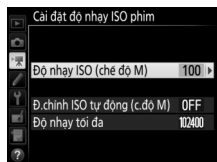
Nút MENU →  menu ghi phim

Chọn khe để ghi phim. Menu cho biết thời gian còn lại trên mỗi thẻ; việc ghi tự động kết thúc khi không còn thời gian.



Điều chỉnh cài đặt độ nhạy ISO sau.

- **Độ nhạy ISO (chế độ M):** Chọn độ nhạy ISO cho chế độ phơi sáng **M** từ các giá trị giữa ISO 100 và Hi 5. Điều khiển tự động độ nhạy ISO được sử dụng trong các chế độ phơi sáng khác.
- **Đ.chỉnh ISO tự động (c.độ M):** Lựa chọn **Bật** cho điều khiển độ nhạy ISO tự động trong chế độ phơi sáng **M**, **Tắt** để sử dụng giá trị được lựa chọn cho **Độ nhạy ISO (chế độ M)**.
- **Độ nhạy tối đa:** Chọn giới hạn trên cho điều khiển độ nhạy ISO từ các giá trị giữa ISO 200 và Hi 5. Điều khiển độ nhạy ISO tự động được sử dụng trong các chế độ phơi sáng **P, S,** và **A** và khi **Bật** được lựa chọn cho **Đ.chỉnh ISO tự động (c.độ M)** trong chế độ phơi sáng **M**.



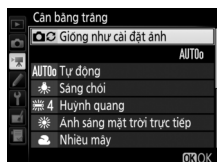
Kiểm Soát Độ Nhạy ISO Tự Động

Ở độ nhạy ISO cao, máy ảnh có thể gặp khó khăn khi lấy nét và nhiễu (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hay đường thẳng) có thể tăng. Có thể ngăn chặn điều này bằng cách chọn giá trị thấp hơn cho **Cài đặt độ nhạy ISO phim > Độ nhạy tối đa**.

Cân bằng trắng

Chọn cân bằng trắng cho phim (📖 159).

Chọn **Giống như cài đặt ảnh** để sử dụng tùy chọn hiện được chọn cho ảnh.



Đặt Picture Control

Nút MENU → menu ghi phim

Chọn Picture Control cho phim (📖 179).
Chọn **Giống như cài đặt ảnh** để sử dụng tùy chọn hiện được chọn cho ảnh.



Quản lý Picture Control

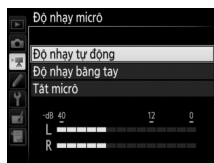
Nút MENU → menu ghi phim

Tạo Picture Control tùy chọn (📖 184).

Độ nhạy micro

Nút MENU → menu ghi phim

Bật và tắt micro tích hợp sẵn hoặc micro ngoài hoặc điều chỉnh độ nhạy micro. Chọn **Độ nhạy tự động** để điều chỉnh độ nhạy tự động, **Tắt micro** để tắt ghi âm; để chọn độ nhạy micro bằng tay, chọn **Độ nhạy bằng tay** và chọn độ nhạy.



Đáp Tuyến Tần Số

Nút MENU → menu ghi phim

Nếu **WIDE Dải rộng** được chọn, các micro sẽ phản ứng với nhiều dải tần số, từ các âm thanh âm nhạc đến tiếng kêu nhộn nhịp của đường phố. Chọn **VOICE Quãng giọng** để lấy giọng của người.



Giảm nhiễu do gió

Nút MENU →  menu ghi phim

Chọn **Bật** để kích hoạt bộ lọc giảm tần số và tiếng ồn cho micrô gắn sẵn (micrô stereo tùy chọn không bị ảnh hưởng), giảm tiếng ồn do gió thổi qua micrô (lưu ý rằng các âm thanh khác cũng có thể bị ảnh hưởng). Giảm nhiễu do gió cho micrô stereo tùy chọn có hỗ trợ tính năng này có thể được kích hoạt hoặc vô hiệu hóa bằng cách sử dụng điều khiển micrô.

Giảm nhiễu ISO cao

Nút MENU →  menu ghi phim

Giảm “nhiều” (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên) ở phim được quay ở các độ nhạy ISO cao ( 316).

Giảm nhấp nháy

Nút MENU →  menu ghi phim

Giảm nhấp nháy và dải khi chụp dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc thuỷ ngân trong khi xem trực tiếp hoặc ghi phim. Chọn **Tự động** để cho phép máy ảnh tự động chọn tần số chính xác hoặc làm cho tần số phù hợp với tần số của nguồn điện AC cục bộ bằng tay.

Giảm nhấp nháy trong menu quay phim

Nếu **Tự động** không mang đến kết quả mong muốn và nếu bạn không chắc chắn về tần số của nguồn điện cục bộ, hãy thử cả hai tùy chọn 50 và 60 Hz và chọn một tùy chọn mang lại kết quả tốt nhất. Giảm nhấp nháy có thể không mang lại kết quả như mong muốn nếu đối tượng quá sáng, trong trường hợp bạn chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn). Để ngăn chặn nhấp nháy, chọn chế độ **M** và chọn tốc độ cửa trập phù hợp với tần số của nguồn cấp điện địa phương: $\frac{1}{125}$ giây, $\frac{1}{60}$ giây, hoặc $\frac{1}{30}$ giây cho 60 Hz; $\frac{1}{100}$ giây, $\frac{1}{50}$ giây, hoặc $\frac{1}{25}$ giây cho 50 Hz.

Chống rung điện tử

Nút MENU →  menu ghi phim



Chọn để kích hoạt chống rung điện tử trong chế độ phim.

Cài Đặt Tùy Chọn: *Tinh chỉnh Cài Đặt Máy Ảnh*

Để hiển thị menu Cài Đặt Tùy Chọn, nhấn nút **MENU** và chọn tab  (menu Cài Đặt Tùy Chọn).

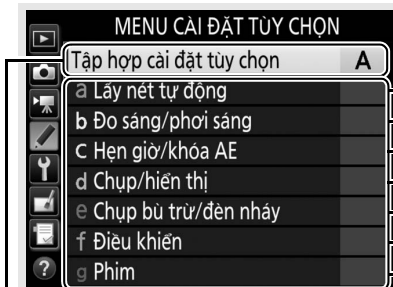
Nút MENU



Cài Đặt Tùy Chọn được sử dụng để điều chỉnh thiết lập máy ảnh phù hợp yêu cầu của từng cá nhân.

Nhóm Cài Đặt Tùy Chọn

Menu Chính



Tập hợp cài đặt tùy chọn (📖 325)



Có các Cài Đặt Tùy Chọn sau:

Cài Đặt Tùy Chọn		
Tập hợp cài đặt tùy chọn		325
a	Lấy nét tự động	
a1	Chọn ưu tiên AF-C	327
a2	Chọn ưu tiên AF-S	328
a3	Theo dõi lấy nét với khóa bật	328
a4	Dò tìm khuôn mặt theo dõi 3D	329
a5	Vùng xem theo dõi 3D	329
a6	Số điểm lấy nét	329
a7	Lưu trữ theo hướng	330
a8	Kích hoạt AF	331
a9	Giới hạn chọn chế độ vùng AF	331
a10	Hạn chế chế độ lấy nét tự động	332
a11	Viền quanh điểm lấy nét	332
a12	Tùy chọn điểm lấy nét	333
b	Đo sáng/phơi sáng	
b1	Giá trị bước độ nhạy ISO	333
b2	Bước EV cho đ.khiến phơi sáng	333
b3	G.trị bù ph.sáng/bù đ.nhảy	333
b4	Bù phơi sáng dễ dàng	334
b5	Đo sáng ma trận	335
b6	Vùng ưu tiên trung tâm	335
b7	Tính chỉnh phơi sáng tối ưu	335
c	Hẹn giờ/khóa AE	
c1	Nút nhả cửa trập AE-L	336
c2	Hẹn giờ chờ	336
c3	Tự hẹn giờ	337
c4	Độ trễ tắt màn hình	337

Cài Đặt Tùy Chọn		
d	Chụp/hiển thị	
d1	Tốc độ chụp liên tục	338
d2	Nhả liên tục tối đa	338
d3	Giới hạn chọn chế độ nhả	339
d4	Tùy chọn chế độ nhả đồng bộ	339
d5	Chế độ trễ phơi sáng	339
d6	Cửa trập màn trước điện tử	340
d7	Chuỗi số tệp	340
d8	Hiển thị lưới kính ngắm	341
d9	Chiếu sáng LCD	342
e	Chụp bù trừ/đèn nháy	
e1	Tốc độ đồng bộ đèn nháy	343
e2	Tốc độ cửa trập đèn nháy	344
e3	Bù phơi sáng cho đèn nháy	344
e4	Đ.khiến t.động độ nhạy ISO	344
e5	Đèn nháy tạo mô hình	345
e6	Chụp bù trừ tự động (chế độ M)	345
e7	Thứ tự chụp bù trừ	345
f	Điều khiển	
f1	Chỉ định điều khiển tùy chọn	346
f2	Nút trung tâm đa bộ chọn	357
f3	T.độ c.trập & khóa độ mở ố.kính	358
f4	Tùy chọn đĩa lệnh	359
f5	Đa bộ chọn	361
f6	Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh	361
f7	Đảo ngược các chỉ báo	361
f8	Tùy chọn nút xem trực tiếp	361
f9	Công tắc	362
g	Phím	
g1	Chỉ định điều khiển tùy chọn	362

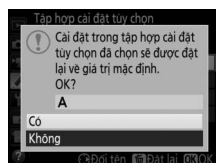
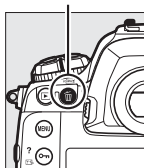
Cài Đặt Tùy Chọn được lưu trữ ở một trong bốn tập hợp. Thay đổi ở các cài đặt trong một tập hợp không có tác dụng trên những tập hợp khác. Để lưu trữ một bộ các cài đặt thường sử dụng, chọn một trong bốn tập hợp và đặt máy ảnh sang các cài đặt này. Các cài đặt mới sẽ được lưu trữ trong tập hợp ngay cả khi máy ảnh tắt, và sẽ được khôi phục khi chọn tập hợp trong lần tới. Có thể lưu trữ các kết hợp khác nhau của các cài đặt vào các tập hợp khác, cho phép người dùng chuyển đổi tức thì từ một kết hợp này sang kết hợp khác bằng cách lựa chọn tập hợp thích hợp từ menu tập hợp.

Tên mặc định của bốn tập hợp cài đặt tùy chọn là A, B, C, và D. Có thể thêm chú thích mô tả lên đến 20 ký tự vào như mô tả trên trang 185 bằng cách làm nổi bật tập hợp menu và nhấn .

■■ Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định

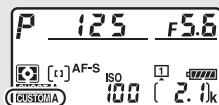
Để khôi phục lại cài đặt mặc định, làm nổi bật một tập hợp trong menu **Tập hợp cài đặt tùy chọn** và nhấn . Một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; làm nổi bật **Có** và nhấn  để khôi phục lại các cài đặt mạng mặc định ( 293).

Nút  (FORMAT)



Tập Hợp Cài Đặt Tùy Chọn

Bảng điều khiển trên và hiển thị thông tin cho biết tập hợp Cài Đặt Tùy Chọn hiện tại.



Xem Thêm

Menu mặc định được liệt kê trên trang 293. Nếu cài đặt trong bảng hiện tại được sửa đổi khỏi giá trị mặc định, dấu hoa thị sẽ hiển thị bên cạnh các cài đặt được thay đổi ở mức thứ hai của menu Cài Đặt Tùy Chọn.

a: Lấy nét tự động

a1: Chọn ưu tiên AF-C

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Khi **AF-C** được lựa chọn cho chụp ảnh bằng kính ngắm (□ 101), tùy chọn này sẽ điều khiển việc có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập (*ưu tiên nhả*) hoặc chỉ khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*ưu tiên lấy nét*).

Tùy chọn	Mô tả
 Nhả	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập.
 Lấy nét + nhả	Ảnh có thể được chụp ngay cả khi máy không lấy nét. Nếu đối tượng tối hoặc tương phản thấp và máy ảnh ở chế độ liên tục, ưu tiên sẽ được dành cho lấy nét ảnh chụp đầu tiên trong mỗi loạt chụp và dành cho tốc độ khuôn hình cho các ảnh còn lại, đảm bảo tốc độ khuôn hình cao nếu khoảng cách đến đối tượng không thay đổi trong quá trình chụp.
 Nhả + lấy nét	Ảnh có thể được chụp ngay cả khi máy không lấy nét. Trong chế độ liên tục, tốc độ khuôn hình chậm để cải thiện lấy nét khi đối tượng tối hoặc tương phản thấp.
 Lấy nét	Ảnh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù tùy chọn nào được chọn, việc lấy nét sẽ không khóa khi nút **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét tự động. Máy ảnh sẽ tiếp tục điều chỉnh lấy nét cho đến khi cửa trập được nhả ra.



a2: Chọn ưu tiên AF-S

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Khi **AF-S** được lựa chọn cho chế độ chụp ảnh bằng kính ngắm (📷 101), tùy chọn này sẽ điều khiển việc chỉ có thể chụp ảnh khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*ưu tiên lấy nét*), hoặc bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập (*ưu tiên nhả*).

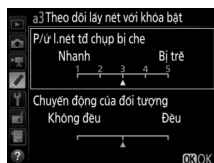
Tùy chọn	Mô tả
Nhả	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập.
Lấy nét	Ảnh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù tùy chọn nào được lựa chọn, nếu chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị khi nút **AF-S** được chọn cho chế độ lấy nét tự động, lấy nét sẽ khóa trong khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Khóa lấy nét tiếp tục cho đến khi cửa trập được nhả.

a3: Theo dõi lấy nét với khóa bật

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này kiểm soát cách lấy nét tự động điều chỉnh với thay đổi ở khoảng cách tới đối tượng khi **AF-C** được chọn trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm (📷 101).



■ P/l nét tđ chụp bị che

Chọn cách lấy nét nhanh phản hồi khi có vật gì đó đi qua giữa đối tượng và máy ảnh. Chọn các giá trị trong khoảng **5 (Bị trễ)** và **1 (Nhanh)**. Giá trị càng cao, thì tốc độ phản hồi càng chậm và bạn càng ít bị mất lấy nét vào đối tượng ban đầu của bạn. Giá trị càng thấp, thì tốc độ phản hồi càng nhanh và càng dễ bị lấy nét lệch vào các đối tượng đi qua tầm ngắm của bạn. Lưu ý rằng **2**, và **1 (Nhanh)**, là tương đương với **3** khi theo dõi 3D hoặc AF vùng tự động được chọn cho chế độ vùng AF (📷 104).



Chuyển động của đối tượng

Chọn **Đều** để lấy nét đều khi chụp ảnh đối tượng tiếp cận máy ảnh với tốc độ ổn định, hoặc **Không đều** để phản hồi nhanh hơn khi chụp ảnh các đối tượng thường bắt đầu và dừng lại đột ngột.

a4: Dò tìm khuôn mặt theo dõi 3D

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Chọn cho hoặc không cho máy ảnh phát hiện và lấy nét vào khuôn mặt khi theo dõi 3D được chọn cho chế độ vùng AF (104).

a5: Vùng xem theo dõi 3D

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Trong theo dõi 3D, máy ảnh theo dõi các đối tượng rời khỏi điểm lấy nét được chọn và chọn các điểm lấy nét mới khi cần trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Chọn cho phép hoặc không cho phép theo dõi 3D sử dụng dữ liệu từ các điểm lấy nét xung quanh để theo dõi các đối tượng di chuyển nhẹ từ điểm lấy nét được chọn (**Rộng**) hoặc theo dõi các đối tượng chỉ dựa trên dữ liệu từ vùng lân cận của điểm đã chọn (**Bình thường**). **Rộng** được khuyến dùng cho các đối tượng chuyển động nhanh.

a6: Số điểm lấy nét

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Chọn số lượng điểm lấy nét có sẵn cho việc lựa chọn điểm lấy nét bằng tay.

Tùy chọn	Mô tả
AF55 55 điểm	Chọn từ 55 điểm lấy nét hiển thị bên phải. 
AF15 15 điểm	Chọn từ 15 điểm lấy nét hiển thị bên phải. Sử dụng cho chọn lựa điểm lấy nét nhanh. 



Chọn cho phép hoặc không cho phép các điểm lấy nét riêng được chọn cho hướng “ngang” (phong cảnh), cho hướng “dọc” (chân dung) với máy ảnh xoay 90° theo chiều kim đồng hồ, và cho hướng “dọc” với máy ảnh xoay 90° ngược chiều kim đồng hồ.

Chọn **Tắt** sử dụng điểm lấy nét và chế độ vùng AF tương tự dù chọn hướng máy ảnh nào.



Máy ảnh xoay 90°
ngược chiều kim
đồng hồ

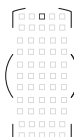


Hướng phong cảnh
(rộng)



Máy ảnh xoay 90°
theo chiều kim đồng
hồ

Chọn **Điểm lấy nét** để cho phép chọn điểm lấy nét riêng, hoặc **Điểm lấy nét và chế độ vùng AF** để cho phép chọn riêng cả điểm lấy nét và chế độ vùng AF.



Máy ảnh xoay 90°
ngược chiều kim
đồng hồ



Hướng phong cảnh
(rộng)

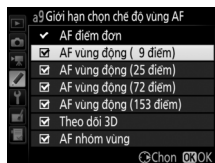


Máy ảnh xoay 90°
theo chiều kim đồng
hồ

Chọn có thể sử dụng hoặc không sử dụng nút nhả cửa trập để lấy nét (**Cửa trập/AF-ON**) hoặc lấy nét chỉ có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng nút **AF-ON** hoặc các điều khiển khác mà AF-ON đã được chỉ định (**Chỉ AF-ON**). Làm nổi bật **Chỉ AF-ON** và nhấn  sẽ hiển thị tùy chọn **Nhả ngoài lấy nét**; chọn **Bật** để cho phép chụp ảnh mà không lấy nét, hoặc **Tắt** để ngăn chặn cửa trập được nhả trước khi máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng điều khiển AF-ON. Để chụp ảnh khi **Tắt** được chọn, sử dụng điều khiển AF-ON để lấy nét và nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để nhả cửa trập. Lưu ý rằng **Tắt** chỉ áp dụng nếu **Lấy nét** được chọn cho Cài đặt tùy chọn a1 (**Chọn ưu tiên AF-C**) hoặc a2 (**Chọn ưu tiên AF-S**) và một tùy chọn không phải là AF vùng tự động được chọn cho chế độ vùng AF ( 104).

a9: Giới hạn chọn chế độ vùng AF

Chọn chế độ vùng AF có thể được lựa chọn bằng cách sử dụng nút chế độ AF và đĩa lệnh phụ trong chụp ảnh bằng kính ngắm (xem trực tiếp không bị ảnh hưởng;  104). Làm nổi bật chế độ mong muốn và nhấn  để chọn hoặc bỏ chọn. Nhấn **OK** để lưu các thay đổi khi cài đặt xong.



a10: Hạn chế chế độ lấy nét tự động

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn các chế độ lấy nét tự động có trong chụp ảnh bằng kính ngắm (📖 101). Nếu chỉ có một chế độ được chọn, chế độ lấy nét tự động không thể được lựa chọn bằng cách sử dụng nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính.



a11: Viền quanh điểm lấy nét

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn xem việc chọn điểm lấy nét có “viền quanh” từ mép này của kính ngắm đến mép khác không.

Tùy chọn	Mô tả
Viền	Chọn điểm lấy nét “quấn xung quanh” từ đỉnh đến đáy, từ đáy đến đỉnh, phải qua trái, và trái qua phải, để, ví dụ, việc nhấn  khi một điểm lấy nét ở mép phải màn hình được làm nổi bật (①) chọn điểm lấy nét tương ứng ở mép trái của màn hình hiển thị (②). 
Không viền	Hiển thị điểm lấy nét được bao bởi các điểm lấy nét xa nhất để, ví dụ, việc nhấn  khi điểm lấy nét ở mép phải của màn hình hiển thị được chọn sẽ không bị ảnh hưởng.

a12: Tùy Chọn Điểm Lấy Nét

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn từ các tùy chọn hiển thị điểm lấy nét sau.

Tùy chọn	Mô tả
Chế độ lấy nét bằng tay	Chọn Bật để hiển thị điểm lấy nét hoạt động ở chế độ lấy nét bằng tay, Tắt để hiển thị điểm lấy nét chỉ trong khi chọn điểm lấy nét.
Độ sáng điểm lấy nét	Chọn độ sáng của màn hình hiển thị điểm lấy nét trong kính ngắm từ Siêu cao , Cao , Bình thường , và Thấp .
Trợ giúp AF vùng động	Chọn Bật để hiển thị cả điểm lấy nét được chọn và những điểm lấy nét xung quanh trong chế độ AF vùng động (📖 104).

b: Đo sáng/phơi sáng

b1: Giá trị bước độ nhạy ISO

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn giá số sử dụng khi tiến hành điều chỉnh độ nhạy ISO (📖 124). Nếu có thể, cài đặt độ nhạy ISO hiện thời được duy trì khi bước giá trị thay đổi. Nếu cài đặt độ nhạy ISO hiện thời không có sẵn ở bước giá trị mới, độ nhạy ISO sẽ được làm tròn tới cài đặt hiện có gần nhất.

b2: Bước EV cho đ.khiến phơi sáng

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn giá số sử dụng khi tiến hành điều chỉnh tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, và chụp bù trừ.

b3: G.trị bước bù ph.sáng/bù đ.nháy

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn giá số sử dụng khi tiến hành điều chỉnh phơi sáng và bù đèn nháy.



Tùy chọn này điều khiển xem có cần sử dụng nút  để cài đặt bù phơi sáng không (□ 143). Nếu **Bật (Đặt lại tự động)** hoặc **Bật** được chọn, số 0 ở trung tâm của màn hình phơi sáng sẽ nhấp nháy khi mức bù phơi sáng được đặt ở ± 0 .

Tùy chọn	Mô tả
Bật (Đặt lại tự động)	Bù phơi sáng được đặt bằng cách xoay một trong những đĩa lệnh (xem chú ý dưới đây). Cài đặt được chọn bằng cách sử dụng đĩa lệnh được đặt lại khi máy ảnh hoặc hẹn giờ chờ tắt (cài đặt bù phơi sáng được chọn bằng cách sử dụng nút  sẽ không được đặt lại).
Bật	Như đề cập ở trên, ngoại trừ giá trị bù phơi sáng được chọn bằng đĩa lệnh không được đặt lại khi máy ảnh tắt hoặc hẹn giờ chờ hết hạn.
Tắt	Bù phơi sáng được đặt bằng cách nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính.

Thay đổi Chính/Phụ

Đĩa lệnh sử dụng để đặt bù phơi sáng khi **Bật (Đặt lại tự động)** hoặc **Bật** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b4 (**Bù phơi sáng dễ dàng**) phụ thuộc vào tùy chọn được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Tùy chọn đĩa lệnh**) > **Thay đổi chính/phụ** (□ 359).

		Tùy chọn đĩa lệnh > Thay đổi chính/phụ	
		Tắt	Bật
Chế độ phơi sáng	P	Đĩa lệnh phụ	Đĩa lệnh phụ
	S	Đĩa lệnh phụ	Đĩa lệnh chính
	A	Đĩa lệnh chính	Đĩa lệnh phụ
	M	Không có	

b5: Đo Sáng Ma Trận

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Chọn **ON** **Dò tìm khuôn mặt bật** để cho phép nhận diện khuôn mặt khi chụp chân dung với đo sáng ma trận trong chụp ảnh bằng kính ngắm (📖 129).

b6: Vùng ưu tiên trung tâm

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Chọn kích thước của khu vực được đo ưu tiên trung tâm nhất. Nếu lắp thấu kính không CPU, kích thước của khu vực này được cố định ở mức 12 mm.

b7: Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Sử dụng tùy chọn này để tinh chỉnh giá trị phơi sáng được chọn bằng máy ảnh. Phơi sáng có thể được tinh chỉnh riêng biệt đối với mỗi phương pháp đo sáng bằng giá trị từ +1 đến -1 EV trong các bước $\frac{1}{6}$ EV.



Dò Tinh Chỉnh Phơi Sáng

Có thể dò tinh chỉnh phơi sáng riêng cho mỗi tập hợp Cài Đặt Tùy Chọn và không bị ảnh hưởng bởi khởi động lại hai nút. Chú ý rằng biểu tượng bù phơi sáng (☒) không được hiển thị, cách duy nhất để xác định mức độ phơi sáng đã được thay đổi là đọc lượng phơi sáng trên menu dò tinh chỉnh.



c: Hẹn giờ/khóa AE

c1: Nút nhả cửa trập AE-L

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn bật khóa phơi sáng hoặc không bật khi nút nhả cửa trập được nhấn.

Tùy chọn	Mô tả
 ON Bật (nhấn nửa chừng)	Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để khóa phơi sáng.
 ON Bật (chế độ chụp liên tiếp)	Phơi sáng chỉ khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống hết cỡ.
Tắt	Nhấn nút nhả cửa trập không khóa phơi sáng.

c2: Hẹn giờ chờ

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn độ dài thời gian máy ảnh tiếp tục đo phơi sáng khi không tiến hành thao tác điều khiển nào. Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính hiển thị trên bảng điều khiển trên và kính ngắm tự động tắt khi hẹn giờ chờ hết hạn.

Chọn hẹn giờ chờ ngắn hơn để có tuổi thọ pin lâu hơn.



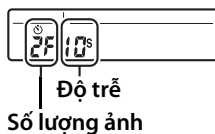
c3: Tự hẹn giờ

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn độ thời gian độ trễ nhả cửa trập, số lần chụp, và quãng thời gian giữa mỗi lần chụp ở chế độ tự hẹn giờ (📷 120).

- **Độ trễ tự hẹn giờ:** Chọn độ dài thời gian độ trễ nhả cửa trập.
- **Số lượng ảnh:** Nhấn  và  để chọn số lần chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.
- **Quãng thời gian giữa các ảnh:** Chọn quãng thời gian giữa các lần chụp khi **Số lượng ảnh** lớn hơn 1.

Độ trễ và số lần chụp được thể hiện trong bảng điều khiển phía sau.



c4: Độ Trễ Tắt Màn Hình

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn khoảng thời gian màn hình vẫn bật khi không vận hành chức năng nào của máy ảnh trong khi phát lại (**Phát lại**; mặc định ở 10 giây) và xem lại ảnh (**Xem lại hình ảnh**; mặc định ở 4 giây), khi các menu (**Menu**; mặc định ở 1 phút) hoặc thông tin (**Hiển thị thông tin**; mặc định ở 10 giây) được hiển thị hoặc trong xem trực tiếp và quay phim (**Xem trực tiếp**; mặc định ở 10 phút). Chọn độ trễ tắt màn hình ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.



d: Chụp/hiển thị

d1: Tốc Độ Chụp Liên Tục

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn tốc độ tiến khuôn hình tối đa cho các chế độ **CH** (tốc độ cao liên tục) và **CL** (tốc độ thấp liên tục). Để có thêm thông tin về tốc độ khuôn hình, xem trang 117.

Tùy chọn	Mô tả
Tốc độ cao liên tục	Chọn tốc độ tiến khuôn hình cho chế độ CH (tốc độ cao liên tục) từ 10, 11, hoặc 12 khuôn hình trên một giây hoặc 14 fps (gương nâng lên) .
Tốc độ thấp liên tục	Chọn tốc độ tiến khuôn hình cho chế độ CL (tốc độ thấp liên tục) từ các giá trị giữa 1 và 10 khuôn hình trên một giây.

d2: Nhả liên tục tối đa

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Số lượng tối đa số lần chụp có thể chụp trong một lần bấm máy ở chế độ chụp liên tục có thể được đặt ở bất cứ giá trị nào giữa 1 và 200. Lưu ý rằng bất kể tùy chọn nào được chọn, không có giới hạn số lượng ảnh có thể được chụp trong một lần chụp liên tiếp khi chọn tốc độ cửa trập là 4 giây hoặc chậm hơn trong chế độ phơi sáng **S** hoặc **M**.

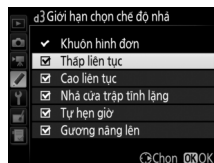
Bộ Nhớ Đệm

Bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d2, việc chụp sẽ chậm lại khi bộ nhớ đệm đầy (). Xem trang 475 để có thêm thông tin về dung lượng bộ nhớ đệm.

d3: Giới hạn chọn chế độ nhả

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn các tùy chọn có thể được truy cập bằng cách nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính khi đĩa lệnh chế độ được xoay tới  (117). Làm nổi bật các tùy chọn và nhấn  để chọn hoặc bỏ chọn. Nhấn  để thoát khi cài đặt xong.



d4: Tùy chọn chế độ nhả đồng bộ

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn đồng bộ hoặc không đồng bộ các cửa trap trên các máy ảnh từ xa với cửa trap trên máy ảnh chính khi sử dụng bộ phát không dây tùy chọn hoặc điều khiển từ xa không dây trong chế độ nhả đồng bộ.

d5: Chế Độ Trễ Phơi Sáng

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Trong những tình huống chuyển động máy ảnh nhỏ nhất cũng có thể làm mờ ảnh, chọn **1 s**, **2 s**, hoặc **3 s** để làm trễ nhả cửa trap cho đến khi một, hai, hoặc ba giây sau khi gương được nâng lên.



d6: Cửa Trập Màn Trước Điện Tử

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn **Bật** để bật cửa trập màn trước điện tử trong chế độ **Mup**, loại bỏ mờ do chuyển động cửa trập. Cửa trập cơ được sử dụng trong các chế độ nhà khác.

Cửa trập màn trước điện tử

Nên dùng thấu kính loại G, E, hoặc D; chọn **Tắt** nếu bạn nhận thấy có đường thẳng hoặc sương mù khi chụp với các thấu kính khác. Tốc độ màn trập nhanh nhất và độ nhạy ISO tối đa có sẵn với cửa trập màn trước điện tử lần lượt là $1/2000$ giây và ISO 102400.

d7: Chuỗi Số Tập

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Khi chụp ảnh, máy ảnh đặt tên tệp bằng cách cộng một vào số cuối cùng của tệp trước. Tùy chọn này điều khiển liệu việc đánh số tập tin có tiếp tục từ số cuối cùng được sử dụng hay không khi tạo một thư mục mới, thẻ nhớ được định dạng, hoặc khi lắp một thẻ nhớ mới vào máy ảnh.

Tùy chọn	Mô tả
Bật	Khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh, việc đánh số tập tin tiếp tục từ số cuối cùng được dùng hoặc từ số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời, lấy số lớn hơn. Nếu một tấm ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa ảnh có số 9999, thì một thư mục mới sẽ tự động được tạo và việc đánh số tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001.



Tùy chọn	Mô tả
Tắt	Việc đánh số tập tin được đặt lại ở 0001 khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh. Chú ý rằng một thư mục mới được tạo tự động nếu ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa 999 tấm ảnh.
Đặt lại	Như với Bật , ngoại trừ bức ảnh được chụp tiếp theo được chỉ định số tập tin bằng cách cộng một vào số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời. Nếu thư mục trống, việc đánh số tập tin sẽ được đặt lại từ 0001.

Chuỗi Số Tập

Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, thì nút nhả cửa trập sẽ bị tắt và không chụp thêm được tấm ảnh nào (ngoài ra, ghi phim có thể bị tắt nếu thư mục hiện tại được đánh số 999 và tệp tiếp theo sẽ được đánh số là 992 hoặc 9992 hoặc cao hơn). Do việc tạo thư mục tự động được tắt khi số thư mục đạt tới 999, việc quay trong chế độ phim có thể kết thúc nếu **Chụp khuôn hình trực tiếp** được gán cho nút nhả cửa trập bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**) và thư mục hiện tại được đánh số 999 và chứa 942 tập tin trở lên hoặc số tập tin được đánh số 9942 hoặc cao hơn. Chọn **Đặt lại** cho Cài Đặt Tùy Chọn d7 (**Chuỗi số tệp**) và sau đó định dạng lại thẻ nhớ hiện tại hoặc lắp thẻ nhớ mới.

d8: Hiện thị lưới kính ngắm

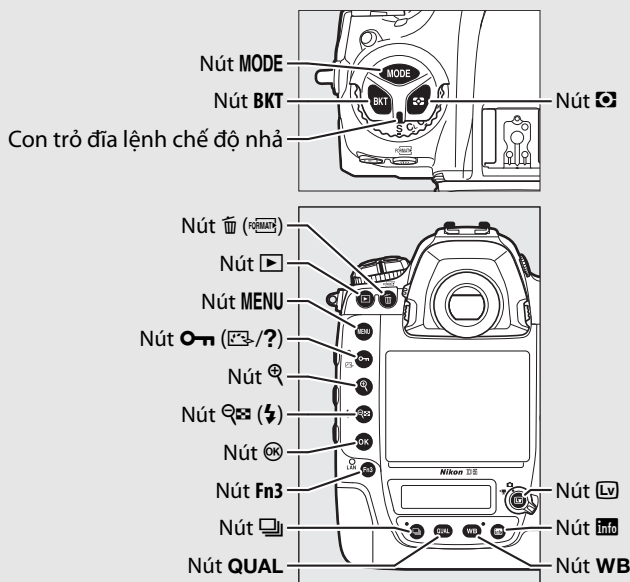
Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn **Bật** để hiện thị các đường lưới theo yêu cầu trên kính ngắm để tham khảo trước khi chụp ảnh (📖 10).



Nếu **Tắt** được chọn, bảng điều khiển và đèn nền của nút (đèn rọi) sẽ chỉ sáng trong khi công tắc điện được xoay thẳng đến ☼. Nếu **Bật** được chọn, đèn nền sẽ được vẫn sáng trong khi hẹn giờ chờ đang hoạt động (📖 41). Bất kể tùy chọn nào được chọn, đèn nền sẽ tắt khi nút nhả cửa trập được nhấn; nếu **Bật** được chọn, chúng sẽ sáng lại khi bạn nhắc ngón tay khỏi nút nhả cửa trập. Chọn **Tắt** để tăng tuổi thọ pin.

🔧 Đèn Nền Nút



e: Chụp Bù Trừ/Đèn Nháy

e1: Tốc độ đồng bộ đèn nháy

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này điều khiển tốc độ đồng bộ đèn nháy.

Tùy chọn	Mô tả
1/250 s (FP tự động)	Đồng bộ tốc độ cao FP tự động được sử dụng khi bộ đèn nháy tương thích được gắn vào (□ 422). Nếu các bộ đèn nháy khác được sử dụng, tốc độ cửa trập được đặt ở $1/250$ giây. Khi máy ảnh hiển thị tốc độ cửa trập $1/250$ giây ở chế độ phơi sáng P hoặc A , đồng bộ tốc độ cao FP tự động được kích hoạt nếu tốc độ thực của cửa trập lớn hơn $1/250$ giây. Nếu bộ đèn nháy hỗ trợ đồng bộ tốc độ cao FP tự động, có thể chọn tốc độ cửa trập nhanh $1/8000$ giây bởi máy ảnh (chế độ P và A) hoặc bởi người dùng (chế độ S và M).
1/250 s–1/60 s	Tốc độ đồng bộ đèn nháy đặt ở giá trị đã chọn.

Cố Định Tốc Độ Cửa Trập ở Giới Hạn Tốc Độ Đồng Bộ Đèn Nháy

Để đặt cố định tốc độ cửa trập ở giới hạn tốc độ đồng bộ ở chế độ tự động ưu tiên cửa trập hoặc phơi sáng bằng tay, chọn tốc độ cửa trập tiếp sau tốc độ cửa trập chậm nhất có thể (30 giây hoặc - -). X (chỉ báo đồng bộ đèn nháy) sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển trên và kính ngắm.

Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động

Đồng bộ tốc độ cao FP tự động cho phép sử dụng đèn nháy ở tốc độ cửa trập cao nhất mà máy ảnh hỗ trợ, điều này cho phép chọn độ mở ống kính tối đa để giảm độ sâu của trường ngay cả khi đối tượng chụp bị ngược sáng trong điều kiện có nhiều ánh sáng mặt trời. Chỉ báo chế độ đèn nháy hiển thị thông tin hiển thị “FP” khi đồng bộ tốc độ cao FP tự động được kích hoạt.



e2: Tốc Độ Cửa Trập Đèn Nháy

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này quyết định tốc độ cửa trập chậm nhất có sẵn khi đồng bộ màn trước hoặc đồng bộ màn sau hoặc giảm mắt đỏ ở chế độ phơi sáng tự động được lập trình hoặc tự động ưu tiên độ mở ống kính (không phụ thuộc vào cài đặt đã chọn, tốc độ cửa trập có thể chậm ở mức 30 giây ở các chế độ phơi sáng tự động ưu tiên cửa trập và phơi sáng bằng tay hoặc ở cài đặt đèn nháy đồng bộ chậm, đồng bộ màn phía sau chậm, hoặc giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm).

e3: Bù phơi sáng cho đèn nháy

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn cách máy ảnh điều chỉnh mức nháy khi sử dụng bù phơi sáng.

Tùy chọn	Mô tả
 Toàn bộ khuôn hình	Cả hai mức nháy và bù phơi sáng được điều chỉnh để thay đổi phơi sáng trên toàn bộ khuôn hình.
 Chỉ hậu cảnh	Bù phơi sáng chỉ áp dụng đối với nền.

e4: Đ.khiển t.động độ nhạy ISO ⚡

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn tham chiếu sử dụng để thiết lập độ phơi sáng khi đèn nháy được sử dụng với điều khiển độ nhạy ISO tự động.

Tùy chọn	Mô tả
 Đối tượng và hậu cảnh	Máy ảnh tính tới cả đối tượng chính và ánh sáng nền khi điều chỉnh độ nhạy ISO.
 Chỉ đối tượng	Độ nhạy ISO được điều chỉnh chỉ để đảm bảo đối tượng chính được phơi sáng chính xác.

e5: Đèn Nháy Tạo Mô Hình

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Nếu **Bật** được chọn khi máy ảnh sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn hỗ trợ Hệ thống chiếu sáng sáng tạo Nikon (□ 422), đèn nháy tạo mô hình sẽ được phát ra khi nút **Pv** máy ảnh được nhấn (□ 132). Không có đèn nháy mô hình được phát ra nếu nút **Tắt** được chọn.

e6: Chụp bù trừ tự động (chế độ M)

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Tùy chọn này xác định cài đặt nào bị ảnh hưởng khi **AE & đèn nháy** hoặc **Chỉ AE** được chọn cho tùy chọn **Bộ chụp bù trừ tự động** trong menu chụp ảnh trong chế độ phơi sáng bằng tay.

Tùy chọn	Mô tả
Đèn nháy/tốc độ	Máy ảnh thay đổi tốc độ cửa trập (Chỉ AE) hoặc tốc độ cửa trập và mức đèn nháy (AE & đèn nháy).
Đèn nháy/tốc độ/độ mở ống kính	Máy ảnh thay đổi tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (Chỉ AE) hoặc tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, và mức đèn nháy (AE & đèn nháy).
Đèn nháy/độ mở ống kính	Máy thay đổi độ mở ống kính (Chỉ AE) hoặc độ mở ống kính và mức đèn nháy (AE & đèn nháy).
Chỉ đèn nháy	Máy ảnh chỉ thay đổi mức đèn nháy (AE & đèn nháy).

Bù trừ đèn nháy được thực hiện chỉ với i-TTL hoặc điều khiển đèn nháy (độ mở ống kính tự động) . Nếu một cài đặt không phải là **Chỉ đèn nháy** được chọn và đèn nháy không được sử dụng, độ nhạy ISO được cố định ở giá trị cho ảnh chụp đầu tiên khi điều khiển độ nhạy ISO được bật (□ 126).

e7: Thứ Tự Chụp Bù Trừ

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Ở cài đặt mặc định **MTR > dưới > quá** (□), phơi sáng, đèn nháy, và chụp bù trừ trắng cân bằng được thực hiện theo thứ tự mô tả ở trang 148 và 152. Nếu **Dưới > MTR > quá** (→+) được chọn, việc chụp ảnh sẽ theo thứ tự từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất. Cài đặt này không ảnh hưởng đến bù trừ ADL.



f: Điều khiển

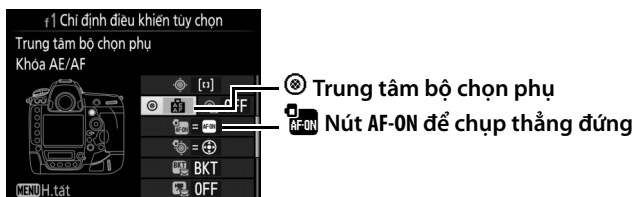
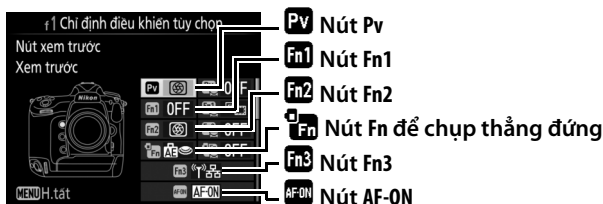
f1: Chỉ định điều khiển tùy chọn

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Chọn các chức năng được gán cho điều khiển máy ảnh, dù sử dụng riêng hoặc kết hợp với các đĩa lệnh.

■ Nhấn

Chọn vai trò của các điều khiển sau, làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn vào giữa đa bộ chọn:



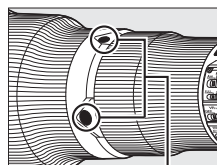
“Nhấn” và “Nhấn + Đĩa lệnh”

Không thể gán được một số vai trò đồng thời cho cả chức năng “nhấn” và “nhấn + lệnh” cho một số điều khiển. Việc gán vai trò cho “nhấn” khi nó đã được gán cho “nhấn + đĩa lệnh” sẽ đặt tùy chọn “nhấn + đĩa lệnh” sang **Không có**, trong khi việc gán vai trò cho “nhấn + đĩa lệnh” khi nó đã được gán cho “nhấn” sẽ đặt tùy chọn “nhấn” sang **Không có**.



LFn Nút chức năng lấy nét thấu kính *

* Có thể sử dụng các nút chức năng lấy nét thấu kính chỉ cho chức năng được gán khi **AF-L** được chọn với bộ chọn chức năng lấy nét.



Nút chức năng lấy
nét thấu kính

Có thể gán các chức năng cho các điều khiển như sau:

Tùy chọn	Pv	Fn1	Fn2	LFn	Fn3	AF-ON	⊗	AF-ON	LFn
PRE ^[C] Điểm lấy nét thiết lập sẵn	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	✓
[C] Chế độ vùng AF	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
[C] AF Chế độ vùng AF + AF-ON	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
⊗ Xem trước	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
⚡ Khóa FV	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
AE Khóa AE/AF	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
AE Chỉ khóa AE	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
AE ⊗ Khóa AE (Đặt lại khi nhả)	✓	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	—
AE ⊗ Khóa AE (Giữ)	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	—
AF Chỉ khóa AF	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
AF-ON AF-ON	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
⊗/⚡ Tắt/bật	✓	✓	✓	—	—	—	✓	—	✓
BKT Chụp bù trừ liên tiếp	✓	✓	✓	—	—	—	✓	—	—
+RAW + NEF (RAW)	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
☀ Đo sáng ma trận	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—



Tùy chọn	Pv	Fn1	Fn2	Fn	Fn3	AF-ON	⊗	AF-ON	L-Fn
Đo sáng cân bằng trung tâm	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
Đo sáng điểm	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
* Đo sáng ưu tiên vùng sáng	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
Hiển thị lưới kính ngắm	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
Đường chân trời ảo kính ngắm	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
14 Liên tục 14 fps (Mup)	✓	✓	✓	—	—	—	✓	—	✓
Lựa chọn nhả đồng bộ	✓	✓	✓	—	—	—	✓	—	✓
MENU CỦA TÔI	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
Tr.c nh.nhất trog MENU CỦA TÔI	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
Kết nối mạng	✓	✓	✓	—	✓	—	—	—	—
Phát Lại	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—
Ghi nhớ giọng nói	—	—	—	—	✓	—	—	—	—
Xếp hạng	—	—	—	—	✓	—	—	—	—
RESET Chọn điểm lấy nét trung tâm	—	—	—	—	—	—	✓	—	—
Giống như nút AF-ON	—	—	—	—	—	—	—	✓	—
Không có	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—

Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
PRE ^[a] Điểm lấy nét thiết lập sẵn	Việc nhấn điều khiển sẽ chọn một điểm lấy nét thiết lập sẵn. Để chọn điểm, chọn và nhấn trung tâm đa bộ chọn trong khi nhấn nút chế độ AF cho đến khi điểm lấy nét nhấp nháy. Có thể chọn các điểm lấy nét riêng cho hướng “rộng” (phong cảnh) và cho mỗi hướng “dọc” (chân dung) nếu Điểm lấy nét hoặc Điểm lấy nét và chế độ vùng AF được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a7 (Lưu trữ theo hướng, 330). Nếu tùy chọn này được gán cho các nút chức năng lấy nét thấu kính, bạn có thể chọn điểm lấy nét thiết lập sẵn bằng cách nhấn và giữ nút chức năng lấy nét thấu kính. Nhả nút để khôi phục lại lựa chọn điểm lấy nét ban đầu.



Tùy chọn	Mô tả
[] Chế độ vùng AF	Làm nổi bật tùy chọn này và nhấn để chọn chế độ vùng AF (không bao gồm theo dõi 3D; 104). Chế độ được chọn sẽ có hiệu lực khi điều khiển được nhấn; việc nhả điều khiển sẽ khôi phục chế độ vùng AF ban đầu.
[] Chế độ vùng AF + AF-ON	Như với Chế độ vùng AF ở trên, ngoại trừ việc nhấn điều khiển cũng sẽ khởi tạo lấy nét tự động.
Xem trước	Khi chụp ảnh bằng kính ngắm, bạn có thể xem trước độ sâu của trường khi nhấn điều khiển (132). Trong khi chụp ảnh xem trực tiếp, bạn có thể nhấn điều khiển một lần để mở thấu kính ở độ mở ống kính tối đa, giúp dễ dàng kiểm tra lấy nét; nhấn điều khiển một lần nữa sẽ khôi phục lại độ mở ống kính về giá trị ban đầu của nó (50).
Khóa FV	Nhấn điều khiển để khóa giá trị nháy cho các bộ đèn nháy tùy chọn (202). Nhấn lại để hủy khóa FV.
Khóa AE/AF	Khóa chế độ lấy nét và phơi sáng khi nút này được nhấn.
Chỉ khóa AE	Phơi sáng khóa khi điều khiển được nhấn.
Khóa AE (Đặt lại khi nhả)	Khóa phơi sáng khi điều khiển được nhấn và duy trì khóa cho đến khi nhấn điều khiển lần thứ hai, cửa trập được nhả hoặc hẹn giờ chờ hết hạn.
Khóa AE (Giữ)	Phơi sáng khóa khi điều khiển được nhấn và duy trì khóa cho đến khi nhấn điều khiển lần thứ hai hoặc hẹn giờ chờ hết hạn.
Chỉ khóa AF	Lấy nét được khóa khi nhấn điều khiển.
AF-ON	Nhấn điều khiển để bắt đầu lấy nét tự động.
Tắt/bật	Nếu đèn nháy hiện đang tắt, đồng bộ màn trước sẽ được chọn trong khi điều khiển được nhấn. Nếu đèn nháy hiện đang được bật, nó sẽ bị tắt khi điều khiển được nhấn.



Tùy chọn	Mô tả
BKT  Chụp bù trừ liên tiếp	Nếu nhấn điều khiển trong khi phơi sáng, đèn nháy, hoặc bù trừ ADL đang được bật trong khuôn hình đơn hoặc ở chế độ nhả cửa trập tĩnh lặng, tất cả các lần chụp trong chương trình chụp bù trừ hiện tại sẽ được chụp mỗi khi nhấn nút nhả cửa trập. Nếu chụp bù trừ cân bằng trắng được kích hoạt hoặc chế độ nhả liên tục (chế độ CH , CL , hoặc liên tục tĩnh lặng) được chọn, máy ảnh sẽ lặp lại chụp bù trừ liên tiếp trong khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống.
+RAW  + NEF (RAW)	Nếu tùy chọn JPEG hiện được chọn cho chất lượng ảnh, "RAW" sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển phía sau và một bản sao của NEF (RAW) sẽ được ghi lại với ảnh tiếp theo được chụp sau khi nhấn điều khiển (cài đặt chất lượng hình ảnh ban đầu sẽ được khôi phục lại khi nhấn ngón tay khỏi nút nhả cửa trập). Các bản sao NEF (RAW) được ghi ở các cài đặt hiện được chọn cho Ghi NEF (RAW) và Cỡ hình ảnh > NEF (RAW) trong menu chụp ảnh (□ 94, 96). Để thoát mà không cần ghi bản sao NEF (RAW), nhấn điều khiển lần nữa.
 Đo sáng ma trận	Đo sáng ma trận được kích hoạt khi nhấn điều khiển.
 Đo sáng cân bằng trung tâm	Đo sáng cân bằng trung tâm được kích hoạt khi nhấn điều khiển.
 Đo sáng điểm	Đo sáng điểm được kích hoạt khi được nhấn.
 Đo sáng ưu tiên vùng sáng	Đo sáng ưu tiên vùng sáng được kích hoạt khi điều khiển được nhấn.
 Hiển thị lưới kính ngắm	Nhấn điều khiển để bật hoặc tắt hiển thị lưới khuôn hình trong kính ngắm (□ 10).
 Đường chân trời ảo kính ngắm	Nhấn điều khiển để xem hiển thị đường chân trời ảo trong kính ngắm (□ 352).



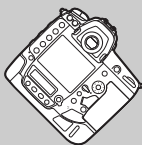
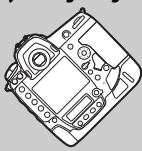
Tùy chọn	Mô tả
 Liên tục 14 fps (Mup)	Để chụp ảnh ở khoảng 14 khuôn hình trên một giây với gương nâng lên ở chế độ nhả tốc độ thấp liên tục hoặc tốc độ cao liên tục (□ 116), giữ nhấn điều khiển trong khi nhấn nút nhả của trập xuống hết cỡ (□ 117). Lấy nét và phơi sáng được cố định ở các giá trị cho khung hình đầu tiên trong mỗi lần chụp liên tục. Tùy chọn này không có tác dụng trong chụp ảnh xem trực tiếp nếu Bật được chọn cho Chụp xem trực tiếp im lặng (□ 54).
 Lựa chọn nhả đồng bộ	Khi bộ phát không dây tùy chọn hoặc điều khiển từ xa không dây được kết nối, có thể sử dụng điều khiển để chuyển đổi giữa nhả từ xa và nhả chính hoặc nhả đồng bộ. Các tùy chọn có sẵn phụ thuộc vào cài đặt được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d4 (Tùy chọn chế độ nhả đồng bộ): - Nếu Đồng bộ được chọn, bạn có thể chọn từ Chỉ nhả chính (nhấn điều khiển để chỉ chụp ảnh với máy ảnh chính) và Chỉ nhả từ xa (nhấn điều khiển để chụp ảnh chỉ với máy ảnh từ xa). - Nếu Không đồng bộ được chọn, bạn có thể chọn từ Nhả đồng bộ (giữ nhấn điều khiển để đồng bộ nhả trên máy ảnh chính và các máy ảnh từ xa) và Chỉ nhả từ xa (giữ nhấn điều khiển để chụp ảnh chỉ với các máy ảnh từ xa).
 MENU CỦA TÔI	Việc nhấn điều khiển sẽ hiển thị “MENU CỦA TÔI”.
 Tr.c nh.nhất trog MENU CỦA TÔI	Nhấn điều khiển để nhảy tới mục hàng đầu trong “MENU CỦA TÔI”. Chọn tùy chọn này để truy cập nhanh vào một mục thường hay dùng trên menu.
 Kết nối mạng	Nếu máy ảnh trước đây đã được kết nối với mạng, việc nhấn điều khiển sẽ hiển thị một hộp thoại lựa chọn mạng; nếu không, việc nhấn điều khiển sẽ hiển thị tùy chọn Mạng trong menu cài đặt.
 Phát Lại	Điều khiển thực hiện chức năng tương tự như nút  . Chọn khi sử dụng thấu kính chụp ảnh xa hoặc ở trong các trường hợp khác khi quá khó để thao tác nút  bằng tay trái.
 Ghi nhớ giọng nói	Sử dụng điều khiển cho các hoạt động ghi nhớ bằng giọng nói (□ 272).
 Xếp hạng	Để xếp hạng ảnh hiện tại trong chế độ phát lại, giữ nhấn điều khiển và nhấn  hoặc  (□ 267).

Tùy chọn	Mô tả
RESET	Nhấn điều khiển để chọn điểm lấy nét trung tâm.
Giống như nút AF-ON	Điều khiển thực hiện vai trò tương tự như vai trò được chọn cho nút AF-ON .
Không có	Việc nhấn điều khiển không có tác dụng gì.

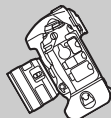
Đường chân trời ảo

Nhấn điều khiển mà **Đường chân trời ảo kính ngắm** đã được gán sẽ hiển thị chỉ báo độ nghiêng và cuộn trong kính ngắm. Nhấn điều khiển lần thứ hai để xóa chỉ báo khỏi màn hình hiển thị.

Đổ

Máy ảnh nghiêng phải	Máy ảnh cân bằng	Máy ảnh nghiêng trái
		
		

Độ nghiêng

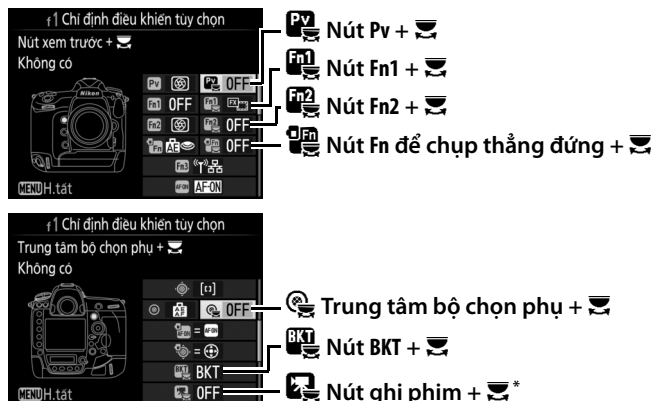
Máy ảnh nghiêng về trước	Máy ảnh cân bằng	Máy ảnh nghiêng về sau
		
		

Vai trò của các chỉ báo độ nghiêng và cuộn được đảo ngược khi xoay máy ảnh để chụp hướng “dọc” (chân dung). Chú ý rằng hiển thị có thể không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc về phía sau. Nếu máy ảnh không đo được độ nghiêng, mức nghiêng sẽ không hiển thị.



■ Nhấn + đĩa lệnh

Để chọn những vai trò của các điều khiển sau khi kết hợp với đĩa lệnh, làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn trung tâm của đa bộ chọn:



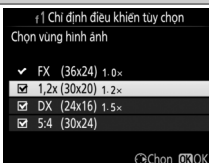
* Chọn vai trò do nút ghi phim đảm nhận kết hợp với đĩa lệnh khi bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang [icon].

Có thể gán các chức năng cho các điều khiển như sau:

Tùy chọn	Pv	Fn1	Fn2	Fn	BKT	BKT
Chọn vùng hình ảnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓
T.độ c.trập & khóa độ mở ống kính	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tốc độ/độ mở ống kính 1 bước	✓	✓	✓	✓	—	—
Chọn số thấu kính không CPU	✓	✓	✓	✓	✓	—
D-Lighting hoạt động	✓	✓	✓	✓	—	—
Chế độ trễ phơi sáng	✓	✓	✓	✓	—	—
Tập hợp menu chụp ảnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Độ nhạy ISO	—	—	—	✓	—	—
Chế độ phơi sáng	—	—	—	✓	—	✓
Bù phơi sáng	—	—	—	✓	—	—

Tùy chọn	Pv	Fn1	Fn2	Fn3	Fn4	BKT	Fn5
Đo sáng	—	—	—	✓	—	—	—
BKT Chụp bù trừ tự động	—	—	—	—	—	✓	—
Đa phơi sáng	—	—	—	—	—	✓	—
HDR HDR (dải nhạy sáng cao)	—	—	—	—	—	✓	—
Không có	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
Chọn vùng hình ảnh	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh để chọn từ vùng hình ảnh được chọn trước (87). Việc chọn Chọn vùng hình ảnh sẽ hiển thị danh sách các vùng hình ảnh; làm nổi bật tùy chọn và nhấn để chọn hoặc bỏ chọn, sau đó nhấn . 
T.độ c.trập & khóa độ mở ố.kính	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để khóa tốc độ cửa trập trong các chế độ S và M ; nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh phụ để khóa độ mở ống kính trong các chế độ A và M . Xem trang 140 để biết thêm thông tin.
Tốc độ/độ mở ống kính 1 bước	Nếu điều khiển được nhấn khi đĩa lệnh được xoay, thay đổi ở tốc độ cửa trập (chế độ phơi sáng S và M) và độ mở ống kính (chế độ phơi sáng A và M) được thực hiện theo gia số 1 EV, không phụ thuộc vào tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b2 (Bước EV cho đ.khiển phơi sáng , 333).
Non-CPU Chọn số thấu kính không CPU	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh để chọn một số thấu kính cụ thể bằng cách dùng tùy chọn Dữ liệu thấu kính không CPU (243).
D-Lighting hoạt động	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh để điều chỉnh D-Lighting hoạt động (187).

Tùy chọn	Mô tả
 Chế độ trễ phơi sáng	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh để chọn chế độ trễ phơi sáng (□ 339).
 Tập hợp menu chụp ảnh	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh để chọn tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn (□ 310).
ISO Độ nhạy ISO	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để chọn độ nhạy ISO (□ 124) hoặc xoay đĩa lệnh phụ để điều chỉnh cài đặt độ nhạy ISO tự động.
 Chế độ phơi sáng	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để chọn chế độ phơi sáng (□ 131).
 Bù phơi sáng	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để chọn bù phơi sáng (□ 143).
 Đo sáng	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để chọn phương pháp đo sáng (□ 129).
BKT Chụp bù trừ tự động	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để chọn số ảnh trong chuỗi chụp bù trừ và đĩa lệnh phụ để chọn giá số chụp bù trừ (□ 146).
 Đa phơi sáng	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để chọn chế độ và đĩa lệnh phụ để chọn số lượng ảnh chụp (□ 231).
HDR HDR (dải nhạy sáng cao)	Nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh chính để chọn chế độ và đĩa lệnh phụ để chọn độ lệch phơi sáng (□ 193).
Không có	Không có thao tác nào được thực hiện khi các đĩa lệnh được xoay trong khi điều khiển được nhấn.

Nút BKT

Nếu dải nhạy sáng cao hoặc đa phơi sáng đang hoạt động trong khi chức năng khác được gán cho nút **BKT**, không thể sử dụng nút **BKT** cùng với đĩa lệnh cho đến khi chụp ảnh với dải nhạy sáng cao hoặc đa phơi sáng kết thúc.



■ “Bộ chọn phụ” và “Đa bộ chọn để chụp thẳng đứng”

Để chọn các vai trò được gán cho bộ chọn phụ và đa bộ chọn để chụp theo chiều đứng, làm nổi bật một tùy chọn và nhấn vào giữa đa bộ chọn.

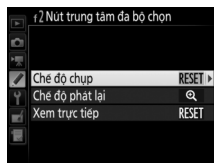


Bộ chọn phụ

Đa bộ chọn để chụp theo chiều đứng

Tùy chọn	Mô tả
=  Giống như đa bộ chọn	Các nút , , , và  trên điều khiển được chọn thực hiện các chức năng tương tự như các nút tương ứng trên đa bộ chọn. Trong trường hợp bộ chọn phụ, bạn có thể nhấn  và chọn Thu phóng phát lại để chọn vai trò của bộ chọn phụ trong khi thu phóng phát lại: cuộn ảnh (Cuộn) hay xem ảnh khác ở tỷ lệ thu phóng tương tự (H.thị kh.hình t.theo/trc đó). Trong trường hợp sử dụng đa bộ chọn để chụp theo chiều đứng, bạn có thể nhấn  và chọn Thông tin ảnh/phát lại để chọn nhấn để điều khiển trái hoặc phải để xem thông tin ảnh và nhấn lên hoặc xuống để xem thêm ảnh (Thông tin /Phát lại ) hoặc ngược lại (Thông tin /Phát lại ).
[] Chọn điểm lấy nét	Sử dụng điều khiển để chọn điểm lấy nét. Trong trường hợp đa bộ chọn để chụp theo chiều đứng, vai trò của phần giữa bộ chọn giống như vai trò được chọn bằng cách sử dụng Trung tâm bộ chọn phụ +  (353).

Tùy chọn này xác định vai trò được chỉ định cho trung tâm đa bộ chọn trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm, phát lại và xem trực tiếp (bất kể tùy chọn nào được chọn, việc nhấn trung tâm đa bộ chọn khi phim được hiển thị toàn khuôn hình sẽ bắt đầu phát lại phim).



■ Chế Độ Chụp

Tùy chọn	Vai trò được chỉ định cho trung tâm đa bộ chọn
RESET Chosen điểm lấy nét trung tâm	Chosen điểm lấy nét trung tâm.
PRE ^[a] Điểm lấy nét thiết lập sẵn	Việc nhấn trung tâm đa bộ chọn sẽ chọn điểm lấy nét thiết lập sẵn. Để chọn điểm, chọn và nhấn trung tâm đa bộ chọn trong khi nhấn nút chế độ AF cho đến khi điểm lấy nét nháy. Có thể chọn các điểm lấy nét riêng cho hướng "rộng" (phong cảnh) và cho mỗi hướng "đọc" (chân dung) nếu Điểm lấy nét hoặc Điểm lấy nét và chế độ vùng AF được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a7 (Lưu trữ theo hướng , 330).
Không có	Việc nhấn trung tâm đa bộ chọn không có tác dụng trong chụp ảnh bằng kính ngắm.

■ Chế Độ Phát Lại

Tùy chọn	Vai trò được chỉ định cho trung tâm đa bộ chọn
 Bật/tắt hình thu nhỏ	Hoán đổi giữa phát lại khuôn hình đầy và phát lại hình thu nhỏ.
 Xem biểu đồ	Trong cả phát lại khuôn hình đầy và phát lại hình thu nhỏ, biểu đồ được hiển thị khi trung tâm đa bộ chọn được nhấn.
 Bật/tắt thu phóng	Hoán đổi giữa thu phóng khuôn hình đầy hoặc phát lại hình thu nhỏ và thu phóng phát lại. Chọn cài đặt thu phóng ban đầu từ Độ phóng đại thấp (50%) , 1 : 1 (100%) , và Độ phóng đại cao (200%) . Hiển thị thu phóng sẽ căn giữa vào điểm lấy nét hoạt động.
 Chọn khe và thư mục	Hiển thị hộp thoại chọn khe và thư mục (📁 249).

■ Xem Trực Tiếp

Tùy chọn	Vai trò được chỉ định cho trung tâm đa bộ chọn
RESET Chọn điểm lấy nét trung tâm	Việc nhấn trung tâm đa bộ chọn trong xem trực tiếp sẽ chọn điểm lấy nét trung tâm.
 Bật/tắt thu phóng	Nhấn trung tâm đa bộ chọn để hoán đổi bật và tắt thu phóng. Chọn cài đặt thu phóng ban đầu từ Độ phóng đại thấp (50%) , 1 : 1 (100%) , và Độ phóng đại cao (200%) . Hiển thị thu phóng sẽ căn giữa vào điểm lấy nét hoạt động.
Không có	Việc nhấn trung tâm đa bộ chọn không có tác dụng trong xem trực tiếp.

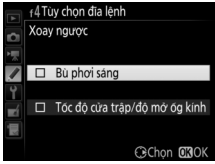
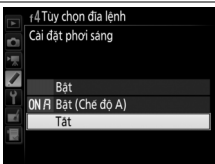
f3: T.độ c.trập & khóa độ mở ống kính

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Việc chọn **Bật** cho **Khóa tốc độ cửa trập** sẽ khóa tốc độ cửa trập ở giá trị hiện được chọn trong chế độ **S** hoặc **M**. Việc chọn **Bật** cho **Khóa độ mở ống kính** sẽ khóa độ mở ống kính ở giá trị hiện được chọn trong chế độ **A** hoặc **M**. Khóa tốc độ cửa trập và khóa độ mở ống kính không có trong chế độ **P**.



Tùy chọn này điều khiển hoạt động của các đĩa lệnh chính và đĩa lệnh phụ.

Tùy chọn	Mô tả
Xoay ngược	Đảo ngược hướng xoay của các đĩa lệnh khi sử dụng để điều chỉnh Bù phơi sáng và/hoặc Tốc độ cửa trập/độ mở ống kính. Làm nổi bật tùy chọn và nhấn → để chọn hoặc bỏ chọn, sau đó nhấn ⊗. Cài đặt này cũng áp dụng đối với đĩa lệnh cho chụp thẳng đứng. 
Thay đổi chính/phụ	Cài đặt phơi sáng: Nếu Tắt được chọn, đĩa lệnh chính sẽ điều khiển tốc độ cửa trập và đĩa lệnh phụ sẽ điều khiển độ mở ống kính. Nếu Bật được chọn, đĩa lệnh chính sẽ điều khiển độ mở ống kính và đĩa lệnh phụ sẽ điều khiển độ tốc độ cửa trập. Nếu Bật (Chế độ A) được chọn, đĩa lệnh chính sẽ được sử dụng để đặt độ mở ống kính chỉ trong chế độ phơi sáng A. Cài đặt lấy nét tự động: Nếu Bật được chọn, có thể chọn chế độ tự động lấy nét bằng cách giữ nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ, chọn chế độ vùng AF bằng cách nhấn giữ nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính. Các cài đặt này cũng áp dụng đối với đĩa lệnh cho chụp thẳng đứng. 

Tùy chọn	Mô tả
Cài đặt độ mở ống kính	Nếu Đĩa lệnh phụ được chọn, độ mở ống kính chỉ có thể được điều chỉnh bằng đĩa lệnh phụ (hoặc bằng đĩa lệnh chính nếu nút Bật được chọn cho Thay đổi chính/phụ > Cài đặt phơi sáng). Nếu chọn Vòng độ mở ống kính , chỉ có thể điều chỉnh khẩu độ bằng vòng khẩu độ của ống kính và hiển thị khẩu độ trên máy ảnh sẽ thể hiện khẩu độ theo các giá trị 1 EV (khẩu độ cho các ống kính loại G và E vẫn được cài bằng cách sử dụng đĩa lệnh phụ). Chú ý rằng dù chế độ cài đặt nào được chọn, vòng độ mở ống kính phải được sử dụng để điều chỉnh độ mở ống kính khi thấu kính không CPU được gắn vào.
Menu và phát lại	Nếu Tắt được chọn, đa bộ chọn vẫn được sử dụng để chọn ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy, làm nổi bật hình thu nhỏ và điều hướng các menu. Nếu Bật hoặc Bật (trừ xem lại hình ảnh) được chọn, có thể sử dụng đĩa lệnh chính để chọn ảnh được chọn trong khi phát lại khuôn hình đầy, di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải trong khi phát lại hình thu nhỏ, và di chuyển menu làm nổi bật thanh lên hoặc xuống. Đĩa lệnh phụ được sử dụng trong phát lại khuôn hình đầy để nhảy về trước hoặc sau theo tùy chọn được chọn cho Tiến khuôn hình đĩa lệnh phụ và trong phát lại hình thu nhỏ để lên trang hoặc xuống trang. Khi các menu được hiển thị, xoay đĩa lệnh phụ sang phải sẽ hiển thị các menu phụ để chọn tùy chọn cần, xoay sang trái để hiển thị menu trước. Để chọn, nhấn ▶ , trung tâm đa bộ chọn, hoặc OK . Chọn Bật (trừ xem lại hình ảnh) để tránh đĩa lệnh bị sử dụng cho phát lại trong khi xem lại hình ảnh.
Tiến khuôn hình đĩa lệnh phụ	Khi Bật hoặc Bật (trừ xem lại hình ảnh) được chọn cho Menu và phát lại , có thể xoay đĩa lệnh phụ trong phát lại toàn khuôn hình để chọn một thư mục hoặc nhảy về trước hoặc sau 10 hoặc 50 khuôn hình mỗi lần, hoặc để chuyển tới ảnh, hình ảnh hoặc phim được bảo vệ tiếp theo hoặc trước.

f5: Đa bộ chọn

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Nếu **Khởi động lại hẹn giờ chờ** được chọn, việc sử dụng đa bộ chọn khi hẹn giờ chờ hết hạn (📅 41) sẽ kích hoạt đồng hồ và bắt đầu hẹn giờ chờ. Nếu **Không làm gì** được chọn, hẹn giờ sẽ không bắt đầu khi đa bộ chọn được nhấn.

f6: Nhả nút để Sử Dụng Đĩa Lệnh

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Việc chọn **Có** sẽ cho phép các điều chỉnh mà thường được thực hiện bằng cách giữ nút , **ISO** (FORMAT), **MODE**, **BKT**, , , , **QUAL**, **WB**, hoặc nút xoay chế độ AF và xoay đĩa lệnh được thực hiện bằng cách xoay đĩa lệnh sau khi nút được nhả. Điều này cũng được áp dụng cho các điều khiển mà D-Lighting hoạt động đã được gán cho tùy chọn “nhấn + đĩa lệnh” cho Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**, 📅 353). Cài đặt kết thúc khi bất kỳ nút chịu tác động nào được nhấn lại hoặc nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

f7: Đảo ngược các chỉ báo

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Nếu    (-0+) được chọn, các chỉ báo phơi sáng trong bảng điều khiển trên, hiển thị thông tin được hiển thị với các giá trị âm ở bên trái và các giá trị dương ở bên phải. Chọn    (+0-) để hiển thị các giá trị dương ở bên trái và giá trị âm ở bên phải.

f8: Tùy chọn nút xem trực tiếp

Nút MENU →  menu cài đặt tùy chọn

Chọn **Tắt** để tắt nút , ngăn chặn xem trực tiếp bắt đầu vô tình. Nếu **Bật (hẹn giờ chờ hoạt động)** được chọn thì chỉ có thể sử dụng nút  để bắt đầu xem trực tiếp trong khi hẹn giờ chờ hoạt động.



Chọn xoay công tắc điện sang để chỉ kích hoạt bằng điều khiển và đèn nền của nút hoặc cũng bật cả màn hình hiển thị thông tin.

g: Phim

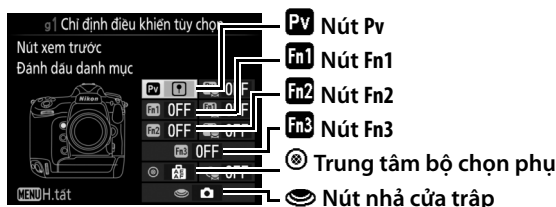
g1: Chỉ định điều khiển tùy chọn

Nút MENU → menu cài đặt tùy chọn

Chọn các chức năng được gán cho các điều khiển máy ảnh, để dùng riêng hoặc dùng kết hợp với các đĩa lệnh khi bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang trong xem trực tiếp.

■ Nhấn

Để chọn vai trò của các điều khiển sau, làm nổi bật tùy chọn và nhấn vào giữa đa bộ chọn:



✍ “Nhấn” và “Nhấn + Đĩa lệnh”

Không thể gán được một số vai trò đồng thời cho cả chức năng “nhấn” và “nhấn + lệnh” cho một số điều khiển. Việc gán vai trò cho “nhấn” khi nó đã được gán cho “nhấn + đĩa lệnh” sẽ đặt tùy chọn “nhấn + đĩa lệnh” sang **Không có**, trong khi việc gán vai trò cho “nhấn + đĩa lệnh” khi nó đã được gán cho “nhấn” sẽ đặt tùy chọn “nhấn” sang **Không có**.

Có thể gán các chức năng cho các điều khiển như sau:

Tùy chọn	Pv	Fn1	Fn2	Fn3	⊗	☰
 Tạo độ mở ống kính bằng điện (mở)	✓	—	—	—	—	—
 Tạo độ mở ống kính bằng điện (đóng)	—	✓	—	—	—	—
 Bù phơi sáng +	✓	—	—	—	—	—
 Bù phơi sáng -	—	✓	—	—	—	—
 Đánh dấu danh mục	✓	✓	✓	✓	✓	—
 Xem thông tin chụp ảnh	✓	✓	✓	✓	✓	—
 Khóa AE/AF	—	—	—	—	✓	—
 Chỉ khóa AE	—	—	—	—	✓	—
 Khóa AE (Giữ)	—	—	—	—	✓	—
 Chỉ khóa AF	—	—	—	—	✓	—
 Chụp ảnh	—	—	—	—	—	✓
 Ghi phim	—	—	—	—	—	✓
 Chụp khuôn hình trực tiếp	—	—	—	—	—	✓
Không có	✓	✓	✓	✓	✓	—

Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
 Tạo độ mở ống kính bằng điện (mở)	Độ mở ống kính mở rộng khi nút Pv được nhấn. Sử dụng kết hợp với Cài Đặt Tùy Chọn g1 (Chỉ định điều khiển tùy chọn) > Nút Fn1 > Tạo độ mở ống kính bằng điện (đóng) để điều chỉnh độ mở ống kính điều khiển bằng nút.
 Tạo độ mở ống kính bằng điện (đóng)	Độ mở ống kính thu hẹp khi nút Fn1 được nhấn. Sử dụng kết hợp với Cài Đặt Tùy Chọn g1 (Chỉ định điều khiển tùy chọn) > Nút xem trước > Tạo độ mở ống kính bằng điện (mở) để điều chỉnh độ mở ống kính điều khiển bằng nút.



Tùy chọn	Mô tả
 Bù phơi sáng +	Tăng bù phơi sáng khi nút Pv được nhấn. Sử dụng kết hợp với Cài Đặt Tùy Chọn g1 (Chỉ định điều khiển tùy chọn) > Nút Fn1 > Bù phơi sáng – để bù phơi sáng điều khiển bằng nút.
 Bù phơi sáng –	Bù phơi sáng giảm khi nhấn nút Fn1 . Sử dụng kết hợp với Cài Đặt Tùy Chọn g1 (Chỉ định điều khiển tùy chọn) > Nút xem trước > Bù phơi sáng + để bù phơi sáng điều khiển bằng nút.
 Đánh dấu danh mục	Nhấn điều khiển trong khi ghi phim để thêm danh mục vào vị trí hiện tại (□□ 63). Có thể sử dụng danh mục khi xem và sửa phim.
 Xem thông tin chụp ảnh	Nhấn điều khiển để hiển thị dữ liệu chụp ảnh thay vì thông tin ghi phim. Nhấn lần nữa để trở lại màn hình hiển thị quay phim bình thường.
 Khóa AE/AF	Khóa chế độ lấy nét và phơi sáng khi nút này được nhấn.
 Chỉ khóa AE	Phơi sáng khóa khi điều khiển được nhấn.
 Khóa AE (Giữ)	Phơi sáng khóa khi điều khiển được nhấn và duy trì khóa cho đến khi nhấn điều khiển lần thứ hai hoặc hẹn giờ chờ hết hạn.
 Chỉ khóa AF	Lấy nét được khóa khi nhấn điều khiển.
 Chụp ảnh	Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để kết thúc quay phim và chụp ảnh với tỉ lệ 16 : 9 (để biết thông tin về cỡ hình ảnh, xem trang 69).

Tùy chọn	Mô tả
 Ghi phim	Nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng để bắt đầu chế độ xem trực tiếp. Nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng để lấy nét (chỉ chế độ lấy nét tự động) và nhấn hết cỡ để bắt đầu hoặc kết thúc ghi. Không thể sử dụng nút nhà cửa trập cho các mục đích khác trong khi bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang  . Để kết thúc xem trực tiếp, nhấn nút  . Nút nhà cửa trập trên điều khiển từ xa không dây tùy chọn hoặc dây chụp từ xa ( 427, 429) có chức năng tương tự như nút nhà cửa trập máy ảnh.
 Chụp khuôn hình trực tiếp	Nếu nút nhà cửa trập được nhấn hết cỡ trong khi ghi phim, máy ảnh sẽ ghi lại một ảnh mà không làm gián đoạn việc ghi phim. Ảnh có tỉ lệ khuôn hình 16 : 9 và được ghi ở chất lượng ảnh JPEG mịn  và cỡ được chọn cho Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình khuôn hình trong menu ghi phim ( 67); nếu hai thẻ được lắp, ảnh sẽ được ghi vào cùng thẻ phim. Lưu ý rằng trong khi ghi phim, chụp được một ảnh mỗi lần bất kể tùy chọn chế độ nhà cửa trập nào được chọn; hạn chế này không áp dụng nếu phim không đang được ghi.
Không có	Việc nhấn điều khiển không có tác dụng gì.

Tạo Độ Mở Ống Kính Bằng Điện

Tạo độ mở ống kính bằng điện chỉ sử dụng được trong chế độ phơi sáng **A** và **M** và không thể được sử dụng trong khi thông tin chụp ảnh được hiển thị (biểu tượng  cho biết không thể sử dụng tạo độ mở ống kính bằng điện). Màn hình hiển thị có thể nhấp nháy trong khi độ mở ống kính được điều chỉnh.

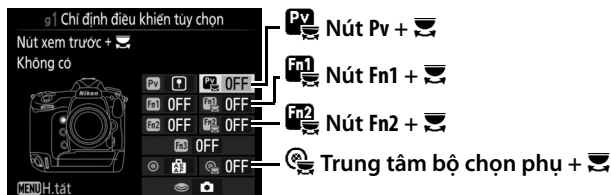
“Ghi Phim”

Khi **Ghi phim** được chọn cho **Nút nhà cửa trập**, chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian ( 236) không có sẵn.



■ Nhấn + đĩa lệnh

Để chọn những vai trò của các điều khiển sau kết hợp với đĩa lệnh, làm nổi bật một tùy chọn và nhấn trung tâm đa bộ chọn:



Có thể thực hiện các chức năng sau bằng cách nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh:

Tùy chọn	Mô tả
 Chọn vùng hình ảnh	Tại cỡ khuôn hình phim 1920 × 1080, bạn có thể nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh để chọn vùng ảnh (70).
Không có	Không có thao tác nào được thực hiện khi các đĩa lệnh được xoay trong khi điều khiển được nhấn.

Chọn Vùng Hình Ảnh

Khi **Chọn vùng hình ảnh** được chọn, có thể sử dụng điều khiển kết hợp với các đĩa lệnh để chuyển từ định dạng phim FX tới định dạng phim DX và định dạng xén 1920 × 1080. Không thể thay đổi vùng hình ảnh trong quá trình chụp.

Y Menu Cài Đặt: Cài Đặt Máy Ảnh

Để hiển thị menu cài đặt, nhấn MENU và chọn Y (thẻ menu cài đặt).

Nút MENU



Tùy chọn		Tùy chọn	
Định dạng thẻ nhớ	368	IPTC	379
Ngôn ngữ (Language)	368	Tùy chọn ghi nhớ giọng nói	382
Múi giờ và ngày	369	Bíp	384
Độ sáng màn hình	369	Điều khiển chạm	384
Cân bằng màu màn hình	370	HDMI	287
Đường chân trời ảo	371	Dữ liệu vị trí	247
Hiển thị thông tin	372	Tùy chọn từ xa không dây (WR)	385
Tinh chỉnh AF	373	Chỉ định cho nút Fn đk h.t. xa (WR)	386
Dữ liệu thấu kính không CPU	244	Mạng	281
Làm sạch cảm biến hình ảnh	435	Khóa nhả khe trống	387
Khóa gương nâng lên để làm sạch*	437	Thông tin pin	388
Ảnh tham chiếu bụi hình ảnh tắt	375	Lưu/Tải cài đặt	389
Bình luận hình ảnh	377	Đặt lại tất cả cài đặt	391
Thông tin bản quyền	378	Phiên bản vi chương trình	391

* Không thực hiện được khi pin sạc yếu.

Xem Thêm

Menu mặc định được liệt kê trên trang 296.

Mạng > Kết nối mạng

Cập nhật vi chương trình không có khi **Bật** được chọn cho **Mạng > Kết nối mạng**.



Định dạng thẻ nhớ

Nút MENU → Ȳ menu cài đặt

Để bắt đầu định dạng, chọn một khe thẻ nhớ và chọn **Có**. *Lưu ý rằng việc định dạng sẽ xóa vĩnh viễn tất cả ảnh và các dữ liệu khác trên thẻ trong khe được chọn.* Trước khi định dạng, hãy đảm bảo sao lưu khi được yêu cầu.



☒ Khi Định Dạng

Không được tắt máy ảnh hay tháo thẻ nhớ khi đang định dạng.

Định Dạng Hai Nút

Thẻ nhớ cũng có thể được định dạng khi ấn nút  (FORMAT) và ISO () trong hơn hai giây (📖 33).

Ngôn ngữ (Language)

Nút MENU → Ȳ menu cài đặt

Chọn ngôn ngữ cho menu máy ảnh và các thông báo.



Múi giờ và ngày

Nút MENU → ƒ menu cài đặt

Thay đổi múi giờ, đặt đồng hồ máy ảnh, chọn thứ tự hiển thị ngày, và bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày (☀ 28).

Tùy chọn	Mô tả
Múi giờ	Chọn múi giờ. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động thiết lập thời gian theo múi giờ mới.
Ngày và giờ	Cài đặt đồng hồ máy ảnh.
Định dạng ngày	Chọn thứ tự hiển thị ngày, tháng, năm.
Thời gian t.kiệm ả.sáng ban ngày	Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động chỉnh sớm hơn hoặc chậm lại một giờ. Cài đặt mặc định là Tắt .

 nháy trong bảng điều khiển trên khi đồng hồ không được cài đặt.

Độ sáng màn hình

Nút MENU → ƒ menu cài đặt

Nhấn  hoặc  để điều chỉnh độ sáng màn hình. Chọn giá trị cao hơn để tăng độ sáng, thấp hơn để giảm độ sáng. Có thể điều chỉnh độ sáng riêng cho:

- **Menu/phát lại**: Điều chỉnh độ sáng của menu, màn hình phát lại, và màn hình hiển thị thông tin.
- **Xem trực tiếp**: Điều chỉnh độ sáng của màn hình hiển thị xem trực tiếp.

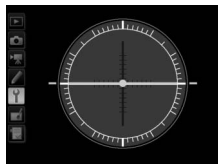


Sử dụng đa bộ chọn như hình dưới đây để điều chỉnh cân bằng màu màn hình có tham chiếu đến ảnh mẫu. Ảnh mẫu là ảnh cuối cùng được chụp hoặc trong chế độ phát lại là ảnh cuối cùng được hiển thị; để chọn ảnh khác, nhấn nút  và chọn ảnh từ danh sách hình thu nhỏ (để xem ảnh được làm nổi bật toàn khuôn hình, nhấn và giữ ). Nếu thẻ nhớ không có ảnh thì một khuôn hình trống viền xám sẽ được hiển thị thay vì ảnh mẫu.

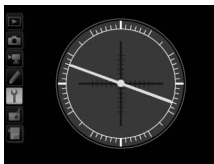
Nhấn  để thoát khi điều chỉnh xong. Cân bằng màu màn hình chỉ áp dụng cho các menu, phát lại, và xem qua thấu kính được hiển thị trong xem trực tiếp; các ảnh được chụp với máy ảnh này không bị ảnh hưởng.



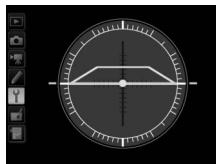
Hiển thị thông tin cuộn và độ nghiêng dựa trên thông tin từ cảm biến độ nghiêng máy ảnh. Nếu máy ảnh không bị nghiêng sang trái hoặc không bị nghiêng sang phải, đường tham chiếu cuộn sẽ có màu xanh, nếu máy ảnh không bị nghiêng về phía trước và phía sau thì dấu chấm ở giữa màn hình hiển thị sẽ có màu xanh. Mỗi vạch chia tương đương với 5° .



Máy ảnh cân bằng



Máy ảnh nghiêng trái hoặc phải



Máy ảnh nghiêng về phía trước hoặc sau

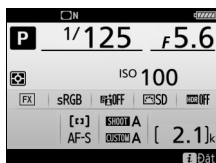
Nghiêng Máy Ảnh

Hiển thị đường chân trời ảo sẽ không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc sau. Nếu máy ảnh không đo được độ nghiêng, mức nghiêng sẽ không hiển thị.

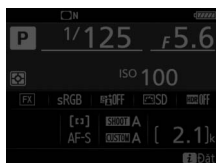
Xem Thêm

Để biết thêm chi tiết về hiển thị đường chân trời ảo trong kính ngắm, xem Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Chỉ định điều khiển tùy chọn**;  346, 352). Để xem trực tiếp thông tin hiển thị đường chân trời ảo, xem trang 57 và 68.

Nếu **Tự động (AUTO)** được chọn, màu của phong chữ trên hiển thị thông tin (□ 220) sẽ tự động chuyển từ đen sang trắng hoặc từ trắng sang đen để duy trì độ tương phản với nền. Để sử dụng cùng một màu phong chữ, Chọn **Bằng tay** và chọn **Tối khi sáng (B; phong chữ đen)** hoặc **Sáng khi tối (W; phong chữ trắng)**. Độ sáng màn hình sẽ tự động được điều chỉnh để có độ tương phản tối đa với màu văn bản được chọn.

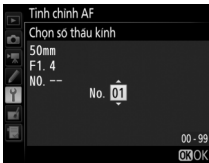


Tối trên nền sáng



Sáng trên nền tối

Dò tinh chỉnh lấy nét được tới 20 loại thấu kính. Chỉ dùng khi cần; Trong hầu hết các trường hợp, không nên dò tinh chỉnh lấy nét tự động, có thể cản trở lấy nét bình thường. Điều chỉnh tự động có trong chế độ xem trực tiếp. Bạn nên thực hiện tinh chỉnh ở khoảng cách lấy nét bạn thường sử dụng; ví dụ, nếu bạn thực hiện tinh chỉnh ở khoảng cách lấy nét ngắn, bạn có thể thấy không hiệu quả bằng ở khoảng cách xa hơn.

Tùy chọn	Mô tả
Tinh chỉnh AF (Bật/Tắt)	• Bật: Bật điều chỉnh AF. • Tắt: Tắt điều chỉnh AF.
Giá trị được lưu	Điều chỉnh AF cho các thấu kính hiện thời (chỉ thấu kính CPU). Nhấn hoặc để chọn giá trị giữa +20 và -20. Có thể lưu trữ các giá trị lên đến 20 loại thấu kính. Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính. Di chuyển tiêu điểm ra xa máy ảnh. Giá trị hiện tại 
Mặc định	Chọn giá trị điều chỉnh AF khi không tồn tại giá trị đã lưu trước đó cho các thấu kính (chỉ thấu kính CPU). Di chuyển tiêu điểm đến trước máy ảnh. Giá trị trước
Liệt kê giá trị được lưu	Danh sách giá trị tinh chỉnh AF đã lưu trước đó. Để xóa một thấu kính trong danh sách, làm nổi bật thấu kính mong muốn và nhấn (FORMAT). Để thay đổi bộ nhận diện thấu kính (ví dụ, để chọn bộ nhận diện có hai số cuối giống số sê-ri của thấu kính để phân biệt nó với các thấu kính khác cùng loại, trong trường hợp Giá trị được lưu chỉ có thể sử dụng cho một thấu kính mỗi loại), làm nổi bật thấu kính cần chọn và nhấn . Menu ở bên phải sẽ xuất hiện; nhấn hoặc để chọn bộ nhận diện và nhấn để lưu thay đổi và thoát. 

Chụp Ảnh Xem Trực Tiếp

Điều chỉnh không thực hiện được cho lấy nét tự động khi chụp ảnh xem trực tiếp.

Điều Chỉnh Tự Động

Điều chỉnh tự động có trong chế độ xem trực tiếp. Sau khi gắn máy ảnh vào giá ba chân và chọn độ mở ống kính tối đa (khuyến dùng), xoay bộ chọn trực tiếp sang , chọn lấy nét tự động phần phụ đơn (**AF-S**,  48), cài đặt chế độ vùng AF sang AF vùng rộng hoặc bình thường ( 49), chọn điểm lấy nét giữa, và nếu có thể hãy vào dùng thu phóng lấy nét để lấy nét chính xác ( 47), lấy nét cho máy ảnh rồi nhấn chế độ AF và nút ghi phim cho đến khi các hướng dẫn được hiển thị (bạn cần nhất nút hơn 2 giây). Làm nổi bật **Có** và nhấn  để thêm giá trị mới vào danh sách các giá trị được lưu. Để dùng giá trị đã lưu, chọn **Bật** cho **Tính chỉnh AF (Bật/Tắt)**.

Giá Trị Đã Lưu

Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính. Nếu dùng một bộ chuyển từ xa, các giá trị tách biệt có thể được lưu cho mỗi kết hợp của thấu kính và bộ chuyển từ xa.

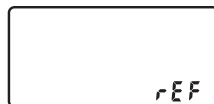
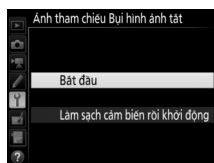
Thu được dữ liệu tham chiếu cho tùy chọn Ảnh Bỏ Bụi trong Capture NX-D (☐ 277; biết thêm thông tin, tham khảo trợ giúp trực tuyến của Capture NX-D). Không thể sử dụng Bụi Hình Ảnh Tắt với ảnh NEF (RAW) cỡ nhỏ hoặc cỡ vừa.

Ảnh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt chỉ có khi thấu kính CPU được gắn trên máy ảnh. Nên dùng thấu kính không DX có tiêu cự ít nhất 50 mm. Khi sử dụng một thấu kính thu phóng, phóng to hết cỡ.

1 Chọn tùy chọn khởi động.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn OK. Để thoát mà không thu dữ liệu bỏ bụi hình ảnh, nhấn MENU.

- **Bắt đầu:** Thông báo sẽ hiển thị ở bên phải, “rEF” sẽ xuất hiện trong kính ngắm và hiển thị bảng điều khiển.
- **Làm sạch cảm biến rồi khởi động:** Chọn mục này để vệ sinh cảm biến hình ảnh trước khi bắt đầu. Thông báo sẽ hiển thị ở bên phải, “rEF” sẽ xuất hiện trong hiển thị kính ngắm và bảng điều khiển khi vệ sinh xong.



2 Tạo khuôn hình một đối tượng màu trắng trong kính ngắm.

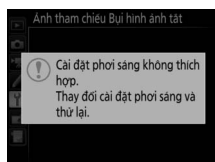
Với thấu kính khoảng mười xentimet từ một đối tượng trắng không có đặc điểm, đủ sáng, lấy khuôn hình sao cho đối tượng lấp đầy kính ngắm và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập.

Trong chế độ lấy nét tự động, lấy nét sẽ tự động được cài ở vô tận; trong chế độ lấy nét bằng tay, đặt lấy nét sang vô tận tự động.

3 Yêu cầu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi.

Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập để lấy dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt. Màn hình sẽ tắt khi nút nhả cửa trập được nhấn.

Nếu đối tượng tham chiếu quá sáng hoặc quá tối, máy ảnh không lấy được dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt và thông báo sẽ hiển thị ở bên phải. Chọn một đối tượng tham chiếu khác và lặp lại quá trình từ Bước 1.



✓ Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Chọn **Làm sạch cảm biến rồi khởi động** nếu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi không được dùng cho các ảnh hiện tại.

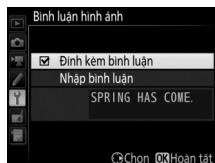
✓ Dữ Liệu Tham Chiếu Ảnh Bỏ Bụi

Ảnh chụp bởi các thấu kính khác nhau hay độ mở ống kính khác nhau có thể dùng chung dữ liệu tham chiếu. Không thể xem hình ảnh tham chiếu bằng phần mềm hình ảnh trên máy tính. Mẫu lưới sẽ hiển thị khi hình ảnh tham chiếu được xem trên máy ảnh.



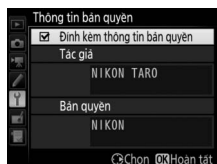
Thêm bình luận cho ảnh mới vừa chụp. Có thể coi các bình luận như siêu dữ liệu trong ViewNX-i hoặc Capture NX-D (📖 277). Bình luận cũng xem được trên trang dữ liệu chụp trong phần hiển thị thông tin ảnh (📖 260). Gồm các tùy chọn sau:

- **Nhập bình luận:** Nhập bình luận như mô tả ở trang 185. Phần bình luận có độ dài lên đến 36 ký tự.
- **Đính kèm bình luận:** Chọn mục này để đính kèm bình luận cho tất cả các ảnh tiếp theo.
Đính kèm bình luận có thể được bật hay tắt bằng cách làm nổi bật và nhấn ⏮. Sau khi chọn thiết lập mong muốn, nhấn Ⓚ để thoát.



Thêm thông tin bản quyền cho ảnh vừa chụp. Thông tin bản quyền được hiển thị ở trang dữ liệu chụp trong hiển thị thông tin ảnh (☐ 260) và có thể xem ở dạng siêu dữ liệu trong ViewNX-i hoặc trong Capture NX-D (☐ 277). Gồm các tùy chọn sau:

- **Tác giả:** Nhập tên nhiếp ảnh gia như mô tả ở trang 185. Độ dài tên nhiếp ảnh gia có thể lên đến 36 ký tự.
- **Bản quyền:** Nhập tên người nắm giữ bản quyền như mô tả ở trang 185. Độ dài tên người giữ bản quyền có thể lên đến 54 ký tự.
- **Đính kèm thông tin bản quyền:** Chọn tùy chọn này để đính kèm thông tin bản quyền cho tất cả ảnh tiếp theo. Có thể bật hoặc tắt **Đính kèm thông tin bản quyền** bằng cách làm nổi bật và nhấn . Sau khi chọn thiết lập mong muốn, nhấn  để thoát.

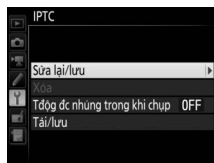


Thông Tin Bản Quyền

Để tránh giả mạo tên nghệ sĩ hay người giữ bản quyền, phải đảm bảo là không chọn **Đính kèm thông tin bản quyền** và trường **Tác giả** và **Bản quyền** được để trống trước khi đưa hoặc chuyển máy ảnh cho người khác. Nikon không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất kỳ thiệt hại hay tranh chấp nào từ việc sử dụng tùy chọn **Thông tin bản quyền**.

Có thể tạo thiết lập sẵn IPTC trên máy ảnh và nhúng vào ảnh mới như mô tả dưới đây. Bạn cũng có thể tải cài đặt trước IPTC lưu vào thẻ nhớ bằng cách sử dụng phần mềm Quản lý thiết lập sẵn IPTC, tải về miễn phí từ:

<http://downloadcenter.nikonimglib.com/>



Xem trợ giúp trực tuyến để được hướng dẫn về cách sử dụng phần mềm.

■ ■ Đổi Tên, Chỉnh Sửa, Và Sao Chép Thiết Lập Sẵn

Làm nổi bật **Sửa lại/lưu** và nhấn **⏏** để hiển thị danh sách các thiết lập sẵn đang có. Để chỉnh sửa hoặc đổi tên một thiết lập sẵn, làm nổi bật nó và nhấn **⏏** (để tạo thiết lập sẵn mới, làm nổi bật **Unused (Chưa sử dụng)** và nhấn **⏏**). Chọn **Đổi tên** để đổi tên thiết lập sẵn hoặc **Chỉnh sửa thông tin IPTC** để chọn các trường và chỉnh sửa nội dung của chúng như mô tả trên trang 185. Để sao chép một thiết lập sẵn, làm nổi bật nó trong danh sách thiết lập sẵn và nhấn **⏏**. Làm nổi bật điểm đến và nhấn **⏏** và sau đó đặt tên cho bản sao như mong muốn. Máy ảnh có thể lưu được tới 10 thiết lập sẵn.

■ ■ Xóa Thiết Lập Sẵn

Để xóa thiết lập sẵn, làm nổi bật **Xóa** và nhấn **⏏**.

■ ■ Nhúng Thiết Lập Sẵn

Để nhúng một thiết lập sẵn vào trong tất cả các ảnh mới, làm nổi bật **Tắt** **trong khi chụp** và nhấn **⏏**. Một danh sách các thiết lập sẵn sẽ được hiển thị; làm nổi bật một thiết lập sẵn và nhấn **⏏** (để tắt nhúng, chọn **Tắt**).



■ Sao Chép Thiết Lập Sẵn Vào Máy Ảnh

Để sao chép các thiết lập sẵn IPTC từ thẻ nhớ vào điểm đến được chọn trên máy ảnh, chọn

Tải/Lưu, sau đó làm nổi bật **Sao chép sang máy ảnh** và nhấn  để hiển thị danh sách các

thiết lập sẵn trên thẻ nhớ (nếu hai thẻ nhớ được lắp, máy ảnh sẽ liệt kê các thiết lập sẵn

trên thẻ ở Khe 1). Làm nổi bật một thiết lập sẵn và nhấn  (để xem

trước thiết lập sẵn được làm nổi bật, nhấn  (, rồi nhấn  sau

khi xem thiết lập sẵn để tiến tới danh sách điểm đến). Làm nổi bật

điểm đến và nhấn . Bàn phím trên màn hình sẽ được hiển thị;

đặt tên cho điểm đến như mong muốn và nhấn  để hoàn thành hoạt động. Máy ảnh có thể lưu được tới 10 thiết lập sẵn.



■ Sao Chép Thiết Lập Sẵn Vào Thẻ Nhớ

Để sao chép các thiết lập sẵn IPTC từ máy ảnh vào thẻ nhớ, chọn

Tải/Lưu, sau đó làm nổi bật **Sao chép sang thẻ** và nhấn . Chọn

một thiết lập sẵn IPTC, sau đó làm nổi bật điểm đến mong muốn

(1–99) và nhấn  để sao chép thiết lập sẵn vào thẻ. Nếu gắn hai

thẻ nhớ, thiết lập sẵn sẽ được sao chép vào thẻ trong Khe 1.

✓ Thông tin IPTC

IPTC là tiêu chuẩn được thiết lập bởi Hội Đồng Viễn Thông Báo Chí Quốc Tế (IPTC) với mục đích làm rõ và đơn giản hóa các thông tin cần thiết khi ảnh được chia sẻ với nhiều dạng xuất bản. Máy ảnh chỉ hỗ trợ chuẩn ký tự La Mã; các ký tự khác sẽ không hiển thị chính xác, ngoại trừ trên máy tính. Tên thiết lập sẵn (□ 379) có thể dài tới 18 ký tự (nếu tên dài hơn được tạo bằng cách sử dụng máy tính thì tất cả các ký tự sau ký tự thứ mười tám sẽ bị xóa); số lượng ký tự có thể xuất hiện trong từng trường được đưa ra dưới đây; ký tự vượt quá giới hạn sẽ không được hiển thị.

Trường	Độ dài tối đa	Trường	Độ dài tối đa
Caption (Chú thích)	2000	Thể loại bổ sung (Supp. Cat.)	256
Event ID (ID sự kiện)	64		
Headline (Tiêu đề)	256		
Object Name (Tên đối tượng)	256	Byline (Hàng đầu)	256
City (Thành phố)	256	Byline Title (Tiêu đề hàng đầu)	256
State (Bang)	256	Writer/Editor (Tác giả/biên tập)	256
Country (Quốc gia)	256	Credit (Đóng góp của)	256
Category (Loại)	3	Source (Nguồn)	256

✍ Tạo Thiết Lập Sẵn IPTC Trong Trình Duyệt Web

Trong chế độ máy chủ HTTP (□ 281), bạn có thể sử dụng trình duyệt web để kết nối với các máy ảnh từ máy tính hoặc thiết bị thông minh. Sau đó có thể sử dụng trình duyệt để tạo các thiết lập sẵn IPTC và nhúng vào ảnh.



Điều chỉnh các cài đặt cho các ghi nhớ giọng nói (📖 272).

■ Ghi nhớ giọng nói

Tùy chọn này kiểm soát các ghi nhớ bằng giọng nói được ghi tự động hoặc ghi bằng tay. Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
 Tắt	Không thể ghi các ghi nhớ bằng giọng nói trong chế độ chụp.
 Bật (Tự động và bằng tay)	Các ghi nhớ bằng giọng nói được ghi tự động khi chụp kết thúc. Việc chọn tùy chọn này sẽ hiển thị một menu để bạn có thể chọn thời gian ghi.
 Chỉ bằng tay	Có thể thêm bằng tay các ghi nhớ vào ảnh gần nhất (📖 274).

■ Ghi đè ghi nhớ giọng nói

Tùy chọn này kiểm soát ghi nhớ bằng giọng nói cho ảnh gần nhất có thể được ghi đè trong chế độ chụp. Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
Tắt	Không thể ghi lại ghi nhớ bằng giọng nói trong chế độ chụp nếu đã có ghi nhớ bằng giọng nói trong ảnh gần nhất.
Bật	Có thể ghi lại ghi nhớ bằng giọng nói trong chế độ chụp nếu đã có ghi nhớ bằng giọng nói trong ảnh gần nhất (📖 274). Ghi nhớ hiện tại sẽ bị xóa và thay thế bằng bản ghi mới.

■ Điều khiển ghi nhớ giọng nói

Tùy chọn này có hiệu lực khi ghi nhớ bằng giọng nói được gán cho nút **Fn3** (🗐 346), khi nó điều khiển ghi bằng tay. Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
 Nhấn và giữ	Ghi nhớ bằng giọng nói được ghi khi nhấn nút Fn3 . Ghi tự động kết thúc sau 60 giây.
 Nhấn để bắt đầu/dừng	Việc ghi bắt đầu khi nút Fn3 được nhấn và kết thúc khi nút được nhấn lại. Ghi tự động kết thúc sau 60 giây.

■ Đầu ra audio

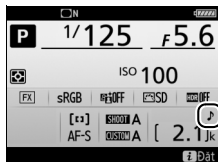
Chọn thiết bị được sử dụng để phát ghi nhớ bằng giọng nói.

Tùy chọn	Mô tả
 Loa/tai nghe	Ghi chú bằng giọng nói được phát lại qua loa gắn sẵn hoặc (nếu được kết nối) qua tai nghe của bên thứ ba. Việc chọn tùy chọn này sẽ hiển thị menu ở phía bên phải. Nhấn  hoặc  để thay đổi âm lượng. Tiếng bíp sẽ kêu khi tùy chọn được chọn. Nhấn  để chọn và quay trở lại menu cài đặt. 
HDMI HDMI	Đầu ra tín hiệu âm thanh cho đầu cắm HDMI.
 Tắt	Ghi nhớ bằng giọng nói không được phát lại. Biểu tượng  được hiển thị khi ảnh có ghi nhớ bằng giọng nói được xem trong màn hình.



Chọn độ cao và âm lượng của tiếng bíp phát ra khi máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng AF phần phụ đơn (**AF-S**; 101), khi khóa lấy nét trong chụp ảnh xem trực tiếp, khi hẹn giờ nhả đang đếm ngược ở chế độ hẹn giờ (120), khi nút nhả cửa trập được nhấn lần thứ hai trong khi chụp ảnh gương nâng lên, khi chụp ảnh tua nhanh thời gian kết thúc (74), hoặc màn hình cảm ứng được dùng để nhập liệu phím (185). Lưu ý rằng bất kể tùy chọn nào được chọn, tiếng bíp sẽ không phát ra trong chế độ phim (59), hoặc chế độ nhả cửa trập tĩnh lặng (chế độ **Q**; 116), hoặc nếu **Bật** được chọn cho **Chụp xem trực tiếp im lặng** trong khi xem trực tiếp. Tiếng bíp sẽ không phát ra khi máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng AF phần phụ đơn nếu **Nhả** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a2 (**Chọn ưu tiên AF-S**, 328).

- **Âm lượng:** Chọn nút **3** (cao), **2** (trung bình), **1** (thấp) hoặc **Tắt** (tắt tiếng). Khi một tùy chọn khác không phải **Tắt** được chọn, 1 xuất hiện trên hiển thị thông tin.
- **Độ cao thấp:** Chọn **Cao** hoặc **Thấp**.



Điều khiển chạm

Nút MENU → ƒ menu cài đặt

Điều chỉnh cài đặt điều khiển chạm màn hình (12).

■ ■ Bật/tắt điều khiển chạm

Bật hoặc tắt điều khiển màn hình cảm ứng.

■ ■ Phím phát lại khuôn hình đầy

Chọn cử chỉ được sử dụng để hiển thị ảnh tiếp theo trong phát lại khuôn hình đầy: búng từ phải sang trái hoặc búng từ trái sang phải.

Điều chỉnh các cài đặt cho các bộ điều khiển từ xa không dây WR-R10 tùy chọn và các bộ đèn nháy điều khiển bằng radio tùy chọn hỗ trợ Đèn Không Dây Nâng Cao.

■ Đèn LED

Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa các đèn LED trạng thái trên điều khiển từ xa không dây WR-R10 gắn trên máy ảnh. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp với điều khiển từ xa không dây.

■ Chế Độ Liên Kết

Chọn chế độ liên kết để kết nối với các bộ điều khiển từ xa không dây WR-R10 gắn trên các máy ảnh khác hoặc các bộ đèn nháy điều khiển bằng radio có hỗ trợ Đèn Không Dây Nâng Cao. Chắc chắn phải chọn cùng một chế độ cho các thiết bị khác.

Tùy chọn	Mô tả
Ghép cặp	Để ghép cặp với các thiết bị khác, gắn WR-R10 vào máy ảnh và nhấn nút ghép cặp.
PIN	Kết nối bằng cách nhập mã PIN thiết bị. Nhấn hoặc để làm nổi bật số và nhấn hoặc thay đổi, sau đó nhấn để nhập và hiển thị PIN được chọn.



Bất kể tùy chọn nào được chọn cho **Chế độ liên kết**, WR-R10 vẫn luôn nhận được tín hiệu từ các bộ điều khiển từ xa không dây được ghép cặp. Người dùng của điều khiển từ xa WR-1 cần chọn ghép cặp là chế độ liên kết WR-1.

Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-R10

WR-R10 kết nối với máy ảnh bằng bộ nối WR-A10. Hãy chắc chắn phiên bản vi chương trình của WR-R10 đã được cập nhật lên phiên bản mới nhất. Để biết thông tin về gói cập nhật vi chương trình, xem trang web của Nikon cho khu vực của bạn.



Chọn vai trò cho nút **Fn** trên điều khiển từ xa không dây.

Tùy chọn	Mô tả
 Xem trước	Khi chụp ảnh bằng kính ngắm, bạn có thể xem trước độ sâu trường khi nhấn nút Fn (📖 132). Trong khi chụp ảnh xem trực tiếp, bạn có thể nhấn nút một lần để mở thấu kính ở độ mở ống kính tối đa, giúp dễ dàng kiểm tra lấy nét; nhấn nút một lần nữa sẽ khôi phục lại độ mở ống kính về giá trị ban đầu của nó (📖 50).
 Khóa FV	Nhấn nút Fn để khóa giá trị đèn nháy (chỉ các bộ đèn nháy được hỗ trợ, 📖 202, 422). Nhấn lại để hủy khóa FV.
 Khóa AE/AF	Lấy nét và khóa phơi sáng khi nút Fn được nhấn.
 Chỉ khóa AE	Phơi sáng khóa khi nhấn nút Fn .
 Khóa AE (Đặt lại khi nhả)	Khóa phơi sáng khi nút Fn được nhấn và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc hẹn giờ chờ hết hạn.
 Chỉ khóa AF	Lấy nét được khóa khi nhấn nút Fn .
 AF-ON	Nhấn nút Fn để bắt đầu lấy nét tự động.
 Tắt/bật	Nếu đèn nháy hiện đang tắt, đồng bộ màn trước sẽ được chọn trong khi nút Fn được nhấn. Nếu đèn nháy hiện đang được bật, nó sẽ bị tắt khi nút Fn được nhấn.

Tùy chọn	Mô tả
+  + NEF (RAW)	Nếu tùy chọn JPEG hiện được chọn cho chất lượng ảnh, "RAW" sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển phía sau và một bản sao của NEF (RAW) sẽ được ghi lại với ảnh tiếp theo được chụp sau khi nhấn nút Fn (cài đặt chất lượng hình ảnh ban đầu sẽ được khôi phục lại khi nhấc ngón tay khỏi nút nhả cửa trập). Các bản sao NEF (RAW) được ghi ở các cài đặt hiện được chọn cho Ghi NEF (RAW) và Kích cỡ hình ảnh > NEF (RAW) trong menu chụp ảnh (📖 94, 96). Để thoát mà không cần ghi bản sao NEF (RAW), nhấn nút Fn .
 Xem trực tiếp	Việc nhấn nút Fn sẽ bắt đầu và kết thúc xem trực tiếp.
Không có	Nhấn nút không có tác dụng gì.

Khóa nhả khe trống

Nút MENU →  menu cài đặt

Chọn **Cho phép nhả** cho phép cửa trập được nhả ra khi không có thẻ nhớ nào được lắp, dù không bức ảnh nào được ghi lại (tuy nhiên chúng vẫn được hiển thị trên màn hình ở chế độ mẫu). Nếu **Nhả bị khóa** được chọn, nút nhả cửa trập chỉ được bật khi có thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh.



Xem thông tin về pin hiện thời lắp vào máy ảnh.



Mục	Mô tả
Sạc	Mức pin sạc hiện tại theo tỷ lệ phần trăm.
Số ảnh	Số lần nhả cửa trập khi dùng pin sạc hiện thời kể từ lần sạc cuối. Lưu ý rằng đôi khi máy ảnh nhả cửa trập mà không ghi lại hình ảnh, ví dụ khi đo cân bằng trắng cài đặt trước.
Cân chỉnh	☀CAL: Do việc sử dụng và nạp lại nhiều lần, cần phải cân chỉnh để đảm bảo mức pin có thể được đo chính xác; cân chỉnh pin trước khi sạc (☐ 470). —: Không cần cân chỉnh.
Tuổi pin sạc	Năm mức độ hiển thị tuổi pin sạc. 0 (NEW) cho biết hiệu suất pin sạc không bị hư hỏng, 4 (🔋) cho biết pin sạc đã hết tuổi thọ sạc và nên thay. Lưu ý nếu pin mới sạc ở nhiệt độ dưới khoảng 5 °C có thể cho thấy sự suy giảm tạm thời về tuổi thọ sạc; tuy nhiên tuổi pin sạc sẽ trở về bình thường khi sạc pin ở nhiệt độ khoảng 20 °C hoặc cao hơn.

Chọn **Lưu cài đặt** để lưu các cài đặt sau đây vào thẻ nhớ, hoặc vào thẻ nhớ trong khe 1 nếu có hai thẻ nhớ được lắp (□ 97; nếu thẻ đầy, sẽ báo lỗi). Sử dụng tùy chọn này để chia sẻ cài đặt trong các máy ảnh D5.

Menu	Tùy chọn
Phát Lại	Tùy chọn hiển thị phát lại
	Xem lại hình ảnh
	Sau khi xóa
	Sau khi chụp liên tiếp, hiển thị
	Xoay hình ảnh tự động
	Xoay dọc
Chụp ảnh (tất cả các tập hợp)	Tập hợp menu chụp ảnh
	Tập hợp menu ảnh mở rộng
	Đặt tên tệp
	Vai trò của thẻ trong Khe 2
	Điều khiển đèn nháy
	Vùng hình ảnh
	Chất lượng hình ảnh
	Kích cỡ hình ảnh
	Ghi NEF (RAW)
	Cài đặt độ nhạy ISO
	Cân bằng trắng (với dò tinh chỉnh và cài đặt trước d-1–d-6)
	Đặt Picture Control (Picture Control tùy chọn được lưu thành Tiêu chuẩn)
	Không gian màu
	D-Lighting hoạt động
	Giảm nhiễu phơi sáng lâu
	Giảm nhiễu ISO cao
	Điều chỉnh họa tiết
	Điều khiển biến dạng tự động
	Giảm nhấp nháy



Menu	Tùy chọn
Chụp ảnh (tất cả các tập hợp)	Bộ chụp bù trừ tự động
	Chụp xem trực tiếp im lặng
Quay phim	Đặt tên tệp
	Đích
	Vùng hình ảnh
	Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình
	Chất lượng phim
	Cài đặt độ nhạy ISO phim
	Cân bằng trắng (với dò tinh chỉnh và cài đặt trước d-1-d-6)
	Đặt Picture Control (Picture Control tùy chọn được lưu thành Tiêu chuẩn)
	Độ nhạy micro
	Đáp tuyến tần số
	Giảm nhiễu do gió
	Giảm nhiễu ISO cao
	Giảm nhấp nháy
	Chống rung điện tử
Cài đặt tùy chọn (tất cả tập hợp)	Tất Cả Cài Đặt Tùy Chọn
	Ngôn ngữ (Language)
Cài đặt	Múi giờ và ngày (trừ ngày và thời gian)
	Hiển thị thông tin
	Dữ liệu thấu kính không CPU
	Làm sạch cảm biến hình ảnh
	Bình luận hình ảnh
	Thông tin bản quyền
	IPTC
	Tùy chọn ghi nhớ giọng nói
	Bíp
	Điều khiển chạm
	HDMI
	Dữ liệu vị trí
	Tùy chọn từ xa không dây (WR)



Menu	Tùy chọn
Cài đặt	Chỉ định cho nút Fn đkh t.xa (WR)
	Khóa nhả khe trống
Menu Của Tôi/ Cài Đặt Gần Đây	Tắt cả mục Menu Của Tôi
	Tắt cả cài đặt gần đây
	Chọn tab

Các cài đặt đã lưu bằng D5 có thể được khôi phục bằng cách chọn **Tải cài đặt**. Lưu ý rằng **Lưu/tải cài đặt** chỉ thực hiện được khi thẻ nhớ được gắn vào máy ảnh, và tùy chọn **Tải cài đặt** chỉ có sẵn nếu thẻ chứa cài đặt được lưu.

Cài Đặt Đã Lưu

Cài đặt được lưu trong tệp có tên bắt đầu bằng “NCSETUP” và kết thúc với hai ký tự khác nhau ở mỗi máy ảnh. Máy ảnh sẽ không thể tải cài đặt nếu tên tệp tin bị thay đổi.

Đặt Lại Tất Cả Cài Đặt

Nút MENU →  menu cài đặt

Đặt lại tất cả các cài đặt ngoại trừ **Ngôn ngữ (Language)** và **Múi giờ và Ngày** về giá trị mặc định (☐ 289). Thông tin bản quyền, thiết lập sẵn IPTC và các mục do người dùng tạo khác cũng được đặt lại. Chúng tôi khuyên bạn nên lưu các cài đặt bằng cách sử dụng tùy chọn **Lưu/tải cài đặt** trong menu cài đặt trước khi thực hiện đặt lại (☐ 389).

Phiên bản vi chương trình

Nút MENU →  menu cài đặt

Xem phiên bản vi chương trình máy ảnh hiện hành.



Menu Sửa Lại: *Tạo Bản Sao Sửa Lại*

Để hiển thị menu sửa lại, nhấn **MENU** và chọn thẻ  (menu sửa lại).

Nút MENU



Các tùy chọn trong menu chỉnh sửa dùng để tạo các bản sao đã được xén hoặc chỉnh sửa của ảnh hiện tại. Menu chỉnh sửa chỉ hiển thị khi một thẻ nhớ chứa ảnh được cài vào máy.

Tùy chọn	
 Xử lý NEF (RAW)	395
 Xén	397
 Định cỡ lại	398
 D-Lighting	400
 Điều chỉnh mắt đỏ	401
 Làm thẳng	401
 Điều khiển biến dạng	402

Tùy chọn	
 Điều khiển phối cảnh	403
 Hiệu ứng bộ lọc	403
 Đơn sắc	404
 Lớp phủ hình ảnh ¹	404
 Sửa lại phim	82
 Đặt cạnh nhau để so sánh ²	407

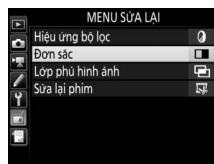
1 Chỉ có thể chọn bằng cách nhấn **MENU** và chọn tab .

2 Chỉ có thể được hiển thị bằng cách nhấn **i** và chọn **Sửa lại** hoặc giữ  và nhấn  trong phát lại khuôn hình đầy khi ảnh sửa lại hay ảnh gốc được hiển thị.

Tạo Bản Sao Sửa Lại

Để tạo một bản sao sửa lại:

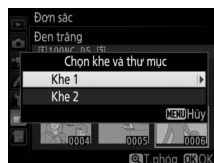
- 1 Chọn một mục trong menu sửa lại.**
Nhấn hoặc để làm nổi bật một mục và nhấn để chọn.



- 2 Chọn ảnh.**
Làm nổi bật một ảnh và nhấn . Để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút .



Để xem ảnh ở các địa điểm khác, nhấn () khi chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả trên trang 249.



Sửa lại

Nếu ảnh được ghi ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF + JPEG, chỉ ảnh NEF (RAW) được sửa lại. Máy ảnh không thể hiển thị hay sửa lại ảnh tạo bởi thiết bị khác.



3 Chọn tùy chọn sửa lại.

Để biết thêm thông tin, xem phần dành cho mục được chọn. Để thoát mà không cần tạo bản sao sửa lại, nhấn **MENU**.

Độ Trễ Tắt Màn Hình

Màn hình sẽ tắt và hoạt động sẽ bị hủy bỏ nếu không thực hiện hành động nào trong một thời gian ngắn. Bất kỳ thay đổi nào chưa được lưu sẽ bị mất. Để tăng thời gian màn hình hoạt động, chọn menu thời gian hiển thị màn hình lâu hơn với Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**,  337).

4 Tạo bản sao sửa lại.

Nhấn  để tạo bản sao chỉnh sửa. Bản sao sửa lại được chỉ báo bởi biểu tượng .



Sửa Lại Ảnh Hiện Tại

Để tạo bản sao sửa lại của ảnh hiện tại, nhấn  và chọn **Sửa lại**, hoặc giữ  và nhấn .

Chỉnh Sửa Bản Sao

Hầu hết các tùy chọn có thể được áp dụng cho các bản sao tạo ra nhờ sử dụng các tùy chọn sửa lại khác, mặc dù (ngoại trừ **Lớp phủ hình ảnh** và **Sửa lại phim > Chọn điểm bắt đầu/kết thúc**), mỗi tùy chọn chỉ có thể áp dụng cho một lựa chọn (lưu ý rằng chỉnh sửa nhiều có thể gây ra mất các chi tiết). Các tùy chọn không thể áp dụng cho vùng hình ảnh hiện tại sẽ bị mờ và không dùng được.

Chất Lượng Hình Ảnh và Kích Cỡ

Ngoại trừ trong trường hợp các bản sao được tạo ra với **Xén** và **Định cỡ lại**, bản sao có kích cỡ giống như bản gốc. Bản sao được tạo ra từ các ảnh JPEG có chất lượng giống như bản gốc, trong khi bản sao được tạo ra từ các ảnh NEF (RAW) được lưu ở dạng ảnh JPEG mịn★.

Tạo các bản sao JPEG của ảnh NEF (RAW).

1 Chọn Xử lý NEF (RAW).

Làm nổi bật **Xử lý NEF (RAW)** trong menu sửa lại và nhấn  để hiển thị hội thoại chọn ảnh chỉ liệt kê những ảnh NEF (RAW) được chụp từ máy ảnh này.



2 Chọn ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh (để xem toàn khuôn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn giữ nút ). Nhấn  để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.



3 Chọn cài đặt cho bản sao JPEG.

Điều chỉnh các cài đặt được liệt kê bên dưới. Lưu ý rằng cân bằng trắng và điều chỉnh tạo họa tiết không dùng được với đa phơi sáng hay ảnh được tạo ra bằng lớp phủ hình ảnh và bù phơi sáng chỉ có thể cài đặt đến giá trị giữa -2 và +2 EV.

Xử lý NEF (RAW)

Chất lượng hình ảnh



EXE

NORM

A0

0.0

SD

Hủy T.phóng

Chất lượng hình ảnh (□ 92)

Kích cỡ hình ảnh (□ 95)

Cân bằng trắng (□ 159)

Bù phơi sáng (□ 143)

Đặt Picture Control (□ 179)

Xử lý NEF (RAW)

Giảm nhiễu ISO cao



ISO NR N

sRGB

OFF

D-Lighting OFF

Hủy T.phóng

Giảm nhiễu ISO cao (□ 316)

Không gian màu (□ 315)

Điều chỉnh họa tiết (□ 316)

D-Lighting (□ 400)

4 Sao chép ảnh.

Làm nổi bật **EXE** và nhấn **OK** để tạo bản sao JPEG của ảnh được chọn. Để thoát ra mà không sao chép ảnh, nhấn nút **MENU**.



Tạo bản sao đã xén của ảnh được chọn. Ảnh được chọn sẽ hiển thị với phần xén biểu hiện dưới màu vàng; tạo một bản sao đã xén như mô tả ở bảng bên dưới.

Tới	Sử dụng	Mô tả
Giảm kích cỡ của phần cắt		Nhấn nút  để giảm kích cỡ phần xén.
Tăng kích cỡ của phần xén		Nhấn nút  để tăng kích cỡ phần xén.
Thay đổi tỷ lệ cạnh xén		Xoay đĩa lệnh chính để chọn tỷ lệ khuôn hình.
Định vị xén		Sử dụng đa bộ chọn vị trí phần xén. Bấm và giữ để di chuyển nhanh phần xén đến vị trí mong muốn.
Xem trước xén		Nhấn trung tâm đa bộ chọn để xem trước ảnh bị xén.
Tạo bản sao		Lưu bản xén hiện tại thành tệp riêng biệt.



Xén: Chất Lượng Hình Ảnh và Kích Cỡ

Bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW), NEF (RAW) + JPEG hoặc TIFF (RGB) có chất lượng hình ảnh (92) JPEG mịn★; bản sao xén tạo ra từ ảnh JPEG có chất lượng giống bản gốc. Kích cỡ bản sao thay đổi theo kích cỡ xén và tỷ lệ khuôn hình và xuất hiện ở phía trên trái màn hình hiển thị xén.



Xem Bản Sao Đã Cắt

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi hiển thị bản sao đã cắt.

Tạo bản sao nhỏ của ảnh được chọn.

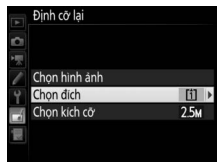
1 Chọn Định cỡ lại.

Để thay đổi lại kích thước ảnh được chọn, làm nổi bật **Định cỡ lại** trong menu sửa lại và nhấn .



2 Chọn đích đến.

Nếu lắp hai thẻ nhớ, bạn có thể chọn đích đến cho bản sao được thay đổi kích cỡ bằng cách làm nổi bật **Chọn đích** và nhấn  (nếu chỉ lắp một thẻ nhớ, chuyển sang Bước 3).



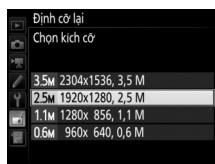
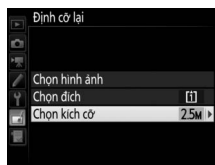
Menu như bên phải sẽ xuất hiện; làm nổi bật một khe cắm thẻ và nhấn .



3 Chọn kích cỡ.

Làm nổi bật **Chọn kích cỡ** và nhấn .

Các tùy chọn được hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị; làm nổi bật một tùy chọn và nhấn .



4 Chọn ảnh.

Làm nổi bật **Chọn hình ảnh** và nhấn .

Làm nổi bật hình ảnh và nhấn trung tâm của đa bộ chọn để chọn hoặc bỏ chọn (để xem ảnh được làm nổi bật toàn màn hình, nhấn và giữ nút ; để xem ảnh ở các vị trí khác như mô tả trên trang 249, nhấn /). Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng . Nhấn  khi chọn xong. Lưu ý không thể thay đổi kích cỡ ảnh chụp ở cài đặt vùng ảnh 5 : 4 (📖 88).



5 Lưu bản sao đổi kích cỡ.

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Làm nổi bật **Có** và nhấn **OK** để lưu bản sao thay đổi kích cỡ.



Xem Bản Sao Đã Đổi Kích Cỡ

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi thay đổi kích cỡ bản sao đang hiển thị.

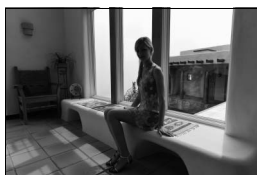
Chất Lượng Ảnh

Bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW), NEF (RAW) + JPEG hoặc TIFF (RGB) có chất lượng hình ảnh (📄 92) JPEG mịn★; bản sao tạo ra từ ảnh JPEG có chất lượng giống bản gốc.

D-Lighting

Nút MENU →  menu sửa lại

D-Lighting chiếu sáng bóng đổ, lý tưởng cho ảnh tối hoặc ngược sáng.

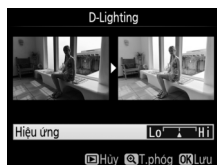


Trước



Sau

Nhấn  hoặc  để chọn phần chỉnh sửa được hiển thị. Hiệu ứng có thể được xem trước trong hiển thị chỉnh sửa. Nhấn **OK** để lưu bản sao sửa lại.



Điều chỉnh mắt đỏ

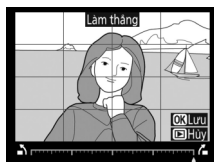
Nút MENU →  menu sửa lại

Tùy chọn này để sửa “mắt đỏ” do đèn nháy gây ra, và chỉ dùng được cho ảnh chụp sử dụng đèn nháy. Lưu ý rằng điều chỉnh mắt đỏ không phải lúc nào cũng cho kết quả như mong muốn và trong một số trường hợp hiếm hoi có thể được áp dụng cho một số phần của ảnh không bị ảnh hưởng bởi mắt đỏ; kiểm tra phần xem trước thật kỹ trước khi tiếp tục.

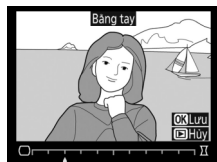
Làm thẳng

Nút MENU →  menu sửa lại

Tạo bản sao làm thẳng của ảnh được chọn. Nhấn  để xoay hình theo chiều kim đồng hồ lên đến năm độ với gia số khoảng 0,25 độ, nhấn  để xoay ngược chiều kim đồng hồ (có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa; lưu ý là viền ảnh sẽ bị cắt để tạo khung bản sao). Nhấn  để lưu bản sao sửa lại.



Tạo bản sao với sự biến dạng ngoại biên giảm. Chọn **Tự động** để máy ảnh tự động chỉnh sửa biến dạng và sau đó điều chỉnh sử dụng đa bộ chọn, hoặc chọn **Bằng tay** để giảm biến dạng bằng tay (lưu ý rằng **Tự động** không dùng được với ảnh chụp sử dụng điều khiển biến dạng tự động; xem trang 317). Nhấn để giảm hiện tượng cong đường biên hình, nhấn để giảm biến dạng đệm chốt (có thể xem trước hiệu ứng trên màn hình hiển thị sửa lại; lưu ý rằng số lượng điều khiển biến dạng lớn hơn dẫn đến việc nổi lên nhiều mép hơn). Nhấn để lưu bản sao sửa lại. Lưu ý rằng điều khiển biến dạng có thể xén hoặc làm biến dạng nặng nề bản sao tạo ra từ bức ảnh được chụp với thấu kính DX ở vùng hình ảnh không phải là **DX (24 × 16) 1.5x**.



Tự động

Tự động chỉ dùng cho ảnh chụp bằng thấu kính loại G, E và D (không bao gồm PC, mắt cá và các loại thấu kính khác). Không đảm bảo kết quả cho các loại thấu kính khác.

Điều khiển phối cảnh

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo bản sao làm giảm hiệu ứng của phối cảnh tạo ra từ nền của một đối tượng cao. Sử dụng đa bộ chọn để điều chỉnh phối cảnh (lưu ý rằng điều khiển phối cảnh càng nhiều sẽ dẫn đến nhiều đường viền bị cắt ra). Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn **OK** để lưu bản sao sửa lại.



Trước



Sau

Hiệu ứng bộ lọc

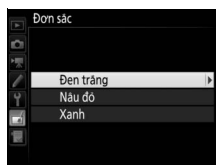
Nút MENU → menu sửa lại

Chọn từ các hiệu ứng bộ lọc màu sau. Sau khi điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc như mô tả bên dưới, nhấn **OK** để sao chép ảnh.

Tùy chọn	Mô tả
Ảnh sáng trời	Tạo hiệu ứng lọc ánh sáng trời, giảm bớt màu xanh cho ảnh. Hiệu ứng có thể được xem trước trên màn hình như bên phải. 
Bộ lọc ấm	Tạo một bản sao hiệu ứng bộ lọc tông màu ấm, tạo cho bản sao màu đỏ ấm. Hiệu ứng có thể xem trước trên màn hình.



Bản sao ảnh có màu **Đen trắng**, **Nâu đỏ**, hoặc **Xanh** (xanh da trời và trắng đơn sắc).



Việc chọn **Nâu đỏ** hay **Xanh** sẽ hiển thị xem trước của ảnh được chọn; nhấn để tăng độ bão hòa màu, để giảm. Nhấn để tạo ra bản sao đơn sắc.

Tăng độ
bão hòa

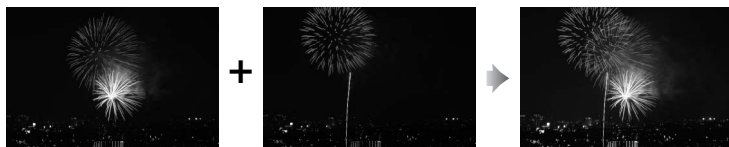


Giảm độ
bão hòa



Lớp Phủ Hình Ảnh

Lớp phủ hình ảnh kết hợp hai ảnh NEF (RAW) tồn tại để tạo thành một ảnh được lưu riêng biệt với bản gốc; kết quả sử dụng dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh tốt hơn đáng kể so với ảnh được kết hợp từ một ứng dụng tạo ảnh. Ảnh mới được lưu ở cài đặt chất lượng và cỡ ảnh hiện thời; trước khi tạo lớp phủ hãy cài đặt chất lượng và cỡ ảnh (92, 95; tất cả tùy chọn đều dùng được). Để tạo bản sao NEF (RAW), chọn chất lượng ảnh **NEF (RAW)** và cỡ ảnh **Lớn** (lớp phủ sẽ được lưu là ảnh NEF/RAW lớn ngay cả khi **Nhỏ** hoặc **Trung bình** được chọn).



1 Chọn Lớp phủ hình ảnh.

Làm nổi bật **Lớp phủ hình ảnh** trong menu sửa lại và nhấn . Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị với **H.ảnh 1** được làm nổi bật; nhấn để hiển thị hộp thoại chọn ảnh chỉ liệt kê các ảnh NEF (RAW) lớn được tạo ra bằng máy ảnh này (không thể lựa chọn ảnh NEF/RAW nhỏ).



2 Chọn ảnh đầu tiên.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh đầu tiên trong lớp phủ. Để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút . Để xem ảnh ở các địa điểm khác, nhấn () khi chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả trên trang 249. Nhấn để chọn ảnh được làm nổi bật và trở về hiển thị xem trước.



3 Chọn hình ảnh thứ hai.

Ảnh được chọn sẽ xuất hiện là **H.ảnh 1**. Làm nổi bật **H.ảnh 2** và nhấn , sau đó chọn ảnh thứ hai như mô tả ở Bước 2.

4 Điều chỉnh tăng.

Chọn **H.ảnh 1** hay **H.ảnh 2** và tối ưu phơi sáng cho ảnh ghép bằng cách nhấn hoặc để chọn tăng từ các giá trị ở khoảng 0,1 và 2,0. Lặp lại cho hình ảnh thứ hai. Giá trị mặc định là 1,0; chọn 0,5 để chia đôi hoặc 2,0 để tăng gấp đôi. Các hiệu ứng gia tăng có thể nhìn thấy trong cột **Xem trc**.



5 Xem trước lớp phủ.

Để xem trước bố cục như hình bên phải, nhấn  hoặc  để đặt con trỏ vào cột

Xem trc, sau đó nhấn  hoặc  để làm nổi bật **Lớp phủ** và nhấn  (lưu ý rằng màu và độ sáng trong bản xem trước có thể khác với ảnh cuối cùng). Để lưu lớp phủ mà không hiển thị bản xem trước, chọn **Lưu**. Để trở về Bước 4 và chọn ảnh mới hoặc điều chỉnh lại, nhấn  (.



6 Lưu lớp phủ.

Nhấn  trong khi xem trước được hiển thị để lưu lớp phủ. Sau khi lớp phủ được tạo, ảnh kết quả sẽ được hiển thị khuôn hình đầy trên màn hình.



Lớp phủ

Chỉ có các ảnh NEF (RAW) lớn có cùng vùng hình ảnh và độ sâu bit mới có thể kết hợp được.

Lớp phủ có cùng thông tin ảnh (bao gồm ngày ghi, đo sáng, tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, chế độ phơi sáng, bù phơi sáng, tiêu cự và hướng ảnh) cũng như các giá trị cho cân bằng trắng và Picture Control như ảnh được chọn cho **H.ảnh 1**. Chú thích ảnh hiện tại được gắn với lớp phủ khi nó được lưu; tất nhiên không sao chép được thông tin bản quyền. Các lớp phủ lưu ở định dạng NEF (RAW) sử dụng nén được chọn cho **Nén NEF (RAW)** trong menu **Ghi NEF (RAW)** và có cùng độ sâu bit với bản gốc.

Đặt Cạnh Nhau Để So Sánh

So sánh bản sao sửa lại với ảnh gốc. Tùy chọn này chỉ có sẵn nếu menu sửa lại được hiển thị bằng cách hiển thị một bản sao hoặc khuôn hình đầy đủ gốc sau đó nhấn **i** và chọn **Sửa lại** hoặc giữ **OK** và nhấn **↻**.

1 Chọn ảnh.

Chọn bản sao sửa lại (hiển thị bằng biểu tượng ) hay ảnh gốc đã được sửa lại.



2 Hiển thị tùy chọn sửa lại.

Nhấn **↻** trong khi nhấn và giữ nút **OK**, hoặc nhấn **i** và chọn **Sửa lại**.



3 Chọn Đặt cạnh nhau để so sánh.

Làm nổi bật **Đặt cạnh nhau để so sánh** và nhấn **OK**.



4 So sánh bản sao với bản gốc.

Hình ảnh nguồn được hiển thị trên bên trái, bản sao chỉnh sửa ở bên phải, các tùy chọn dùng để tạo bản sao được liệt kê ở trên cùng của hiển thị. Nhấn  hoặc  để chuyển đổi giữa hình ảnh nguồn và bản sao sửa lại. Để xem toàn khuôn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút . Nếu bản sao được tạo từ hai ảnh nguồn dùng **Lớp phủ hình ảnh**, hoặc nếu nguồn được sao chép nhiều lần, nhấn  hoặc  để xem ảnh nguồn khác. Để thoát phát lại, nhấn nút , hoặc nhấn  để thoát phát lại với hình ảnh được làm nổi bật đã chọn.

Sử dụng tùy chọn này để tạo bản sao



Hình ảnh nguồn Bản sao sửa lại

Đặt Cạnh Nhau Để So Sánh

Ảnh nguồn sẽ không được hiển thị nếu bản sao được tạo ra từ ảnh đã được bảo vệ (🔒 265) hoặc đã bị xóa hay ẩn (🔒 299).

Menu Của Tôi/ Cài Đặt Gần Đây

Để hiển thị Menu Của Tôi, nhấn **MENU** và chọn tab  (Menu Của Tôi).

Nút MENU



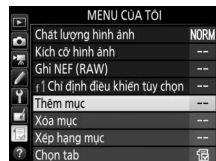
Có thể sử dụng tùy chọn **MENU CỦA TÔI** để tạo và chỉnh sửa danh sách các tùy chọn đã sửa đổi về phát lại, chụp ảnh, quay phim, Cài Đặt Tùy Chọn, các menu cài đặt và sửa lại để truy cập nhanh (lên tới 20 mục). Nếu muốn, cài đặt hiện thời có thể hiển thị tại vị trí Menu Của Tôi ( 412).

Tùy chọn có thể được thêm vào, xóa, và sắp xếp lại như mô tả tại các trang dưới đây.

■ Thêm Tùy Chọn vào Menu Của Tôi

1 Chọn Thêm mục.

Trong Menu Của Tôi () , làm nổi bật **Thêm mục** và nhấn .



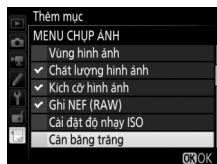
2 Chọn menu.

Làm nổi bật tên của menu chứa các tùy chọn mà bạn muốn thêm và nhấn .



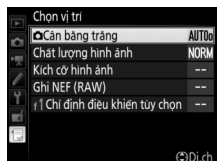
3 Chọn một mục.

Làm nổi bật mục menu mong muốn và nhấn **OK**.



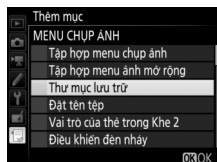
4 Định vị mục mới.

Nhấn **⬅** hoặc **➡** để di chuyển mục mới lên xuống trong Menu Của Tôi. Nhấn **OK** để thêm mục mới.



5 Thêm các mục.

Các mục hiện đang hiển thị trong Menu Của Tôi được chỉ định bởi một dấu chọn. Không thể chọn các mục được chỉ định bởi biểu tượng **☒**. Lặp lại bước 1–4 để chọn các mục bổ sung.



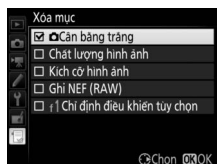
■ Xóa Các Tùy Chọn khỏi Menu Của Tôi

1 Chọn Xóa mục.

Trong Menu Của Tôi (**☰**), làm nổi bật **Xóa mục** và nhấn **⬅**.

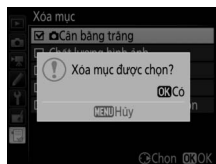
2 Chọn mục.

Làm nổi bật các mục và nhấn **⬅** để chọn hoặc bỏ chọn. Mục đã chọn được chỉ định bởi một dấu kiểm.



3 Xóa các mục đã chọn.

Nhấn **OK**. Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; nhấn **OK** để xóa mục đã chọn.



Xóa Mục Trong Menu Của Tôi

Để xóa mục hiện được làm nổi bật trong Menu Của Tôi, nhấn nút **FORMAT**. Một hộp thoại xác nhận xuất hiện; nhấn **FORMAT** lần nữa để loại bỏ mục đã chọn trong Menu Của Tôi.

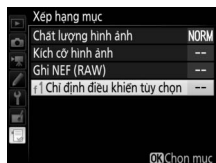
■ **Sắp Xếp Lại Tùy Chọn trong Menu Của Tôi**

1 Chọn Xếp hạng mục.

Trong Menu Của Tôi (**MENU**), làm nổi bật **Xếp hạng mục** và nhấn **OK**.

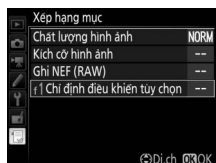
2 Chọn một mục.

Làm nổi bật mục muốn di chuyển và nhấn **OK**.



3 Định vị mục.

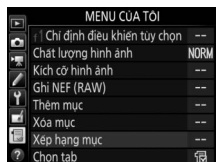
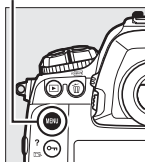
Nhấn **Up** hoặc **Down** để di chuyển mục mới lên xuống trong Menu Của Tôi và nhấn **OK**.
Lặp lại Bước 2-3 để chọn các mục bổ sung.



4 Thoát sang Menu Của Tôi.

Nhấn nút **MENU** để trở về Menu Của Tôi.

Nút MENU

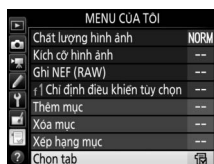


Cài Đặt Gần Đây

Để hiển thị hai mươi cài đặt sử dụng gần nhất, chọn  **CÀI ĐẶT GẦN ĐÂY** cho  **MENU CỦA TÔI** > **Chọn tab**.

1 Chọn Chọn tab.

Trong Menu Của Tôi () , làm nổi bật **Chọn tab** và nhấn .



2 Chọn **CÀI ĐẶT GẦN ĐÂY**.

Làm nổi bật  **CÀI ĐẶT GẦN ĐÂY** và nhấn . Tên của menu sẽ thay đổi từ “MENU CỦA TÔI” sang “CÀI ĐẶT GẦN ĐÂY”.



Các mục menu sẽ được thêm vào trên cùng của cài đặt gần đây khi chúng được sử dụng. Để xem lại Menu Của Tôi, chọn  **MENU CỦA TÔI** cho  **CÀI ĐẶT GẦN ĐÂY** > **Chọn tab**.

Gỡ Mục khỏi Menu Cài Đặt Gần Đây

Để gỡ mục khỏi menu cài đặt gần đây, làm nổi bật mục và nhấn nút  (). Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; nhấn  () lại để xóa mục đã chọn.

Chú Ý Kỹ Thuật

Đọc chương này để có thêm thông tin về các phụ kiện tương thích, việc vệ sinh và bảo quản máy ảnh, những việc cần làm khi máy hiển thị thông báo lỗi hoặc khi gặp sự cố trong quá trình sử dụng máy ảnh.

Các Thấu Kính Tương Thích

Thấu kính/phụ kiện	Cài đặt máy ảnh		Chế độ lấy nét		Chế độ phơi sáng		Hệ thống đo sáng		
	AF	M (với máy ngắm điện tử) ¹	P S	A M	3D	Màu	3 ² 4 ³	5 ⁴ * ⁵	
Thấu kính CPU ⁶	Loại G, E, hoặc D ⁷ ; AF-S, AF-P, AF-I	✓	✓	✓	✓	—	✓ ⁸	✓	
	PC NIKKOR 19mm f/4E ED ⁹	—	✓ ¹⁰	✓ ¹⁰	✓ ¹⁰	—	✓ ^{8,10}	✓ ¹⁰	
	Dòng PC-E NIKKOR ⁹	—	✓ ¹⁰	✓ ¹⁰	✓ ¹⁰	—	✓ ^{8,10}	✓ ¹⁰	
	PC Micro 85mm f/2.8D ^{9,11,12}	—	✓ ¹⁰	—	✓ ¹²	—	✓ ^{8,10}	✓ ¹⁰	
	Bộ chuyển từ xa AF-S / AF-I ¹³	✓	✓	✓	✓	—	✓ ⁸	✓	
	AF NIKKOR khác (ngoại trừ các loại thấu kính cho F3AF)	✓ ¹⁴	✓ ¹⁴	✓	✓	—	✓ ⁸	—	
	AI-P NIKKOR	—	✓ ¹⁵	✓	✓	—	✓ ⁸	—	

Cài đặt máy ảnh		Chế độ lấy nét		Chế độ phơi sáng		Hệ thống đo sáng			
Thấu kính/phụ kiện		AF	M (với máy ngắm điện tử) ¹	P S	A M	 ²		 ³	 ⁵
						3D	Màu	 ⁴	
Thấu Kính Không CPU ⁶	NIKKOR hoặc Nikon thuộc Dòng E kiểu AI, AI đã được sửa đổi ¹⁷	—	✓ ¹⁵	—	✓ ¹⁸	—	✓ ¹⁹	✓ ²⁰	—
	Medical-NIKKOR 120mm f/4	—	✓	—	✓ ²¹	—	—	—	—
	Reflex-NIKKOR	—	—	—	✓ ¹⁸	—	—	✓ ²⁰	—
	PC-NIKKOR	—	✓ ⁹	—	✓ ²²	—	—	✓	—
	Bộ chuyển từ xa kiểu AI ²³	—	✓ ²⁴	—	✓ ¹⁸	—	✓ ¹⁹	✓ ²⁰	—
	Phần Gắn Hộp Xếp Lấy Nét PB-6 ²⁵	—	✓ ²⁴	—	✓ ²⁶	—	—	✓	—
	Các vòng mở rộng tự động (11A, 12, hoặc 13; PN-11 thuộc dòng PK)	—	✓ ²⁴	—	✓ ¹⁸	—	—	✓	—

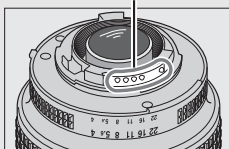
- Lấy nét bằng tay có sẵn với tất cả các thấu kính.
- Ma trận.
- Ưu tiên trung tâm.
- Điểm.
- Ưu tiên vùng sáng.
- Không thể sử dụng thấu kính IX-NIKKOR.
- Chức năng Chống Rung (VR) được hỗ trợ với các thấu kính VR.
- Chức năng đo sáng điểm sẽ đo điểm lấy nét đã chọn ( 129).
- Sương mù, đường kẻ hoặc các ảnh giả ("nhiều") có thể xuất hiện trong ảnh được chụp với cửa trập màn trước điện tử. Có thể ngăn chặn hiện tượng này bằng cách chọn **Tắt** cho Cài Đặt Tùy Chọn d6 (**Cửa trập màn trước điện tử**,  340).
- Không thể được sử dụng trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.
- Các hệ thống đo phơi sáng và điều khiển đèn nháy của máy ảnh có thể không hoạt động đúng khi giữ và/hoặc nghiêng thấu kính, hoặc khi sử dụng độ mở ống kính không ở mức cực đại.
- Chỉ chế độ phơi sáng bằng tay.
- Để biết thông tin về điểm lấy nét dùng cho lấy nét tự động và máy ngắm điện tử, xem trang 100.

- 14 Khi lấy nét ở khoảng cách lấy nét tối thiểu với AF 80–200mm f/2.8, AF 35–70mm f/2.8, AF 28–85mm f/3.5–4.5 <Mới>, hoặc AF 28–85mm f/3.5–4.5, chỉ báo đã được lấy nét xuất hiện khi hình ảnh trong màn hình mở trên kính ngắm không được lấy nét. Điều chỉnh lấy nét bằng tay cho đến khi hình ảnh trên kính ngắm được lấy nét.
 - 15 Với độ mở ống kính cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.
 - 16 Một số thấu kính không dùng được (xem trang 417).
 - 17 Phạm vi xoay của bộ phận gắn giá ba chân của AI 80–200mm f/2.8 ED được giới hạn bởi thân máy ảnh. Không thể thay đổi các bộ lọc khi AI 200–400mm f/4 ED được gắn trên máy ảnh.
 - 18 Nếu độ mở ống kính tối đa được xác định bằng cách sử dụng **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 243), giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bằng điều khiển trên.
 - 19 Chỉ có thể được dùng nếu tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại được xác định bằng cách sử dụng **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 243). Sử dụng chức năng đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm nếu không đạt được kết quả mong muốn.
 - 20 Để cải thiện độ chính xác, xác định tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại bằng cách sử dụng **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 243).
 - 21 Có thể được dùng trong các chế độ phơi sáng bằng tay với tốc độ cửa trập chậm hơn tốc độ đồng bộ đèn nháy một bước hoặc nhiều hơn.
 - 22 Độ phơi sáng được xác định bằng cách cài đặt trước độ mở thấu kính. Trong chế độ phơi sáng tự động ưu tiên độ mở ống kính, thiết lập sẵn độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính trước khi thực hiện khóa AE và dịch chuyển thấu kính. Trong chế độ phơi sáng bằng tay, thiết lập sẵn độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính và xác định phơi sáng trước khi dịch chuyển thấu kính.
 - 23 Cần chức năng bù phơi sáng khi sử dụng với AI 28–85mm f/3.5–4.5, AI 35–105mm f/3.5–4.5, AI 35–135mm f/3.5–4.5, hoặc AF-S 80–200mm f/2.8D.
 - 24 Với độ mở ống kính hiệu quả cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.
 - 25 Yêu cầu vòng mở rộng tự động PK-12 hoặc PK-13. Yêu cầu PB-6D tùy thuộc vào định hướng máy ảnh.
 - 26 Sử dụng độ mở ống kính cài đặt trước. Trong chế độ phơi sáng tự động ưu tiên độ mở ống kính, cài đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng bộ phận lấy nét gần ngoài trước khi xác định độ phơi sáng và chụp ảnh.
- PF-4 Reprocopy Outfit yêu cầu giá giữ máy ảnh PA-4.
 - Nhiều ở dạng đường thẳng có thể xuất hiện trong quá trình lấy nét tự động ở độ nhạy ISO cao. Sử dụng chức năng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét. Đường thẳng có thể xuất hiện ở độ nhạy ISO cao khi độ mở ống kính được điều chỉnh trong quá trình quay phim hoặc chụp ảnh xem trực tiếp.

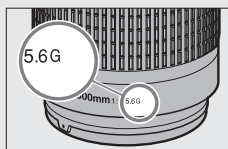
Nhận Diện Thấu Kính CPU và Loại G, E và D

Các thấu kính CPU (cụ thể là các loại G, E và D) được khuyên dùng, nhưng lưu ý là không được dùng các thấu kính IX-NIKKOR. Các thấu kính CPU có thể được nhận biết qua sự hiện diện của các tiếp xúc CPU, các thấu kính loại G, E và D qua chữ cái trên đường biên của thấu kính. Loại thấu kính G và E không được trang bị với vòng mở thấu kính.

Tiếp xúc CPU

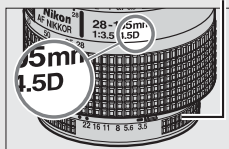


Thấu kính CPU



Thấu kính loại G/E

Vòng độ mở ống kính



Thấu kính loại D

Thấu kính số f

Số f trong tên thấu kính là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

Các Thấu Kính Không CPU Tương Thích

Dữ liệu thấu kính không CPU (📖 243) có thể được sử dụng để kích hoạt rất nhiều chức năng có sẵn trong các thấu kính CPU, bao gồm chức năng đo sáng ma trận màu; nếu không được cung cấp dữ liệu, chức năng đo sáng ưu tiên trung tâm sẽ được sử dụng thay cho chức năng đo sáng ma trận màu, trong khi đó nếu không được cung cấp độ mở ống kính cực đại, màn hình hiển thị độ mở ống kính máy ảnh sẽ đưa ra số lượng các điểm dừng từ độ mở ống kính cực đại và giá trị độ mở ống kính thực tế phải được đọc từ vòng mở thấu kính.

Các Phụ Kiện và Thấu Kính Không CPU Không Tương Thích

Phụ kiện sau KHÔNG được dùng với D5:

- Bộ chuyển từ xa TC-16A AF
- Các thấu kính không AI
- Các thấu kính yêu cầu bộ lấy nét AU-1 (400mm f/4.5, 600mm f/5.6, 800mm f/8, 1200mm f/11)
- Mắt cá (6mm f/5.6, 7,5mm f/5.6, 8mm f/8, OP 10mm f/5.6)
- 2,1cm f/4
- Vòng Mở Rộng K2
- 180–600mm f/8 ED (các số sê-ri 174041–174180)
- 360–1200mm f/11 ED (các số sê-ri 174031–174127)
- 200–600mm f/9.5 (các số sê-ri 280001–300490)
- Các thấu kính AF cho F3AF (AF 80mm f/2.8, AF 200mm f/3.5 ED, Bộ Chuyển Từ Xa AF TC-16)
- PC 28mm f/4 (số sê-ri 180900 hoặc đời trước nữa)
- PC 35mm f/2.8 (các số sê-ri 851001–906200)
- PC 35mm f/3.5 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/6.3 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/11 (các số sê-ri 142361–143000)
- Reflex 2000mm f/11 (các số sê-ri 200111–200310)

Thấu kính VR

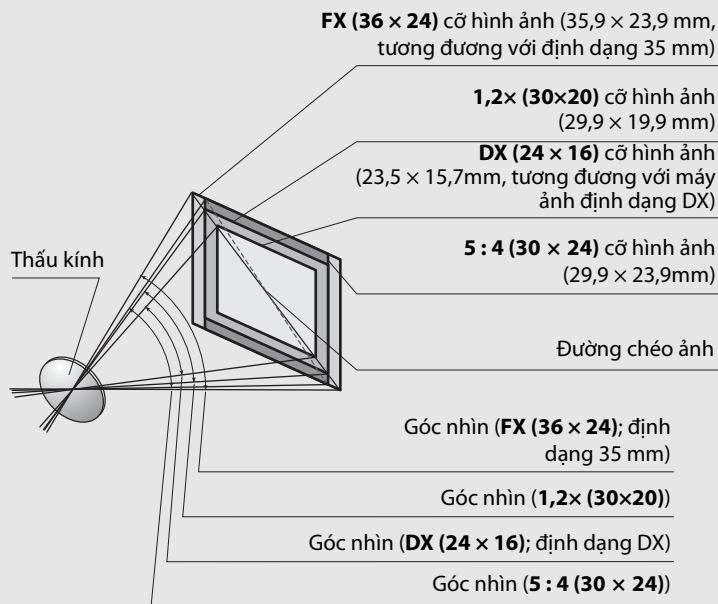
Các thấu kính được liệt kê dưới đây không được khuyến cáo sử dụng cho phơi sáng lâu hay ảnh chụp ở độ nhạy sáng ISO cao, do thiết kế của hệ thống điều khiển chống rung (VR) làm cho ảnh tạo ra có thể bị ảnh hưởng bởi sương mù. Chúng tôi khuyên bạn nên tắt chống rung khi sử dụng các thấu kính VR khác.

- AF-S VR Zoom-Nikkor 24–120mm f/3.5–5.6G IF-ED
- AF-S VR Zoom-Nikkor 70–200mm f/2.8G IF-ED
- AF-S VR Zoom-Nikkor 70–300mm f/4.5–5.6G IF-ED
- AF-S VR Nikkor 200mm f/2G IF-ED
- AF-S VR Nikkor 300mm f/2.8G IF-ED
- AF-S NIKKOR 16–35mm f/4G ED VR
- AF-S NIKKOR 24–120mm f/4G ED VR
- AF-S NIKKOR 28–300mm f/3.5–5.6G ED VR
- AF-S NIKKOR 400mm f/2.8G ED VR
- AF-S NIKKOR 500mm f/4G ED VR
- AF-S DX VR Zoom-Nikkor 18–200mm f/3.5–5.6G IF-ED
- AF-S DX NIKKOR 16–85mm f/3.5–5.6G ED VR
- AF-S DX NIKKOR 18–200mm f/3.5–5.6G ED VR II
- AF-S DX Micro NIKKOR 85mm f/3.5G ED VR
- AF-S DX NIKKOR 55–300mm f/4.5–5.6G ED VR

Tính Toán Góc Nhìn

Máy ảnh có thể sử dụng với các thấu kính Nikon cho loại máy ảnh định dạng 35 mm (135). Nếu lắp thấu kính định dạng 35 mm, góc nhìn sẽ tương tự như khuôn hình phim 35 mm (35,9 × 23,9 mm).

Nếu muốn, tùy chọn **Vùng hình ảnh** trong menu chụp ảnh có thể được sử dụng để chọn góc nhìn khác với góc nhìn của các thấu kính hiện tại. Nếu lắp thấu kính định dạng 35 mm, bạn có thể giảm góc nhìn tới 1,5× hoặc 1,2× bằng cách chọn **DX (24 × 16)** hoặc **1,2× (30 × 20)** để phơi vùng nhỏ hơn, hoặc thay đổi tỉ lệ khuôn hình bằng cách chọn **5 : 4 (30 × 24)**. Các kích thước của vùng được phơi sáng bằng các tùy chọn **Vùng hình ảnh** khác được thể hiện dưới đây.



Tính Toán Góc Nhìn (Tiếp tục)

Góc nhìn **DX (24 × 16)** nhỏ hơn khoảng 1,5 lần góc nhìn định dạng 35 mm, trong khi góc nhìn **1,2× (30 × 20)** nhỏ hơn khoảng 1,2 lần và góc xem **5 : 4 (30 × 24)** nhỏ hơn khoảng 1,1 lần. Để tính tiêu cự của thấu kính định dạng 35 mm khi **DX (24 × 16)** được chọn, nhân tiêu cự của thấu kính với khoảng 1,5, khoảng 1,2 khi chọn **1,2× (30 × 20)**, hoặc khoảng 1,1 khi chọn **5 : 4 (30 × 24)** (ví dụ, tiêu cự hiệu quả của một thấu kính 50mm ở định dạng 35 mm sẽ là 75 mm khi **DX (24 × 16)** được chọn, 60 mm khi **1,2× (30 × 20)** được chọn, hoặc 55 mm khi **5 : 4 (30 × 24)** được chọn).

Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)

Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo (CLS) nâng cao của Nikon có giao tiếp đã được cải tiến giữa máy ảnh và những bộ đèn nháy tương thích giúp cải thiện chức năng đèn nháy nhiếp ảnh.

■ Các Bộ Đèn Nháy Tương Thích Với CLS

Máy ảnh có thể được sử dụng với những bộ đèn nháy tương thích với CLS sau:

- **SB-5000, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-500, SB-400, SB-300, và SB-R200:**

	SB-5000 ^{1,2}	SB-910, SB-900 ¹	SB-800	SB-700 ¹	SB-600	SB-500 ³	SB-400 ⁴	SB-300 ⁴	SB-R200 ⁵
Số Hướng Dẫn (ISO 100) ⁶	34,5	34	38	28	30	24	21	18	10

- 1 Nếu một bộ lọc màu được gắn vào SB-5000, SB-910, SB-900 hoặc SB-700 khi AUTO hoặc  (đèn nháy) được chọn cho độ cân bằng trắng, máy ảnh sẽ tự động dò tìm bộ lọc và điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp.
- 2 AWL vô tuyến có với tùy chọn bộ điều khiển từ xa không dây WR-R10 ( 427).
- 3 Người dùng đèn LED có thể đặt cân bằng trắng máy ảnh sang AUTO hoặc  để có kết quả tối ưu.
- 4 Không có điều khiển đèn nháy không dây.
- 5 Được điều khiển từ xa bằng cách sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn SB-5000, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700 hoặc SB-500 hoặc bộ điều khiển đèn chớp không dây SU-800.
- 6 m, SB-5000, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, và SB-600 tại vị trí đầu thu phóng 35; SB-5000, SB-910, SB-900, và SB-700 với chiếu sáng chuẩn.

Số Hướng Dẫn

Để tính toán phạm vi của đèn nháy hoạt động hết công suất, chia Số Hướng Dẫn cho độ mở ống kính. Ví dụ nếu bộ đèn nháy có Số Hướng Dẫn 34 m (ISO 100); phạm vi của nó tại độ mở ống kính là $f/5.6 \ 34 \div 5.6$ hoặc khoảng 6,1 mét. Với mỗi mức tăng gấp đôi độ nhạy ISO, nhân Số hướng dẫn với căn bậc hai của hai (xấp xỉ 1,4).



Các chức năng sau có sẵn với các bộ đèn nháy tương thích với CLS:

			SB-5000	SB-910, SB-900, SB-800	SB-700	SB-600	SB-500	SU-800	SB-R200	SB-400	SB-300	
Đèn nháy đơn	i-TTL	Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số ¹	✓	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	
		Nạp flash tiêu chuẩn i-TTL cho SLR kỹ thuật số	✓ ²	✓ ²	✓	✓ ²	✓	—	—	✓	✓	
	 A	Độ mở ống kính tự động	✓	✓ ³	—	—	—	—	—	—	—	
	A	Tự động không TTL	— ⁴	✓ ³	—	—	—	—	—	—	—	
	GN	Ưu tiên khoảng cách bằng tay	✓	✓	✓	—	—	—	—	—	—	
	M	Bằng tay	✓	✓	✓	✓	✓ ⁵	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	
	RPT	Đèn nháy lặp lại	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	
Đèn Không Dây Năng Cao Tùy Chọn	Trên máy	Điều khiển đèn nháy từ xa	✓	✓	✓	—	✓ ⁵	✓	—	—	—	
		i-TTL i-TTL	✓	✓	✓	—	✓ ⁵	—	—	—	—	
		[A:B]	Điều khiển đèn nháy không dây nhanh	✓	—	✓	—	—	✓ ⁶	—	—	—
		 A	Độ mở ống kính tự động	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
		A	Tự động không TTL	—	— ⁷	—	—	—	—	—	—	—
		M	Bằng tay	✓	✓	✓	—	✓ ⁵	—	—	—	—
		RPT	Đèn nháy lặp lại	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
	Từ xa	i-TTL i-TTL	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓	—	—	—
		[A:B]	Điều khiển đèn nháy không dây nhanh	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓	—	—
		 A/A	Độ mở ống kính tự động/ Tự động không TTL	✓ ⁸	✓ ⁸	—	—	—	—	—	—	—
		M	Bằng tay	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓	—	—
		RPT	Đèn nháy lặp lại	✓	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—
Đèn Không Dây Năng Cao Điều Khiển Bằng Vô Tuyến			✓ ⁹	—	—	—	—	—	—	—	—	
Giao Tiếp Thông Tin Màu (đèn nháy)			✓	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	
Giao Tiếp Thông Tin Màu (đèn LED)			—	—	—	—	✓	—	—	—	—	

	SB-5000	SB-910, SB-900, SB-800	SB-700	SB-600	SB-500	SU-800	SB-R200	SB-400	SB-300
Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động ¹⁰	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	—
Khóa FV ¹¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Trợ giúp AF cho lấy nét tự động đa vùng	✓	✓	✓	✓	—	✓ ¹²	—	—	—
Giảm mắt đỏ	✓	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—
Chiếu sáng mô hình máy ảnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	—
Điều khiển đèn nháy đồng nhất	✓	—	—	—	✓	—	—	✓	✓
Cập nhật vi chương trình bộ đèn nháy máy ảnh	✓	✓ ¹³	✓	—	✓	—	—	—	✓

- 1 Không có sẵn với đo sáng điểm.
 - 2 Cũng có thể được chọn với bộ đèn nháy.
 - 3 Lựa chọn chế độ **Ⓜ**A thực thi trên bộ đèn nháy bằng cách sử dụng thiết lập tùy chỉnh. Trừ khi dữ liệu thấu kính đã được cung cấp bằng cách sử dụng tùy chọn **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt, "A" sẽ được lựa chọn khi thấu kính không CPU được sử dụng.
 - 4 Trừ khi dữ liệu thấu kính đã được cung cấp bằng cách sử dụng tùy chọn **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt, "A" sẽ được lựa chọn khi thấu kính không CPU được sử dụng.
 - 5 Chỉ có thể được chọn với máy ảnh.
 - 6 Chỉ sử dụng được khi chụp ảnh cận cảnh.
 - 7 Trừ khi dữ liệu thấu kính đã được cung cấp bằng cách sử dụng tùy chọn **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt, tự động không TTL (A) được sử dụng với thấu kính không CPU, không phân biệt chế độ được chọn với bộ đèn nháy.
 - 8 Việc lựa chọn **Ⓜ**A và A phụ thuộc vào tùy chọn được chọn với đèn nháy chính.
 - 9 Hỗ trợ các tính năng tương tự như các bộ đèn nháy từ xa có AWL quang học.
 - 10 Chỉ có ở các chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL, **Ⓜ**A, A, GN, và M.
 - 11 Chỉ có trong chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL hoặc khi đèn nháy được đặt để phát sáng sớm màn hình trong chế độ điều khiển đèn nháy **Ⓜ**A hoặc A.
 - 12 Chỉ sử dụng được trong chế độ bộ điều khiển.
 - 13 Có thể cập nhật vi chương trình cho SB-910 và SB-900 từ máy ảnh.
- **Bộ Điều Khiển Đèn Chớp Không Dây SU-800:** Khi được gắn vào máy ảnh tương thích với CLS, SU-800 có thể được sử dụng như một bộ điều khiển từ xa cho các bộ đèn nháy SB-5000, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-500 hoặc SB-R200 trong tối đa ba nhóm. Bản thân SU-800 không được trang bị đèn nháy.

Chiếu sáng mô hình

Bộ đèn nháy tương thích CLS phát ra đèn nháy tạo mô hình khi nút **Pv** máy ảnh được nhấn. Tính năng này có thể được sử dụng với Đèn không dây nâng cao để xem trước hiệu ứng ánh sáng tổng thể đạt được với nhiều bộ đèn nháy. Có thể tắt chiếu sáng mô hình bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn d5 (**Đèn nháy tạo mô hình**;  345).

■ Các Bộ Phận Đèn Nháy Khác

Những bộ phận đèn nháy có thể được dùng trong các chế độ tự động không TTL và bằng tay.

Bộ đèn nháy		SB-80DX, SB-28DX, SB-28, SB-26, SB-25, SB-24	SB-50DX	SB-30, SB-27 ¹ , SB-22S, SB-22, SB-20, SB-16B, SB-15	SB-23, SB-29 ² , SB-21B ² , SB-29S ²
Chế độ đèn nháy					
A	Tự động không TTL	✓	—	✓	—
M	Bằng tay	✓	✓	✓	✓
	Đèn nháy lặp lại	✓	—	—	—
REAR	Đồng bộ màn phía sau ³	✓	✓	✓	✓

- 1 Chế độ đèn nháy được tự động cài đặt thành TTL và chức năng nhả cửa trập bị vô hiệu hóa. Cài đặt bộ đèn nháy thành **A** (đèn nháy tự động không TTL).
- 2 Chức năng lấy nét tự động chỉ có sẵn với các thấu kính AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED và AF-S Micro NIKKOR 60mm f/2.8G ED.
- 3 Có sẵn khi máy ảnh được sử dụng để chọn chế độ đèn nháy.

Lưu Ý Về Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Tham khảo tài liệu hướng dẫn bộ đèn nháy để có hướng dẫn cụ thể. Nếu bộ đèn nháy hỗ trợ CLS, tham khảo mục về máy ảnh SLR kỹ thuật số tương thích với CLS. D5 không được nêu trong danh mục “SLR kỹ thuật số” trong các tài liệu hướng dẫn của SB-80DX, SB-28DX và SB-50DX.

Chức năng điều khiển đèn nháy i-TTL có thể được sử dụng với độ nhạy ISO ở mức giữa 100 và 12800. Ở giá trị cao hơn 12800, có thể không đạt được kết quả mong muốn trong một số phạm vi hoặc thiết lập độ mở ống kính. Nếu chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (🔦) nháy trong khoảng ba giây sau khi bức ảnh được chụp ở chế độ tự động i-TTL hoặc chế độ tự động không TTL, thì đèn nháy đã nháy sáng ở công suất cao nhất và bức ảnh có thể bị thiếu phơi sáng (chỉ bộ đèn nháy tương thích CLS).

Khi một cặp đồng bộ 17, 28, hoặc 29 thuộc dòng SC được sử dụng cho chế độ chụp ảnh đèn nháy nằm ngoài máy ảnh, có thể không đạt được độ phơi sáng chuẩn xác trong chế độ i-TTL. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên chọn điều khiển đèn nháy làm đầy i-TTL tiêu chuẩn. Chụp một bức ảnh thử nghiệm và xem kết quả trên màn hình.

Trong chế độ i-TTL, sử dụng bảng đèn nháy hoặc ống nối này lên được cung cấp kèm với bộ đèn nháy. Không được sử dụng các bảng khác như bảng khuếch tán, vì điều này có thể tạo ra độ phơi sáng không chuẩn xác.

Ở chế độ phơi sáng P, độ mở ống kính tối đa (số f tối thiểu) được giới hạn theo độ nhạy ISO, như hình dưới đây:

Độ mở ống kính tối đa ở ISO tương đương:							
100	200	400	800	1600	3200	6400	12800
4	5	5,6	7,1	8	10	11	13

Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính nhỏ hơn mức nêu trên, giá trị tối đa cho độ mở ống kính sẽ là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

Nhiều ở dạng đường thẳng có thể xuất hiện trong ảnh chụp với bộ nguồn SD-9 hoặc SD-8A lắp trực tiếp vào máy ảnh. Giảm độ nhạy ISO hoặc tăng khoảng cách giữa máy ảnh và bộ nguồn.

✓ Lưu Ý Về Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn (Tiếp tục)

SB-5000, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-500, và SB-400 cung cấp chức năng giảm mắt đỏ, trong khi đó SB-5000, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SU-800 cung cấp chức năng chiếu sáng trợ giúp AF với các hạn chế sau:

- **SB-5000:** Có sẵn đèn chiếu trợ giúp AF khi thấu kính AF 24–135 mm được sử dụng với điểm lấy nét như ở bên dưới.

24–49 mm	50–84 mm	85–135 mm
		

- **SB-910, và SB-900:** Có sẵn đèn chiếu trợ giúp AF khi thấu kính AF 17–135 mm được sử dụng với điểm lấy nét như ở bên dưới.

17–19 mm	20–135 mm
	

- **SB-800, SB-600, và SU-800:** Có sẵn đèn chiếu trợ giúp AF khi thấu kính AF 24–105 mm được sử dụng với điểm lấy nét như ở bên dưới.

24–34 mm	35–49 mm	50–105 mm
		

- **SB-700:** Có sẵn đèn chiếu trợ giúp AF khi thấu kính AF 24–135 mm được sử dụng với điểm lấy nét như ở bên dưới.

24–27 mm	28–135 mm
	

Tùy thuộc vào thấu kính được sử dụng và cảnh được ghi lại, chỉ báo đã được lấy nét (●) có thể được hiển thị khi đối tượng chưa được lấy nét, hoặc máy ảnh có thể không lấy nét được và nhà cửa trập sẽ bị tắt.

Các Phụ Kiện Khác

Tại thời điểm viết bài, những phụ kiện sau đã có sẵn cho D5

Các nguồn điện	• Pin Sạc Li-ion EN-EL18c (📖 19, 22): Cũng có thể sử dụng pin EN-EL18b, EN-EL18a và EN-EL18. Có thể mua thêm pin EN-EL 18c tại các nhà bán lẻ và đại diện dịch vụ Nikon ở địa phương. • Bộ Sạc Pin MH-26a (📖 19, 470): MH-26a có thể được sử dụng để sạc và hiệu chỉnh các loại pin EN-EL18c, EN-EL18b, EN-EL18a, và EN-EL18. • Đầu Nối Nguồn EP-6, Bộ Đổi Điện AC EH-6b: Những phụ kiện này có thể được sử dụng cấp nguồn cho máy ảnh để kéo dài thời gian sử dụng (bộ đổi điện EH-6a và EH-6 AC cũng có thể được sử dụng). Cần có EP-6 để có thể kết nối máy ảnh với EH-6b; xem trang 432 để biết thêm chi tiết.
Các bộ lọc	• Các bộ lọc dành cho nhiếp ảnh hiệu ứng đặc biệt có thể gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động hoặc máy ngắm điện tử. • Không thể sử dụng D5 với các bộ lọc phân cực tuyến tính. Thay vì đó, sử dụng bộ lọc phân cực xoay được C-PL hoặc C-PLII. • Sử dụng các Bộ lọc NC màu trung tính để bảo vệ thấu kính. • Để tránh bóng ma, không nên sử dụng bộ lọc khi đối tượng được tạo khuôn hình theo hướng ngược với ánh sáng chói, hoặc khi nguồn sáng chói ở trong khuôn hình. • Chức năng đo sáng cân bằng trung tâm được khuyến dùng với các bộ lọc với các yếu tố phơi sáng (các yếu tố bộ lọc) trên 1× (Y44, Y48, Y52, O56, R60, X0, X1, C-PL, ND2S, ND4, ND4S, ND8, ND8S, ND400, A2, A12, B2, B8, B12). Xem tài liệu hướng dẫn về bộ lọc để biết thêm chi tiết.

Thiết bị tiếp hợp mạng LAN không dây (📖 281)	• Bộ Phát Không Dây WT-6/WT-5: Kết nối WT-6 hoặc WT-5 với thiết bị ngoại vi của máy ảnh để tải ảnh qua mạng không dây, điều khiển máy ảnh từ máy tính chạy Camera Control Pro 2 (bán riêng), hoặc để lấy và duyệt ảnh từ xa từ máy tính hoặc thiết bị thông minh. Chú ý: Cần có mạng không dây và kiến thức cơ bản về mạng khi sử dụng bộ phát không dây. Chắc chắn phải cập nhật phần mềm của bộ phát không dây lên phiên bản mới nhất.
Các điều khiển từ xa không dây	• Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-R10/WR-T10: Khi điều khiển từ xa không dây WR-R10 được gắn vào đầu cắm chụp từ xa có mười chân bằng bộ chuyển đổi WR-A10, có thể điều khiển máy ảnh từ xa bằng cách sử dụng bộ điều khiển từ xa không dây WR-T10. Cũng có thể sử dụng WR-R10 để điều khiển các bộ đèn nháy điều khiển bằng vô tuyến. • Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-1: Các thiết bị WR-1 được sử dụng với các điều khiển từ xa không dây WR-R10 hoặc WR-T10 hoặc với điều khiển từ xa WR-1 khác, thiết bị WR-1 có thể hoạt động như một thiết bị phát hoặc thu. Ví dụ, WR-1 có thể được gắn vào đầu cắm chụp từ xa có mười chân và sử dụng như một bộ thu, cho phép nhả cửa trập từ xa với WR-1 làm bộ phát. Chú ý: Đảm bảo vi chương trình của WR-R10 và WR-1 đã được cập nhật lên phiên bản mới nhất. Để biết thông tin về gói cập nhật vi chương trình, xem trang web của Nikon cho khu vực của bạn.

**Các phụ kiện
kính ngắm thị
kính**

- **Hốc Mắt Cao Su DK-19:** DK-19 làm cho hình ảnh trong kính ngắm dễ xem hơn, tránh bị mỏi mắt.
- **Thấu Kính Ngắm Điều Chỉnh Đốt DK-17C:** Để bao hàm được các khác biệt riêng lẻ trong tầm nhìn, thấu kính ngắm có các đốt -3 , -2 , 0 , $+1$, và $+2 \text{ m}^{-1}$. Chỉ sử dụng thấu kính điều chỉnh đốt khi không thể đạt được độ lấy nét mong muốn với bộ điều khiển điều chỉnh đốt gần sẵn (-3 đến $+1 \text{ m}^{-1}$). Thử thấu kính điều chỉnh đốt trước khi mua để đảm bảo có thể đạt được độ lấy nét mong muốn.
- **Thị Kính Phóng Đại DK-17M:** DK-17M phóng to nhìn qua kính ngắm khoảng $1,2\times$ để lấy khuôn hình chính xác hơn.
- **Kính Lúp Thị Kính DG-2:** DG-2 khuếch đại cảnh ở trung tâm của kính ngắm giúp lấy nét chính xác hơn. Cần có bộ nối thị kính DK-18 (bán riêng).
- **Bộ Nối Thị Kính DK-18:** DK-18 được sử dụng khi lắp kính lúp DG-2 hoặc ống ngắm vuông gắn ngoài DR-3 vào D5.
- **Bộ Nối Thị Kính DK-27:** DK-27 được kèm theo với máy ảnh.
- **Kính chống mờ DK-14/Kính chống mờ DK-17A:** Những thị kính kính ngắm này giúp ngăn mờ sương trong điều kiện ẩm ướt hoặc lạnh.
- **Kính ngắm có lớp phủ flo DK-17F:** DK-17F được kèm theo với máy ảnh. Kính bảo vệ có lớp phủ flo để vệ sinh ở cả hai mặt.
- **Ống Ngắm Vuông Gắn Ngoài DR-5/Ống Ngắm Vuông Gắn Ngoài DR-4:** DR-5 và DR-4 gắn vào thị kính kính ngắm ở góc bên phải, cho phép xem hình ảnh trong kính ngắm từ phía trên khi chụp ngang máy ảnh. DR-5 hỗ trợ điều chỉnh đốt và cũng có thể phóng đại xem qua kính ngắm tới $2\times$ cho độ chính xác cao hơn khi lấy khuôn hình (lưu ý các cạnh của khuôn hình sẽ không được hiển thị khi xem phóng đại).

Cáp HDMI (📖 286)	Cáp HDMI HC-E1: Cáp HDMI có đầu nối C để kết nối với máy ảnh và một đầu nối A để kết nối với các thiết bị HDMI.
Phần mềm	• Camera Control Pro 2: Dùng máy tính để điều khiển máy ảnh từ xa và lưu ảnh trực tiếp vào ổ cứng máy tính. Khi Camera Control Pro 2 được sử dụng để chụp ảnh trực tiếp vào máy tính, chỉ báo kết nối PC (P_C) sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển. Chú ý: Để sử dụng phiên bản phần mềm Nikon mới nhất; truy cập các trang web được nêu ở trang xxi để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ. Ở các cài đặt mặc định, Trung Tâm Thông Báo Nikon 2 sẽ kiểm tra định kỳ các bản cập nhật phần mềm và vi chương trình Nikon khi bạn đăng nhập vào một tài khoản trên máy tính và máy tính được kết nối với Internet. Tự động hiển thị thông báo khi phát hiện cập nhật.
Nắp thân máy	Nắp Thân Máy BF-1B/Nắp Thân Máy BF-1A: Nắp thân máy giữ gương, màn hình kính ngắm, và bộ lọc qua chậm không bị dính bụi khi không gắn thấu kính.
Các loại phụ kiện đầu cắm từ xa	D5 được trang bị đầu cắm chụp từ xa có mười chân (📖 2) cho chụp ảnh điều khiển từ xa và chụp ảnh tự động. Thiết bị đầu cuối có nắp để bảo vệ các điểm tiếp xúc khi không sử dụng. Có thể sử dụng các phụ kiện sau đây (tất cả độ dài mang tính tương đối): • Dây chụp từ xa MC-22/MC-22A: Nhả cửa trập từ xa với thiết bị đầu cuối màu xanh, vàng, và đen để kết nối thiết bị kích hoạt cửa trập từ xa, cho phép điều khiển thông qua các tín hiệu âm thanh hoặc điện tử (dài 1 m). • Dây chụp từ xa MC-30/MC-30A: Nhả cửa trập từ xa; có thể sử dụng để giảm lắc máy ảnh (dài 80 cm). • Dây chụp từ xa MC-36/MC-36A: Nhả cửa trập từ xa; có thể được sử dụng để chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian hoặc để giảm lắc máy ảnh hoặc giữ cho cửa trập mở trong thời gian phơi sáng (dài 85 cm).

**Các loại phụ
kiện đầu cắm
từ xa**

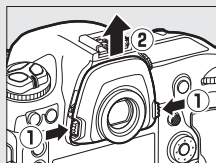
- **Dây mở rộng MC-21/MC-21A:** Có thể được kết nối với ML-3 hoặc sê-ri MC 20, 22, 22A, 23, 23A, 25, 25A, 30, 30A, 36, hoặc 36A. Chỉ một MC-21 hoặc MC-21A có thể được sử dụng tại một thời điểm (dài 3 m).
- **Dây nối MC-23/MC-23A:** Kết nối hai máy ảnh với đầu cắm chụp từ xa có mười chân để hoạt động đồng thời (dài 40 cm).
- **Cáp chuyển đổi MC-25/MC-25A:** Cáp chuyển đổi hai chân đến mười chân để kết nối với các thiết bị có đầu cắm hai chân, bao gồm cả bộ điều khiển radio MW-2, bộ kiểm soát khoảng cách MT-2 và bộ điều khiển từ xa modulite ML-2 (dài 20 cm).
- **Bộ nối WR WR-A10:** Bộ chuyển đổi được sử dụng để kết nối các điều khiển từ xa không dây WR-R10 với máy ảnh với đầu cắm chụp từ xa có mười chân.
- **Bộ GPS GP-1/GP-1A** (□ 246): Ghi vĩ độ, kinh độ, độ cao, và thời gian UTC với ảnh.
- **Cáp chuyển đổi GPS MC-35** (□ 246): Cáp 35 cm này kết nối máy ảnh với các bộ GPS GARMIN eTrex- và geko-sê-ri tuân thủ chuẩn dữ liệu phiên bản 2.01 hoặc 3.01 của Hiệp Hội Điện Tử Hàng Hải Quốc Gia NMEA0183. Chỉ những kiểu hỗ trợ kết nối cáp giao diện PC mới được hỗ trợ; không thể sử dụng MC-35 để kết nối các bộ GPS qua cổng USB. Các bộ kết nối với MC-35 bằng cáp có đầu nối 9 chân D-sub được cung cấp bởi nhà sản xuất thiết bị GPS; xem tài liệu hướng dẫn sử dụng MC-35 để biết chi tiết. Trước khi bật máy ảnh, đặt thiết bị GPS sang chế độ NMEA (4800 baud); để biết thêm thông tin, xem tài liệu được cung cấp với thiết bị GPS.
- **Bộ điều khiển từ xa modulite ML-3:** Cho phép điều khiển từ xa hồng ngoại ở khoảng cách lên đến 8 m.

Micro	• Micro Stereo ME-1: Kết nối ME-1 vào khe micro máy ảnh để ghi âm thanh stereo và giảm khả năng bắt tiếng ồn thiết bị (chẳng hạn như âm thanh do thấy kính tạo ra khi lấy nét tự động; 64). • Micro không dây ME-W1: Sử dụng micro Bluetooth không dây này để ghi ngoài máy ảnh.
Nắp đầu nối	Nắp Đầu Nối Cho Cáp Đầu Cắm Mini Stereo UF-6: Ngăn cáp cắm mini bị ngắt kết nối đột ngột khỏi micro stereo ME-1 tùy chọn.

Phụ kiện có ở tùy quốc gia hoặc khu vực. Xem trang web hoặc tài liệu quảng cáo của chúng tôi để có các thông tin mới nhất.

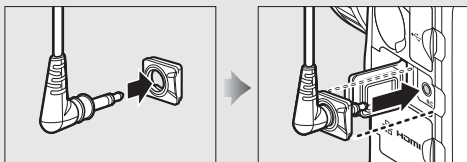
Tháo bộ nối thị kính

Bấm và nhấn chốt ở hai bên (1) rồi tháo bộ chuyển đổi như minh họa (2).



Nắp Đầu Nối Cho Cáp Đầu Cắm Mini Stereo

Nắp được lắp như minh họa.

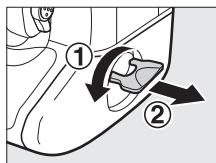


Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC

Tắt máy ảnh trước khi gắn đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chọn.

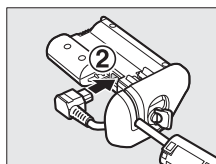
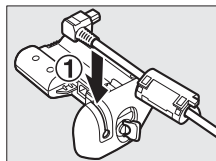
1 Tháo bỏ nắp khoang pin.

Nâng chốt nắp khoang pin, bật để mở sang vị trí (Ⓢ) (①), và gỡ bỏ nắp khoang pin BL-6 (②).



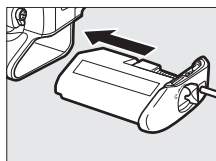
2 Kết nối bộ đổi điện AC.

Đẩy cáp DC về rãnh cáp đầu nối nguồn (①) và trượt xuống cho đến tới đáy khe, sau đó cắm chốt DC vào đầu nối DC IN (②).



3 Lắp đầu nối nguồn.

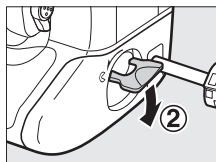
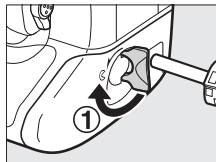
Lắp hết cỡ đầu nối nguồn vào khoang pin như minh họa.



4 Chốt đầu nối nguồn.

Xoay chốt về vị trí đóng (①) và gấp xuống như minh họa (②). Để đầu nối nguồn không bị bật ra trong quá trình hoạt động, hãy chắc chắn nó được đóng chặt chốt.

Mức pin không được hiển thị trên bảng điều khiển trên khi máy ảnh được cấp nguồn bởi bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn.



Chăm Sóc Máy Ảnh

Bảo quản

Khi không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy tháo pin ra và cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo với nắp phủ đầu cuối ở đúng vị trí. Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Không được cất giữ máy ảnh cùng với hoặc viên long nảo hoặc naptalin chống côn trùng tại các vị trí:

- không thông thoáng hoặc có độ ẩm trên 60%
- ở gần thiết bị tạo ra vùng từ trường mạnh, như TV hoặc ra-đi-ô
- tiếp xúc với nhiệt độ trên +50 °C hoặc dưới -10 °C

Lau chùi

Thân máy ảnh	Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi và vãi vụn, sau đó nhẹ nhàng lau bằng khăn khô dịu. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước cất và làm khô hoàn toàn. Quan trọng: <i>Bụi hoặc các vật chất từ bên ngoài lọt vào trong máy ảnh có thể gây ra các tổn hại không được hưởng bảo hành.</i>
Thấu kính, gương, và kính ngắm	Những chi tiết thủy tinh này rất dễ bị tổn hại. Loại bỏ bụi và vãi vụn bằng máy thổi. Nếu sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, thấm một ít nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.
Màn hình	Loại bỏ bụi và vãi vụn bằng máy thổi. Khi loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, lau phần bề mặt nhẹ nhàng bằng vải mềm hoặc da dê. Không được chà mạnh, bởi điều này có thể dẫn đến tổn hại hoặc trục trặc.

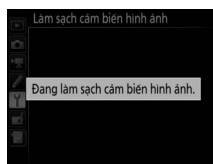
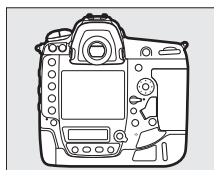
Không sử dụng chất có cồn, chất pha loãng hoặc các hóa chất dễ bay hơi khác.

Bộ Lọc Qua Châm

Bộ phận cảm biến hình ảnh có vai trò là nhân tố quyết định ảnh của máy ảnh được khớp với một bộ lọc qua châm để tránh nhòe. Nếu bạn nghi ngờ rằng bụi bẩn trong bộ lọc xuất hiện trên ảnh, bạn có thể làm sạch bộ lọc bằng cách sử dụng tùy chọn **Làm sạch cảm biến hình ảnh** trong menu cài đặt. Bộ lọc có thể được làm sạch bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Làm sạch ngay bây giờ**, hoặc việc làm sạch có thể được tiến hành tự động mỗi khi máy ảnh bật hoặc tắt.

■ ■ “Làm sạch ngay bây giờ”

Cầm phần chân máy quay xuống, chọn **Làm sạch cảm biến hình ảnh** trong menu cài đặt, sau đó làm nổi bật **Làm sạch ngay bây giờ** và nhấn **OK**. Máy ảnh sẽ kiểm tra cảm biến hình ảnh và sau đó bắt đầu làm sạch. **bu 55** nhấp nháy trong bảng điều khiển và không thể thực hiện các hoạt động khác khi đang làm sạch. Không tháo hay ngắt kết nối nguồn cho tới khi làm sạch xong và menu cài đặt không hiển thị nữa.



■ “Làm sạch khi khởi động/tắt”

Chọn từ các tùy chọn sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
 Làm sạch khi khởi động	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật máy ảnh.
 Làm sạch khi tắt	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi tắt máy ảnh.
 Làm sạch khi khởi động & tắt	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật và tắt.
Tắt làm sạch	Tắt chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh tự động.

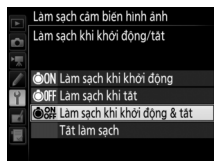
1 Chọn Làm sạch khi khởi động/tắt.

Hiển thị menu **Làm sạch cảm biến hình ảnh** như được mô tả trên trang 435. Làm nổi bật **Làm sạch khi khởi động/tắt** và nhấn .



2 Chọn tùy chọn.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn .



✓ Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Việc sử dụng các chức năng điều khiển trong khi khởi động máy ảnh sẽ gây cản trở cho quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh.

Chức năng làm sạch được tiến hành bằng cách lắc bộ lọc qua chậm. Nếu không thể loại bỏ hoàn toàn bụi bằng cách sử dụng các lựa chọn trong menu **Làm sạch cảm biến hình ảnh**, hãy làm sạch cảm biến hình ảnh bằng tay hoặc tham khảo ý kiến của một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Nếu chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành nhiều lần liên tiếp, chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể sẽ bị vô hiệu hóa tạm thời nhằm bảo vệ kết cấu bên trong máy ảnh. Chức năng làm sạch có thể tiếp tục được tiến hành sau một khoảng thời gian ngắn.



■ ■ Làm Sạch Bằng Tay

Nếu vật chất từ bên ngoài lọt vào trong bộ lọc qua chậm không thể được loại bỏ bằng cách sử dụng tùy chọn **Làm sạch cảm biến hình ảnh** (📷 435) trong menu cài đặt, bộ lọc có thể được làm sạch bằng tay như được mô tả phía dưới. Tuy nhiên, lưu ý rằng bộ lọc cực kỳ mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nikon khuyến nghị rằng bộ lọc chỉ nên được làm sạch bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền.

1 Sạc pin hoặc kết nối một bộ đổi điện AC.

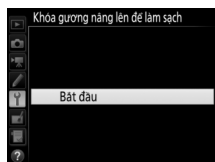
Cần một nguồn điện đáng tin cậy cho quá trình kiểm tra và làm sạch bộ lọc qua chậm. Tắt máy ảnh và lắp pin đã sạc đầy hoặc kết nối bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn. Tùy chọn **Khóa gương nâng lên để làm sạch** chỉ có ở menu cài đặt khi mức pin hơn .

2 Gỡ thấu kính.

Tắt máy ảnh và gỡ thấu kính.

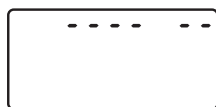
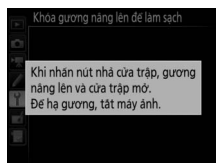
3 Chọn Khóa gương nâng lên để làm sạch.

Bật máy ảnh và làm nổi bật **Khóa gương nâng lên để làm sạch** trong menu cài đặt và nhấn . Lưu ý rằng **Khóa gương nâng lên để làm sạch** không có sẵn khi **Bật** được chọn cho **Mạng > Kết nối mạng** trong menu cài đặt.



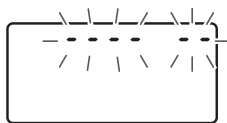
4 Nhấn .

Thông báo sẽ được hiển thị phía bên phải màn hình và một hàng gạch ngang sẽ xuất hiện ở bảng điều khiển trên và kính ngắm. Để phục hồi hoạt động bình thường mà không kiểm tra bộ lọc qua chậm, tắt máy ảnh.



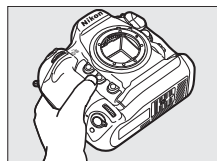
5 Nâng gương.

Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ. Gương sẽ được nâng và màn trập sẽ mở, để lộ bộ lọc qua chậm. Mục xuất hiện trên kính ngắm và bảng điều khiển phía sau sẽ bị tắt và hàng gạch ngang trên bảng điều khiển trên sẽ nhấp.



6 Kiểm tra bộ lọc qua chậm.

Giữ máy ảnh sao cho ánh sáng chiếu vào bộ lọc qua chậm, kiểm tra bộ lọc để tìm bụi bẩn. Nếu không thấy vật từ bên ngoài lọt vào, đi đến Bước 8.



7 Làm sạch bộ lọc.

Loại bỏ tất cả bụi bẩn trong bộ lọc bằng máy thổi. Không được sử dụng máy thổi có bàn chải, bởi vì phần lông cứng có thể làm tổn hại bộ lọc. Các loại bụi bẩn không thể loại bỏ bằng máy thổi chỉ có thể được loại bỏ bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền. Trong mọi trường hợp, bạn không được chạm vào hoặc lau chùi bộ lọc.



8 Tắt máy ảnh.

Gương sẽ trở về vị trí hạ và màn trập sẽ đóng lại. Lắp lại thấu kính hoặc nắp thân máy.

Sử Dụng Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Màn trập rất mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nếu máy ảnh tắt nguồn trong khi gương đang được nâng, màn sẽ tự động đóng lại. Để tránh làm tổn hại màn, tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau:

- Không được tắt máy ảnh hoặc tháo hay ngắt kết nối nguồn điện khi gương đang được nâng.
- Nếu pin sắp hết khi gương đang được nâng, một tiếng bíp sẽ vang lên và đèn hẹn giờ sẽ nhấp nháy để báo hiệu rằng màn trập sẽ đóng lại và gương sẽ được hạ xuống trong khoảng hai phút nữa. Kết thúc quá trình làm sạch hoặc kiểm tra ngay lập tức.



Các Vật Chất Từ Bên Ngoài lọt vào Bộ Lọc Qua Chạm

Vật lạ vào máy ảnh khi tháo hoặc thay thấu kính hoặc nắp thân máy (hoặc trong những trường hợp rất hiếm là chất bôi trơn hoặc chất khác từ chính máy ảnh) có thể dính vào bộ lọc qua chạm, nó có thể xuất hiện trong ảnh được chụp ở một số điều kiện nhất định. Để máy ảnh khi không gắn thấu kính, nhớ lắp lại nắp thân máy được cung cấp kèm với máy ảnh, trước đó hãy cẩn thận loại bỏ hết bụi và các loại vật chất bên ngoài khác có thể đang bám vào lỗ gắn máy ảnh, lỗ gắn thấu kính và nắp thân máy. Tránh lắp nắp thân máy hoặc thay thấu kính trong môi trường bụi bẩn.

Nếu có vật lạ vào được bộ lọc qua chạm, sử dụng tùy chọn làm sạch bộ lọc qua chạm như mô tả trên trang 435. Nếu vấn đề vẫn còn, làm sạch bộ lọc bằng tay (📖 437) hoặc nhờ Nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền làm sạch. Những bức ảnh bị ảnh hưởng bởi vật chất bên ngoài trong bộ lọc có thể được sửa lại bằng cách sử dụng tùy chọn làm sạch ảnh có trong một số ứng dụng chỉnh sửa ảnh.

Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là thiết bị chính xác nên cần bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến cáo máy ảnh cần được kiểm tra bởi nhà bán lẻ ban đầu hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền từ một đến hai năm một lần, và cần được bảo dưỡng sau mỗi ba đến năm năm (lưu ý có thể phải trả phí cho các dịch vụ này). Nên kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên nếu máy ảnh được sử dụng chuyên nghiệp. Nên kiểm tra hoặc bảo dưỡng bất kỳ phụ kiện nào thường xuyên được sử dụng với máy ảnh, chẳng hạn như các ống kính, bộ đèn nháy tùy chọn khi kiểm tra và bảo dưỡng máy ảnh.

Thay Thế Pin Đồng Hồ

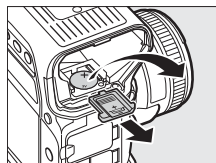
Đồng hồ máy ảnh được trang bị pin lithium CR1616 có tuổi thọ khoảng hai năm. Nếu biểu tượng **CLOCK** được hiển thị trong bảng điều khiển trên khi hẹn giờ chờ bật, pin đang ở mức thấp và cần thay. Khi pin cạn kiệt, biểu tượng **CLOCK** sẽ nhấp trong khi hẹn giờ chờ bật. Vẫn có thể chụp được ảnh nhưng sẽ không ghi lại được chính xác thời gian và ngày tháng. Thay thế pin như mô tả bên dưới.

1 Tháo pin chính.

Khoang pin đồng hồ nằm trên mái khoang pin chính. Tắt máy ảnh và tháo pin EN-EL18c.

2 Mở khoang pin đồng hồ.

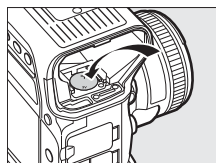
Trượt nắp khoang pin đồng hồ về phía trước của khoang pin chính.



3 Tháo pin đồng hồ.

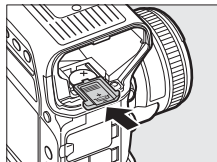
4 Lắp pin thay thế.

Lắp pin lithium CR1616 mới sao cho phía dương (bên có dấu “+” và tên pin) có thể nhìn thấy được.



5 Đóng khoang pin đồng hồ.

Trượt nắp khoang pin đồng hồ về phía sau của khoang pin chính cho tới khi khớp vào vị trí.

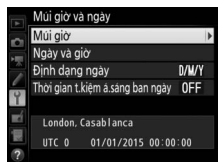


6 Thay pin chính.

Lắp lại EN-EL18c.

7 Cài đặt đồng hồ máy ảnh.

Cài đặt máy ảnh về ngày và thời gian hiện tại (□ 28). Sau khi thời gian và ngày được cài đặt, biểu tượng **CLOCK** sẽ nhấp nháy trong bảng điều khiển trên.



THẬN TRỌNG

Chỉ sử dụng pin lithium CR1616. Sử dụng loại pin khác có thể gây nổ. Loại bỏ pin đã qua sử dụng theo chỉ dẫn.

Lắp pin đồng hồ

Lắp pin đồng hồ vào theo đúng hướng. Việc lắp không chính xác có thể không chỉ làm cho đồng hồ không hoạt động mà còn có thể làm hỏng máy ảnh.

Chăm Sóc Máy Ảnh Và Pin Sạc: Cảnh báo

Không được làm rơi: Sản phẩm có thể gặp trục trặc nếu bị rung hoặc va đập mạnh.

Giữ khô ráo: Sản phẩm này không có khả năng chống nước, và có thể gặp trục trặc nếu bị ngâm nước hoặc tiếp xúc với độ ẩm cao. Máy móc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến hư hỏng không thể khắc phục được.

Tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột: Thay đổi nhiệt độ đột ngột, như các trường hợp xảy ra khi ra vào các tòa nhà được sưởi ấm trong ngày lạnh, có thể dẫn đến tình trạng đọng hơi nước bên trong thiết bị. Để tránh đọng hơi nước, đặt thiết bị trong hộp cầm hoặc túi nhựa trước khi để chúng gặp tình trạng thay đổi nhiệt độ đột ngột.

Đề xa các vùng từ trường mạnh: Không được dùng hoặc cất giữ thiết bị này trong vùng lân cận của các thiết bị tạo ra vùng bức xạ điện từ hoặc từ trường mạnh. Vùng điện tích mạnh hoặc vùng từ trường tạo ra bởi các thiết bị như bộ truyền tín hiệu ra-đi-ô có thể can thiệp vào màn hình, làm tổn hại dữ liệu lưu trong thẻ nhớ, hoặc gây ảnh hưởng tới mạch điện bên trong sản phẩm.

Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời: Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời hoặc các nguồn sáng mạnh khác trong thời gian dài. Ánh sáng quá mạnh có thể làm cho bộ phận cảm biến hình ảnh hư hỏng hoặc tạo ra hiệu ứng che mờ trắng trong các bức ảnh.

Lau chùi: Khi lau chùi thân máy ảnh, sử dụng máy thổi để nhẹ nhàng loại bỏ bụi bẩn, sau đó lau nhẹ nhàng với khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối bằng khăn thấm nước sạch và sau đó làm khô hoàn toàn máy ảnh. Trong một số trường hợp hiếm khi xảy ra, tinh điện có thể làm cho màn hình LCD sáng lên hoặc tối đi. Đây không phải dấu hiệu trục trặc, và màn hình hiển thị sẽ sớm trở lại bình thường.

Thấu kính và gương rất dễ bị tổn hại. Bụi bẩn nên được loại bỏ nhẹ nhàng bằng máy thổi. Khi sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dầu tay và các vết bẩn khác trên thấu kính, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.

Xem “Bộ Lọc Qua Chậm” (□ 435) để biết thêm thông tin về làm sạch bộ lọc qua chậm.

Tiếp xúc thấu kính: Giữ tiếp xúc thấu kính sạch sẽ.

Không được chạm vào màn trập: Màn trập rất mỏng và dễ bị tổn hại. Trong mọi trường hợp, bạn không được tì lên màn, chọc nó bằng các dụng cụ làm sạch, hoặc đưa ra trước luồng gió mạnh từ máy thổi. Những hành động này có thể làm xước, biến dạng, hoặc rách màn.

Màn trập có thể không đều màu, nhưng điều này không ảnh hưởng đến hình ảnh và không phải là sự cố.

Bảo quản: Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, ngắt bộ đổi điện để tránh cháy nổ. Nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, tháo pin sạc để tránh rò rỉ và bảo quản máy ảnh trong túi nhựa có chứa chất chống ẩm. Tuy nhiên, không cất giữ hộp máy ảnh trong túi nhựa, bởi vì việc này có thể làm hư hỏng các chất liệu. Lưu ý rằng chất chống ẩm đó sẽ dần dần mất khả năng hút ẩm và nên thay thế đều đặn.

Để tránh ẩm mốc, lấy máy ảnh ra khỏi nơi bảo quản ít nhất mỗi tháng một lần. Bật máy ảnh và nhả cửa trập vài lần trước khi cất.

Bảo quản pin sạc ở nơi mát mẻ, khô ráo. Lắp lại nắp đầy đầu cắm trước khi cất pin sạc.

Tắt sản phẩm trước khi tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện: Không được ngắt nguồn hoặc gỡ pin sạc khi sản phẩm đang bật hoặc khi hình ảnh đang được ghi lại hoặc xóa bỏ. Ngắt nguồn điện cưỡng bức trong các trường hợp này có thể làm mất dữ liệu hoặc gây tổn hại cho bộ nhớ hoặc mạch điện bên trong của sản phẩm. Để không bị mất nguồn điện bất ngờ, tránh đưa sản phẩm từ nơi này sang nơi khác khi bộ đổi điện AC đang được kết nối.

Làm khô nắp ngàm gắn phụ kiện: Nếu sử dụng máy ảnh dưới trời mưa, nước có thể thâm nhập vào nắp ngàm gắn phụ kiện đi kèm. Tháo và làm khô nắp ngàm gắn phụ kiện sau khi sử dụng máy ảnh trong mưa.

Lưu ý về màn hình: Màn hình được chế tạo với độ chính xác rất cao; ít nhất 99,99% điểm ảnh có hiệu quả, không nhiều hơn 0,01% là bị thiếu hoặc bị lỗi. Do đó dù các màn hình này có thể chứa các điểm ảnh luôn sáng (trắng, đỏ, xanh da trời, hoặc xanh lá cây) hoặc luôn tắt (màu đen) thì đây cũng không phải là sự cố và không ảnh hưởng tới hình ảnh được ghi bằng máy.

Ảnh trên màn hình có thể khó nhìn trong ánh sáng chói.

Không được tì vào màn hình, bởi vì điều này có thể gây tổn hại hoặc trục trặc. Bụi bẩn trên màn hình có thể được loại bỏ bằng máy thổi. Các vết bẩn có thể được loại bỏ bằng cách lau nhẹ với khăn mềm hoặc da dê. Nếu màn hình bị vỡ, phải cẩn thận để tránh bị thương do kính vỡ gây ra và để phòng ngừa chất tinh thể lỏng từ màn hình chạm vào da hoặc rơi vào mắt hoặc miệng.

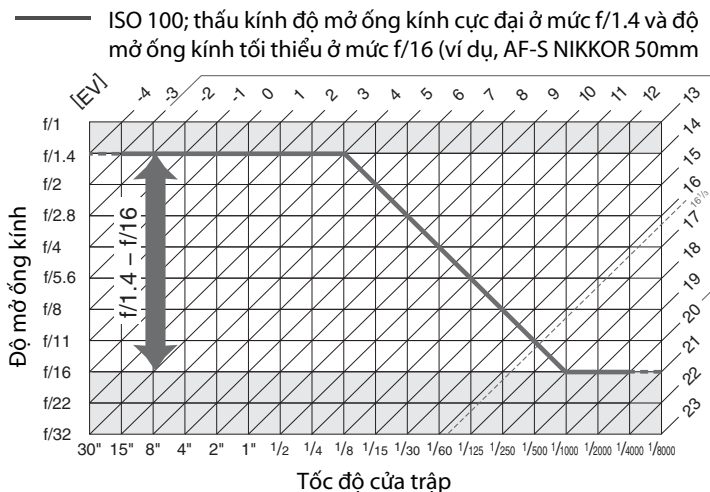
Pin sạc: Pin sạc có thể bị rò rỉ hoặc phát nổ nếu không xử lý đúng cách. Tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau khi xử lý pin sạc:

- Chỉ sử dụng pin sạc được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không được để pin sạc tiếp xúc với lửa hoặc nhiệt độ quá cao.
- Giữ cực pin sạc sạch sẽ.
- Tắt sản phẩm trước khi thay pin sạc.
- Tháo pin sạc ra khỏi máy ảnh hoặc bộ sạc khi không sử dụng và lắp lại nắp đậy đầu cắm. Các thiết bị này tiêu hao một lượng pin nhỏ ngay cả khi đang tắt và có thể làm pin sạc hao đến mức không thể hoạt động nữa. Nếu không sử dụng pin trong một thời gian, lắp pin vào máy ảnh và chạy cho hết pin trước khi tháo khỏi máy ảnh để cất giữ. Nên để pin ở nơi mát với nhiệt độ xung quanh từ 15 °C đến 25 °C (không để pin ở nơi nóng hoặc quá lạnh). Lắp lại quy trình này ít nhất sáu tháng một lần.

- Việc bật tắt máy ảnh liên tục khi pin đã xả hết sẽ rút ngắn tuổi thọ pin. Pin sạc đã xả hết phải được sạc trước khi sử dụng.
- Nhiệt độ bên trong pin sạc có thể tăng lên khi pin sạc được sử dụng. Cố gắng sạc pin sạc khi nhiệt độ bên trong tăng cao sẽ làm suy yếu hiệu suất pin sạc, và pin sạc có thể không được sạc hoặc chỉ sạc một phần. Đợi pin sạc nguội trước khi sạc.
- Tiếp tục sạc pin sạc sau khi nó được sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin sạc.
- Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của pin sạc đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin mới.
- Sạc pin sạc trước khi sử dụng. Khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng, hãy chuẩn bị sẵn sàng pin dự phòng được sạc đầy sẵn. Có thể khó mua được pin sạc thay thế trong thời gian ngắn tùy thuộc vào vị trí của bạn. Lưu ý rằng vào những ngày lạnh, dung lượng pin sạc có xu hướng giảm. Nhớ sạc đầy pin sạc trước khi chụp ảnh bên ngoài trong thiết lạnh. Giữ pin dự phòng ở nơi ấm áp và hoán đổi pin sạc khi cần. Khi đã được làm ấm, viên pin sạc lạnh có thể phục hồi một chút điện.
- Pin sạc đã qua sử dụng là nguồn tài nguyên có giá trị; tái chế chúng theo quy định của địa phương.

Chương Trình Phơi Sáng

Chương trình phơi sáng cho tự động được lập trình (📖 133) được thể hiện trong biểu đồ sau:



Giá trị cực đại và tối thiểu cho EV thay đổi theo độ nhạy ISO; biểu đồ phía trên giả định độ nhạy ISO ở mức tương đương ISO 100. Khi chức năng đo sáng ma trận được sử dụng, giá trị trên 16 $\frac{1}{3}$ EV được giảm xuống 16 $\frac{1}{3}$ EV.

Xử lý sự cố

Nếu máy ảnh không hoạt động như mong đợi, hãy xem danh sách các lỗi thường gặp phía dưới trước khi tham khảo ý kiến nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện ủy quyền của Nikon.

Pin sạc/Màn hình hiển thị

Máy ảnh được bật nhưng không phản hồi: Chờ đợi việc ghi kết thúc. Nếu vẫn đề vẫn còn, tắt máy ảnh. Nếu máy ảnh không tắt, tháo và lắp lại pin, hoặc nếu bạn đang sử dụng một bộ đổi điện AC, ngắt kết nối và kết nối lại bộ đổi điện AC. Lưu ý mặc dù bất kỳ dữ liệu hiện đang được ghi sẽ bị mất, dữ liệu đã được ghi sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện.

Kính ngắm không thể lấy nét: Điều chỉnh lấy nét kính ngắm (□ 35). Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh thêm lấy nét kính ngắm bằng cách sử dụng các thấu kính khắc phục quang (□ 428).

Kính ngắm tối đen: Lắp pin đã sạc đầy (□ 19, 37).

Màn hình hiển thị tắt đột ngột: Chọn độ trễ dài hơn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**) hoặc c4 (**Độ trễ tắt màn hình**) (□ 336, 337).

Hiển thị trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm không đáp ứng và mờ: Thời gian phản hồi và độ sáng của những màn hình hiển thị này thay đổi theo nhiệt độ.

Chụp

Máy ảnh tốn nhiều thời gian để khởi động: Xóa các tập tin hoặc thư mục.

Chức năng nhả cửa trập đã bị vô hiệu hóa:

- Thẻ nhớ đầy (□ 30, 38).
- **Nhả bị khóa** được chọn cho **Khóa nhả khe trống**; (□ 387) và không lắp thẻ nhớ nào vào (□ 30).
- Vòng độ mở ống kính CPU không bị khóa ở số f cao nhất (không áp dụng cho thấu kính loại G và E). Nếu **F/E** được hiển thị trên bảng điều khiển trên, chọn **Vòng độ mở ống kính** cho Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Tùy chọn đĩa lệnh**) > **Cài đặt độ mở ống kính** để sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính (□ 360).
- Chế độ phơi sáng **S** được chọn với **bu** **L** **b** hoặc - - được chọn cho tốc độ cửa trập (□ 455).



Máy ảnh phản hồi chậm với nút nhả cửa trập: Chọn **Tắt** cho Cài Đặt Tùy Chọn d5 (**Chế độ trễ phơi sáng**; [339).

Chỉ một ảnh được chụp mỗi lần nhấn nút nhả cửa trập trong chế độ nhả liên tục: Tắt HDR ([189).

Ảnh không được lấy nét:

- Xoay bộ chọn chế độ lấy nét tới Lấy nét tự động **AF** ([98).
- Máy ảnh không thể lấy nét bằng lấy nét tự động: sử dụng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét ([111, 114).

Phạm vi đầy đủ của tốc độ của trập không có sẵn: Đèn nháy đang được sử dụng. Tốc độ đồng bộ đèn nháy có thể được chọn bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Tốc độ đồng bộ đèn nháy**); khi sử dụng bộ đèn nháy tương thích, chọn **1/250 s (FP tự động)** để đạt được phạm vi đầy đủ của tốc độ cửa trập ([343).

Chức năng lấy nét không khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa: Máy ảnh trong chế độ lấy nét **AF-C**: sử dụng trung tâm của bộ chọn phụ để khóa lấy nét ([111).

Không thể chọn điểm lấy nét:

- Mở khóa bộ chọn lấy nét ([108).
- AF vùng tự động và chế độ vùng AF hoặc AF ưu tiên khuôn mặt được chọn trong xem trực tiếp; chọn chế độ khác ([49, 104).
- Máy ảnh ở chế độ phát lại ([248).
- Menu đang được sử dụng ([289).
- Nhấn nút nhả cửa trập xuống nửa chừng để bắt đầu hẹn giờ chờ ([41).

Không thể chọn chế độ AF: Chọn **Không hạn chế** Cho Cài Đặt Tùy Chọn a10 (**Hạn chế chế độ lấy nét tự động**, [332).

Máy ảnh ghi ảnh chậm: Tắt chức năng giảm nhiễu phơi sáng kéo dài ([315).

Nhiều (điểm sáng chói, các điểm ảnh sáng gần cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường kẻ) xuất hiện trong ảnh:

- Điểm sáng, có thể giảm các điểm ảnh sáng gần cách ngẫu nhiên, sương mù, và vạch kẻ bằng cách giảm độ nhạy sáng ISO.
- Sử dụng tùy chọn **Giảm nhiễu phơi sáng lâu** trong menu chụp ảnh để hạn chế đốm sáng hoặc sương mù xuất hiện trong ảnh chụp ở tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây (☐ 315).
- Sương mù và đốm sáng có thể cho biết nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do nhiệt độ môi trường xung quanh cao, phơi sáng lâu, hoặc các nguyên nhân tương tự: hãy tắt máy ảnh và chờ cho nguội trước khi tiếp tục ghi phim.
- Ở độ nhạy ISO cao, đường thẳng có thể xuất hiện trong ảnh chụp với một số thiết bị đèn nháy tùy chọn; nếu điều này xảy ra thì chọn giá trị thấp hơn.
- Ở độ nhạy ISO cao, bao gồm cả Đen và trắng 1 cao hoặc Đen và trắng 2 cao, các giá trị cao được chọn với điều khiển độ nhạy ISO tự động, có thể giảm điểm ảnh sáng gần cách ngẫu nhiên bằng cách chọn **Cao, Bình thường**, hoặc **Thấp** cho **Giảm nhiễu ISO cao** trong menu chụp ảnh hoặc quay phim (☐ 316, 322).
- Ở độ nhạy ISO cao, điểm sáng, các điểm ảnh sáng gần cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng có thể thấy rõ hơn ở ảnh phơi sáng thời gian dài, đa phơi sáng, và ảnh chụp ở nhiệt độ môi trường cao hoặc với D-Lighting hoạt động được kích hoạt, **Đồng đều** được chọn cho **Đặt Picture Control** (☐ 179) hoặc các giá trị cực đại được chọn cho các thông số Picture Control (☐ 182).

Hiện tượng nhấp nháy hoặc dải màu xuất hiện trong khi quay phim: Chọn một tùy chọn cho **Giảm nhấp nháy** phù hợp với tần số của nguồn cấp điện AC địa phương (☐ 322).

Vùng sáng hoặc dải sáng xuất hiện trong xem trực tiếp: Tín hiệu đèn nháy, đèn nháy hoặc nguồn sáng khác có thời lượng ngắn đã được sử dụng trong khi xem trực tiếp.

Trên ảnh có vết nhòe: Làm sạch các phần phía trước và phía sau thấu kính. Nếu vấn đề vẫn tồn tại, tiến hành làm sạch cảm biến hình ảnh (☐ 435).

Xem trực tiếp kết thúc bất ngờ hoặc không bắt đầu: Xem trực tiếp có thể sẽ tự động kết thúc để tránh làm hỏng các mạch nội bộ của máy ảnh nếu:

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
 - Máy ảnh được sử dụng trong thời gian dài ở chế độ xem trực tiếp hoặc để quay phim
 - Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài
- Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn nhấn nút , hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại. Lưu ý rằng khi chạm vào máy ảnh có thể cảm thấy ấm, nhưng đây không phải là sự cố.

Ảnh giả xuất hiện trong khi xem trực tiếp: “Nhiều” (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường kẻ) và màu không mong muốn có thể xuất hiện nếu bạn phóng to nhìn qua ống kính ( 47) trong khi xem trực tiếp; ở chế độ phim, mức độ và sự phân phối các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, và điểm sáng bị ảnh hưởng bởi kích thước khuôn hình và tỷ lệ khuôn hình ( 67). Các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc điểm sáng cũng có thể phát sinh do các mạch bên trong máy ảnh tăng nhiệt trong khi xem trực tiếp; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh.

Không thể xác định độ cân bằng trắng: Đối tượng quá tối hoặc quá sáng ( 169).

Hình ảnh không thể được chọn làm nguồn cho chức năng cài đặt trước độ cân bằng trắng: Ảnh không chụp được bằng D5 ( 176).

Chức năng cân bằng trắng bù trừ không có sẵn:

- Tùy chọn chất lượng hình ảnh NEF (RAW) hoặc NEF + JPEG đã được chọn cho chất lượng hình ảnh ( 92).
- Chế độ đa phơi sáng đang có hiệu lực ( 229).

Ảnh và phim không có phơi sáng tương tự như xem trước được hiển thị trong màn hình trong khi xem trực tiếp: Thay đổi độ sáng màn hình trong khi xem trực tiếp không có hiệu lực trên các ảnh được ghi với máy ảnh ( 51).

Hiệu ứng của Picture Control thay đổi theo từng hình ảnh khác nhau: A (tự động) đã được chọn cho chức năng làm sắc nét, độ rõ nét, độ tương phản, hoặc độ bão hòa. Để đạt được kết quả nhất quán cho một loạt ảnh, hãy chọn một thiết lập khác ( 183).

Không thể thay đổi chức năng đo sáng: Khóa tự động phơi sáng đang có hiệu lực (□ 142).

Không thể sử dụng chức năng bù phơi sáng: Chọn chế độ phơi sáng **P, S,** hoặc **A** (□ 131, 145).

Nhiều (các vùng đỏ hung hoặc các ảnh giả khác) xuất hiện trong phơi sáng thời gian dài: Kích hoạt giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (□ 315).

Phim được quay không có tiếng: **Tắt micrô** được chọn cho **Độ nhạy micrô** trong menu quay phim (□ 321).

Phát Lại

Ảnh NEF (RAW) không được phát lại: Ảnh đã được chụp với chất lượng hình ảnh NEF + JPEG (□ 93).

Không thể xem ảnh ghi lại bởi máy ảnh khác: Ảnh được ghi lại bằng các sản phẩm máy ảnh khác có thể được hiển thị không chính xác.

Một số ảnh không được hiển thị trong khi phát lại: Chọn **Tất cả** cho **Thư mục phát lại** (□ 299).

Ảnh có hướng chụp “Độc” (chân dung) được hiển thị theo hướng “ngang” (phong cảnh):

- Ảnh được chụp với **Tắt** được chọn cho **Xoay hình ảnh tự động** (□ 306).
- Chọn **Bật** cho **Xoay dọc** (□ 306).
- Ảnh được hiển thị trong chế độ xem lại hình ảnh (□ 304).
- Máy ảnh đã được hướng lên trên hoặc xuống dưới khi chụp ảnh (□ 306).

Không thể xóa ảnh: Ảnh được bảo vệ. Gỡ bảo vệ (□ 265).

Không thể sửa lại ảnh: Ảnh không thể được sửa thêm với máy ảnh này (□ 393).

Máy ảnh sẽ hiển thị thông báo cho biết các thư mục không chứa ảnh: Chọn **Tất cả** cho **Thư mục phát lại** (□ 299).

Không thể in ảnh: Không thể in ảnh NEF (RAW) qua kết nối USB trực tiếp.

Chuyển ảnh vào máy tính và in bằng cách sử dụng Capture NX-D (□ 277).

Có thể lưu ảnh NEF (RAW) ở định dạng JPEG bằng cách sử dụng **Xử lý NEF (RAW)** (□ 395).

Ảnh không hiển thị trên thiết bị video độ nét cao: Xác nhận rằng cáp HDMI (bán riêng) được kết nối (□ 286).

Tùy chọn bụi hình ảnh tắt trong Capture NX-D không có hiệu quả như mong muốn: Quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh thay đổi vị trí của bụi trong bộ lọc qua chậm. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi sau khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành (📖 376).

Máy tính hiển thị ảnh NEF (RAW) khác với máy ảnh: Phần mềm của hãng thứ ba không hiển thị hiệu ứng của Picture Controls, D-Lighting Hoạt Động, hoặc điều khiển tạo họa tiết. Sử dụng Capture NX-D (📖 277).

Không thể chuyển ảnh sang máy tính: Hệ điều hành không tương thích với máy ảnh hoặc phần mềm chuyển. Sử dụng bộ đọc thẻ để sao chép ảnh sang máy tính.

Khác

Ngày ghi không chính xác: Đặt đồng hồ máy ảnh (📖 28).

Không thể chọn mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong một số cài đặt hỗn hợp nhất định hoặc không có thẻ nào được lắp. Lưu ý rằng tùy chọn

Thông tin pin không có sẵn khi máy ảnh được cấp nguồn bởi đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chọn (📖 388).

Thông báo lỗi

Mục này là danh sách các chỉ báo và thông báo lỗi xuất hiện trên kính ngắm, bảng điều khiển trên, và màn hình.

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Bảng điều khiển	Kính ngắm			
F E (nháy)		Vòng mở thấu kính không được đặt ở độ mở ống kính tối thiểu.	Đặt vòng về độ mở ống kính tối thiểu (số f cao nhất).	26
		Pin không sạc/pin sạc yếu.	Chuẩn bị sẵn pin đã sạc đầy.	37
 (nháy)	 (nháy)	- Pin cạn kiệt. - Không thể sử dụng pin. - Pin sạc Li-ion cạn kiệt hoặc pin của hãng thứ ba được lắp vào máy ảnh. - Pin có nhiệt độ cao.	- Sạc hoặc thay pin. - Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. - Thay pin, hoặc sạc pin nếu pin sạc Li-ion cạn kiệt. - Tháo pin và đợi cho nó nguội.	xx, 19, 22, 426 —
 (nháy)	—	Đồng hồ máy ảnh không được đặt.	Đặt đồng hồ máy ảnh.	28
AF		Không có thấu kính nào được gắn, hoặc thấu kính không CPU được gắn khi không xác định độ mở ống kính tối đa. Độ mở ống kính được đưa ra theo các điểm dừng từ độ mở ống kính tối đa.	Giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị nếu độ mở ống kính tối đa được xác định.	243

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Bảng điều khiển	Kính ngắm			
—	▶ ◀ (nháy)	Máy ảnh không thể sử dụng lấy nét tự động để lấy nét.	Thay đổi bố cục hoặc lấy nét bằng tay.	40, 114
(Chỉ báo phơi sáng và tốc độ cửa trập hoặc độ mở ống kính hiển thị đèn nháy)		Đối tượng quá sáng; ảnh sẽ bị phơi sáng quá mức.	• Sử dụng độ nhạy ISO thấp hơn.	124
			• Sử dụng bộ lọc ND tùy chọn. Trong chế độ phơi sáng:	426
			S Tăng tốc độ cửa trập	134
			A Chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn)	135
		Đối tượng quá tối; ảnh sẽ bị thiếu phơi sáng.	• Sử dụng độ nhạy ISO cao hơn.	124
			• Sử dụng đèn nháy tùy chọn. Trong chế độ phơi sáng:	194
bLb (nháy)	bLb được chọn trong chế độ phơi sáng S .		S Giảm tốc độ cửa trập	134
			A Chọn độ mở ống kính lớn hơn (số f thấp hơn)	135
bLb (nháy)	bLb được chọn trong chế độ phơi sáng S .	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ phơi sáng bằng tay.		134, 136
- - (nháy)	- - được chọn trong chế độ phơi sáng S .	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ phơi sáng bằng tay.		134, 136
bLv (nháy)	bLv (nháy)	Đang xử lý.	Đợi đến khi xử lý xong.	—
—	 (nháy)	Nếu chỉ báo nháy trong 3 giây sau khi đèn nháy sáng, ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.	Kiểm tra ảnh trên màn hình; nếu bị thiếu phơi sáng, chỉnh sửa cài đặt và thử lại.	424

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Bảng điều khiển	Kính ngắm			
 (nháy)	—	Bộ đèn nháy không hỗ trợ giảm mắt đỏ được lắp vào và chế độ đồng bộ đèn nháy được đặt sang giảm mắt đỏ.	Thay đổi chế độ đồng bộ đèn nháy hoặc sử dụng bộ đèn nháy hỗ trợ giảm mắt đỏ.	199, 422
Full (nháy)	Ful (nháy)	Không đủ bộ nhớ để tiếp tục ghi ảnh với cài đặt hiện tại, hoặc máy ảnh đã sử dụng hết số lượng tập tin hoặc thư mục.	- Giảm chất lượng hoặc kích cỡ. - Xóa ảnh sau khi sao chép các ảnh quan trọng vào máy tính hoặc thiết bị khác. - Lắp thẻ nhớ mới.	92, 95 268, 278 30
Err (nháy)		Máy ảnh gặp trục trặc.	Nhả cửa trập. Nếu vấn đề vẫn tồn tại hoặc xuất hiện thường xuyên, hãy tham khảo ý kiến của đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Màn hình	Bảng điều khiển			
Không có thẻ nhớ.	[- E -]	Máy ảnh không thể tìm thấy thẻ nhớ.	Tắt máy ảnh và xác nhận là thẻ nhớ đã được lắp chuẩn xác.	30
Không thể truy cập thẻ nhớ này. Cắm thẻ khác.	 (nháy)	- Có lỗi khi truy cập thẻ nhớ. - Không thể tạo thư mục mới.	- Sử dụng thẻ nhớ được Nikon phê duyệt. - Kiểm tra xem phần tiếp xúc có sạch sẽ không. Nếu thẻ nhớ đã bị tổn hại, hãy liên hệ với nhà bán lẻ hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. - Xóa tập tin hoặc lắp thẻ nhớ mới sau khi sao chép những hình ảnh quan trọng vào máy tính hoặc thiết bị khác.	473 — 30, 268, 278
Thẻ này không được định dạng. Định dạng thẻ.	 (nháy)	Thẻ nhớ chưa được định dạng để sử dụng với máy ảnh.	Định dạng thẻ nhớ hoặc lắp thẻ nhớ mới.	30, 33
Không thể bắt đầu xem trực tiếp. Vui lòng đợi.	—	Nhiệt độ bên trong máy ảnh cao.	Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục chế độ xem ảnh trực tiếp hay ghi phim.	451

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Màn hình	Bảng điều khiển			
Thư mục không có hình ảnh nào.	—	Không có ảnh nào trong thẻ nhớ hoặc (các) thư mục được chọn để phát lại.	Chọn thư mục chứa ảnh từ menu Thư mục phát lại hoặc lắp thẻ nhớ chứa hình ảnh.	30, 299
Tất cả hình ảnh bị ẩn.	—	Tất cả các ảnh trong thư mục hiện tại đang được ẩn.	Không có ảnh nào có thể được phát lại cho đến khi một thư mục khác được chọn hoặc chức năng Ẩn hình ảnh được sử dụng để cho phép hiển thị ít nhất một hình ảnh.	299
Không thể hiển thị tệp này.	—	Tập tin đã được tạo hoặc sửa đổi bằng máy tính hoặc một sản phẩm máy ảnh khác, hoặc tập tin đã hỏng.	Không thể phát lại tệp trên máy ảnh.	—
Không thể chọn tệp này.	—	Không thể sửa lại hình ảnh đã chọn.	Không thể sửa lại hình ảnh được tạo bởi các thiết bị khác.	393
Không thể sửa lại phim này.	—	Không thể biên tập bộ phim đã chọn.	- Không thể biên tập các bộ phim được tạo bởi các thiết bị khác. - Phim phải dài ít nhất hai giây.	— 85

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Màn hình	Bảng điều khiển			
Kiểm tra máy in.	—	Lỗi máy in.	Kiểm tra máy in. Để bắt đầu lại, chọn Tiếp tục (nếu có).	283 *
Kiểm tra giấy.	—	Giấy trong máy in có khổ giấy không giống như đã chọn.	Cho giấy có đúng khổ giấy vào và chọn Tiếp tục .	283 *
Kẹt giấy.	—	Giấy bị kẹt trong máy in.	Dọn giấy bị kẹt và chọn Tiếp tục .	283 *
Hết giấy.	—	Máy in hết giấy.	Cho giấy có khổ giấy được chọn đúng vào và chọn Tiếp tục .	283 *
Kiểm tra nguồn cung cấp mực.	—	Mực in có vấn đề.	Kiểm tra mực. Để bắt đầu lại, chọn Tiếp tục .	283 *
Hết mực.	—	Máy in hết mực.	Thay mực và chọn Tiếp tục .	283 *

* Xem tài liệu hướng dẫn máy in để biết thêm thông tin.

Thông số kỹ thuật

■ Máy Ảnh Kỹ Thuật Số Nikon D5

Loại	
Loại	Máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn
Gắn thấu kính	Móc gắn Nikon F (với chức năng ghép lấy nét tự động và tiếp điểm lấy nét tự động)
Góc xem hiệu quả	Định dạng Nikon FX
Điểm ảnh hiệu quả	
Điểm ảnh hiệu quả	20,8 triệu
Cảm biến hình ảnh	
Cảm biến hình ảnh	Bộ cảm biến CMOS 35,9 × 23,9 mm
Tổng điểm ảnh	21,33 triệu
Hệ Thống Giảm Bụi	Làm sạch cảm biến hình ảnh, dữ liệu tham chiếu dữ liệu bụi hình ảnh tắt (cần phần mềm Capture NX-D)
Bảo quản	
Kích cỡ hình ảnh (điểm ảnh)	- Vùng hình ảnh FX (36 × 24) 5568 × 3712 (L) 4176 × 2784 (M) 2784 × 1856 (S) - Vùng hình ảnh 1,2× (30 × 20) 4640 × 3088 (L) 3472 × 2312 (M) 2320 × 1544 (S) - Vùng hình ảnh DX (24 × 16) 3648 × 2432 (L) 2736 × 1824 (M) 1824 × 1216 (S) - Vùng hình ảnh 5:4 (30 × 24) 4640 × 3712 (L) 3472 × 2784 (M) 2320 × 1856 (S) - Ảnh được chụp trong thời gian ghi phim có cỡ khuôn hình 3840 × 2160: 3840 × 2160 - Ảnh định dạng FX được chụp trong thời gian ghi phim ở cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc 1280 × 720 5568 × 3128 (L) 4176 × 2344 (M) 2784 × 1560 (S) - Ảnh định dạng DX được chụp trong thời gian ghi phim ở cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc 1280 × 720 3648 × 2048 (L) 2736 × 1536 (M) 1824 × 1024 (S) - Ảnh được chụp trong thời gian ghi phim có cỡ khuôn hình xen 1920 × 1080: 1920 × 1080



Bảo quản	
Định dạng tệp	• NEF (RAW): 12 hoặc 14 bit (nén không mất, nén, hoặc không nén); lớn, trung bình và nhỏ (ảnh trung bình và nhỏ được ghi ở độ sâu bit 12 bit bằng cách sử dụng nén không mất) • TIFF (RGB) • JPEG: Tuân thủ chuẩn JPEG-Baseline nét (xấp xỉ 1 : 4), bình thường (xấp xỉ 1 : 8), hoặc cơ bản (xấp xỉ 1 : 16) nén; có nén chất lượng tối ưu • NEF (RAW) + JPEG: Chụp ảnh đơn được ghi với cả hai định dạng NEF (RAW) và JPEG
Hệ Thống Picture Control	Tiêu Chuẩn, Trung Tính, Sặc Sỡ, Đơn Sắc, Chân Dung, Phong Cảnh, Dẹt; có thể chỉnh sửa chức năng Picture Control đã chọn; lưu trữ cho chức năng Picture Control tùy chọn
Đa phương tiện	• Các kiểu máy sử dụng thẻ XQD: Thẻ XQD • Các kiểu máy sử dụng thẻ CompactFlash: Thẻ nhớ Type I CompactFlash (tương thích UDMA7)
Khe cắm thẻ kép	Khe cắm 2 có thể được dùng khi có quá nhiều dữ liệu hoặc làm nơi lưu trữ dự phòng hoặc nơi lưu trữ riêng biệt các bản sao được tạo bằng chức năng NEF + JPEG; ảnh có thể được sao chép giữa các thẻ.
Tệp hệ thống	DCF 2.0, Exif 2.3, PictBridge
Kính ngắm	
Kính ngắm	Kính ngắm độ mắt lăng kính năm mặt phản chiếu thấu kính đơn
Tầm phủ khuôn hình	• FX (36 × 24): Xấp xỉ 100% theo phương ngang và 100% theo phương đứng • 1,2× (30 × 20): Xấp xỉ 97% theo phương ngang và 97% theo phương đứng • DX (24 × 16): Xấp xỉ 97% theo phương ngang và 97% theo phương đứng • 5:4 (30 × 24): Xấp xỉ 97% theo phương ngang và 100% theo phương đứng
Độ phóng đại	Xấp xỉ $0,72 \times (50 \text{ mm } f/1.4 \text{ thấu kính ở vô tận, } -1,0 \text{ m}^{-1})$
Điểm mắt	17 mm ($-1,0 \text{ m}^{-1}$; từ bề mặt trung tâm của kính ngắm) thấu kính thị kính)
Chỉnh diot	$-3 - +1 \text{ m}^{-1}$
Màn hình lấy nét	Màn hình BriteView Clear Matte Mark IX loại B với khung vùng AF (có thể hiển thị lưới khuôn hình)
Gương phản chiếu	Quay lại nhanh

Kính ngắm	
Xem trước độ sâu của trường	Việc nhấn nút Pv sẽ dùng độ mở thấu kính xuống về giá trị mà người dùng chọn (các chế độ A và M) hoặc do máy ảnh chọn (các chế độ P và S)
Độ mở ống kính	Quay lại ngay lập tức, điều khiển điện tử
Thấu kính	
Các thấu kính tương thích	Tương thích với thấu kính AF NIKKOR, gồm thấu kính loại G, E, và D (một số hạn chế có ở thấu kính PC) và thấu kính DX (sử dụng vùng hình ảnh DX $24 \times 16,5\times$), thấu kính AI-P NIKKOR và thấu kính AI không CPU (chỉ chế độ A và M). Thấu kính IX NIKKOR, thấu kính cho F3AF, và không thể sử dụng thấu kính không AI. Có thể sử dụng kính ngắm điện tử với các thấu kính có độ mở tối đa f/5.6 hoặc nhanh hơn (kính ngắm điện tử hỗ trợ 15 điểm lấy nét với các thấu kính có độ mở tối đa f/8 hoặc nhanh hơn, có sẵn 9 điểm để chọn).
Cửa trập	
Loại	Cửa trập cơ mặt phẳng ngang di chuyển dọc điều khiển bằng điện tử; cửa trập màn trước điện tử có trong chế độ nhả gương nâng lên
Tốc độ	$1/8000$ –30 giây trong các bước $1/3$, $1/2$, hoặc 1 EV, bóng đèn, thời gian, X250
Tốc độ đồng bộ đèn nháy	$X=1/250$ giây; đồng bộ với cửa trập ở $1/250$ giây hoặc chậm hơn
Nhả	
Chế độ nhả	S (khuôn hình đơn), CL (tốc độ thấp liên tục), CH (tốc độ cao liên tục), Q (nhả cửa trập tĩnh lặng), C (tự hẹn giờ), MUP (gương nâng lên)
Tốc độ tiến khuôn hình tương đối	Lên đến 10 khuôn hình trên một giây (CL); 10–12 khuôn hình trên một giây, hoặc 14 khuôn hình trên một giây với gương nâng lên (CH); hoặc 3 khuôn hình trên một giây (chế độ liên tục tĩnh lặng)
Hẹn giờ	2 giây, 5 giây, 10 giây, 20 giây; phơi sáng từ 1–9 với quãng thời gian 0,5, 1, 2, hoặc 3 giây



Phơi sáng	
Đo sáng	Đo phơi sáng TTL sử dụng cảm biến RGB với khoảng 180 K (180.000) điểm ảnh
Phương pháp đo sáng	• Ma trận: Đo sáng ma trận màu 3D III (các thấu kính loại G, E và D); đo sáng ma trận màu III (các thấu kính CPU khác); đo sáng ma trận màu có sẵn với các thấu kính không CPU nếu người dùng cung cấp dữ liệu thấu kính • Cân bằng trung tâm: Cân bằng 75% được áp dụng cho vòng tròn 12 mm ở trung tâm khuôn hình. Đường kính vòng tròn có thể được thay đổi thành 8, 15, hoặc 20 mm, hoặc ưu tiên có thể dựa trên trung bình của toàn bộ khuôn hình (cố định ở 12-mm khi dùng thấu kính không CPU) • Điểm: Vòng tròn đo 4 mm (khoảng 1,5% của khuôn hình) tập trung vào điểm lấy nét (vào điểm lấy nét trung tâm khi dùng thấu kính không CPU) • Ưu tiên vùng sáng: Có với các loại thấu kính G, E và D
Phạm vi (ISO 100, thấu kính f/1.4, 20 °C)	• Đo sáng ma trận hoặc cân bằng trung tâm: -3-+20 EV • Đo sáng điểm: 2-20 EV • Đo sáng ưu tiên vùng sáng: 0-20 EV
Ghép đo phơi sáng	CPU và AI được kết hợp
Chế độ phơi sáng	Tự động được lập trình với chương trình linh động (P); tự động ưu tiên cửa trập (S); tự động ưu tiên độ mở ống kính (A); bằng tay (M)
Bù phơi sáng	-5-+5 EV với mức tăng là $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{2}$, hoặc 1 EV
Khóa phơi sáng	Chiếu sáng bị khóa ở giá trị phát hiện
Độ nhạy ISO (Danh Mục Phơi Sáng Khuyến Dùng)	ISO 100-102400 theo các bước $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{2}$, hoặc 1 EV. Có thể thiết lập EV xấp xỉ 0,3, 0,5, 0,7, hoặc 1 (tương đương ISO 50) dưới ISO 100 hoặc EV xấp xỉ 0,3, 0,5, 0,7, 1, 2, 3, 4, hoặc 5 (tương đương ISO 3280000) ISO 102400 ở trên; có sẵn điều khiển độ nhạy ISO tự động
D-Lighting hoạt động	Có thể được chọn từ Tự động , Siêu cao +2/+1, Cao , Bình thường , Thấp , hoặc Tắt

Lấy nét	
Lấy nét tự động	Mô-đun cảm biến lấy nét tự động Multi-CAM 20K có khả năng phát hiện pha TTL, tinh chỉnh, và có 153 điểm lấy nét (bao gồm 99 cảm biến loại ngang và 15 cảm biến hỗ trợ f/8), có sẵn 55 (35 bộ cảm biến loại ngang và 9 cảm biến f/8) để chọn
Phạm vi dò tìm	-4+20 EV (ISO 100, 20 °C)
Mô tơ của thấu kính	• Lấy nét tự động (AF): AF phần phụ đơn (AF-S); AF phần phụ liên tục (AF-C); chức năng theo dõi lấy nét đoán trước được kích hoạt tự động theo trạng thái của đối tượng • Lấy nét bằng tay (M): Có thể dùng máy ngắm điện tử
Điểm lấy nét	153 điểm lấy nét, trong đó có thể chọn được 55 hoặc 15 điểm
Chế độ vùng AF	AF điểm đơn; AF vùng động 9, 25, 72, hoặc 153 điểm, theo dõi 3D, AF nhóm vùng, AF nhóm vùng (HL), AF nhóm vùng (VL), AF vùng tự động
Khóa lấy nét	Có thể khóa chức năng lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa (AF phần phụ đơn) hoặc bằng cách nhấn trung tâm bộ chọn phụ

Đèn nháy	
Điều khiển đèn nháy	TTL: Có thể sử dụng điều khiển đèn nháy i-TTL sử dụng cảm biến RGB với xấp xỉ 180 K (180.000) điểm ảnh; nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với đo sáng ma trận, đo sáng ưu tiên trung tâm, đo sáng ưu tiên vùng sáng, đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số với đo sáng điểm
Chế độ đèn nháy	Đồng bộ màn trước, đồng bộ chậm, đồng bộ màn sau, giảm mắt đỏ, giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm, đồng bộ chậm màn sau, tắt, đồng bộ tốc độ FP tự động được hỗ trợ
Bù đèn nháy	-3+1 EV với mức tăng là 1/3, 1/2, hoặc 1 EV
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	Sáng khi bộ đèn nháy tùy chọn được sạc đầy; nháy sau khi đèn nháy nháy sáng ở công suất cao nhất
Ngàm gắn phụ kiện	Ngàm gắn nóng ISO 518 với chức năng đồng bộ và công tắc dữ liệu và khóa an toàn
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)	Hỗ trợ
Đèn Không Dây Năng Cao Điều Khiển Bằng Radio	Hỗ trợ



Đèn nháy	
Điều khiển đèn nháy đồng nhất	Hỗ trợ
Đồng bộ đầu cuối	Đầu cắm đồng bộ ISO 519 với ren khóa
Cân bằng trắng	
Cân bằng trắng	Tự động (3 loại), sáng chói, huỳnh quang (7 loại), ánh mặt trời trực tiếp, đèn nháy, nhiều mây, bóng râm, cài đặt trước bằng tay (có thể lưu đến 6 giá trị, đo cân bằng trắng điểm), chọn nhiệt độ màu (2500 K–10.000 K), tắt cả với tính chỉnh tối ưu.
Chụp bù trừ	
Kiểu chụp bù trừ	Phơi sáng, đèn nháy, cân bằng trắng, và ADL
Xem trực tiếp	
Các chế độ	 (xem ảnh trực tiếp) với chế độ im lặng có sẵn,  (xem phim trực tiếp)
Mô tả của thấu kính	• Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S); Lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian (AF-F) • Lấy nét bằng tay (M)
Chế độ vùng AF	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt, lấy nét tự động vùng rộng, lấy nét tự động vùng bình thường, lấy nét tự động theo dõi đối tượng
Lấy nét tự động	Lấy nét tự động dò độ tương phản toàn khuôn hình (máy ảnh tự động chọn điểm lấy nét khi chức năng lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt hoặc lấy nét tự động theo dõi đối tượng được chọn)
Phim	
Đo sáng	TTL phơi sáng đo sáng bằng cách sử dụng cảm biến hình ảnh chính
Phương pháp đo sáng	Ma trận, ưu tiên trung tâm hoặc ưu tiên vùng sáng
Cỡ khuôn hình (điểm ảnh) và tốc độ khuôn hình	• 3840 × 2160 (4K UHD); 30p (tăng dần), 25p, 24p • 1920 × 1080; 60p, 50p, 30p, 25p, 24p • Xén 1920 × 1080; 60p, 50p, 30p, 25p, 24p • 1280 × 720; 60p, 50p Tốc độ khuôn hình thực tế của 60p, 50p, 30p, 25p, và 24p lần lượt là 59,94, 50, 29,97, 25, và 23,976 khuôn hình trên một giây; ★ chất lượng cao có ở tất cả các cỡ khuôn hình, chất lượng bình thường có ở tất cả các cỡ ngoại trừ 3840 × 2160
Định dạng tệp	MOV

Phim	
Nén video	Mã Hóa Video Nâng Cao H.264/MPEG-4
Định dạng ghi âm thanh	PCM tuyến tính
Thiết bị ghi âm thanh	Micrô stereo gắn sẵn hoặc bên ngoài; có thể chỉnh sửa độ nhạy
Độ nhạy ISO	• Các chế độ phơi sáng P, S, và A: Điều khiển độ nhạy ISO tự động (ISO 100 đến Hi 5) với lựa chọn giới hạn trên • Chế độ phơi sáng M: Điều khiển độ nhạy ISO tự động (ISO 100 đến Hi 5) có sẵn với lựa chọn giới hạn trên; lựa chọn bằng tay (ISO 100 đến 102400 trong bước $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{2}$, hoặc 1 EV) với tùy chọn bổ sung tương đương khoảng 0,3, 0,5, 0,7, 1, 2, 3, 4, hoặc 5 EV (tương đương ISO 3280000) trên ISO 102400
Tùy chọn khác	Đánh dấu danh mục, Phim theo quãng thời gian, chống rung điện tử
Màn hình	
Màn hình	LCD cảm ứng TFT 8-cm/3,2-in., xấp xỉ 2359k điểm (VGA) với góc xem 170 °, tấm phủ khuôn hình xấp xỉ 100%, và điều khiển độ sáng màn hình bằng tay
Phát Lại	
Phát Lại	Phát lại khuôn hình đầy và hình thu nhỏ (4, 9, hoặc 72 ảnh) với thu phóng phát lại, phát lại phim, trình chiếu ảnh và/hoặc phim, hiển thị biểu đồ, nội dung làm nổi bật, thông tin ảnh, hiển thị dữ liệu vị trí, tự động xoay hình, xếp hạng ảnh, nhập ghi chú bằng giọng nói và phát lại, nhúng và hiển thị thông tin IPTC
Giao diện	
USB	SuperSpeed USB (đầu nối USB 3.0 Micro-B); nên nối với cổng USB gắn sẵn
Đầu ra HDMI	Đầu nối HDMI loại C
Đầu vào âm thanh	Giắc stereo chân nhỏ (đường kính 3,5 mm, hỗ trợ dây nối nguồn điện)
Đầu ra âm thanh	Giắc stereo chân nhỏ (đường kính 3,5 mm)

Giao diện	
Đầu cắm chụp từ xa có mười chân	Có thể sử dụng để kết nối điều khiển từ xa tùy chọn, WR-R10 (yêu cầu bộ chuyển đổi WR-A10) hoặc điều khiển từ xa không dây WR-1, bộ GP-1/GP-1A, hoặc thiết bị GPS tương thích với NMEA0183 phiên bản 2.01 hoặc 3.01 (yêu cầu cáp chuyển đổi MC-35 GPS tùy chọn và cáp có đầu nối 9 chân D-sub)
Ethernet	Đầu nối RJ-45 • Tiêu chuẩn: IEEE 802.3ab (1000BASE-T)/IEEE 802.3u (100BASE-TX)/IEEE 802.3 (10BASE-T) • Tốc độ dữ liệu: 10/100/1000 Mbps với tự động phát hiện (tốc độ dữ liệu hợp lý tối đa theo chuẩn IEEE; tốc độ thực tế có thể khác) • Cổng: 1000BASE-T/100BASE-TX/10BASE-T (AUTO-MDIX)
Đầu nối ngoại vi	Dành cho WT-6, WT-5
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	Tiếng Ả Rập, tiếng Bengali, tiếng Bulgari, tiếng Trung Quốc (Giản thể và Phồn thể), tiếng Séc, tiếng Đan Mạch, tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Phần Lan, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hy Lạp, tiếng Hindi, tiếng Hungary, tiếng In-đô-nê-si-a, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Marathi, tiếng Na Uy, tiếng Ba tư, tiếng Ba Lan, tiếng Bồ Đào Nha (ở Bồ Đào Nha và Bra-xin), tiếng Ru-ma-ni, tiếng Nga, tiếng Serbia, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thụy Điển, tiếng Tamil, tiếng Telugu, tiếng Thái Lan, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Ukraina, Tiếng Việt Nam
Nguồn điện	
Pin sạc	Cũng có thể sử dụng một pin sạc Li-ion EN-EL18c; pin EN-EL18b, EN-EL18a và EN-EL18 nhưng lưu ý rằng sẽ chụp được ít ảnh hơn sau một lần sạc pin EN-EL18 so với pin EN-EL18c/EN-EL18b/EN-EL18a (🔋 478)
Bộ đổi điện AC	Bộ đổi điện AC EH-6b; cần đầu nối nguồn EP-6 (bán riêng)
Hốc giá ba chân	
Hốc giá ba chân	1/4 in. (ISO 1222)



Kích thước/cân nặng	
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 160 × 158,5 × 92 mm
Trọng lượng	• Các kiểu máy sử dụng thẻ XQD: Xấp xỉ 1405 g kèm pin và thẻ nhớ XQD nhưng không gồm nắp thân máy và nắp ngàm gắn phụ kiện; xấp xỉ 1235 g (chỉ thân máy) • Các kiểu máy sử dụng thẻ CompactFlash: Xấp xỉ 1415 g kèm pin và thẻ nhớ CompactFlash nhưng không gồm nắp thân máy và nắp ngàm gắn phụ kiện; xấp xỉ 1240 g (chỉ thân máy)
Môi trường sử dụng	
Nhiệt độ	0 °C–40 °C
Độ ẩm	85% hoặc thấp hơn (không ngưng tụ)

- Trừ khi có quy định khác, mọi thông số được thực hiện tuân thủ theo các tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn của Camera and Imaging Products Association (CIPA).
- Tất cả số liệu được áp dụng cho máy ảnh có pin sạc đầy.
- Nikon bảo lưu quyền được thay đổi hình dạng và chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các hỏng hóc có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.

Bộ sạc pin MH-26a	
Chuẩn đầu vào	AC 100 đến 240 V, 50/60 Hz
Đầu ra sạc	DC 12,6 V/1,2 A
Pin áp dụng	Pin sạc Li-ion EN-EL18c/EN-EL18b/EN-EL18a/EN-EL18 Nikon
Thời gian sạc mỗi pin	Xấp xỉ 2 tiếng 35 phút với nhiệt độ xung quanh ở 25 °C khi hết pin
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 160 × 85 × 50,5 mm
Độ dài cáp nguồn	Xấp xỉ 1,5 m
Trọng lượng	• Xấp xỉ 285 g, gồm hai bộ bảo vệ đầu tiếp xúc nhưng không gồm cáp nguồn • Xấp xỉ 265 g, không gồm các bộ bảo vệ đầu tiếp xúc và cáp nguồn

Các biểu tượng trên sản phẩm này thể hiện điều sau:

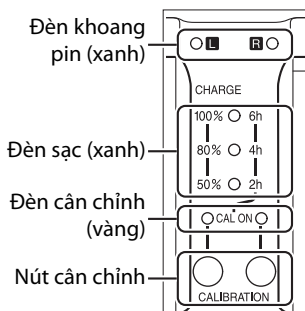
~ AC, --- DC,  Thiết bị Loại II (Cầu tạo của sản phẩm được cách điện kép.)

Pin sạc Li-ion EN-EL18c	
Loại	Pin sạc lithium-ion
Chuẩn dung lượng pin	10,8 V/2500 mAh
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 56,5 × 27 × 82,5 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 160 g, không kể nắp phủ đầu cuối

Cân chỉnh pin

Bộ sạc pin MH-26a được trang bị tính năng cân chỉnh pin. Cân chỉnh pin theo yêu cầu để đảm bảo độ chính xác của hiển thị máy ảnh và hiển thị mức pin sạc.

Nếu đèn cân chỉnh cho khoảng pin hiện tại nhấp nháy khi pin được lắp, cần phải cân chỉnh pin. Để bắt đầu cân chỉnh, nhấn nút cân chỉnh cho khoảng hiện tại khoảng một giây. Thời gian cần thiết để cân chỉnh pin được thể hiện bởi đèn sạc và đèn cân chỉnh:



Thời gian xấp xỉ cần để cân chỉnh lại pin	Đèn cân chỉnh	Đèn sạc		
		2 Giờ	4 Giờ	6 Giờ
Trên 6 giờ	○ (phát sáng)	○ (phát sáng)	○ (phát sáng)	○ (phát sáng)
4 – 6 giờ	○ (phát sáng)	○ (phát sáng)	○ (phát sáng)	● (tắt)
2 – 4 giờ	○ (phát sáng)	○ (phát sáng)	● (tắt)	● (tắt)
Dưới 2 giờ	○ (phát sáng)	● (tắt)	● (tắt)	● (tắt)

Khi cân chỉnh xong, các đèn cân chỉnh và đèn sạc sẽ tắt và việc sạc sẽ bắt đầu ngay lập tức.

Mặc dù nên cân chỉnh pin để đo chính xác trạng thái sạc pin, không cần phải cân chỉnh khi đèn cân chỉnh nhấp nháy. Sau khi đã bắt đầu vẫn có thể dừng cân chỉnh như mong muốn.

- Nếu nút cân chỉnh không được nhấn trong khi cân chỉnh nhấp nháy, việc sạc bình thường sẽ bắt đầu sau khoảng mười giây.
- Để dừng cân chỉnh, bấm nút cân chỉnh lần nữa. Cân chỉnh sẽ kết thúc và sạc sẽ bắt đầu.



Cảnh báo Pin

Nếu đèn khoang pin và đèn cân chỉnh nháy bật và tắt khi không có pin được lắp vào thì bộ sạc có vấn đề. Nếu đèn khoang pin và đèn cân chỉnh nháy bật và tắt khi có pin được lắp vào thì pin hoặc bộ sạc có vấn đề khi đang sạc. Tháo pin, rút phích cắm bộ sạc, mang pin và bộ sạc đến đại diện dịch vụ Nikon được ủy quyền để kiểm tra.

Sạc Và Cân Chỉnh Hai Pin

MH-26a chỉ sạc một pin mỗi lần. Nếu lắp các pin vào cả hai khoang, pin sẽ được sạc theo thứ tự lắp. Nếu nút cân chỉnh cho pin thứ nhất được nhấn, pin thứ hai sẽ không được cân chỉnh hoặc sạc cho đến khi pin thứ nhất được cân chỉnh và sạc xong.

Giấy phép FreeType (FreeType2)

Các phần của phần mềm này thuộc dự án có bản quyền © 2012 FreeType Project (<http://www.freetype.org>). Đã đăng ký bản quyền.

Giấy phép MIT (HarfBuzz)

Các phần của phần mềm này thuộc dự án có bản quyền © 2016 The HarfBuzz Project (<http://www.freedesktop.org/wiki/Software/HarfBuzz>). Đã đăng ký bản quyền.

Thông Tin Thương Hiệu

IOS là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Cisco Systems., Inc., tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác và được sử dụng theo giấy phép. Mac, và OS X là các thương hiệu đã được đăng ký của Tập Đoàn Apple tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Windows là thương hiệu đã được đăng ký hoặc thương hiệu của tập đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. PictBridge là một thương hiệu. XQD là thương hiệu của Sony Corporation. CompactFlash là thương hiệu của SanDisk Corporation. HDMI, biểu trưng HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các thương hiệu đã được đăng ký hoặc các thương hiệu của HDMI Licensing LLC.

HDMI

Tất cả các tên thương hiệu khác được đề cập trong tài liệu hướng dẫn này hoặc các tài liệu khác được cung cấp kèm với sản phẩm Nikon là các thương hiệu hoặc các thương hiệu đã được đăng ký của những chủ sở hữu tương ứng của chúng.

Các Tiêu Chuẩn Được Hỗ Trợ

- **DCF Phiên Bản 2.0:** Quy tắc thiết kế cho hệ thống tệp máy ảnh (DCF) là một tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong ngành máy ảnh kỹ thuật số nhằm đảm bảo tính tương thích giữa các sản phẩm máy ảnh khác nhau.
- **Exif phiên bản 2.3:** Máy ảnh hỗ trợ Exif (Định Dạng Tập Tin Hình Ảnh Có Thể Trao Đổi Cho Máy Ảnh Chụp Kỹ Thuật Số) phiên bản 2.3, một tiêu chuẩn theo đó thông tin lưu cùng ảnh sẽ được sử dụng cho quá trình tái tạo màu tối ưu khi ảnh được xuất tới các máy in theo chuẩn Exif.
- **PictBridge:** Một tiêu chuẩn được phát triển thông qua quá trình hợp tác giữa hai ngành máy ảnh số và máy in, cho phép ảnh được xuất trực tiếp tới máy in mà không cần thông qua chuyển tiếp bằng máy tính.
- **HDMI: High-Definition Multimedia Interface** là một tiêu chuẩn cho các giao diện đa phương tiện được sử dụng trong ngành điện tử tiêu dùng và các thiết bị nghe nhìn có khả năng truyền dữ liệu nghe nhìn và tín hiệu điều khiển tới các thiết bị theo chuẩn HDMI qua một kết nối cáp đơn.

Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt

■ ■ *Các kiểu máy sử dụng thẻ nhớ XQD*

Máy ảnh này có thể sử dụng với các thẻ nhớ XQD. Nên dùng thẻ có tốc độ ghi 45 MB/s (300x) trở lên để quay phim; tốc độ chậm hơn có thể làm gián đoạn quá trình ghi hoặc gây giật, hoặc phát lại không đều. Để biết thông tin về khả năng tương thích và hoạt động, hãy liên hệ với nhà sản xuất.

■ ■ *Các kiểu máy sử dụng thẻ nhớ CompactFlash*

Máy ảnh này có thể sử dụng với các thẻ nhớ Type I CompactFlash. Không thể sử dụng các thẻ Type II và các ổ microdrive. Nên dùng thẻ có tốc độ ghi 45 MB/giây (300×) hoặc cao hơn để ghi phim; tốc độ chậm hơn có thể làm gián đoạn ghi hoặc làm phát lại bị giật giật, không đều. Để biết thông tin về khả năng tương thích và hoạt động, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất.

Dung Lượng Thẻ Nhớ

Bảng sau đây cho biết số lượng ảnh xấp xỉ có thể lưu trên thẻ Lexar Professional 2933x XQD 2.0 hoặc thẻ CompactFlash 1066x UDMA 7 64 GB ở chất lượng hình ảnh, cỡ hình ảnh, và các thiết lập vùng hình ảnh khác nhau (đến tháng Ba, 2016).

■ Vùng hình ảnh FX (36 × 24)

Chất lượng hình ảnh	Kích cỡ hình ảnh	Kích cỡ tập tin ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²	
				XQD	CompactFlash
NEF (RAW), Nén không mất, 12 bit	Lớn	19,3 MB	1700	200	119
	Trung bình	13,9 MB	2400	200	172
	Nhỏ	10,5 MB	3100	200	200
NEF (RAW), Nén không mất, 14 bit	Lớn	24,2 MB	1300	200	82
NEF (RAW), Đã được nén, 12 bit	Lớn	16,8 MB	2300	200	153
NEF (RAW), Đã được nén, 14 bit	Lớn	20,8 MB	1900	200	103
NEF (RAW), Không nén, 12 bit	Lớn	33,2 MB	1700	197	92
NEF (RAW), Không nén, 14 bit	Lớn	43,1 MB	1300	102	65
TIFF (RGB)	Lớn	62,5 MB	952	92	67
	Trung bình	35,6 MB	1600	119	87
	Nhỏ	16,4 MB	3500	126	125
JPEG nét ³	Lớn	10,5 MB	4300	200	200
	Trung bình	6,4 MB	7100	200	200
	Nhỏ	3,4 MB	13.300	200	200
JPEG bình thường ³	Lớn	5,3 MB	8400	200	200
	Trung bình	3,3 MB	13.800	200	200
	Nhỏ	1,8 MB	25.300	200	200
JPEG cơ bản ³	Lớn	2,8 MB	16.200	200	200
	Trung bình	1,8 MB	26.000	200	200
	Nhỏ	1,0 MB	45.400	200	200

■ Vùng hình ảnh DX (24 × 16)

Chất lượng hình ảnh	Kích cỡ hình ảnh	Kích cỡ tập tin ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²	
				XQD	CompactFlash
NEF (RAW), Nén không mất, 12 bit	Lớn	9,1 MB	3800	200	200
	Trung bình	6,7 MB	5100	200	200
	Nhỏ	5,2 MB	6500	200	200
NEF (RAW), Nén không mất, 14 bit	Lớn	11,2 MB	3000	200	200
NEF (RAW), Đã được nén, 12 bit	Lớn	8,0 MB	5000	200	200
NEF (RAW), Đã được nén, 14 bit	Lớn	9,7 MB	4200	200	200
NEF (RAW), Không nén, 12 bit	Lớn	14,9 MB	3800	200	200
NEF (RAW), Không nén, 14 bit	Lớn	19,1 MB	3000	200	133
TIFF (RGB)	Lớn	27,4 MB	2100	200	107
	Trung bình	15,9 MB	3600	200	200
	Nhỏ	7,6 MB	7200	200	200
JPEG nét ³	Lớn	5,2 MB	8800	200	200
	Trung bình	3,4 MB	13.600	200	200
	Nhỏ	2,1 MB	22.100	200	200
JPEG bình thường ³	Lớn	2,7 MB	17.100	200	200
	Trung bình	1,8 MB	25.700	200	200
	Nhỏ	1,1 MB	40.600	200	200
JPEG cơ bản ³	Lớn	1,4 MB	31.500	200	200
	Trung bình	1,0 MB	46.500	200	200
	Nhỏ	0,7 MB	67.300	200	200

- 1 Tất cả số liệu chỉ là tương đối. Kích cỡ thay đổi theo cảnh được ghi lại.
- 2 Số lượng độ phơi sáng tối đa có thể lưu trong bộ nhớ đệm với ISO 100. Giảm ở chất lượng hình ảnh được đánh dấu sao ("★") hoặc nếu điều khiển biến dạng tự động được bật.
- 3 Số liệu giả định nén JPEG ưu tiên kích cỡ. Việc chọn tùy chọn chất lượng hình ảnh được đánh dấu sao ("★"; nén tối ưu) sẽ làm tăng kích thước tập tin của ảnh JPEG; số lượng ảnh và dung lượng đệm cũng sẽ giảm theo.

 d2—Nhả Liên Tục Tối Đa (📖 338)

Số lượng ảnh tối đa có thể được chụp trong một lần chụp liên tục có thể được đặt ở số bất kỳ giữa 1 và 200.

Tuổi Thọ Pin

Cảnh phim hoặc số lần chụp có thể thực hiện với pin đã sạc đầy thay đổi tùy theo tình trạng pin, nhiệt độ, khoảng thời gian giữa các lần chụp và thời gian các menu được hiển thị. Các chỉ số mẫu cho pin EN-EL18c (2500 mAh) được nêu phía dưới.

- **Ảnh, chế độ nhả khuôn hình đơn (tiêu chuẩn CIPA ¹⁾):** Xấp xỉ 3780 bức ảnh
- **Ảnh, chế độ nhả liên tục (tiêu chuẩn Nikon ²⁾):** Xấp xỉ 8160 bức ảnh
- **Phim:** Xấp xỉ 110 phút ở 1080/60p ³

- 1 Được đo ở 23 °C (±2 °C) với thấu kính AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8E ED VR dưới các điều kiện kiểm tra sau đây: thấu kính xoay tròn từ tận cùng đến phạm vi tối thiểu và một bức ảnh được chụp ở cài đặt mặc định một lần trong 30 giây. Xem trực tiếp không được sử dụng.
- 2 Được đo ở 23 °C với thấu kính AF-S VR ED 70–200mm f/2.8G trong các điều kiện kiểm tra sau đây: tắt chống rung, chất lượng hình ảnh được đặt sang JPEG bình thường, cỡ hình ảnh được đặt sang L (Lớn), tốc độ cửa trập 1/250 giây, lấy nét xoay vòng từ vô tận đến phạm vi tối thiểu ba lần sau khi nút nhả nút trập được nhấn nửa chừng trong 3 giây; sáu ảnh được chụp liên tục và màn hình bật trong 5 giây sau đó tắt; chu kỳ lặp lại khi hẹn giờ chờ hết hạn.
- 3 Được đo ở 23 °C (±2 °C) với cài đặt mặc định máy ảnh và thấu kính AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8E ED VR với các điều kiện của Camera and Imaging Products Association (CIPA) (Hiệp hội sản phẩm máy ảnh và ngành ảnh CIPA). Mỗi phim được cấu tạo từ một hoặc nhiều tập tin, mỗi phim có dung lượng đến 4 GB, và có thể có tổng thời lượng đến 29 phút 59 giây; việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt tới những giới hạn này nếu nhiệt độ máy ảnh tăng.

Có thể sử dụng pin EN-EL18b, EN-EL18a và EN-EL18 thay cho pin EN-EL18c, nhưng lưu ý rằng sẽ chụp được ít ảnh hơn sau một lần sạc pin EN-EL18 so với pin EN-EL18c/EN-EL18b/EN-EL18a.



Những hành động sau đây có thể làm giảm tuổi thọ pin:

- Sử dụng màn hình
- Luôn giữ nút nhả cửa trập nhấn nửa chừng
- Lấy nét tự động lặp lại nhiều lần
- Chụp ảnh NEF (RAW) hoặc TIFF (RGB)
- Tốc độ cửa trập chậm
- Kết nối mạng Ethernet
- Sử dụng máy ảnh với các phụ kiện tùy chọn được kết nối
- Sử dụng chế độ VR (chống rung) với thấu kính VR
- Liên tiếp phóng to và thu nhỏ bằng thấu kính AF-P

Để đảm bảo rằng bạn tận dụng tốt nhất hiệu suất của pin sạc Nikon EN-EL18c:

- Giữ các đầu tiếp xúc pin sạc sạch sẽ. Đầu tiếp xúc bẩn có thể làm giảm hiệu suất pin sạc.
- Sử dụng pin sạc ngay sau khi sạc. Pin sạc sẽ bị tiêu hao điện tích nếu không được sử dụng.
- Kiểm tra tình trạng của pin thường xuyên sử dụng tùy chọn **Thông tin Pin** trong menu cài đặt (□ 388). Nếu  CAL được hiển thị cho **Cân chỉnh**, hãy cân chỉnh pin bằng cách sử dụng bộ sạc pin MH-26a (nếu pin không được sử dụng trong hơn sáu tháng, sạc pin khi cân chỉnh xong).

Danh mục

Các Biểu Tượng

P (Tự động được lập trình).....	131, 133
S (Tự động ưu tiên cửa trập).....	131, 134
A (Tự động ưu tiên độ mở ống kính) ...	131, 135
M (Bằng tay).....	131, 136
S.....	116
CL.....	116, 117, 338
CH.....	116, 117, 338
Q.....	116
☺ (Tự hẹn giờ).....	117, 120
MUP.....	117, 122
☐ (Chọn chế độ nhả nhanh).....	117, 119, 339
[+] (AF điểm đơn).....	104
[•] (AF vùng động).....	104
[3D] (Theo dõi 3D).....	104
[•] (AF nhóm vùng).....	105
[•] (AF vùng tự động).....	105
[•] (AF ưu tiên khuôn mặt).....	49
[•] (AF vùng rộng).....	49
[•] (AF vùng bình thường).....	49
[•] (AF dò tìm đối tượng).....	49
[•] (Ma trận).....	129
[•] (Cân bằng trung tâm).....	129
[•] (Điểm).....	129
[•*] (Ưu tiên vùng sáng).....	129
Nút	116, 117, 119, 339
Nút (Thông tin).....	57, 68, 220
(Xem trực tiếp).....	44, 59, 173, 361
? (Trợ giúp).....	16
(Bộ nhớ đệm).....	40, 338, 475
Nút	51, 63, 253
Công tắc	9, 342, 362
● (Chỉ báo lấy nét).....	40, 111, 115
PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).....	160, 168

Số

1,2x (30 × 20).....	88
12 bit.....	94
14 bit.....	94
14 khuôn hình trên một giấy (gương nâng lên).....	117

5 : 4 (30 × 24).....	88
----------------------	----

A

AE & đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động).....	146
AE và đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động).....	147
AF.....	48–50, 98–113, 327–333
AF điểm đơn.....	104, 106
AF nhóm vùng.....	105, 106
AF phần phụ đơn.....	48, 101, 328
AF phần phụ liên tục.....	101, 327
AF ưu tiên khuôn mặt.....	49
AF vùng động.....	104, 106, 333
AF vùng tự động.....	105, 106
AF-C.....	101, 327
AF-F.....	48
AF-S.....	48, 101, 328
Âm lượng tai nghe.....	64
Âm thanh.....	61, 307, 308, 383
Ảnh hình ảnh.....	299
Ảnh sáng mặt trời trực tiếp (Cân bằng trắng).....	160
Ảnh sáng trời.....	403
Ảnh tham chiếu bụi hình ảnh tắt.....	375
AWL quang.....	204, 205
AWL quang/radio.....	204, 208
AWL radio.....	204, 206

B

Bản in danh mục.....	285
Bảng điều khiển.....	6–8
Bảng điều khiển phía sau.....	8
Bảng điều khiển trên.....	6, 7
Bằng tay (Chế độ đa phơi sáng).....	136
Bằng tay (điều khiển đèn nháy) ..	197, 209, 217
Bảo vệ ảnh.....	265
Bắt đầu in.....	285
Biểu đồ.....	257, 258, 358
Biểu Đồ RGB.....	257
Bíp.....	384
Bộ chọn chế độ lấy nét.....	48, 98, 114
Bộ chọn phụ.....	109, 111, 141, 346, 362

Bộ chọn xem trực tiếp	44, 59
Bộ đổi điện AC	426, 432
Bộ GPS	246, 430
Bộ lọc ăm	403
Bộ nhớ đệm	40, 118, 338
Bộ phát không dây	281, 427
Bóng đèn	138
Bóng râm (Cân bằng trắng)	160
Bù đèn nháy	200
Bù phơi sáng	143, 334
Bù phơi sáng cho đèn nháy	344
Bù phơi sáng dễ dàng	334
Bù trừ đèn nháy	146, 147, 345
Búng	12, 384
Búng phát lại khuôn hình đầy	384
Bước EV cho điều khiển phơi sáng	333

C

Các thấu kính tương thích	413
Cài đặt độ nhạy ISO	320
Cài đặt độ nhạy ISO phim	320
CÀI ĐẶT GẮN ĐÂY	409
Cài đặt mặc định	224, 289, 319, 391
Cài đặt trước bằng tay (Cân bằng trắng)	160, 168
Cài Đặt Tùy Chọn	323
Camera Control Pro 2	429
Cân bằng màu màn hình	370
Cân bằng trắng	151, 159, 320
Cân bằng trắng bù trừ	146, 151
Cân Bằng Trắng Bù Trừ (Đặt chụp bù trừ tự động)	146, 151
Cân bằng trắng điểm	173
Cân bằng trắng hiển thị xem trực tiếp ảnh	52
Cân chỉnh	470
Cáp USB	i, 278, 283
Capture NX-D	i, 277
Chạm	125
Chân dung (Set Picture Control)	179
Chất lượng hình ảnh	92
Chất lượng phim	67
Chế độ đèn nháy	198, 199
Chế độ gương nâng lên	117, 122
Chế độ lấy nét	48, 98, 114
Chế độ lấy nét tự động	48, 101, 332
Chế độ LIÊN KẾT	206, 385

Chế độ lớp phủ	232
Chế độ nhà	116
Chế độ nhà liên tục	116, 117, 338
Chế độ phim	59, 318, 362
Chế độ phơi sáng	131
Chế độ trẻ phơi sáng	339
Chế độ vùng AF	49, 104, 331, 349
Chỉ AE (Đặt chụp bù trừ tự động)	146, 147
Chỉ báo đã được lấy nét	40, 111, 115
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng ...	11, 194, 203, 424, 464
Chỉ báo lấy nét	40, 111, 115
Chỉ báo ngược lại	361
Chỉ báo phơi sáng	137
Chỉ đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động)	146, 345
Chiếu sáng LCD	342
Chọn chế độ nhà giới hạn	339
Chọn chế độ nhà nhanh	117, 119
Chọn điểm bắt đầu/kết thúc	82
Chọn nhiệt độ màu (Cân bằng trắng)	160, 165
Chống rung điện tử	322
Chú thích hình ảnh	377
Chương trình linh động	133
Chương trình phơi sáng	447
Chụp ảnh có đèn nháy từ xa	204
Chụp ảnh im lặng	54
Chụp ảnh xem trực tiếp	44–58
Chụp ảnh xem trực tiếp im lặng	54
Chụp bù trừ	146, 345
Chụp bù trừ ADL (Đặt chụp bù trừ tự động)	146, 155
Chụp bù trừ liên tiếp	350
Chụp bù trừ tự động	146, 345
Chụp bù trừ tự động (chế độ M)	345
Chụp chống hình	404
Chụp dọc	39, 102, 109, 356
Chụp liên tiếp	117, 305, 336, 338, 350
Chụp hẹn giờ quãng t.gian	236
CLS	420
Cỡ trang	284
Cỡ/tốc độ khuôn hình	67
CompactFlash	30, 474
Công tắc chế độ lấy nét	26, 114
Cửa trập màn trước điện tử	340
Cuộn	352, 371



D

Dải Động Cao (HDR).....	189	Đích đến.....	319
Dấu gắn thấu kính.....	3, 25, 26	Điểm.....	129
Dấu mặt phẳng tiêu điểm.....	115	Điểm lấy nét.....	49, 104, 108, 329, 333
Dây chụp từ xa.....	73, 138, 429	Điểm lấy nét thiết lập sẵn.....	357
DCF.....	472	Điều chỉnh mắt đỏ.....	401
D-Lighting.....	400	Điều khiển biến dạng.....	402
D-Lighting hoạt động.....	155, 187, 354	Điều khiển biến dạng tự động.....	317
Dữ liệu chụp.....	259	Điều khiển chậm.....	12, 185, 251, 384
Dữ liệu thấu kính không CPU.....	243, 244	Điều khiển đèn nháy.....	196, 197, 204, 209
Dữ liệu tổng quan.....	262	Điều khiển đèn nháy từ xa.....	209
Dữ liệu vị trí.....	246, 261	Điều khiển ghi chú bằng giọng nói.....	383
Dự phòng (Vai trò của thẻ trong Khe 2) 97		Điều khiển không dây nhanh nhanh.....	211, 218
Dung lượng thẻ nhớ.....	475	Điều khiển phối cảnh.....	403
DX (24 × 16) 1.5×.....	88, 90, 91	Điều khiển tự động độ nhạy ISO.....	126, 320
Đa bộ chọn.....	16, 357, 361	Điều khiển tự động độ nhạy ISO.....	344
Đa phơi sáng.....	229	Điều khiển từ xa không dây... 73, 204, 206, 385, 386, 427	
Đánh dấu danh mục.....	63, 364	Định dạng.....	33, 368
Đáp tuyến tần số.....	321	Định dạng DX.....	87, 88, 89
Đặt cạnh nhau để so sánh.....	407	Định dạng FX.....	87, 88
Đặt lại.....	311, 319, 325, 391	Định dạng ngày.....	29, 369
Đặt lại menu quay phim.....	319	Định dạng thẻ nhớ.....	368
Đặt lại tất cả cài đặt.....	391	Điốt.....	35, 428
Đặt Picture Control.....	179, 321	Độ dốc.....	352, 371
Đặt tên tập tin.....	319	Độ lệch phơi sáng.....	191
Đặt tên tệp.....	314	Độ mở ống kính.....	135, 136, 140, 358
Đặt về mặc định.....	224	Độ mở ống kính tối đa.....	50, 243, 416, 424
Đầu cắm chụp từ xa có mười chân. 2, 246, 429, 430		Độ mở ống kính tối thiểu.....	26, 132
Đầu cắm đồng bộ đèn nháy.....	195	Độ nét cao.....	286, 472
Đầu nối cho micrô ngoài.....	2, 431	Độ nhạy.....	124, 126, 320
Đầu nối ngoại vi.....	2, 427	Độ nhạy ISO.....	124, 126, 320
Đầu nối nguồn.....	426, 432	Độ nhạy micrô.....	321
Đầu ra âm thanh.....	466	Độ nhạy tối đa.....	127, 320
Đèn chớp.....	194, 420	Đo phơi sáng.....	41, 336
Đèn Không Dây Nâng Cao.....	204	Đo sáng.....	129
Đèn LED.....	385	Đo sáng cân bằng trung tâm.....	129, 335
Đèn nền.....	9, 342	Đo sáng ma trận.....	129, 335
Đèn nền nút.....	9, 342	Đo sáng ma trận màu 3D III.....	129
Đèn nháy.....	194, 198, 200, 202, 343, 420	Độ sáng màn hình.....	51, 64, 369
Đèn nháy lặp lại.....	197, 217	Đo sáng ưu tiên vùng sáng.....	129
Đèn nháy ngoài tự động.....	197, 216	Độ sâu của trường.....	132, 349
Đèn nháy nhóm.....	209, 218	Độ trễ tắt màn hình.....	337
Đèn nháy tạo mô hình.....	132, 345	Đối tượng chuyển động.....	329
Đèn nháy(Cân bằng trắng).....	160	Đơn Sắc.....	179
Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng.....	9	Đơn sắc.....	404
Đen và trắng (Đơn sắc).....	404	Đơn vị đo nhiệt độ màu.....	164

Đồng bộ chậm.....	198
Đồng bộ màn phía sau.....	198
Đồng bộ màn trước.....	198
Đồng bộ tốc độ cao FP tự động.....	343
Đồng đều (Đặt Picture Control).....	179
Đồng hồ.....	28, 369
Đường chân trời ảo.....	57, 68, 352, 371
Đường viền.....	284

E

Ethernet.....	281
Exif.....	472

F

FX (36 × 24) 1.0×.....	88
------------------------	----

G

Gán điều khiển tùy chọn.....	346, 362
Gắn thấu kính.....	3, 26, 115
Ghép cặp.....	206, 385
Ghi chú bằng giọng nói.....	272–276, 382
Ghi đề ghi chú bằng giọng nói.....	382
Ghi NEF (RAW).....	94
Giá trị bước bù phơi sáng/đèn nháy....	333
Giá trị bước độ nhạy ISO.....	333
Giảm mắt đỏ.....	198
Giảm nhấp nháy.....	322
Giảm nhiễu do gió.....	322
Giảm nhiễu ISO cao.....	316, 322
Giảm nhiễu phơi sáng lâu.....	315
Giới hạn chế độ lấy nét tự động.....	332
Giới hạn chọn chế độ vùng AF.....	331
Gỡ bỏ các mục (Menu Của Tôi).....	410
Góc xem.....	87, 418, 419
GPS.....	246, 247, 261
Gương.....	122, 437

H

H.264.....	466
HDMI.....	286, 383, 472
HDR (dải nhạy sáng cao).....	189
Hệ màu RGB của Adobe.....	315
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo.....	420
Hẹn giờ.....	117, 120, 236, 337
Hẹn giờ chờ.....	41, 247, 336
Hí.....	125
Hiển thị lưới kính ngắm.....	341

Hiển thị nổi bật.....	64
Hiển thị thông tin.....	57, 68, 216, 220, 372
Hiệu Ứng Bộ Lọc.....	403
Hiệu ứng bộ lọc.....	183
Hình thu nhỏ.....	248, 358
Huỳnh quang(Cân bằng trắng).....	159

I

In.....	283
In lựa chọn.....	285
In ngày.....	284
IPTC.....	261, 379
i-TTL.....	196, 197, 209, 216, 421

J

JPEG.....	92, 96, 314, 395
JPEG bình thường.....	92
JPEG cơ bản.....	92
JPEG mịn.....	92

K

Khe.....	30, 97, 249
Khe 1 RAW - Khe 2 JPEG (Vai trò của thẻ trong Khe 2).....	97
Khe cấm.....	319
Khóa độ mở ống kính.....	140, 358
Khóa FV.....	202, 349, 386
Khóa gương nâng lên để làm sạch.....	437
Khóa lấy nét.....	111
Khóa nhả khe rỗng.....	387
Khóa phơi sáng.....	141
Khóa tốc độ cửa trập.....	140, 358
Khởi động lại hai nút.....	224
Khôi phục lại cài đặt mặc định....	224, 311, 319, 325, 391
Khôi phục lại thiết lập mặc định.....	289
Không gian màu.....	315
Không nén (nén NEF (RAW)).....	94
Khung vùng lấy nét tự động.....	10, 35
Khuôn hình đơn.....	116
Kích cỡ.....	72, 95, 397, 398
Kích cỡ hình ảnh.....	95
Kích hoạt AF.....	331
Kính ngắm.....	10, 35, 461

L

L (lớn).....	72, 95
--------------	--------



Làm thẳng	401
LAN	427
Lắp lại từ xa	213, 218
Lắp thấu kính	25
Lấy nét	48–50, 98–115, 327–333
Lấy nét bằng tay	50, 114
Lấy nét kính ngắm	35, 36, 428
Lấy nét tự động	48–50, 98–113, 327–333
Lấy nét tự động phản phụ toàn thời gian..	48
Loa	276
Loa ngoài	383
Lựa chọn khe	97, 249
Lưu khuôn hình được chọn	82, 85
Lưu trữ theo hướng	330
Lưu/Tải cài đặt	389

M

M (Lấy nét bằng tay)	50, 114
M (vừa phải)	72, 95
Màn hình	12, 44, 248, 337, 369, 370
Màn hình cảm ứng	12, 185, 251
Màn hình kép	287
Màn hình lấy nét	461
Màn Hình Tinh Thể Lỏng	9
Màn hình tinh thể lỏng	342
Mạng	281
Mạng không dây	281, 427
Máy chủ HTTP	281, 381
Máy ngắm điện tử	115
Máy tính	277, 278
Mây (Cân bằng trắng)	160
Menu cài đặt	367
Menu chụp ảnh	290, 309, 310
Menu Cửa Tôi	351, 409
Menu ghi phim	292, 318
Menu phát lại	298
Menu sửa lại	392
Micro	2, 5, 64, 272, 382, 431
Micro bên ngoài	64, 431
Múi giờ	28, 369
Múi giờ và ngày	28, 369
Mượt	191

N

Nạp flash tiêu chuẩn i-TTL cho SLR kỹ thuật số	196, 421
--	----------

Nắp thân máy	25, 429
Nắp thấu kính	25
Nắp thị kính	36, 120
NEF (RAW)	92, 94, 96, 314, 395
NEF (RAW) độ sâu bit	94
Nén (nén NEF (RAW))	94
Nén không mất (nén NEF (RAW))	94
Nén NEF (RAW)	94
Ngâm gần phụ kiện	14, 194
Ngày và giờ	28, 369
Ngõ ra âm thanh	383
Ngôn Ngữ	368
Ngôn ngữ (Language)	27
Nhà cửa trập tĩnh lặng	116
Nhà đồng bộ	339, 351
Nhà nút để sử dụng đĩa lệnh	361
Nhà tối đa liên tục	338
Nhận diện khuôn mặt	329, 335
Nhiệt độ màu	159, 160, 161, 165
Nikon Transfer 2	279
Nút AF-ON	102, 331, 346
Nút AF-ON để chụp thẳng đứng	102, 346
Nút BKT	147, 148, 151, 152, 155, 156, 193, 231, 353
Nút Fn1	346, 362
Nút Fn2	346, 362
Nút Fn3	273, 276, 346, 362
Nút ghi phim	61, 353
Nút nhà cửa trập	40, 111, 141, 362
Nút nhà cửa trập AE-L	336
Nút Pv	50, 132, 345, 346, 362
Nút trung tâm đa bộ chọn	357

P

Phạm vi đèn nháy	420
Phản hồi AF chụp bị chặn	328
Phần tò sáng	256
Phát hiện khuôn mặt theo dõi 3D	329
Phát Lại	42, 80, 248, 286
Phát lại âm thanh (trình chiếu slide)	308
Phát lại khuôn hình đầy	248
Phiên bản vi chương trình	391
Phim định dạng DX	70
Phim định dạng FX	70
Phim tua nhanh thời gian	74
Phơi sáng	129, 131, 141, 143, 333
Phơi sáng bù trừ	146, 147, 345



Phơi sáng đồng đều	76, 238
Phong Cảnh (Đặt Picture Control).....	179
Phụ Kiện	426
PictBridge	283, 472
Picture Control	179
PIN	206, 385
Pin Ion Lithium Có Thể Sạc Lại	i
Pin Li-ion có thể sạc lại	19, 37, 388, 469, 470
Pin sạc	19–24, 37, 388, 441, 469, 470
Pin sạc đồng hồ	29, 441

Q

Quản lý độ tối góc ảnh	316
Quản lý Picture Control	184, 321
Quảng khuôn hình (Trình chiếu slide) 307	

R

RGB	92, 257, 315
-----------	--------------

S

S (nhỏ)	72, 95
Sạc Pin	19–21
Sáng chói(Cân bằng trắng).....	159
Sao chép (các) hình ảnh	301
Sau khi chụp liên tiếp, hiển thị	305
Sau khi xóa.....	305
Sd vệ tinh để đặt đồng hồ.....	247
Số bản (Menu [Cài đặt] PictBridge)	284
Số f	135, 416
Số lượng điểm lấy nét.....	329
Sống định (Đặt Picture Control).....	179
sRGB	315
Sửa lại phim	82, 85

T

T.đ ưu tiên độ mở ống kính	135
T.g.t.kiểm á.sáng b.ngày	28, 369
Tai nghe	64, 383
Tạo độ mở ống kính bằng điện.....	363
Tập hợp cài đặt tùy chọn.....	325
Tập hợp menu ảnh mở rộng.....	311
Tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn	310
Tháo thấu kính khỏi máy ảnh	26
Thấu kính.....	25, 26, 243, 373, 413
Thấu kính CPU	26, 413, 416
Thấu kính không CPU	243, 414, 416

Thấu kính loại D.....	413, 416
Thấu kính loại E.....	413, 416
Thấu kính loại G.....	413, 416
Thay đổi kích cỡ.....	398
Thẻ CF.....	30, 474
Thẻ nhớ.....	30, 33, 97, 368, 473
Thẻ XQD	30, 473
Thêm các mục (Menu Của Tôi).....	409
Theo dõi 3D	104, 107, 329
Theo dõi lấy nét.....	103, 328
Theo dõi lấy nét đoán trước.....	103
Theo dõi lấy nét với khóa bật	328
Thời gian	28, 369
Thông Tin Ảnh.....	300
Thông tin ảnh	254
Thông tin đèn nháy.....	216
Thông tin đèn nháy từ xa radio	208
Thông tin phát lại.....	254, 300
Thông tin pin	388
Thông tin quyền tác giả.....	378
Thông tin tệp	255
Thư mục lưu trữ.....	312
Thư mục phát lại.....	299
Thu phóng chia màn hình	52, 53
Thu phóng phát lại	263
Thứ tự chụp bù trừ.....	345
Tiến khuôn hình đĩa lệnh phụ	360
Tiếp xúc CPU	416
Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control).....	179
Tiêu cự.....	245, 418, 419
TIFF (RGB)	92, 96
Tinh chỉnh AF.....	373
Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu	335
Tốc độ cao liên tục.....	116, 117, 338
Tốc độ chụp liên tục	338
Tốc độ cửa trập	134, 136, 140
Tốc độ cửa trập đèn nháy	344
Tốc độ cửa trập tối thiểu	127
Tốc độ đồng bộ đèn nháy.....	343
Tốc độ khuôn hình	67
Tốc độ thấp liên tục	116, 117, 338
Tông màu (Đặt Picture Control)	183
Trần bộ nhớ (Vai trò của thẻ trong Khe 2) .	97
Trim (Xén).....	397
Trình chiếu Slide.....	307
Trình chiếu slide	307



Trình tự số tập tin.....	340
Trợ giúp	16
Trung tính (Đặt Picture Control).....	179
Tự động được lập trình	133
Tự động ưu tiên cửa trập.....	134
Tự động (Cân bằng trắng)	159, 160
Tùy chỉnh đĩa lệnh	359
Tùy chọn đèn nháy không dây	204
Tùy chọn điểm lấy nét.....	333
Tùy chọn ghi chú bằng giọng nói.....	382
Tùy chọn hiển thị phát lại	300
Tùy chọn in (Menu [Cài đặt] PictBridge).....	284
Tùy chọn nút xem trực tiếp	361
Tùy chọn từ xa không dây (WR).....	385
TV	286
Tỷ lệ cạnh	397
Tỷ lệ khung hình.....	69, 88

U

UTC.....	28, 246, 261
Ưu tiên khoảng cách bằng tay	197, 217, 421

V

Vai trò được thể trong Khe 2 đảm nhận	97
Viền quanh điểm lấy nét	332
ViewNX-i.....	i, 277
Vòng lấy nét thấu kính.....	25, 50, 114
Vùng hình ảnh	26, 51, 63, 70, 87, 88, 90, 95, 354, 366
Vùng lấy nét tự động.....	49
Vùng lấy nét tự động bình thường	49
Vùng quan sát theo dõi 3D	329

W

WB	151, 159, 320
----------	---------------

X

Xanh tím (Đơn sắc)	404
Xem lại hình ảnh	250, 304
Xem trực tiếp	44, 59
Xem trước phơi sáng	46
Xén	67, 69, 366
Xén (Menu [Cài đặt] PictBridge)	284
Xén DX tự động	88
Xếp hạng	267, 351

Xếp hạng mục (Menu Cửa Tôi)	411
Xóa	43, 268, 276
Xóa hình ảnh hiện tại	43, 268
Xóa tất cả hình ảnh	268, 270
Xoay dọc ảnh	306
Xoay hình tự động	306
Xử lý NEF (RAW).....	395



Nghiêm cấm sao chép tài liệu này dưới bất kì hình thức nào, toàn bộ hoặc một phần (ngoại trừ trích dẫn ngắn trong các bài phê bình hoặc giới thiệu), mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của NIKON CORPORATION.